

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2024-2025.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 22/07/2024.
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hóa chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga Số điện thoại: 028 3952 5876
10. Yêu cầu khác:
 - Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B03-059-nhnga) (2).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG KHOA DƯỢC**



Đặng Nguyễn Đoàn Trang



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 3.155/BVĐHYD-KD, ngày 10 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1	Pylori test	- Phát hiện nhanh Helicobacter pylori dùng trong nội soi dạ dày. - Mẫu bệnh phẩm: màng nhầy dạ dày - Độ nhạy: 90-100% - Độ đặc hiệu: 98-100% - Chất liệu: dạng thạch - Thời gian đọc kết quả: 10-60 phút - Màu sắc: Mẫu có sự hiện diện của vi khuẩn Helicobacter pylori môi trường sẽ chuyển màu sau khi ủ	Test	25.450	
2	Hóa chất điện di Haemoglobin	Hóa chất điện di Haemoglobin bằng phương pháp điện di mao quản 8 mao quản Thành phần tối thiểu gồm dung dịch đệm và dung dịch điện di Các bộ phận đi kèm: Cốc đựng mẫu - Dạng chất lỏng, không màu	Test	3.800	X
3	Hóa chất nội kiểm điện di Haemoglobin mức bình thường	Hóa chất nội kiểm (Control) cho xét nghiệm điện di Haemoglobin mức bình thường - Dạng bột - Đóng gói: ≤ 3 mL/ lọ	mL	7	X
4	Hóa chất nội kiểm (Control) cho xét nghiệm điện di Haemoglobin mức cao	Hóa chất nội kiểm (Control) cho xét nghiệm điện di Haemoglobin mức cao Thành phần gồm có: - Dạng bột - Đóng gói: ≤ 3 mL/ lọ	mL	6	X
5	Hóa chất nội kiểm điện di miễn dịch	Hóa chất nội kiểm (Control) cho xét nghiệm điện di miễn dịch. Thành phần gồm IgG Kappa, IgA Lambda, IgM - Dạng bột - Đóng gói: ≤ 3 mL/ lọ	mL	4	X
6	Hóa chất điện di đạm trên hệ thống điện di 8 mao quản	Hóa chất điện di đạm (protein huyết thanh) bằng điện di mao quản tự động. - Các bộ phận đi kèm: Màng lọc, cốc đựng mẫu - Dạng chất lỏng - Đóng gói: ≤ 400 test/ Hộp	Test	7.360	X
7	Điện di nước tiểu trên hệ thống điện di 8 mao quản	Hóa chất điện di nước tiểu. - Dạng chất lỏng - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	300	X



TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
8	Hóa chất nội kiểm điện di đậm mức bình thường	Hóa chất nội kiểm (Control) cho xét nghiệm điện di protein. - Thành phần gồm hỗn hợp huyết thanh người được xử lý bằng phương pháp làm đông khô. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	40	X
9	Hóa chất nội kiểm điện di đậm mức bất thường	Hóa chất nội kiểm mức bất thường cho xét nghiệm điện di protein. Thành phần là hỗn hợp huyết thanh người được xử lý bằng phương pháp làm đông khô. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	40	X
10	Dung dịch đệm rửa máy điện di	Dung dịch đệm rửa máy điện di được sử dụng để tách các loại protein bằng phương pháp điện di tự động - Đóng gói: ≤ 700 mL/ Hộp	mL	10.500	X
11	Dung dịch rửa máy điện di	Dung dịch rửa máy điện di dùng để tách các loại protein bằng phương pháp điện di tự động. - Đóng gói: ≤ 700 mL/ Hộp	mL	10.500	X
12	Hóa chất định danh nhóm vi khuẩn lao	- Hóa chất định danh nhóm vi khuẩn lao (Kit) kháng rifampicin do đột biến trên gen rpoB và kháng isoniazid do đột biến trên gen katG/inhA bằng kỹ thuật PCR và lai phân tử DNA - Thành phần tối thiểu gồm: NaOH, ammonium, dimethyl sulfoxide, 4-nitro blue tetrazolium chloride, 5- bromo-4-chloro-3-indolyl phosphate: - Đóng gói: ≤ 150 test/ Hộp	Test	3.072	X
13	Dung dịch làm sạch máy xét nghiệm miễn dịch tự động hỗ trợ chẩn đoán và tầm soát ung thư gan	Dùng làm sạch máy xét nghiệm miễn dịch tự động hỗ trợ chẩn đoán và tầm soát ung thư gan - Thành phần: Tối thiểu gồm: dung dịch kiềm có độ pH bằng 11 hoặc cao hơn - Đóng gói: ≤ 300 mL/ Hộp	mL	2.160	X
14	Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3)	AFP-L3 là xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang xác định tỷ số giữa AFP-L3% và AFP trong huyết thanh người về mặt định lượng, hỗ trợ chẩn đoán khối u gan ác tính. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kit thử AFP-L3: Kháng thể kháng AFP ở người, Kháng thể kháng AFP ở người được đánh dấu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang, Dung dịch thuốc nhuộm huỳnh quang - Khoảng đo được: AFP-L3: $0,3 \pm 0,02$ ng/mL đến $2000 \pm 0,02$ ng/mL.	Test	3.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp			
15	Chất chuẩn máy cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP- L3 Calibrator)	AFP-L3 Calibrator dùng chạy chuẩn AFP, AFP-L3 về mặt định lượng trong huyết thanh người. - Thành phần tối thiểu gồm có: + AFP-L3 Calibrator 1 + AFP-L3 Calibrator 2 - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	56	X
16	Chất kiểm chuẩn mức cao cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3 Control H)	Dùng để kiểm chuẩn mức cao cho AFP, AFP-L3% - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	48	X
17	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3 Control L)	Dùng để kiểm chuẩn mức thấp cho test AFP, AFP-L3% Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	48	X
18	Hóa chất định lượng chẩn đoán khối u gan ác tính (PIVKA II)	PIVKA II là một xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang Tái lập: CV $\leq 15\%$. Khoảng đo: 5 ± 0.02 đến 100.000 ± 0.9 mAU/mL - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	2.600	X
19	Chất chuẩn máy cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (PIVKA II Calibrator)	Dùng chạy chuẩn PIVKA II về mặt định lượng trong huyết thanh người. - Thành phần gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất chuẩn PIVKA II Calibrator 1 - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	12	X
20	Chất kiểm chuẩn mức cao cho PIVKA II	Dùng kiểm chuẩn mức cao cho PIVKA II về mặt định lượng - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	32	X
21	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho PIVKA II	Dùng kiểm chuẩn mức thấp cho PIVKA II về mặt định lượng - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	32	X
22	Khay thử định lượng AFP-L3, PIVKA II	Vật tư tiêu hao dùng để đo 3 test AFP, AFP-L3 và PIVKA II - Thành phần: tối thiểu gồm Chip Cassette	Khay	5.700	X
23	Hóa chất xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung ThinPrep	Hóa chất xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung ThinPrep. Sử dụng công nghệ màng lọc. - Toàn bộ mẫu bệnh phẩm được xử lý bằng máy hoàn toàn tự động - Có chứng chỉ FDA công nhận. - Thành phần : Tối thiểu gồm các thành phần: + Dung dịch đệm bảo quản có chứa methanol, bảo quản tế bào trong	Kit	12.500	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		vòng 6 tuần + Chối lấy mẫu tế bào cổ tử cung: được làm bằng nhựa PE Đóng gói: ≤ 400 kit/ Hộp			
24	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hemoglobin, human Potassium Cyanic - Dùng để theo dõi độ chính xác và độ đúng của quy trình định lượng HbA1c Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	12	X
25	Kit xét nghiệm sàng lọc và định danh đồng thời 23 loại kháng thể kháng nhân và kháng tế bào chất bằng thanh sắc ký miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm 23 kháng thể kháng nhân. - Thành phần: Tối thiểu xác định được các thành phần: nucleosomes, dsDNA, histones, SS-A, Ro-52, SS-B, nRNP/Sm, Sm, ...bằng thanh sắc ký miễn dịch. - Đóng gói: ≤ 30 test/ Hộp	Test	112	X
26	Hóa chất sàng lọc kháng thể kháng nhân ANA bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp	Hóa chất sàng lọc kháng thể kháng nhân bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, Chứng dương, Chứng âm. Độ nhạy: ≥ 87%, độ đặc hiệu ≥ 87% - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	2.550	X
27	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp bệnh gan tự miễn	Hóa chất xét nghiệm bệnh gan tự miễn bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể gắn huỳnh quang, Chứng dương, Chứng âm, Muối PBS pH ≤ 7,2 - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	1.250	X
28	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (cANCA/ pANCA)	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (pANCA/cANCA) bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	200	X
29	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (cANCA/ pANCA) và phát	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (pANCA/cANCA) và kháng thể kháng MPO/ PR3 bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp - Thành phần gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm	Test	300	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	hiện kháng thể kháng MPO/ PR3	- Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp			
30	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng phospholipase A2 receptor (PLA2R) và Thrombospondin type-1 domain- containing protein 7A (THSD7A) bệnh viêm màng thận nguyên phát	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng phospholipase A2 receptor (PLA2R) và Thrombospondin type-1 domain- containing protein 7A (THSD7A) bệnh viêm màng thận nguyên phát - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300	X
31	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp chẩn đoán bệnh viêm da bong nước tự miễn pemphigus/ pemphigoid	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp chẩn đoán bệnh viêm da bong nước tự miễn pemphigus/ pemphigoid - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300	X
32	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phân biệt kháng thể kháng Desmoglein1 và Desmoglein3 chẩn đoán bệnh viêm da bong nước tự miễn pemphigus	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phân biệt kháng thể kháng Desmoglein1 và Desmoglein3 chẩn đoán bệnh viêm da bong nước tự miễn pemphigus - Thành phần gồm:Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300	X
33	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể tự miễn thần kinh glutamate receptor (type NMDA)	Kit xét nghiệm kháng thể tự miễn thần kinh IgG (glutamate receptor type NMDA) bằng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang gián tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm. Thực hiện trên mẫu bệnh phẩm là serum, plasma, dịch não tủy. Thời gian thực hiện: 60 phút, nhiệt độ phòng - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300	X
34	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- A	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- A - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus	Test	400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp			
35	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- B	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- B - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	200	X
36	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 2 loại HLA- DRB1	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 2 loại HLA- DRB1 - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	200	X
37	Bộ sinh phẩm định danh HLA loại SSO Class II DQA1/DQB1 typing test	Bộ sinh phẩm định danh HLA loại SSO Class II DQA1/DQB1 typing test - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	200	X
38	PE liên hợp Streptavidin	PE liên hợp Streptavidin hoặc tương đương - Thành phần: Tối thiểu gồm: R- Phycoerythrin liên kết Streptavidin - Đóng gói: ≤ 4 mL/ Hộp	mL	2	X
39	Dung dịch bảo dưỡng máy	Dung dịch bảo dưỡng máy, thiết kế để vận chuyển môi trường hoạt động máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 30 lít/ Thùng	Lít	80	X
40	Hóa chất chuẩn hóa hệ thống	Hóa chất chuẩn hóa hệ thống máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	50	X
41	Calibrator cho hệ thống	Calibrator cho hệ thống máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	50	X
42	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	120	X
43	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I và II	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I và II - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	100	X
44	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	300	X
45	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class II	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class II - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	300	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
46	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 1 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 1 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	25	X
47	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 2 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn, phát hiện đồng thời DRB1/ DRB3,4,5/DQB1	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 2 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn, phát hiện đồng thời DRB1/ DRB3,4,5/DQB1 - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	25	X
48	Hóa chất dùng trong xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu	Hóa chất dùng trong xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PE-Conjugated Goat Anti-Human IgG - Đóng gói: ≤ 1500 test/ Hộp	Test	1.000	X
49	Hóa chất xử lý mẫu cho máy xét nghiệm HLA	Hóa chất xử lý mẫu cho máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	50	X
50	Dung dịch PBS/ Citrate (1X) sử dụng sau khi tách chiết	Dung dịch PBS/ Citrate (1X) sử dụng sau khi tách chiết - Thành phần: Tối thiểu gồm PBS/Citrate (1X) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, IVD. Đóng gói: ≤ 2000 mL/ Hộp	mL	500	X
51	Dung dịch kiểm chuẩn (Calibrator) AFP và CEA	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator, gồm 2 mức nồng độ khác nhau - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi hiệu chuẩn các xét nghiệm sau đây: AFP và CEA - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ thấp hoặc cao AFP, CEA trong dung dịch đệm BSA có sodium azide và chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	40	X
52	Cồng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Cồng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Cồng đo phản ứng bằng nhựa dùng 1 lần	Cái	1.182.000	X
53	Hóa chất định lượng Anti-Rubella IgG (bao gồm calib)	- Định lượng bằng phương pháp hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể đơn dòng của chuột kháng IgG của người được đánh dấu bằng acridinium ester + Các hạt thuận từ bọc kháng thể kháng fluorescein hoạt động với kháng nguyên	Test	1.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		vi-rút rubella bất hoạt đã fluorescein hóa; + CAL: Huyết tương người âm tính và dương tính với kháng thể IgG kháng rubella đã được xử lý; các chất bảo quản - Độ nhạy: $\geq 98,6\%$, độ đặc hiệu: $\geq 97,2\%$. LoQ: $\leq 1,26$ IU/mL - Đóng gói: ≤ 150 test/ Hộp			
54	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Rubella IgG CONTROL	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Rubella IgG CONTROL, gồm 3 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro để theo dõi hiệu năng của xét nghiệm Anti- Rubella IgG. - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể rubella IgG; các chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	32,40	X
55	Đầu côn sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Đầu côn sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Đầu côn hút mẫu xét nghiệm bằng nhựa dùng một lần	Cái	1.108.080	X
56	Ống chứa mẫu 1ml sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Ống chứa mẫu 1ml sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Dụng cụ mẫu xét nghiệm. - Chất liệu bằng nhựa	Cái	2.000	X
57	Hóa chất định lượng các thông số huyết học	Hóa chất định lượng các thông số huyết học. - Sử dụng để định lượng các thông số: Bạch cầu WBC, Hồng cầu RBC, Huyết sắc tố HGB, Thể tích khối hồng cầu HCT, Thể tích trung bình hồng cầu MCV, Huyết sắc tố trung bình hồng cầu MCH, Nồng độ huyết sắc tố trung bình hồng cầu MCHC, MCHC đo bằng phương pháp trực tiếp không phá hủy hồng cầu CHCM, MCH đo bằng phương pháp trực tiếp không phá hủy hồng cầu CH, Sự phân bố thể tích hồng cầu RDW, Sự phân bố nồng độ hemoglobin trong hồng cầu HDW, Tiểu cầu PLT, Thể tích trung bình tiểu cầu MPV. - Thành phần tối thiểu gồm : Sodium dodecyl sulfate ; Disodium EDTA dehydrate; Tetrasodium EDTA dehydrate; Sodium chloride ; Glutaraldehyde; Hydrochloric acid - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA/ISO.	Lít	691,25	X
58	Hóa chất định lượng các thông số bạch cầu	Hóa chất định lượng các thông số bạch cầu. - Sử dụng để định lượng tối thiểu các thông số: Bạch cầu trung tính: %NEUT,	Lít	553,27	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		#NEUT, Bạch cầu lympho: %LYMP, #LYMP, Bạch cầu mono: %MONO, #MONO, Bạch cầu ưa axit: %EOS, #EOS, Bạch cầu ưa bazo: %BASO, #BASO - Thành phần tối thiểu gồm: Sodium dodecyl sulfate ; Formaldehyde ; 4- Chloro-1-naphthol; Diethylene glycol			
59	Hóa chất bao phủ dòng chảy của mẫu trong xét nghiệm công thức máu	Hóa chất xét nghiệm công thức máu - Bao phủ dòng chảy của mẫu, đảm bảo chỉ 1 tế bào tại 1 thời điểm có thể đi qua điểm phát hiện. Ngăn ngừa tiếp xúc giữa dòng chảy của mẫu và thành flowcell, ngăn ngừa bị tắc và làm xín màu flowcell. Cung cấp môi trường trong suốt về mặt quang học mà dòng chảy của mẫu có thể được tập trung rõ ràng. - Thành phần tối thiểu gồm : Propylene glycol; Chất hoạt động bề mặt.	Lít	144	X
60	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức cao	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức cao	mL	240	X
61	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thấp	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thấp	mL	240	X
62	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức bình thường	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức bình thường.	mL	240	X
63	Dung dịch sodium hydroxide rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch phụ rửa kim máy miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm sodium hydroxide $\geq 0,4N$ - Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp	mL	1.250	X
64	Dung dịch đệm phosphat rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch phụ rửa kim máy miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm muối đệm phosphat - Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp	mL	200	X
65	Dung dịch natri hypochlorit rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch rửa kim máy miễn dịch - Thành phần tối thiểu gồm Natri hypochlorit ($\leq 0,5\%$); natri hydroxit ($< 0,5\%$) - Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp	mL	450	X
66	Dung dịch tẩy rửa hệ thống máy miễn dịch tự động	Dung dịch tẩy rửa hệ thống máy miễn dịch tự động - Sử dụng để tẩy rửa hệ thống máy - Thành phần: tối thiểu gồm Sodium hypochlorite ($\leq 0,29\%$) - Đóng gói: ≤ 5 lít/ Hộp	Lít	585	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
67	Dung dịch rửa hệ thống máy miễn dịch tự động	- Dung dịch rửa dùng trong phản ứng miễn dịch. Thành phần tối thiểu gồm dung dịch muối đệm phosphat, natri azit - Đóng gói: ≤ 5 lít/ Hộp	Lít	3.876	X
68	Dung dịch huyết thanh dê dùng pha loãng mẫu sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch pha loãng mẫu sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Dung dịch pha loãng mẫu các xét nghiệm: aHAVM, HBsII Conf, AFP, cPSA, fPSA, PSA, Rub M - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh dê; chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	660	X
69	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Được dùng trong chẩn đoán in vitro - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hydrogen peroxide ($\leq 0.5\%$); nitric acid - Đóng gói: ≤ 5 lít/ Hộp	Lít	405	X
70	Dung dịch phản ứng sodium hydroxide sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Được dùng trong chẩn đoán in vitro - Thành phần: Tối thiểu gồm Sodium hydroxide (< 0.25 N) - Đóng gói: ≤ 5 lít/ Hộp	Lít	321	X
71	Hóa chất định lượng tự kháng thể kháng thyroglobulin (Anti TG)	- Đo theo Nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Thyroglobulin ở người được đánh dấu acridinium ester trong chất đệm; albumin huyết thanh (động vật) + Kháng thể kháng Tg đa dòng ở người liên kết với kháng thể kháng nhân đa dòng (động vật) được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm; albumin huyết thanh (động vật) - Khoảng tuyến tính: 2 ± 0.02 đến 1000 ± 0.02 U/mL - Đóng gói: ≤ 150 test/ Hộp	Test	1.900	X
72	Hóa chất kiểm chuẩn control Anti- TG	Hóa chất kiểm chuẩn control Anti-TG - Thành phần gồm kháng thể kháng Tg với 2 nồng độ khác nhau, - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24	X
73	Hóa chất kiểm chuẩn Calib xét nghiệm anti-TG	Hóa chất kiểm chuẩn Calib xét nghiệm anti-TG, gồm 2 mức nồng độ khác nhau - Thành phần gồm nồng độ anti-Tg thấp hoặc cao; - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	4	X
74	Hóa chất định		Test	16.060	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	lượng Triiodothyronine tự do (FT3)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng T3 đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Chất tương tự T3 được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: Từ $0,20 \pm 0.02$ đến $20,00 \pm 0.05$ pg/mL - Độ đặc hiệu: Mức độ phản ứng chéo với các chất Thyroxine, Diiodothyronine, Diiodotyrosine, Monoiodotyrosine, Reverse T3 là $< 1\%$ - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp			
75	Hóa chất định lượng Thyroxine tự do (FT4)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + T4 được đánh dấu acridinium ester trong chất đệm natri barbital; + Kháng thể thô kháng T4 đa dòng được biotin hóa được liên kết với avidin, - Khoảng tuyến tính: $0,1 \pm 0.02$ đến $12,0 \pm 0.02$ ng/dL - Độ đặc hiệu: Chỉ phản ứng chéo với các chất khi L-Triiodothyronine ≥ 1 mg/dL, Diiodotyrosine ≥ 100 mg/dL, Monoiodotyrosine ≥ 100 mg/dL, 3,5-Diiodo-L-Thyronine ≥ 10 mg/dL, Reverse Triiodothyronine (rT3) $\geq 1,50$ mg/dL - Đóng gói: < 300 test/ Hộp	Test	97.250	X
76	Hóa chất định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Albumin huyết thanh bò (BSA) kết hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng ở chuột được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm + Kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm; chất ổn định; chất hoạt động bề mặt; các chất bảo quản. + TSH- CAL: dạng đông khô, sau khi hoàn nguyên, nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH) cao và thấp; - Khoảng tuyến tính: từ $0,008 \pm 0.02$ đến $150,000 \pm 0.02$ μIU/mL (mIU/L)	Test	147.510	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Độ đặc hiệu: Không phản ứng chéo với hCG $\leq 200,000$ μ IU/mL, FSH ≤ 1500 μ IU/mL, và LH ≤ 600 μ IU/mL - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp			
77	Hóa chất kiểm chuẩn (Calibrator) FT3, T3, T4, TUp và FT4.	Hóa chất kiểm chuẩn Calibrator, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn các xét nghiệm sau đây: FT3, T3, T4, TUp và FT4. - Thành phần: triiodothyronine tự do (FT3), triiodothyronine (T3), thyroxine tự do (FT4), thyroxine (T4), protein liên kết tuyến giáp không bão hòa và theophylline ở nồng độ thấp hoặc cao ; huyết tương người; chất bảo quản; chất ổn định protein. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	80	X
78	Hóa chất định lượng hormone tuyến cận giáp (iPTH)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần : Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể PTH kháng nhân đơn dòng ở chuột được đánh dấu bằng acridinium ester trong dung dịch muối đệm; + Kháng thể PTH kháng nhân đơn dòng ở chuột được biotin hóa liên kết với phân tử thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch muối đệm + PTH CAL dạng đông khô, sau khi hoàn nguyên, các mức thấp hoặc cao của peptit tổng hợp PTH nguyên vẹn - Khoảng tuyến tính: từ $4,6 \pm 0.02$ đến $2000,0 \pm 0.02$ pg/mL. - Độ đặc hiệu: Không phản ứng chéo với β -Cross Laps, Calcitonin, Osteocalcin - Đóng gói: ≤ 300 test/ Hộp	Test	5.320	X
79	Hóa chất kiểm chuẩn iPTH (QC)	Hóa chất kiểm chuẩn iPTH QC , gồm 3 mức nồng độ, dạng đông khô - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm PTH . - Thành phần: sau khi hòa tan, gồm peptide tổng hợp PTH nguyên vẹn ở các nồng độ khác nhau; dung dịch muối đệm; huyết tương EDTA người; chất ức chế serine protease; chất hoạt động bề mặt; chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	42	X
80	Hóa chất định lượng Cortisol	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	Test	15.250	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Cortisol được đánh dấu acridinium ester trong dung dịch muối đệm; + Kháng thể kháng cortisol ở thỏ được liên kết với kháng thể kháng IgG thỏ đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các phân tử thuận từ trong dung dịch muối - Khoảng tuyến tính: từ $0,50 \pm 0,02$ đến $75,00 \pm 0,02$ $\mu\text{g/dL}$ - Độ đặc hiệu: Mức độ phản ứng chéo với Aldosterone là $\leq 0,5\%$, với 11β-Hydroxyprogesterone là $\leq 2\%$, với Allotetrahydrocortisol 100 $\mu\text{g/dL}$ là $\leq 15\%$, với 17α-Hydroxyprogesterone là $\leq 2\%$, với Androstenedione là $\leq 0,3\%$, với 17α-Hydroxypregnenolone là $\leq 0,3\%$, với Corticosterone là $\leq 6\%$, với 11-Keto-androsterone là $\leq 0,1\%$, với Cortisone 100 $\mu\text{g/dL}$ là $\leq 35\%$, - Đóng gói: ≤ 300 test/ Hộp			
81	Hóa chất kiểm chuẩn (Calibrator) cortisol, progesterone và testosterone	Hóa chất kiểm chuẩn Calibrator, gồm 2 mức nồng độ - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên tối thiểu bao gồm cortisol, progesterone và testosterone ở nồng độ thấp hoặc cao; huyết tương người - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	40	X
82	Hóa chất định lượng Anti-Rubella IgM (bao gồm calib)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: + Kháng nguyên vi-rút rubella đã bất hoạt, được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; + Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng IgM người được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm; + Lộ chất hiệu chuẩn Rub M CAL: Huyết tương người được xử lý dương tính với kháng thể rubella IgM; - Khoảng tuyến tính: $0,00$ đến $15,00 \pm 0,02$ Index - Độ nhạy: $\geq 91,0\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,1\%$. - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	1.650	X
83	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Rubella IgM CONTROL	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Rubella IgM CONTROL, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm Rub	mL	43,20	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		M. - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể rubella IgM; chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp			
84	Hóa chất xét nghiệm HIV Ag/Ab	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng nguyên HIV tái tổ hợp và kháng thể kháng HIV đơn dòng ở chuột được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; IgG chuột; + Các vi hạt thuận từ phủ streptavidin được hình thành trước bằng kháng nguyên HIV được gắn biotin và kháng thể kháng HIV đơn dòng ở chuột được gắn biotin trong chất đệm; + Lọ chất hiệu chuẩn CHIV CAL nồng độ thấp: Huyết thanh dê đã khử hoạt tính nhiệt; + Lọ chất hiệu chuẩn CHIV CAL nồng độ cao: Huyết tương người đã xử lý âm tính với kháng thể kháng HIV và được pha với các kháng thể kháng HIV - Khoảng tuyến tính: từ 0,05 ±0.02 đến 12,00 ±0.02 Index - Độ nhạy: 100,0%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,74%. - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	17.100	X
85	Hóa chất kiểm chuẩn HIV QC	Hóa chất kiểm chuẩn HIV QC, gồm 4 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm CHIV. - Thành phần gồm: Huyết tương người đã xử lý không phản ứng với HIV, phản ứng với HIV-1, phản ứng với HIV-2 và phản ứng với kháng nguyên p24 HIV Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	220	X
86	Hóa chất định lượng kháng thể kháng Treponema pallidum (Syphilis TP)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: + Pha rắn gồm các vi hạt thuận từ phủ streptavidin được tạo sẵn bằng kháng nguyên tái tổ hợp có gắn biotin và kháng nguyên khác tái tổ hợp có gắn biotin trong chất đệm; chất hoạt tính bề mặt; gamma globulin bò; huyết thanh dê; chất bảo quản + Hộp Thuốc thử phụ: gồm Kháng	Test	11.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nguyên tái tổ hợp được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; chất hoạt tính bề mặt; huyết thanh dê; chất bảo quản + Lô chất hiệu chuẩn Syph CAL: gồm Huyết tương người dương tính với kháng thể Treponema pallidum; - Khoảng tuyến tính: $0,10 \pm 0.02$ đến $45,00 \pm 0.02$ Index - Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,7\%$. LoD: NA. LoQ: NA Đóng gói: ≤ 250 test/ Hộp			
87	Chất chuẩn Syphilis QC	Chất chuẩn Syphilis QC, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm Syph. - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể Treponema pallidum; chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	196	X
88	Hóa chất định lượng HAV (IgM)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: + Thuốc thử: gồm phân đoạn kháng thể kháng HAV đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; chất hoạt động bề mặt; natri azit; chất bảo quản + Pha rắn gồm các vi hạt thuận từ phủ streptavidin trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; chất hoạt động bề mặt; natri azit; chất bảo quản + Thuốc thử phụ trong giếng gồm virus viêm gan A bất hoạt đã tinh sạch ở người trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; chất hoạt động bề mặt; natri azit; chất bảo quản. + Gói thuốc thử phụ aHAVM gồm kháng thể kháng IgM người đơn dòng ở chuột được gắn biotin trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; IgG chuột; chất hoạt tính bề mặt; natri azit; chất bảo quản + aHAVM CAL gồm huyết tương người đã xử lý dương tính với các kháng thể IgM kháng HAV; chất bảo quản - Khoảng tuyến tính: từ $0,02 \pm 0.02$ đến $7,00 \pm 0.02$ S/CO. Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$ Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	2.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
89	Hóa chất kiểm chuẩn HAV IgM QC	Hóa chất kiểm chuẩn HAV IgM QC, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm aHAVM. - Thành phần: huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể IgM kháng HAV; chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	56	X
90	Hóa chất định lượng kháng vi-rút viêm gan A (kháng HAV toàn phần)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp '- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng thể kháng HAV đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium + Streptavidin được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm photphat + CAL: gồm huyết tương người đã xử lý dương tính với kháng thể kháng HAV - Khoảng tuyến tính: từ 0,00 đến 100,00±0.02 mIU/mL. Độ nhạy: ≥99,0% - Độ đặc hiệu: ≥ 99,8%. - Đóng gói: ≤ 200 test/hộp	Test	1.800	X
91	Hóa chất kiểm chuẩn HAV toàn phần QC	Hóa chất kiểm chuẩn HAV toàn phần QC, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm aHAVT. - Thành phần: huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HAV; natri azit. - Đóng gói: ≤ 40 mL/hộp	mL	112	X
92	Hóa chất định lượng Anti-HBe	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp '- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng thể kháng HBe đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium + Kháng thể kháng HBe đơn dòng ở chuột được gắn biotin kết hợp với các vi hạt thuận từ phủ streptavidin + aHBe chất chuẩn gồm huyết tương người đã xử lý dương tính với kháng thể kháng kháng nguyên HBe; - Độ nhạy: ≥ 99%. Độ đặc hiệu: ≥ 99% - Đóng gói: ≤ 100 test/hộp	Test	1.750	X
93	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Hbe QC	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Hbe QC - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm aHBe. - Thành phần gồm huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng	mL	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thể kháng kháng nguyên HBe; natri azit; chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 60 mL/hộp			
94	Hóa chất định lượng HBc toàn phần	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng nguyên lõi viêm gan B tái tổ hợp được đánh dấu acridinium ester + Các vi hạt thuận từ phủ streptavidin được tạo sẵn bằng HBcAg tái tổ hợp được gắn biotin trong chất đệm + HBcT CAL huyết tương người đã xử lý dương tính với kháng thể HBc; albumin huyết thanh bò; các chất bảo quản. - Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$.	Test	28.200	X
95	Hóa chất kiểm chuẩn HBc toàn phần QC	Hóa chất kiểm chuẩn HBc toàn phần QC - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm Hbc toàn phần. - Thành phần: huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng nguyên lõi viêm gan B; natri azit; chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 40 mL/hộp	mL	168	X
96	Hóa chất định lượng AHBs	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng nguyên bề mặt viêm gan B của người đã bất hoạt được đánh dấu bằng acridinium ester trong dung dịch đệm + Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tái tổ hợp được liên kết cộng hóa trị với các hạt từ latex trong dung dịch đệm protein + CAL: Huyết tương người đã xử lý dương tính với các kháng thể kháng HbsAg - Khoảng tuyến tính: từ $3,1 \pm 0.02$ đến $1000,0 \pm 0.02$ mIU/mL. Độ nhạy : $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. LoD: $\leq 2,9$ mIU/mL. - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	159.800	X
97	Chất chuẩn Anti HBS QC	Chất chuẩn Anti HBS QC - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong việc theo dõi hiệu năng của xét nghiệm aHBs2. - Thành phần: huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với các kháng	mL	280	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thể kháng HBsAg; chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 60 mL/hộp			
98	Hóa chất định lượng kháng thể immunoglobulin G (IgG) kháng vi-rút viêm gan C (AHCV (IgG)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể đơn dòng kháng IgG của động vật được đánh dấu bằng acridinium ester + Các vi hạt thuận từ được bọc bằng streptavidin + CAL gồm huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HCV - Khoảng tuyến tính: Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%	Test	168.800	X
99	Chất chuẩn AHCV QC kit	Chất chuẩn AHCV QC, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm aHCV - Thành phần: huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HCV; natri azit; chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 40 mL/hộp	mL	168	X
100	Hóa chất định lượng kháng nguyên e của vi-rút viêm gan B (HBeAg)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng HBe đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium-ester + Các vi hạt thuận từ phủ Streptavidin + CAL - Khoảng tuyến tính: 0,05±0.02 đến 1000,00±0.02 Index. Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,8% - Đóng gói: ≤ 100 test/hộp	Test	7.100	X
101	Hóa chất kiểm chuẩn HBeAg (control âm và dương)	- Thành phần : + Chất kiểm chuẩn HBeAg âm tính: huyết tương người đã xử lý âm tính với HBeAg; + Chất kiểm chuẩn HBeAg dương tính: rHBeAg; albumin huyết thanh bò; chất đệm; - Đóng gói: ≤ 60 mL/hộp	mL	160	X
102	Hóa chất định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg II Reagent)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể kháng HBsAg đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Các hạt latex từ tính phủ Streptavidin	Test	190.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		trong chất đậm; + CAL: CAL L: chất đậm; natri azit CAL H: HBsAg đã lọc sạch ở người; chất đậm; natri azit - Khoảng tuyến tính: từ $0,1 \pm 0.02$ đến $1000,0 \pm 0.02$ Index. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$			
103	Chất chuẩn HBsAg QC	Chất chuẩn HBsAg QC, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện các xét nghiệm HBsAg - Thành phần: huyết tương người âm tính và dương tính với HBsAg; - Đóng gói: ≤ 60 mL/hộp	mL	280	X
104	Hóa chất định lượng IgE toàn phần	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể IgE kháng nhân ở dê được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể IgE kháng nhân ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đậm - Khoảng tuyến tính: $1,5 \pm 0.02$ đến $3000,0 \pm 0.02$ IU/mL - Độ đặc hiệu: Mức độ phản ứng chéo thấp với IgG ≤ 15 mg/mL, IgA ≤ 4 mg/mL, IgM ≤ 6 mg/mL - LoD: $\leq 1,4$ IU/mL. - Đóng gói: ≤ 100 test/hộp	Test	7.800	X
105	Hóa chất kiểm chuẩn CAL Total IgE	Hóa chất kiểm chuẩn CAL Total IgE, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm tIgE - Thành phần: sau khi hoàn nguyên, gồm IgE ở người với nồng độ cao hoặc thấp; - Đóng gói: ≤ 10 mL/hộp	mL	24	X
106	Hóa chất định lượng Homocystein	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng SAH đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Các hạt thuận từ liên kết cộng hóa trị SAH trong đệm phosphate; - Khoảng tuyến tính: $0,50 \pm 0.02$ đến $65,00 \pm 0.02$ $\mu\text{mol/L}$ - Độ đặc hiệu: phản ứng chéo với Adenosine $\leq 900 \mu\text{mol/L}$, S-adenosyl-L-methionine $\leq 80 \mu\text{mol/L}$, L-	Test	4.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Cystathionine $\leq 500\mu\text{mol/L}$, L-Cysteine $\leq 8000\mu\text{mol/L}$, L-methionine $\leq 800\mu\text{mol/L}$, Glutathione $\leq 500\mu\text{mol/L}$, NAD $\leq 1000\mu\text{mol/L}$, Homocysteine Thiollactone $\leq 50\mu\text{mol/L}$ - LoD: $\leq 0,67 \mu\text{mol/L}$. - Đóng gói: $\leq 200 \text{ test/hộp}$			
107	Hóa chất kiểm chuẩn Cal Homocysteine	- Thành phần: S-adenosylhomocysteine, gồm 2 mức nồng độ, nồng độ thấp hoặc cao; - Đóng gói: $\leq 10 \text{ mL/hộp}$	mL	32	X
108	Hóa chất định lượng CA 19-9	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng thể kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các vi hạt thuận từ trong chất đệm + CAL: dạng đông khô, sau khi hoàn nguyên, nồng độ CA 19-9 cao hoặc thấp - Khoảng tuyến tính: $1,20 \pm 0,02$ đến $700,00 \pm 0,02 \text{ U/mL}$. - LoD: $\leq 3,99 \text{ U/mL}$. - Đóng gói: $\leq 300 \text{ test/ Hộp}$	Test	16.750	X
109	Hóa chất định lượng CEA Reagent	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng CEA đa dòng ở thỏ được gắn acridinium ester + Kháng thể kháng CEA đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: $0,50 \pm 0,02$ đến $100,00 \pm 0,02 \text{ ng/mL } (\mu\text{g/L})$ - Độ nhạy: $\leq 0,26 \text{ ng/mL}$ - LoD: $\leq 0,88 \text{ ng/mL}$. - Đóng gói: $\leq 200 \text{ test/ Hộp}$	Test	40.800	X
110	Hóa chất định lượng alpha- fetoprotein (AFP)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể thỏ đa dòng kháng AFP được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể chuột đơn dòng kháng AFP liên kết cộng hóa trị với các hạt phân từ thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ $1,3 \pm 0,02$ đến	Test	70.900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		1000,0±0.02 ng/mL. Độ nhạy: ≤1,3 ng/mL - Độ đặc hiệu: Không phản ứng chéo với α1-glycoprotein, α1-antitrypsin, α-globulin, ceruloplasmin, hCG kích thích tổ màng đệm, gamma-globulin, transferrin, luteotropic hormone, fetal hemoglobin, và pregnancy-associated glycoprotein - LoD: ≤1,8 ng/mL. LoQ: ≤4,5 ng/mL. - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp			
111	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator AFP và CEA	- Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator AFP và CEA, gồm 2 mức nồng độ - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên, bao gồm alphafetoprotein và kháng nguyên carcinoembryonic ở nồng độ thấp hoặc cao - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	32	X
112	Hóa chất Định lượng CA 125	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng CA 125 đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được liên kết với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ 2,0±0.02 đến 600,0±0.02 U/mL. Độ nhạy: ≤1,2 U/mL - LoD: ≤4,0 U/mL. - Đóng gói: ≤ 600 test/ Hộp	Test	15.000	X
113	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator CA 125	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator CA 125, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125. - Thành phần: nồng độ CA 125 thấp hoặc cao - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	32	X
114	Hóa chất định lượng CA 15-3 theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng thể đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể bất cặp đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ 0,5±0.02 đến 200,0±0.02 U/mL. - Không phản ứng chéo - LoD: ≤ 1,9 U/mL.	Test	14.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 300 test/ Hộp			
115	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator CA 15-3	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator CA 15-3 - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3. - Thành phần: sau khi hoàn nguyên, bao gồm nồng độ CA 15-3 thấp hoặc cao - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	40	X
116	Hóa chất định lượng PSA theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng PSA đa dòng ở dê được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ 0,01±0.02 đến 100,00±0.02 ng/mL (µg/L) - Độ nhạy: ≤ 0,01 ng/mL (µg/L). Độ đặc hiệu: Không phản ứng chéo - LoQ: ≤ 0,02 ng/mL. - Đóng gói: ≤ 600 test/ Hộp	Test	29.500	X
117	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator PSA	- Thành phần: PSA, gồm 2 mức nồng độ, với nồng độ thấp hoặc cao; - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	40	X
118	Hóa chất định lượng PSA tự do theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể chuột đơn dòng kháng PSA được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể chuột đơn dòng kháng fPSA được liên kết với các hạt phân tử thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ 0,01 ±0.02 đến 25,00±0.02 ng/mL (µg/L). Độ nhạy: ≥ 86,0% - LoQ: ≤ 0,01 ng/mL - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	7.350	X
119	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator PSA tự do	- Thành phần: sau khi hòa nguyên, bao gồm 2 mức nồng độ, nồng độ thấp hoặc cao của fPSA - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	16	X
120	Hóa chất định lượng Ferritin theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng ferritin đa dòng ở dê được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể kháng ferritin đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ 0,5±0.02 đến	Test	17.730	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		1650,0 ±0.02 ng/mL. - LoQ :≤ 5 ng/mL - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp			
121	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator VitB12 và Ferritin	- Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator VitB12 và Ferritin, gồm 2 mức nồng độ - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên, bao gồm vitamin B12 và ferritin ở nồng độ thấp hoặc cao; - Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	40	X
122	Hóa chất định lượng NT-Pro BNP theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng NT-Pro BNP kháng nhân đơn dòng ở cừu được gắn nhãn acridinium ester + Các hạt thuận từ streptavidin trong chất đệm + PBNP CAL dạng đông khô, sau khi hoàn nguyên, nồng độ kháng nguyên NT-proBNP thấp hoặc cao trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; chất bảo quản. - Khoảng tuyến tính: 35±0.02 đến 35,000±0.02 pg/mL - LoD: ≤ 20 pg/mL. LoQ: ≤ 20 pg/mL. - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	7.800	X
123	Hóa chất tạo độ ẩm sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Hóa chất tạo độ ẩm sử dụng trên máy miễn dịch tự động (gói tạo độ ẩm) - Tạo độ ẩm khoang chứa thuốc thử	Gói	20	X
124	Hóa chất định lượng PCT theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng thể kháng PCT đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được phủ các hạt thuận từ trong chất đệm + PCT CAL đông khô, PCT tái tổ hợp; - Khoảng tuyến tính: 0,05±0.02 đến 50,00±0.02 ng/mL. LoD: ≤ 0,02	Test	11.300	X
125	Hóa chất kiểm chuẩn PCT QC	Hóa chất kiểm chuẩn PCT QC, gồm 2 mức nồng độ - Sử dụng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm PCT. - Thành phần: sau khi hoàn nguyên, gồm các nồng độ PCT khác nhau; huyết tương người đã xử lý - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	16	X
126	Hóa chất tái khởi	Hóa chất tái khởi động quá trình đông	Test	1.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	động quá trình đông máu	máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chứa CaCl ₂ , sodium azide - NaN ₃			
127	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường nội sinh	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường nội sinh - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thromboplastin phospholipid, ellagic acid	Test	1.200	X
128	Hóa chất ức chế hệ tiêu sợi huyết	Hóa chất ức chế hệ tiêu sợi huyết - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: tranexamic acid, CaCl ₂	Test	150	X
129	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường ngoại sinh	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường ngoại sinh - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: yếu tố tái tổ hợp mô Tissue factor và phospholipid, chất ức chế heparin	Test	2.300	X
130	Hóa chất ức chế tiểu cầu	Hóa chất ức chế tiểu cầu -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chứa cytochalasin D / DMSO và CaCl ₂	Test	950	X
131	Hóa chất ức chế heparin	Hóa chất ức chế heparin - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Lọ đông khô: chứa heparinase I chiết xuất từ vi khuẩn flavobacteria. + Lọ pha loãng: có chứa dung môi calcium và sodium azide NaN ₃ .	Test	420	X
132	Chén đựng mẫu sạch và que khuấy cho xét nghiệm Rotem	Chén đựng mẫu máu xét nghiệm và que khuấy - Thành phần: nhựa y tế, bề mặt được xử lý đặc biệt hỗ trợ sự kết dính của các tập hợp tiểu cầu và fibrin. Đường kính cup: $\geq 8\text{mm}$, đường kính pin: $\geq 6\text{mm}$	Cái	2.400	X
133	Đầu côn 320 μl sử dụng trên máy cho xét nghiệm Rotem	Đầu côn hút máu và hóa chất - Đầu côn được thiết kế tương thích pipette tự động trên máy, không chứa DNase, RNase, endotoxin. - Thẻ tích hút mẫu máu và hóa chất $\geq 320\mu\text{l}$	Cái	9.600	X
134	Bộ kit chuẩn máy mức bình thường cho xét nghiệm Rotem	Bộ kit chuẩn máy mức bình thường - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Lọ đông khô - điều chế từ plasma người chống đông bằng sodium citrate. Lọ pha loãng: bao gồm chất ổn định, chất đệm.	Test	280	X
135	Bộ kit chuẩn máy mức bất thường cho xét nghiệm Rotem	Bộ kit chuẩn máy mức bất thường - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Lọ đông khô: điều chế từ plasma người chống đông bằng sodium citrate. Lọ pha loãng: bao gồm chất ổn định, chất đệm.	Test	180	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
136	Xét nghiệm Panel 1 Viết miễn dịch định lượng dị ứng trên mẫu huyết thanh/ huyết tương với 20 dị nguyên cây sắn trên màng.	Xét nghiệm Panel 1 Viet Xét nghiệm miễn dịch enzyme trên màng miễn dịch nitrocellulose để phát hiện định lượng các kháng thể IgE đặc hiệu với chất gây dị ứng trong huyết thanh và huyết tương (citrate). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Membrane; Wash 25X; Antibody	Test	3.510	X
137	Xét nghiệm Panel 4 miễn dịch định lượng dị ứng trên mẫu huyết thanh/ huyết tương với 20 dị nguyên cây sắn trên màng.	Xét nghiệm Panel 4 Xét nghiệm miễn dịch enzyme trên màng miễn dịch nitrocellulose để phát hiện định lượng các kháng thể IgE đặc hiệu với chất gây dị ứng trong huyết thanh và huyết tương - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Membrane; Wash 25x; Antibody	Test	1.210	X
138	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Calibrator	Chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB	mL	2	X
139	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức thấp	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB	mL	18	X
140	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức cao	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB	mL	14	X
141	Hóa chất kiểm chuẩn Calibrator điện giải nước tiểu	Chất chuẩn nước tiểu mức thấp và cao - Thành phần: mức thấp Na ⁺ (Thấp) 55±5 mmol/L, (Cao) 220±20 mmol/L; K ⁺ (Thấp) 11±1 mmol/L, (Cao) 110±10 mmol/L; Cl ⁻ (Thấp) 55±5 mmol/L, (Cao) 198±18 mmol/L; Chất bảo quản - Chất chuẩn gồm 2 mức	mL	400	X
142	Hóa chất định lượng Prealbumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Prealbumin; dải đo: từ ≤ 0,03 đến ≥ 0,8 g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch các polymers trong phosphate buffered saline; Kháng thể	mL	430	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thỏ kháng prealbumin người - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0022$ g/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 7 test			
143	Dung dịch rửa chứa hypochlorite sử dụng cho hệ thống sinh hóa tự động	Dung dịch rửa 1 sử dụng cho hệ thống sinh hóa tự động - Thành phần: Tối thiểu gồm thành phần hypochlorite - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp	mL	1.800	X
144	Dung dịch rửa chứa Sodium Hydroxide sử dụng cho hệ thống sinh hóa	Dung dịch rửa 2 sử dụng cho hệ thống sinh hóa - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium Hydroxide; Genapol X080 ; Sulfonic acids; muối natri - Đóng gói: ≤ 10 lít/ thùng	Lít	4.245	X
145	Hóa chất định lượng Calcium arsenazo	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calci; dải đo: từ ≤ 1 đến ≥ 5 mmol/L; phương pháp: Arsenazo 3, bước sóng 660/700 nM . - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Imidazole, Arsenazo III, Triton X-100 - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,033$ mmol/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 58 test	mL	12.296	X
146	Hóa chất định lượng Triglyceride trên máy tự động	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride; dải đo: từ $\leq 0,1$ đến $\geq 11,3$ mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Mg2+; MADB; 4-Aminoantipyrine; ATP; Lipases; Glycerol kinase ; Peroxidase; Ascorbate oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 0,011$ mmol/L - Hóa chất đậm đặc: 1mL sử dụng cho ≥ 12 test	mL	45.500	X
147	Cơ chất phát quang dùng cho hệ thống miễn dịch	Cơ chất phát quang Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Lumi-Phos 530 (dung dịch đậm chứa chất dioxetan Lumigen PPD), chất huỳnh quang Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp	mL	115.960	X
148	Hóa chất định lượng kháng thể TPO	Hóa chất định lượng TPO Antibody. Đánh giá chức năng tuyến giáp Công dụng: Hóa chất định lượng TPOAb	Test	1.100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Dải phân tích: $0.25 \pm 0,01 - 1000 \pm 0,01$ IU/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ phủ streptavidin và liên kết với TPO tái tổ hợp (người) gắn biotin, + Chất cộng hợp: phosphatase kiềm-Protein A (tái tổ hợp), dung dịch đệm protein (bò). Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0.25 IU/mL			
149	Hóa chất định lượng hLH	Hóa chất định lượng hLH Dải phân tích: từ $0,2 \pm 0,01$ đến $250 \pm 0,01$ mIU/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ phức hợp: kháng thể (dê) kháng IgG chuột - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng hLH + Chất cộng hợp: kháng thể (dê) kháng hLH Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,2$ mIU/mL	Test	2.800	X
150	Dung dịch kiểm chuẩn hLH Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng hLH, gồm ≥ 6 mức nồng độ Thích ứng với hóa chất xét nghiệm định lượng hLH Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp	mL	144	X
151	Hóa chất định lượng DHEA-S	Hóa chất định lượng DHEA-S Dải phân tích: Từ $2 \pm 0,01$ đến $1000 \pm 0,01$ μ g/dL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ phức hợp: kháng thể kháng IgG - kháng thể kháng DHEA-S, + Chất cộng hợp: DHEA-S - phosphatase kiềm Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: ≤ 2 μ g/dL	Test	400	X
152	Dung dịch kiểm chuẩn DHEA-S Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng DHEA-S, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	24	X
153	Hóa chất định lượng Estradiol	Hóa chất định lượng Estradiol Dải phân tích: từ $15 \pm 0,01$ đến $5.200 \pm 0,1$ pg/mL Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ được phủ streptavidin, + Chất cộng hợp phosphatase kiềm kháng estradiol đơn	Test	1.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dòng ở cừu Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: ≤ 19.0 pg/mL (69.7 pmol/L) LoD: ≤ 15.0 pg/mL (55.1 pmol/L)			
154	Dung dịch kiểm chuẩn Estradiol Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm Estradiol, gồm ≥ 4 mức nồng độ	mL	80	X
155	Hóa chất định lượng Unconjugated Estriol	Hóa chất định lượng UE3 Dải phân tích: từ 0 đến $6,9 \pm 0,01$ ng/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng IgG thô, + Kháng thể (thỏ) kháng estriol, + Chất cộng hợp estriol - phosphatase kiềm, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,017$ ng/mL	Test	400	X
156	Hóa chất định lượng hFSH	Hóa chất định lượng hFSH Dải phân tích: từ $0,2 \pm 0,01$ đến $200 \pm 0,01$ mIU/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ phức hợp: kháng thể dê kháng IgG chuột – kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng hFSH, + Kháng thể kháng hFSH cộng hợp phosphatase kiềm Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,2$ mIU/mL	Test	1.100	X
157	Dung dịch kiểm chuẩn hFSH Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng hFSH, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	48	X
158	Hóa chất định lượng Progesterone	Hóa chất định lượng progesterone Dải phân tích: Từ $0,1 \pm 0,01$ đến $40 \pm 0,01$ ng/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Progesterone cộng hợp với phosphatase kiềm (bò), các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng IgG. + Kháng huyết thanh kháng progesterone, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,1$ ng/mL	Test	1.600	X
159	Dung dịch kiểm chuẩn Progesterone Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng progesterone, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	33	X
160	Hóa chất định lượng Cortisol đánh giá chức năng tuyến thượng thận	- Hóa chất định lượng cortisol - Dải phân tích: từ $0,4 \pm 0,01$ đến $60 \pm 0,01$ μ g/dL; - Thành phần tối thiểu gồm có: + Chất cộng hợp cortisol-phosphatase	Test	35.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		kiểm và các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng IgG thô, + Kháng huyết thanh kháng cortisol - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp - LoQ: $\leq 0,4$ $\mu\text{g/dL}$ - Độ nhạy: trên 95%			
161	Dung dịch kiểm chuẩn Cortisol Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cortisol, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	148	X
162	Hóa chất định lượng PSA Free	Hóa chất định lượng PSA Free Dài phân tích: Từ $0,005 \pm 0,001$ đến $20 \pm 0,01$ ng/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể (lừa) kháng dê, kháng thể (dê) kháng biotin và kháng thể kháng PSA + Kháng thể kháng PSA tự do cộng hợp với phosphatase kiềm (bò), Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	2.300	X
163	Dung dịch kiểm chuẩn PSA Free calibrator	PSA Free calibrator, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	70	X
164	Hóa chất định lượng CA 19-9 theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CA 19-9 Dài phân tích: Từ $0,8 \pm 0,01$ đến $2000 \pm 0,01$ U/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ phủ kháng thể kháng biotin, + Kháng thể kháng CA 19-9 cộng hợp với phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò + Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng CA 19-9 cộng hợp với biotin Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,8$ U/mL	Test	15.700	X
165	Dung dịch kiểm chuẩn CA 19-9 calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 19-9, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	60	X
166	Dung dịch kiểm chuẩn Prolactin Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng prolactin, gồm ≥ 6 mức nồng độ khác nhau Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	33	X
167	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch tự động	Giếng phản ứng Giếng phản ứng dùng cho dòng máy miễn dịch tự động công suất trên 400 test/giờ Quy cách: túi ≥ 1000 cái Chất liệu nhựa	Cái	894.000	X
168	Hóa chất định	Hóa chất định lượng AFP	Test	5.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	lượng Alpha FP	Dải phân tích: Từ $0,5 \pm 0,01$ đến $3000 \pm 0,01$ ng/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP, + Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP gắn phosphatase kiềm, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,5$ ng/mL			
169	Dung dịch kiểm chuẩn Alpha FP calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP, gồm ≥ 7 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	70	X
170	Hóa chất định lượng Total β hCG	Total β hCG Hóa chất định lượng β hCG toàn phần Dải phân tích: Từ $0,6 \pm 0,01$ đến $1350 \pm 0,01$ mIU/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ phức hợp: kháng thể kháng IgG chuột, + Kháng thể kháng β hCG cộng hợp với phosphatase kiềm (tái tổ hợp). Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoD: ≤ 0.5 mIU/mL LoQ: ≤ 0.6 mIU/mL	Test	2.100	X
171	Dung dịch kiểm chuẩn Total β hCG Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần, gồm ít nhất 6 nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	96	X
172	Hóa chất định lượng CA 125 theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CA 125 Dải phân tích: từ $0,5 \pm 0,01$ đến $5000 \pm 0,01$ U/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin, kháng thể kháng CA 125, + Chất cộng hợp: phosphatase kiềm – kháng thể kháng CA 125, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,5$ U/mL	Test	9.400	X
173	Dung dịch kiểm chuẩn CA 125 calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 125, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	90	X
174	Hóa chất định lượng CA 15-3 theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CA 15-3 Dải phân tích: từ $0,5 \pm 0,01$ đến $1000 \pm 0,01$ U/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, gắn biotin) đặc hiệu với kháng nguyên CA 15-3, + Kháng thể (đơn dòng) đặc hiệu với kháng nguyên CA 15-3 cộng hợp	Test	12.300	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		với phosphatase kiềm Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,5$ U/mL			
175	Dung dịch kiểm chuẩn CA 15-3 calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 15-3, gồm ít nhất 6 nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	36	X
176	Dung dịch kiểm chuẩn Unconjugate Estriol Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng estriol tự do, gồm ít nhất 7 nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	38	X
177	Hóa chất định lượng Hybritech PSA	Hóa chất định lượng PSA toàn phần Dải phân tích: từ $0,008 \pm 0,001$ đến $150 \pm 0,01$ ng/mL ($0,008$ - 121 ng/mL (WHO)) Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ được phủ kháng thể (đơn dòng) kháng PSA, + Kháng thể (đơn dòng) kháng PSA cộng hợp với phosphatase kiềm Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,008$ ng/mL	Test	8.000	X
178	Dung dịch kiểm chuẩn PSA calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng PSA toàn phần, gồm ít nhất 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	90	X
179	Hóa chất định lượng Free T3	Hóa chất định lượng T3 tự do Dải phân tích: từ $0,88 \pm 0,01$ đến $30 \pm 0,01$ pg/mL. Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ (phủ streptavidin), + Chất tương tự T3 gắn biotin, + Chất cộng hợp phosphatase kiềm – kháng thể đơn dòng, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,88$ pg/mL	Test	15.600	X
180	Hóa chất định lượng Free T4	Hóa chất định lượng Free T4 Dải phân tích: từ $0,25 \pm 0,01$ đến $6,0 \pm 0,01$ ng/dL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ streptavidin, + Chất cộng hợp phosphatase kiềm – Triiodothyronin, + Kháng thể (đơn dòng) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: $\leq 0,25$ ng/dL	Test	92.300	X
181	Dung dịch kiểm chuẩn Free T4 Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Free T4, gồm ít nhất 6 nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	60	X
182	Hóa chất định lượng Troponin I	Hóa chất định lượng Troponin I siêu nhạy	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	siêu nhạy	Dải đo: $2,3 \pm 0,01$ đến $27027 \pm 0,01$ pg/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng troponin I tim, + Kháng thể (đơn dòng) kháng cTnI người Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
183	Dung dịch kiểm chuẩn Troponin I siêu nhạy Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy, gồm ít nhất 7 nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	25,50	X
184	Hóa chất định lượng TSH (3rd IS)	Hóa chất định lượng TSH Dải phân tích: từ $0,005 \pm 0,01$ đến $50,0 \pm 0,01$ μ IU/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng TSH người, + Kháng thể (đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp LoD: $\leq 0,005$ μ IU/mL LoQ: $\leq 0,01$ μ IU/mL (10% between run CV)	Test	94.600	X
185	Dung dịch kiểm chuẩn TSH (3rd IS) Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH, gồm ít nhất 6 nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	60	X
186	Hóa chất định lượng Procalcitonin (PCT)	Hóa chất định lượng procalcitonin Dải đo: $0,01 \pm 0,01$ đến $100 \pm 0,01$ ng/ml; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng kháng procalcitonin, + Phức hợp photphatase kiềm tái tổ hợp- kháng thể chuột kháng procalcitonin Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	28.000	X
187	Dung dịch kiểm chuẩn PCT Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin, gồm ít nhất 7 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	56	X
188	Hóa chất định lượng 25(OH) Vitamin D Total	Hóa chất định lượng 25(OH) vitamin D Dải đo: từ $2,00 \pm 0,01$ đến $210 \pm 0,01$ ng/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng 25(OH) vitamin D, + Chất tương tự vitamin D cộng hợp với phosphatase kiềm, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoD $\leq 2,00$ ng/mL (5.0 nmol/L) LoQ $\leq 7,0$ ng/mL (17.5 nmol/L) (20% CV)	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
189	Dung dịch kiểm chuẩn 25(OH) Vitamin D Total Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng 25(OH) vitamin D, gồm ít nhất 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	16,80	X
190	Dung dịch rửa chứa muối đệm Tris dùng cho hệ thống miễn dịch	Dung dịch rửa dùng cho dòng máy Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Muối đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, natri azide	Lít	13.740	X
191	Hóa chất định lượng Interleukin 6	Dải phân tích: 0.5 đến 1500 pg/mL. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phù phức hợp kháng thể kháng IgG; kháng thể (đơn dòng) kháng IL-6 người, + Kháng thể kháng IL-6 người cộng hợp với phosphatase kiềm. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	700	X
192	Hóa chất calib Interleukin 6	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Interleukin 6, gồm ít nhất 6 mức nồng độ. Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	33	X
193	Hóa chất nội kiểm Interleukin 6	Hóa chất kiểm chuẩn (control) xét nghiệm Interleukin 6. Gồm 3 mức nồng độ khác nhau: thấp, trung bình và cao. Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	30	X
194	Hóa chất định lượng Microalbumin	Hóa chất định lượng Microalbumin Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; dải đo: nước tiểu: từ $7 \pm 0,01$ đến $450 \pm 0,01$ mg/L, CSF: từ $10 \pm 0,01$ đến $450 \pm 0,01$ mg/L; phương pháp turbidimetric (đo độ đục); -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm Phosphate; Kháng thể albumin, Sodium Azide Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp - LOD $\leq 0,77$ mg/L (nước tiểu) ; LOQ $\leq$ 7,7 mg/L (nước tiểu) - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 5 test	mL	12.136	X
195	Dung dịch kiểm chuẩn Microalbumin Calibrator	Dung dịch kiểm chuẩn Microalbumin Calibrator, gồm ít nhất 5 nồng độ Chất chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp - Phù hợp hóa chất Microalbumin	mL	40	X
196	Hóa chất định lượng Sensitive Estradiol	Hóa chất định lượng Estradiol - Dải phân tích: từ $15 \pm 0,01$ đến $5.200 \pm 0,01$ pg/mL - Thành phần tối thiểu gồm có: + Các hạt thuận từ được phủ streptavidin + Chất cộng hợp phosphatase kiềm	Test	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		kháng estradiol đơn dòng ở cừu - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: ≤ 19.0 pg/mL (69.7 pmol/L) LoD: ≤ 15.0 pg/mL (55.1 pmol/L)			
197	Dung dịch kiểm chuẩn Sensitive Estradiol Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm Estradiol, gồm ≥ 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	14	X
198	Hóa chất định lượng bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin; dải đo: 0 đến $513 \pm 0,01$ $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Caffeine; 3,5- dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate; Surfactant Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 0,22$ $\mu\text{mol/L}$. - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 25 test	mL	13.440	X
199	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP ; dải đo: $5 \pm 0,01$ đến $300 \pm 0,01$ mg/L ; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NaCl, Polyethylen glycol, Kháng thể (dê) kháng CRP, Chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp - LOD $\leq 1,727$ mg/L. - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 15 test	mL	14.720	X
200	Dung dịch chuẩn calibrator dùng cho máy tự động	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy; - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	280	X
201	Hóa chất định lượng Complement 3 (C3)	Hóa chất cho xét nghiệm C3, dải đo: $0,15 \pm 0,01$ đến $5,0 \pm 0,01$ g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polyethylene glycol 6000; Kháng thể dê kháng C3 nồng độ thay đổi - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0006$ g/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 17 test	mL	162	X
202	Hóa chất định lượng Complement 4 (C4)	Hóa chất cho xét nghiệm C4, dải đo: $0,08 \pm 0,01$ đến $1,5 \pm 0,1$ g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polyethylene glycol 6000, Kháng thể (dê) kháng C4 - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0011$ g/L	mL	162	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 17 test			
203	Hóa chất định lượng Bicarbonate	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bicarbonate; dải đo: $2 \pm 0,01$ đến $45 \pm 0,1$ mmol/L; phương pháp enzymatic, bước sóng 380/410 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: MD (microbial); PEPC (microbial); NADH; PEP; Magnesium - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,781$ mmol/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 29 test	mL	800	X
204	Hóa chất định lượng ALP (Phosphatase kiềm)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALP; dải đo: $5 \pm 0,01$ đến 1500 ± 1 U/L; đo quang với bước sóng 410/480 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 2-Amino-2-Methyl-1-Propanol (AMP); p-Nitrophenyl phosphat; HEDTA; Zinc Sulphate; Magnesium Acetate - Đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp - LOD $\leq 2,2$ U/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 15 test	mL	960	X
205	Hóa chất định lượng Haptoglobin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Haptoglobin; dải đo: $0,3 \pm 0,01$ đến $4,0 \pm 0,01$ g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể dê kháng haptoglobin người - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,011$ g/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 8 test	mL	378	X
206	Hóa chất định lượng LDH	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH; dải đo: $25 \pm 0,01$ đến 1200 ± 1 U/L; bước sóng 340 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: D(-)N-Methylglucamin buffer; Lactate; NAD + - Đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp - LOD $\leq 4,4$ U/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 13 test	mL	1.080	X
207	Hóa chất định lượng ASO	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO ; dải đo: $100 \pm 0,01$ đến 1000 ± 1 IU/mL; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Phosphate buffer (pH 7,0); Streptolysin-O coated latex - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp	mL	522	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- LOD $\leq 7,7$ IU/mL - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 7 test			
208	Hóa chất định lượng Đạm niệu 24h /Protein dịch não tủy	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urinary/CSF Protein ; dải đo: 0,01 $\pm 0,001$ đến $2,0 \pm 0,02$ g/L ; phương pháp: Pyrogallol Red Molybdate. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Pyrogallol Red; Natri Molybdate; Axit succinic, Natri Benzoat; Natri Oxalate; Chất hiệu chuẩn - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0077$ g/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 8 test	mL	2.765	X
209	Hóa chất định lượng Lipase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lipase; dải đo: $3 \pm 0,01$ đến $600 \pm 0,01$ U/L; phương pháp: Kinetic. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 1,2-Diglyceride substrate; Monoglyceride lipase; Glycerol kinase; POD; 4-Aminophenazone; Co-lipase; GPO; ATP; Chất hiệu chuẩn - Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp - LOD $\leq 2,2$ U/L - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 5 test	mL	11.008	X
210	Hóa chất định lượng CK (NAC)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK; dải đo: $10 \pm 0,01$ đến 2000 ± 1 U/L; bước sóng 340/660 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Immidazole; NADP - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 3,3$ U/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 9 test	mL	1.536	X
211	Hóa chất định lượng CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB; dải đo: $10 \pm 0,1$ đến 2000 ± 2 U/L; phương pháp: Enzymatic immuno- inhibition (ức chế miễn dịch enzym), Bước sóng 340 (nm). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Diadenosine-pentaphosphate; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M - LOD $\leq 5,5$ U/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 7 test	mL	6.144	X
212	Hóa chất định lượng Mg ++	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Magnesium; dải đo: $0,2 \pm 0,01$ đến $3,3 \pm 0,01$ mmol/L; phương pháp: Xylidyl Blue, bước sóng 520/800 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycoetherdiamine-N,N,N', N' tetraacetic acid; Xylidyl blue	mL	6.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,022$ mmol/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 6 test			
213	Hóa chất định lượng Inorganic Phosphorous	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Inorganic Phosphorous (phospho vô cơ); dải đo: $0,32 \pm 0,01$ đến $6,4 \pm 0,02$ mmol/L (huyết thanh); phương pháp: molybdate; bước sóng 340/380 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sulphuric acid; Glycine; Ammoniumheptamolybdate - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 0,121$ mmol/L (huyết thanh) - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 26 test	mL	60	X
214	Hóa chất định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin ; dải đo: $15 \pm 0,1$ đến $60 \pm 0,4$ g/L; phương pháp: Bromocresol Green (BCG), bước sóng 600/800 nM . - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Succinate buffer (pH 4,2) ; Bromocresol green - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,165$ g/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 29 test	mL	3.828	X
215	Hóa chất định lượng GPT/ALAT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT; dải đo: $3 \pm 0,01$ đến $500 \pm 0,5$ U/L; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: L-Alanine; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; Chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 2,2$ U/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 13 test	mL	74.100	X
216	Hóa chất định lượng GOT/ASAT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST; dải đo: $3 \pm 0,01$ đến $1000 \pm 0,8$ U/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tris buffer; L-aspartate; 2-Oxoglutarate; chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 1,1$ U/L - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 20 test	mL	47.600	X
217	Hóa chất đệm điện giải	Hóa chất đệm điện giải. Thành phần tối thiểu gồm Triethanolamine - Đóng gói: ≤ 10 L/ hộp	Lít	600	X
218	Hóa chất kiểm chuẩn standard điện giải huyết thanh mức cao	Chất chuẩn huyết thanh mức cao dùng cho xét nghiệm điện giải. - Thành phần : Tối thiểu gồm các thành phần: $\text{Na}^+ \geq 160$ mmol/L; $\text{K}^+ \geq 6$ mmol/L; $\text{Cl}^- \geq 120$ mmol/L; - Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp	mL	1.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
219	Hóa chất kiểm chuẩn standard điện giải huyết thanh mức trung bình	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải. - Thành phần : Tối thiểu gồm các thành phần: $\text{Na}^+ \leq 130 \text{ mmol/L}$; $\text{K}^+ \leq 3,5$ mmol/L ; $\text{Cl}^- \leq 85 \text{ mmol/L}$; - Đóng gói: $\leq 600 \text{ mL/}$ hộp	mL	1.200	X
220	Hóa chất kiểm chuẩn standard điện giải huyết thanh mức thấp	Chất chuẩn chuẩn điện giải mức trung bình. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: $\text{Na}^+ \leq 4,3 \text{ mmol/L}$; $\text{K}^+ \leq 0,13$ mmol/L ; $\text{Cl}^- \leq 3,1 \text{ mmol/L}$; - Đóng gói: $\leq 10 \text{ L/}$ hộp	Lít	904	X
221	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu; - Thành phần: Tối thiểu gồm Kali clorua $\leq 1,00 \text{ mol/L}$ - Đóng gói: $\leq 6\text{L/}$ hộp	Lít	84	X
222	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: $0,5 \pm 0,01$ đến $18 \pm 0,1 \text{ mmol/L}$; phương pháp: CHO- POD; bước sóng 540/600 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch đệm photphat; 4- Aminoantipyrine; Phenol; Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase; Peroxidase; - Đóng gói: $\leq 300 \text{ mL/}$ hộp - LOD $\leq 0.022 \text{ mmol/L}$ - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 52 test	mL	10.620	X
223	Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine; dải đo: $5 \pm 0,01$ đến 2200 ± 1 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Natri hidroxit; Axit picric - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 11 test	mL	88.944	X
224	Hóa chất định lượng Gama GT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT; dải đo: $5 \pm 0,01$ đến $1200 \pm 1 \text{ U/L}$; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycylglycine; L- γ -glutamyl-3- carboxy-4-nitroanilide - Đóng gói: $\leq 800 \text{ mL/}$ hộp - LOD $\leq 2,2 \text{ U/L}$ - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 8 test	mL	68.800	X
225	Hóa chất định lượng HDL- Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL- Cholesterol; dải đo: $0,05 \pm 0,01$ đến $4,65 \pm 0,1 \text{ mmol/L}$; phương pháp: Enzymatic colour (xét nghiệm màu sắc enzym).	mL	103.147,2 0	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxidase (CHO); Peroxidase (POD); 4-Aminoantipyrine; - Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0022$ mmol/L. - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 6 test			
226	Hóa chất định lượng Lactat máu	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate; dải đo: $0,22 \pm 0,01$ đến $13,32 \pm 0,1$ mmol/L; phương pháp: Enzymatic colour (xét nghiệm màu sắc enzym). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Lactate oxidase; Peroxidase; 4-aminoantipyrine; - Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0011$ mmol/L. - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 7 test	mL	1.470	X
227	Hóa chất định lượng LDL- Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; dải đo: từ $0,26 \pm 0,01$ đến $10,3 \pm 0,01$ mmol/L; phương pháp: Enzymatic colour (xét nghiệm màu sắc enzym). -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase; Peroxidase; Natri azit; 4-aminoantipyrine; Catalase; - Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp - LOD ≤ 0.0132 mmol/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 6 test	mL	104.788,8 0	X
228	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần; dải đo: $30 \pm 0,01$ đến $120 \pm 0,05$ g/L; phương pháp: Photometric colour (xét nghiệm màu sắc đo sáng). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium hydroxide; Potassium sodium; Potassium iodide - Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp - LOD $\leq 0,847$ g/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 19 test	mL	2.016	X
229	Hóa chất định lượng RF latex	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF Latex; dải đo: $10 \pm 0,01$ đến $120 \pm 0,3$ IU/mL; phương pháp: Immuno-turbidimetric (đo độ đục miễn dịch) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycine buffer; Latex phủ IgG người - đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp - LOD $\leq 2,442$ IU/mL	mL	1.056	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 7 test			
230	Hóa chất định lượng Sắt huyết thanh	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt; dải đo: $2 \pm 0,01$ đến $179 \pm 1 \mu\text{mol/L}$; phương pháp: TPTZ, bước sóng 600/800 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycine buffer; L-ascorbic acid; 2,4,6-Tri (2-pyridyl)-5-triazine; - Đóng gói: $\leq 200 \text{ mL/}$ hộp - LOD $\leq 0,44 \mu\text{mol/L}$ - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 16 test	mL	1.920	X
231	Hóa chất định lượng Transferrin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Transferrin; dải đo: $0,75 \pm 0,01$ đến $7,5$ $\pm 0,06 \text{ g/L}$; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tris buffer; Polyethylene glycol 6000; Kháng thể dê kháng transferrin nồng độ thay đổi - Đóng gói: $\leq 200 \text{ mL/}$ hộp - LOD $\leq 0,0044 \text{ g/L}$ - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 18 test	mL	780	X
232	Hóa chất định lượng Urea/Urea nitrogen	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen; dải đo: $0,8 \pm 0,01$ đến $50 \pm 0,02 \text{ mmol/L}$ (huyết thanh); phương pháp: Kinetic UV. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NADH; Tetra-Sodium diphosphate; EDTA; 2-Oxoglutarate; Urease - Đóng gói: $\leq 600 \text{ mL/}$ hộp - LOD $\leq 0,121 \text{ mmol/L}$ - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 11 test	mL	61.904	X
233	Cống phản ứng dùng miễn dịch hóa phát quang	Cống phản ứng (bằng nhựa) dùng cho phản ứng phát quang tương thích với máy phân tích miễn dịch hóa phát quang. Đóng gói: ≤ 2000 cống/ hộp	Cống	2.800	X
234	Hóa chất tẩy rửa cho máy phân tích miễn dịch hóa phát quang	Hóa chất tẩy rửa cho máy phân tích miễn dịch hóa phát quang - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: sodium hypochlorit, sodium hydroxide - Đóng gói: $\leq 60 \text{ mL/}$ hộp	mL	48	X
235	Hóa chất rửa đường ống và kim hút cho máy phân tích miễn dịch hóa phát quang	Hóa chất rửa đường ống và kim hút cho máy phân tích miễn dịch hóa phát quang - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Potassium phosphate, potassium chloride, surfactant - Đóng gói: $\leq 6\text{L/}$ hộp	Lít	65	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
236	Chất xúc tác phản ứng miễn dịch hóa phát quang	Chất xúc tác phản ứng miễn dịch hóa phát quang - Thành phần: Tối thiểu gồm Sodium hydroxide - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ hộp	mL	3.000	X
237	Hóa chất định lượng beta 2 Microglobulin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm β -2 Microglobulin; dải đo: $0,5 \pm 0,01$ đến $16,0 \pm 0,1$ mg/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Phosphate buffer; Các tiểu phân latex phủ kháng thể kháng β -2 microglobulin người Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD ≤ 0.066 mg/L - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 8 test	mL	126	X
238	Hóa chất định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục, hóa chất có giá trị tiên đoán âm tính $\geq 99,5\%$, độ nhạy $\geq 99,9\%$, độ đặc hiệu $\geq 40\%$. Dải tuyến tính $215 \pm 0,5$ - 128000 ± 5 ng/ml (chế độ auto rerun), LOD ≤ 203 ng/ml. - Thành phần: Latex Reagent, Reaction Buffer và D-Dimer Calibrator. - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	224	X
239	Hóa chất kiểm chuẩn D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm định lượng D-Dimer dải đo bình thường và dải đo bất thường tương ứng với hóa chất chính. - Thành phần chứa D-Dimer, albumin huyết thanh bò, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
240	Hóa chất định lượng Toxo IgG	Hóa chất định tính và định lượng TOXO IgG Dải đo: 0 đến $450 \pm 0,01$ IU/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng nguyên màng của T. gondii (chủng RH) có khả năng hòa tan + Kháng thể (đơn dòng) kháng IgG người cộng hợp với phosphatase kiềm Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
241	Chất chứng Toxo IgG Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định tính và định lượng TOXO IgG, gồm ít nhất 6 nồng độ Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	18	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
242	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgG QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính và định lượng TOXO IgG Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết tương người, âm tính (không phản ứng) với kháng thể IgG đặc hiệu với T. gondii. QC2: Huyết tương người, natri azide, dương tính (phản ứng) với kháng thể IgG đặc hiệu với T. gondii. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	30	X
243	Hóa chất định lượng Toxo IgM	Hóa chất định tính TOXO IgM Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể (cừu) kháng IgM người, + Chất cộng hợp: Phức hợp kháng nguyên T. gondii (đã bất hoạt) - kháng thể (đơn dòng) đặc hiệu với T. gondii Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
244	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgM Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định tính TOXO IgM Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Chất hiệu chuẩn âm tính: huyết tương người, âm tính với kháng thể IgM đặc hiệu với Toxoplasma gondii, + Chất hiệu chuẩn dương tính: huyết tương người, dương tính với kháng thể IgM đặc hiệu với Toxoplasma gondii, Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	12	X
245	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgM QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính TOXO IgM Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết tương người, âm tính (không phản ứng) với kháng thể IgM đặc hiệu với Toxoplasma gondii QC2: Huyết tương người, dương tính (phản ứng) với kháng thể IgM đặc hiệu với Toxoplasma gondii Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	42	X
246	Hóa chất định lượng CEA theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CEA Đặc tính, công dụng: Dải báo cáo: Từ 0,1 $\pm 0,01$ đến $1000 \pm 0,1$ ng/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng CEA, + Chất cộng hợp: Kháng thể (đơn dòng) kháng CEA gắn phosphatase kiềm	Test	23.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
247	Dung dịch kiểm chuẩn CEA calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CEA, gồm ít nhất 6 mức nồng độ Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	75	X
248	Hóa chất định lượng CMV IgG	Hóa chất bán định lượng CMV IgG Đặc tính, công dụng: Dải báo cáo: Từ 0 đến 400±0,1 AU/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng nguyên CMV (đã bất hoạt). + Chất cộng hợp: Phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng) kháng IgG người Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	600	X
249	Hóa chất định lượng HIV Combo	- Hóa chất định tính HIV combo. - Đặc tính, công dụng: phát hiện sự có mặt của kháng nguyên HIV và kháng thể kháng HIV - Phương Pháp: xét nghiệm miễn dịch enzym hai bước liên tiếp - Thành phần tối thiểu gồm có: + Các hạt thuận từ có phủ protein HIV tái tổ hợp và các kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên p24 HIV-1 + Muối đệm với các kháng thể đơn dòng (gắn biotin) kháng p24 HIV-1 + Các chuỗi polypeptide HIV và streptavidin cộng hợp với alkaline phosphatase - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: trên 98,1%	Test	11.400	X
250	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Combo Calibrator	- Chất chuẩn của xét nghiệm định tính HIV combo - Thành phần tối thiểu gồm: + C0: Huyết thanh người không chứa kháng nguyên HIV-1 và các kháng thể kháng HIV-1 (không phản ứng). + C1: Huyết thanh người chứa các kháng thể kháng HIV-1. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	20,00	X
251	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Combo QC	- Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính HIV combo - Thành phần tối thiểu gồm: + QC1: Huyết thanh người không chứa kháng nguyên HIV-1 và các kháng thể kháng HIV-1 (không phản ứng) + QC2: Huyết thanh người chứa các kháng thể kháng HIV-1 + QC3: kháng nguyên HIV-1 tinh sạch đã được xử lý nhiệt	mL	238	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
252	Hóa chất định lượng Ethanol	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết trương và nước tiểu người. - Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL - Phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE. - Thành phần tối thiểu gồm có: NAD, alcohol dehydrogenase (ADH) - Giới hạn tuyến tính: 0 đến 300±0,04 mg/dL - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 2 test	mL	216	X
253	Dung dịch kiểm chuẩn ADA Control mức 1 and 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2, có nồng độ khác nhau - Thành phần: bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với nước)	mL	8	X
254	Hóa chất kiểm chuẩn calib ADA	Chất chuẩn cho xét nghiệm ADA - Thành phần: ADA Standard (bột đông khô), hoàn nguyên với 1 ± 0.2 mL	mL	2	X
255	Hóa chất định lượng Adenosin Deaminase	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ADENOSINE DEAMINASE (ADA) mẫu huyết thanh hoặc dịch màng phổi người. - Dải đo: 1.65 - 150 U/L - Phương pháp đo: Adenosine- Glutamate dehydrogenase. - Thành phần tối thiểu gồm có: 2- Ketoglutarate, adenosine, glutamate dehydrogenase, natri azide, NADH, natri azide. - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 2 test	mL	168	X
256	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c Control bằng phương pháp đo độ đục	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các tế bào hồng cầu ở người, chất bảo quản và chất ổn định	mL	8	X
257	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 1	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin; α-1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β-2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	20	X
258	Hóa chất kiểm	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm	mL	28	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	chuẩn ITA Control mức 2	miễn dịch đo độ đục mức 2 - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
259	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 3	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	12	X
260	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt. Gồm ≥ 6 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các lượng khác nhau của protein ở người sau đây trong chất nền huyết thanh lỏng: Globulin miễn dịch G; Transferrin; Globulin miễn dịch A; Protein phản ứng C; Globulin miễn dịch M; Kháng Streptolysin O; Bỏ thể 3; Ferritin; Bỏ thể 4 - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	24	X
261	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt - panel 2	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các lượng khác nhau của protein ở người sau đây trong chất nền huyết thanh lỏng (pH 7): α -1 acidglycoprotein; α -1 antitrypsin; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Haptoglobin - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
262	Dung dịch chuẩn Prealbumin calibrator	Chất chuẩn cho xét nghiệm Prealbumin. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa lượng prealbumin ở người - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất Prealbumin	mL	40	X
263	Hóa chất định lượng Ferritin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin; dải đo: từ $8 \pm 0,02$ đến $\geq 450 \pm 0,2$ ug/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) dựa trên phản ứng dính kết Latex .	mL	1.692	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycine buffer; Tiểu phân Latex phủ kháng thể thỏ kháng ferritin người - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 6,017$ $\mu\text{g/L}$ - Hóa chất 1mL sử dụng cho ≥ 6 test			
264	Chất chuẩn calib cho xét nghiệm CRP hs	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CRP siêu nhạy	mL	40	X
265	Hóa chất kiểm chuẩn RF latex calibrator	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa lượng RF ở người với các nồng độ khác nhau - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
266	Hóa chất định lượng hormon tăng trưởng	Hóa chất định lượng các mức độ hGH. Thành phần Tối thiểu gồm: - Hạt từ: được phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng hGH, albumin huyết thanh bò - Dung dịch liên hợp: phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng hGH, kháng thể IgG chuột không đặc hiệu - Cal A (đông khô): hGH tái tổ hợp, huyết thanh người không chứa hGH - Cal B (đông khô): hGH tái tổ hợp, huyết thanh người không chứa hGH, Dải đo: tối đa 88 ± 8 ng/mL Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp Độ nhạy phân tích (giới hạn phát hiện - LoD): mức nồng độ tối thiểu có thể phát hiện được và phân biệt được từ 0,095 ng/mL đến 0,100 ng/mL	Test	1.100	X
267	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng hormon tăng trưởng	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng hGH. Bao gồm: - Control hGH (level 1): hGH tái tổ hợp, huyết thanh/ huyết tương người - Control hGH (level 2): hGH tái tổ hợp, huyết thanh/ huyết tương người Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	24	X
268	Hóa chất định lượng Aldosterone	Hóa chất xét nghiệm định lượng Aldosterone trong máu và mẫu nước tiểu đã xử lý.	Test	400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: được phủ bởi kháng thể kháng cừu, kháng thể kháng Aldosterone cừu trong buffer chứa Phosphate/albumin huyết thanh bò BSA, - Liên kết: Polymer liên hợp với aldosterone và dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ $0,97 \pm 0,01$ đến $100 \pm 0,1$ ng/mL Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LOD: giới hạn phát hiện mẫu huyết thanh là $1,595 \pm 0,145$ ng/dL, mẫu nước tiểu là $2,2 \pm 0,2$ ng/dL LOQ: giới hạn định lượng mẫu huyết thanh là $2,101 \pm 0,191$ ng/dL, mẫu nước tiểu là $3,08 \pm 0,28$ ng/dL Miễn dịch HPQ cạnh tranh, hai bước. Định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 6 tuần sau khi mở nắp			
269	Dung dịch kiểm chuẩn Aldosterone control	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Aldosterone Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Control level 1: Hormone tự do trong huyết thanh người chứa nồng độ thấp aldosterone - Control level 2: Hormone tự do trong huyết thanh người chứa nồng độ cao aldosterone Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
270	Hóa chất định lượng Direct Renin	Hóa chất định lượng Renin. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng renin và prorenin - Kháng thể đơn dòng (chuột) kháng renin, được đánh dấu với dẫn xuất isoluminol - Cal A: Renin người tái tổ hợp - Cal B: Renin người tái tổ hợp Dải đo: tối đa 550 ± 50 μIU/mL Đóng gói: ≤ 150 test/ hộp Miễn dịch HPQ kẹp, một bước. Định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp	Test	1.300	X
271	Dung dịch kiểm chuẩn Control Direct Renin	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng renin, gồm 2 nồng độ khác nhau	mL	80	X
272	Hóa chất bán định lượng Chlamydia Trachomatis IgG	Hóa chất phát hiện bán định lượng kháng thể IgG của Chlamydia Trachomatis Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần:	Test	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Hạt từ: Các hạt từ tính được phủ streptavidin - Cal 1: Huyết thanh /huyết tương người có chứa kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG nồng độ thấp - Cal 2: Huyết thanh / huyết tương người có chứa kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG nồng độ trung bình - Liên kết: Kháng thể chuột đơn dòng IgG để IgG liên hợp với một dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ $5 \pm 0,01$ đến $250 \pm 0,5$ AU/mL Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 98,2% Độ nhạy chẩn đoán: 95,3% Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, bán định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp			
273	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis control	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng Chlamydia Trachomatis IgG. Bao gồm: - Control âm: Huyết thanh/ huyết tương không phản ứng với kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG - Control dương: Huyết thanh/ huyết tương có phản ứng với kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	6,40	X
274	Xét nghiệm định lượng calcitonin	Hóa chất định lượng Calcitonin. Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng Calcitonin - Liên kết: kháng thể kháng Calcitonin liên kết với dẫn xuất isoluminol - Cal với 2 nồng độ khác nhau Dải đo: từ $1 \pm 0,01$ đến 2000 ± 2 pg/mL Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ nhạy phân tích của xét nghiệm là $\leq 1,1$ pg/mL. Miễn dịch HPQ kẹp, một bước. Định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 6 tuần sau khi mở nắp	Test	200	X
275	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng calcitonin	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calcitonin. Bao gồm 2 mức nồng độ - Control 1, đông khô: Huyết thanh người, và calcitonin. Hoàn nguyên với ≥ 2 ml nước cất. - Control 2, đông khô: Huyết thanh người, calcitonin. Hoàn nguyên với ≥ 2	mL	16	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		ml nước cất. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp			
276	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Hóa chất định tính kháng thể IgG đặc hiệu với HSV-1 và/ hoặc HSV-2 Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: phủ protein HSV tái tổ hợp - Cal 1: Huyết thanh/ huyết tương người có nồng độ thấp HSV IgG - Cal 2: Huyết thanh/ huyết tương người có nồng độ cao HSV IgG - Conjugate: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng IgG người cộng hợp với một dẫn xuất isoluminol Dải đo: ngưỡng ≤ 1,1 index value Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán 96,84% Độ nhạy chẩn đoán 99,42% Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp	Test	500	X
277	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgG. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgG - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgG Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	5,20	X
278	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2 Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: phủ sản phẩm phân giải của virus HSV được làm giàu với protein tái tổ hợp - Cal 1: Huyết thanh/ huyết tương người chứa mức HSV IgM thấp - Cal 2: Huyết thanh/ huyết tương người chứa mức HSV IgM cao - Conjugate: Kháng thể đơn dòng chuột kháng kháng thể IgM người liên hợp với một dẫn xuất isoluminol Dải đo: ngưỡng ≤ 1,1 index value Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán 96,46% Độ nhạy chẩn đoán 100% Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, định tính, đã tích hợp calib.	Test	500	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp			
279	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgM. Bao gồm: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgM - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgM Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	9,60	X
280	Xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: Hạt từ phủ kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp, - Chất chuẩn 1: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ thấp kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum - Chất chuẩn 2: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ cao kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum, - Liên kết: Kháng nguyên tái tổ hợp Treponema pallidum Dải đo: ngưỡng ≤ 1,1 index value Đóng gói: ≤ 250 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 99,91% Độ nhạy chẩn đoán: 99,40% Miễn dịch HPQ, kẹp, một bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 2 tuần sau khi mở nắp	Test	400	X
281	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum Bao gồm: - Chứng âm : Huyết thanh/ huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum - Chứng dương: Huyết thanh/ huyết tương người phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	16	X
282	Xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Varicella- zoster	Xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Varicella-zoster Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng nguyên varicella-zoster virus	Test	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Chất chuẩn 1: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ thấp varicella-zoster virus IgG - Chất chuẩn 2: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ cao varicella-zoster virus IgG - Chất cộng hợp: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người liên kết với dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ $10 \pm 0,01$ đến $4000 \pm 0,9$ mIU/m Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 97,14% Độ nhạy chẩn đoán: 100% Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp			
283	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus VariCFS11a-zoster	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với varicella-zoster virus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh/ huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgG kháng VZV, đệm TRIS-NaCl, - Chứng dương: Huyết thanh người/ huyết tương người phản ứng đối với kháng thể IgG kháng VZV, Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	5,60	X
284	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với virus VariCFS11a-zoster	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với varicella-zoster virus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: Hạt từ phủ kháng nguyên varicella-zoster virus, đệm PBS, - Chất chuẩn 1: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ thấp varicella-zoster virus IgM - Chất chuẩn 2: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ cao varicella-zoster virus IgM - Liên kết: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người liên kết với dẫn xuất isoluminol Dải đo: ngưỡng cut-off: $\leq 1,1$ index value Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 90,63%	Test	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Miễn dịch HPQ, hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 4 tuần sau khi mở nắp			
285	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với virus VariCFSlla-zoster	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với varicella-zoster virus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể VZV IgM - Chứng dương: Huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể VZV IgM Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	5,60	X
286	Xét nghiệm định lượng yếu tố tăng trưởng I giống Insulin	Hóa chất định lượng IGF I (Insulin-like Growth Factor I) Bao gồm: - Hạt từ: hạt từ được phủ kháng thể (đơn dòng) kháng IGF-I - Liên kết: chứa anti-IGF-I, được đánh dấu bởi dẫn xuất isoluminol, kháng thể đơn dòng - Đệm: chứa IGF-II (tái tổ hợp). Đệm HCl - Cal 1: mức thấp, chứa IGH-I nồng độ thấp trong BSA, - Cal 2: mức cao, chứa IGH-I nồng độ cao trong BSA, Dải đo: từ 0.5±0,01 đến 1500 ±2 ng/mL Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Giới hạn phát hiện (LoD): ≤ 3,3 ng/mL Giới hạn định lượng (LoQ): ≤ 11 ng/mL Miễn dịch HPQ kẹp, một bước. Định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 4 tuần sau khi mở nắp	Test	1.100	X
287	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Mycoplasma pneumoniae	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: được phủ bởi peptide tái tổ hợp - Cal 1: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với Mycoplasma pneumoniae IgG - Cal 2: Huyết thanh/huyết tương người phản ứng với Mycoplasma pneumoniae IgG - Liên kết: kháng thể đơn dòng chuột lên kháng thể IgG người liên hợp với dẫn	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		suất isoluminol Dải đo: từ 0,1 ±0,01 đến 200±0,05 AU/mL Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 98,8% Độ nhạy chẩn đoán: 94,2% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp, hai bước, bán định lượng. Độ ổn định 6 tuần sau khi mở nắp			
288	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Mycoplasma pneumoniae	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG. Bao gồm: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người âm tính với kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG, - Control dương: huyết thanh/huyết tương người dương tính với kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG, Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	2	X
289	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgM trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ bởi mycoplasmal lysate gắn peptide tái tổ hợp - Cal 1: Huyết thanh/huyết tương người âm tính với Mycoplasma pneumoniae IgM, - Cal 2: Các kháng thể IgM tái tổ hợp kháng Mycoplasma Pneumoniae - Kháng thể đơn dòng chuột lên kháng thể IgM người liên hợp với dẫn suất isoluminol Dải đo: từ 0,1±0,01 đến 27±0,02 index value. Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 97,8% Độ nhạy chẩn đoán: 99,1% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoang thiết bị hoặc ở 2-8oC)	Test	100	X
290	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/huyết tương người không phản ứng đối với	mL	5,60	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	pneumoniae	kháng thể IgM kháng Mycoplasma pneumoniae - Chứng dương: Kháng thể IgM tái tổ hợp phản ứng đối với Mycoplasma pneumoniae Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
291	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus bệnh sởi trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ nucleoprotein tái tổ hợp virus bệnh sởi - Cal 1: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa kháng thể IgG mức thấp - Cal 2: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa kháng thể IgG mức cao - Kháng thể đơn dòng chuột với kháng thể IgG người liên hợp với dẫn suất isoluminol Dài đo: từ $5 \pm 0,01$ đến $300 \pm 0,01$ AU/mL Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 97,4% Độ nhạy chẩn đoán: 94,7% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp, hai bước, bán định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp	Test	200	X
292	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus bệnh sởi trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin không phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi - Chứng dương: Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	5,60	X
293	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus bệnh sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng thể IgG (chuột, đơn dòng) kháng IgM người, - Cal 1: Huyết thanh người/ huyết tương người không phản ứng với kháng thể	Test	250	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		IgM virus bệnh sởi - Cal 2: Kháng thể IgM kháng virus sởi - Nucleoprotein tái tổ hợp virus bệnh sởi Dải đo: từ $0,5 \pm 0,01$ đến $4,0 \pm 0,01$ index value Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 96,7% Miễn dịch HPQ, hai bước, định tính. Đã tích hợp calib Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp			
294	Control Measles IgM (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi)	Chất chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus bệnh sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/ huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgM kháng virus sởi - Chứng dương: Kháng thể IgM kháng virus sởi Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	5,60	X
295	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ nucleoprotein của virus quai bị - Cal 1: Chứa huyết thanh người/ huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện IgM đặc hiệu với virus quai bị, - Cal 2: Chứa kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị, - Kháng thể (đơn dòng) kháng IgM người cộng hợp với một dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ $0,5 \pm 0,01$ đến $4,0 \pm 0,02$ index value Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 99,5% Độ nhạy chẩn đoán: 95,2% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp, hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp	Test	100	X
296	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây	Chất chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần:	mL	5,60	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	bệnh Quai bị	- Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng virus quai bị - Chứng dương: Kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị, Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
297	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus quai bị trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ Phủ nucleoprotein virus quai bị - Cal 1: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa IgG kháng virus quai bị ở nồng độ thấp - Cal 2: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa IgG kháng virus quai bị ở nồng độ cao - Kháng thể (đơn dòng) kháng IgG (người) liên kết với một dẫn xuất isoluminol Dài đo: từ $5\pm 0,01$ đến $300\pm 0,03$ AU/mL Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 98,2% Độ nhạy chẩn đoán 98,5% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp, hai bước, bán định lượng, đã tích hợp calib. - Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp	Test	200	X
298	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Chất chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus quai bị trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - Control âm: Huyết thanh/ huyết tương không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG virus quai bị, - Control dương: Huyết thanh/ huyết tương phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG virus quai bị, Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	5,60	X
299	Xét nghiệm định tính độc tố A và B của vi khuẩn Clostridium difficile	Hóa chất định tính độc tố A và B của Clostridium difficile Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng thể đơn dòng kháng độc tố A và kháng thể đa dòng kháng độc tố B - Kháng thể đa dòng kháng độc tố A cộng hợp với một dẫn xuất isoluminol	Test	1.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		và kháng thể đa dòng kháng độc tố B cộng hợp với một dẫn xuất isoluminol - Chất kiểm chuẩn Cal với tối thiểu 2 nồng độ khác nhau Dải đo: ngưỡng $\leq 1,1$ index value Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp Giới hạn phát hiện (LoD) với độc tố A là $1,32 \pm 0,12$ ng/mL và với độc tố B là $1,65 \pm 0,15$ ng/mL Miễn dịch HPQ, kẹp, hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp			
300	C. Difficile Toxins A&B control set (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tính A và B của vi khuẩn Clostridium difficile)	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tố A và B của Clostridium difficile. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh dê - Chứng dương (đông khô): Huyết thanh dê, độc tố A, độc tố B của vi khuẩn C. difficile. Hoàn nguyên với dung dịch Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	24	X
301	Xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng nguyên của vi khuẩn C.Difficile	Xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng nguyên của vi khuẩn C.Difficile Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ với kháng thể đơn dòng kháng GDH, - Kháng thể đa dòng kháng GDH cộng hợp với một dẫn xuất isoluminol - Chất kiểm chuẩn Cal với tối thiểu 2 nồng độ khác nhau Dải đo: ngưỡng $\geq 1,1$ index value Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp Giới hạn phát hiện (LoD): 242 ± 22 pg/mL. Miễn dịch HPQ, kẹp, một bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp	Test	400	X
302	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng nguyên của vi khuẩn C.Difficile	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc kháng nguyên C.Difficile GDH. Bao gồm: - Chất kiểm chứng âm tính: Đệm phosphat, chất hoạt động bề mặt - Chất kiểm chứng dương tính: Dạng đông khô: GDH của C. difficile Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	48	X
303	Xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng calprotectin	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng calprotectin cộng hợp với một dẫn xuất isoluminol - Chất kiểm chuẩn Cal với tối thiểu 2 nồng độ khác nhau Dải đo: từ $5 \pm 0,01$ đến $800 \pm 0,1$ $\mu\text{L/g}$ Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Giới hạn phát hiện (LoD): $\leq 0,4345$ ($\mu\text{g/g}$) Giới hạn định lượng (LoQ): $\leq 5,5$ ($\mu\text{g/g}$) Miễn dịch HPQ, kẹp, một bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp			
304	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người. Bao gồm: - Chất kiểm chứng âm tính (đông khô): Nồng độ kháng nguyên calprotectin tái tổ hợp ở mức thấp - Chất kiểm chứng dương tính (đông khô): Nồng độ kháng nguyên calprotectin tái tổ hợp ở mức cao Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	12	X
305	Dịch rửa dùng trong xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Dung dịch rửa sạch hạt từ sử dụng trong xét nghiệm miễn dịch. Gồm tối thiểu dung dịch đệm phosphate Đóng gói: $\leq 10\text{L}$ / hộp	Lít	12	X
306	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng yếu tố tăng trưởng I giống Insulin	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng IGF I Bao gồm: - Control 1, nồng độ thấp, chứa IGF (người, tái tổ hợp) - Control 2, nồng độ cao: chứa IGF (người, tái tổ hợp) Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	4	X
307	Cơ chất môi phản ứng	Cơ chất môi phản ứng (dung dịch xúc tác phản ứng) Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Dung dịch NaOH 4% - Dung dịch H₂O₂ 0,12% Đóng gói: $\leq 2\text{L}$ / hộp	Lít	9,66	X
308	Hóa chất xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang	Hóa chất xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang. Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng IFN-γ người - Chất kiểm chuẩn Cal với tối thiểu 2 nồng độ khác nhau	Test	400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Kháng thể (đơn dòng) kháng IFN- γ người Dải đo: từ 0 đến $10 \pm 0,01$ IU/ml IFN- γ . Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp Miễn dịch HPQ, kẹp, hai bước, định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 4 tuần sau khi mở nắp			
309	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang. Bao gồm 2 mức nồng độ khác nhau Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	16	X
310	Hóa chất chẩn đoán Elastase-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hóa chất chẩn đoán Elastase-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch. Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng Elastase-1, dung dịch đệm chứa albumin huyết thanh bò (BSA), - Kháng thể (đơn dòng) kháng Elastase-1 cộng hợp với một dẫn xuất của isoluminol - Chất kiểm chuẩn Cal với tối thiểu 2 nồng độ khác nhau. Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Giới hạn phát hiện (LoD): $\leq 0,13$ μ g/g Giới hạn định lượng (LoQ): $\leq 0,22$ μ g/g Miễn dịch Hóa phát quang, kẹp, hai bước, đã tích hợp calib.	Test	100	X
311	Hóa chất kiểm chứng Elastase-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hóa chất kiểm chứng Elastase-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch -Chất kiểm chứng mức 1 : Dạng bột đông khô : Kháng nguyên Elastase-1 (tái tổ hợp) ở nồng độ thấp -Chất kiểm chứng mức 2: Dạng bột đông khô : Kháng nguyên Elastase-1 (tái tổ hợp) ở nồng độ cao Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	8	X
312	Bộ kit bảo dưỡng máy	Hóa chất bảo dưỡng thường quy cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động, làm sạch các pipet và kim rửa. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Dung dịch khử trùng và dung dịch rửa - Natri hypoclorit - Dung dịch tẩy rửa Đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp	mL	615	X
313	Cồng phản ứng	Cồng phản ứng dùng cho máy miễn dịch	Cồng	6.912	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tự động			
314	Hóa chất định nhóm máu ABO và Rh	Định nhóm máu ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Gel card 4 giếng đầu có thành phần như sau: + Giếng 1: Anti-A (IgM, chuột) + Giếng 2: Anti B (IgM, chuột) + Giếng 3: Anti D (IgM, người) + Giếng 4: Chứng - Độ nhạy tối thiểu 99.7% và độ đặc hiệu 100%. - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	17.300	X
315	Dung dịch pha loãng hồng cầu	Dùng để pha loãng hồng cầu tương thích với máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch đệm có độ ion thấp, thành phần chính là Glycine và glucose - Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	mL	56.400	X
316	Dung dịch rửa máy phân tích nhóm máu	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống dịch tương thích với các máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch muối đậm đặc và chất màu, natri azide - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ hộp	Lít	102	X
317	Dung dịch Hồng cầu mẫu	Dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ. - Độ nhạy và độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	140	X
318	Hóa chất định nhóm máu ABO làm thử nghiệm trong môi trường nước muối hoặc men	Dùng cho định nhóm chéo, autocontrol, định nhóm ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Gel card. Thành phần chứa môi trường nước muối và enzyme - Đóng gói: ≤ 100 thẻ/ hộp	Thẻ	5.700	X
319	Hóa chất định nhóm máu ABO thuận nghịch và Rhesus (D)	Định nhóm ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Giếng 1: Anti-A (hỗn hợp kháng thể	Test	28.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		IgM) + Giếng 2: Anti-B (kháng thể IgM) + Giếng 3: Anti-AB (hỗn hợp kháng thể IgM) + Giếng 4: Anti-D (kháng thể IgM) + Giếng 5: Anti-CDE (hỗn hợp kháng thể IgM). + Giếng 6: mẫu control + Giếng 7: N (gel trung tính) + Giếng 8: N (gel trung tính) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/ CE/ ISO 13485 - Độ nhạy tối thiểu 99,6% và độ đặc hiệu 100%. - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp			
320	Định nhóm ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Định nhóm ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Giếng 1: Anti A (hỗn hợp kháng thể IgM) + Giếng 2: Anti B (IgM) + Giếng 3: Anti AB (hỗn hợp kháng thể IgM) + Giếng 4: Anti-DVI- (kháng thể IgM) + Giếng 5: Anti-DVI+ (hỗn hợp kháng thể IgM và IgG). Anti-D có khả năng phát hiện D yếu và D từng phần). + Giếng 6: Control + Giếng 7: N (gel trung tính) + Giếng 8: N (gel trung tính) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/ CE/ ISO 13485 - Độ nhạy tối thiểu 99,5% và độ đặc hiệu 100%. - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	22.900	X
321	Bộ 3 lọ hồng cầu sàng lọc kháng thể bất thường	Dùng trong xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường bằng gel card trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Bộ 3 lọ hồng cầu mẫu O - Đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp	mL	420	X
322	Dung dịch rửa hệ thống phân tích nhóm máu	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống chất lỏng và đầu dò trong trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch muối đậm đặc và chất màu. Chất bảo quản natri azide. Dung dịch chất hoạt động bề mặt đậm đặc và	Lít	72	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		chất màu. - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ hộp			
323	Hóa chất định lượng Lupus anticoagulant	Hóa chất dùng để sàng lọc kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp xác định thời gian đông máu do nọc độc rắn Russell. - Thành phần: dạng bột đông khô, chứa: chiết xuất nọc độc rắn Russell, phospholipid và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	40	X
324	Hóa chất khẳng định cho xét nghiệm Lupus anticoagulant	Hóa chất dùng để phát hiện kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp xác định thời gian đông máu do nọc độc rắn Russell. - Thành phần: dạng bột đông khô, chứa: chiết xuất nọc độc rắn Russell, phospholipid được bổ sung thêm, canxi, polybren, đệm, chất ổn định, thuốc nhuộm và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	80	X
325	Hóa chất kiểm chuẩn Lupus anticoagulant dương tính	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm kháng đông Lupus(LA) ở mức dương tính. - Thành phần: dạng bột đông khô, chứa huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
326	Hóa chất kiểm chuẩn Lupus anticoagulant âm tính	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA) ở mức âm tính. - Thành phần: dạng bột đông khô, chứa huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
327	Dung dịch kiểm chuẩn kháng thể TPO Calibrator	Chất chuẩn của hóa chất định lượng TPO Antibody, gồm ít nhất 6 mức nồng độ	mL	48	X
328	Dung dịch kiểm chuẩn Free T3 Calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3 tự do, gồm ít nhất 6 mức nồng độ	mL	75	X
329	Hóa chất định lượng $\beta 2$ GP1 IgG	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgG kháng $\beta 2$ glycoprotein-1 ($\beta 2$ GP1). Độ nhạy $\geq 64,1\%$, Độ đặc hiệu $\geq 90,8\%$, LOD $\leq$ 6,4 CU. Dải tuyến tính từ $6,4 \pm 0,01$ - 6100 ± 3 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ $\beta 2$ GP1, $\beta 2$ GP1 IgG	Test	1.250	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Calibrator 1 ; β 2GP1 IgG Calibrator 2 - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp			
330	Hóa chất định lượng aCL IgG	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgG anti-cardiolipin (aCL). Độ nhạy $\geq 54,3\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 95,6\%$. LOD $\leq 2,6$ CU. Dải tuyến tính từ $2,6 \pm 0,01$ - 2024 ± 1 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm hạt từ phủ cardiolipin bò; aCL IgG Calibrator 1; aCL IgG Calibrator 2 - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	700	X
331	Hóa chất định lượng aCL IgM	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgM anti- cardiolipin (aCL). Độ nhạy $\geq 33,7\%$. Độ đặc hiệu $\geq 94,8\%$. LOD $\leq 1,0$ CU. Dải tuyến tính từ $1,0 \pm 0,01$ - $774 \pm 0,1$ CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm hạt từ phủ cardiolipin bò, aCL IgM Calibrator 1; aCL IgM Calibrator 2 - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	700	X
332	Hóa chất kiểm chuẩn MPO Calibrator	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm xác định tự kháng thể kháng MPO - Thành phần: MPO Calibrator 1 và MPO Calibrator 2, chứa kháng thể người kháng MPO - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	4,20	X
333	Hóa chất kiểm chuẩn MPO Control	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định tự kháng thể kháng MPO - Thành phần: kháng thể kháng MPO nồng độ thấp và nồng độ cao - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	4	X
334	Hóa chất định lượng MPO Reagents	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang bán định lượng nhằm phát hiện tự kháng thể MPO trong huyết thanh người. Độ nhạy $\geq 79,8\%$, Độ đặc hiệu $\geq 96,2\%$, LOD $\leq 0,4$ CU. Dải báo cáo của xét nghiệm từ $3,2 \pm 0,01$ đến $739,8 \pm 0,1$ CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ MPO; Độ ổn định sau khi mở nắp (hoặc hoàn nguyên): ≥ 84 ngày khi bảo quản trên máy - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	350	X
335	Hóa chất kiểm	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét	mL	2,40	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	chuẩn PR3 Calibrators	thử nghiệm xác định tự kháng thể kháng PR3 - Thành phần: PR3 Calibrator 1 và PR3 Calibrator 2, chứa kháng thể người kháng PR3 - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
336	Hóa chất kiểm chuẩn PR3 Controls	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định tự kháng thể kháng PR3 - Thành phần: PR3 Negative Control và PR3 Positive Control - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	4	X
337	Hóa chất định lượng PR3	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang bán định lượng nhằm phát hiện tự kháng thể PR3 trong huyết thanh người. Độ nhạy $\geq 68,3\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 97,4\%$, LOD $\leq 0,04$ CU. Dải báo cáo của xét nghiệm từ $2,3 \pm 0,01$ - $3285,3 \pm 0,06$ CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ PR3; Tác nhân phát hiện IgG Độ ổn định sau khi mở nắp (hoặc hoàn nguyên): ≥ 70 ngày khi bảo quản trên máy - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	350	X
338	Hóa chất định lượng $\beta 2$ GP1 IgM	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgM kháng $\beta 2$ glycoprotein-1 ($\beta 2$GP1). Độ đặc hiệu $\geq 95,2\%$. LOD $\leq 1,1$ CU. Dải tuyến tính từ $1,1 \pm 0,01$ - $841 \pm 0,08$ CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm hạt từ phủ $\beta 2$GP1, tác nhân phát hiện, $\beta 2$GP1 IgM Calibrator 1; $\beta 2$GP1 IgM Calibrator 2 - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	800	X
339	Dung dịch kiểm chuẩn Sm Calibrator	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm xác định kháng thể IgG kháng Sm - Thành phần: Sm Calibrator 1 và Sm Calibrator 2, chứa kháng thể người kháng Sm - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	1,20	X
340	Dung dịch kiểm chuẩn Sm Control	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định kháng thể IgG kháng Sm - Thành phần: Sm Negative Control và Sm Positive Control Độ ổn định sau khi mở nắp (hoặc hoàn	mL	2	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nguyên) là ≥ 2 giờ khi bảo quản trên máy - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
341	Hóa chất định lượng Sm	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang bán định lượng nhằm phát hiện kháng thể IgG kháng Sm trong huyết thanh. Độ đặc hiệu $\geq 97,9\%$. Dải đo phân tích từ $3,3 \pm 0,01$ đến $693,5 \pm 0,05$ CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ Sm; Tác nhân phát hiện IgG - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	100	X
342	Dung dịch kiểm chuẩn SS-B Calibrator	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm xác định kháng thể kháng SS-B - Thành phần: SS-B Calibrator 1 và SS- B Calibrator 2, chứa kháng thể người kháng SS-B - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	2,40	X
343	Dung dịch kiểm chuẩn SS-B Control	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định kháng thể kháng SS-B - Thành phần: SS-B Negative Control và SS-B Positive Control - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	4	X
344	Hóa chất định lượng SS-B	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang bán định lượng nhằm phát hiện kháng thể kháng SS-B trong huyết thanh. Độ đặc hiệu $\geq 97,8\%$ đối với bệnh nhân mắc hội chứng Sjögren và SLE. Dải đo phân tích từ $3,3 \pm 0,01$ - $1550,0 \pm 1$ CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ SS-B; Tác nhân phát hiện IgG - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	100	X
345	Dung dịch làm sạch hệ thống đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch tương thích trên hệ thống máy đông máu tự động bằng phương pháp đo quang có khả năng phát hiện các yếu tố tiền phân tích, bao gồm (tán huyết, mẫu vàng, mẫu đục, thể tích mẫu và cục đông vi thể). - Thành phần tối thiểu chứa Acid clohydric ≥ 100 mmol/L. - Đóng gói: ≤ 1000 mL/ hộp	mL	48.500	X
346	Hóa chất làm sạch và tẩy nhiễm hệ thống máy đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm tương thích trên hệ thống máy đông máu tự động bằng phương pháp đo quang có khả năng phát hiện các yếu tố	mL	7.360	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tiền phân tích, bao gồm (tán huyết, mẫu vàng, mẫu đục, thể tích mẫu và cục đông vi thể). - Thành phần tối thiểu gồm dung dịch natri hypoclorit chứa $\leq 5\%$ clo tồn tại. - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp			
347	Hóa chất xác định hoạt độ Protein S	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định hoạt độ của Protein S. LOD $\leq 5\%$. Dải tuyến tính $10 \pm 0,01$ đến 150 ± 1 % - Thành phần: tối thiểu gồm Protein S reagent, Calcium reagent và Protein S deficient plasma. - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	180	X
348	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường cao	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao. - Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	500	X
349	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường thấp	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bất thường thấp. - Thành phần dạng bột đông khô, tối thiểu chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	500	X
350	Dung dịch kiểm chuẩn cho XN đông máu mức bình thường	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường. - Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	500	X
351	Hóa chất dùng pha loãng trên hệ thống đông máu	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống máy đông máu tự động bằng phương pháp đo quang có khả năng phát hiện các yếu tố tiền phân tích, bao gồm (tán huyết, mẫu vàng, mẫu đục, thể tích mẫu và cục đông vi thể). - Thành phần: tối thiểu chứa Dung dịch muối natri clorid, natri azide.	mL	6.100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp			
352	Hóa chất định lượng AntiXa	Hóa chất dùng để xác định hoạt độ heparin không phân đoạn hoặc Heparin trọng lượng phân tử thấp, các chất ức chế trực tiếp yếu tố FXa như Rivaroxaban, Apixaban theo phương pháp so màu. $LOD \leq 0,04$ IU/ml (Heparin). Khoảng tuyến tính 0 đến $2,0 \pm 0,01$ IU/ml (Heparin). - Thành phần: tối thiểu chứa Factor Xa reagent và Chromogenic substrate . - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	55	X
353	Hóa chất kiểm chuẩn Heparin trọng lượng phân tử thấp (LMW Heparin Control)	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm xác định Heparin trọng lượng phân tử thấp trong dải đo thấp và dải đo cao. - Thành phần: tối thiểu chứa huyết tương người, heparin trọng lượng phân tử thấp (LMWH), đệm, chất ổn định. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
354	Hóa chất định lượng Thrombin Time	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian Thrombin Time (TT) - Thành phần: tối thiểu chứa thrombin (bò) (≥ 15 UNIH/lq), albumin bò và đệm. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	850	X
355	Hóa chất dùng để chuẩn máy cho xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng để chuẩn máy phù hợp cho xét nghiệm đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. - Thành phần: tối thiểu chứa huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	40	X
356	Hóa chất dùng để đo thời gian PT đóng gói < 100 mL	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian PT, $ISI \leq 1,05$ - Thành phần tối thiểu chứa: yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, chất ổn định, chất bảo quản và đệm. . - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	2.960	X
357	Hóa chất dùng để đo thời gian PT	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian PT, $ISI \leq 1,05$ - Thành phần tối thiểu chứa: yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, chất ổn định, chất bảo quản và đệm. - Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	mL	10.400	X
358	Dung dịch dùng rửa hệ thống đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa tương thích trên hệ thống máy đông máu tự động bằng phương pháp đo quang có khả năng phát hiện các yếu tố tiền phân	Lít	1.720	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tích, bao gồm (tán huyết, mẫu vàng, mẫu đục, thể tích mẫu và cục đông vi thể). - Thành phần: tối thiểu chứa 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride $\leq 0,005\%$. - Đóng gói: $\leq 5L$ /hộp			
359	Hóa chất dùng để đo thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. - Thành phần: tối thiểu gồm APTT reagent chứa silica keo phân tán với phospholipid tổng hợp, đệm và chất bảo quản. Calcium Chloride chứa dung dịch canxi clorua ($0,025\text{ mol/L}$) và chất bảo quản. - Đóng gói: $\leq 150\text{ mL}$ /hộp	mL	1.190	X
360	Hóa chất dùng để đo thời gian APTT	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. - Thành phần: tối thiểu gồm APTT reagent chứa thuốc thử phospholipid tổng hợp, chất kích hoạt silica keo, đệm và chất bảo quản. Calcium Chloride chứa: dung dịch canxi clorua ($0,020\text{ mol/L}$) và chất bảo quản. - Đóng gói: $\leq 150\text{ mL}$ /hộp	mL	9.900	X
361	Hóa chất định lượng Fibrinogen	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss. - Thành phần: tối thiểu gồm: thrombin bò, albumin bò, canxi clorid, đệm và chất ổn định. - Đóng gói: $\leq 100\text{ mL}$ /hộp	mL	1.900	X
362	Hóa chất định lượng Protein C	Hóa chất dùng để xác định xét nghiệm Protein C theo phương pháp so màu. Dải tuyến tính $10 \pm 0,01 - 150 \pm 0,1$ (% hoạt tính). - Thành phần: tối thiểu gồm Protein C activator, Chromogenic substrate và Diluent. - Đóng gói: $\leq 60\text{ mL}$ /hộp	mL	198	X
363	Hóa chất định lượng Factor V Leiden	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định mức độ kháng Protein C đã hoạt hóa (Yếu tố V đột biến). - Thành phần: tối thiểu gồm APTT reagent, Factor V Reagent Plasma, APC/Calcium chloride, Calcium chloride, APC Control Plasma Level 1 và APC Control Plasma Level 2. - Đóng gói: $\leq 150\text{ mL}$ /hộp. Mỗi mL định lượng được ≥ 2 test	mL	840	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
364	Dung dịch kiểm chuẩn Anti phospholipid Controls	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm Anti-Cardiolipin IgG/IgM, Anti- β2 Glycoprotein-I IgG/IgM - Thành phần: tối thiểu gồm Low Control và High Control chứa kháng thể IgG và IgM (người) kháng phospholipid - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	48	X
365	Bộ hồng cầu kiểm chuẩn	Bộ hồng cầu dùng cho kiểm chuẩn xét nghiệm nhóm máu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: tối thiểu gồm Bộ hồng cầu kiểm chuẩn gồm 4 lọ A,B,AB,O - Độ nhạy và độ đặc hiệu: ≥ 99%. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	48	X
366	Cồng chạy QC, Calib hoặc dùng chiết mẫu	Cốc đựng mẫu, Calib, QC chạy máy Thành phần: Polystyrene, Dung tích ≥ 0,5 mL	Cái	7.000	
367	Dung dịch kiểm chuẩn Bicarbonate calibrator	Chất hiệu chuẩn dành cho xét nghiệm Bicarbonate. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền đệm có chứa các lượng khác nhau của natri cacbonat và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	mL	300	X
368	Chất chuẩn mẫu nước tiểu Control mức 1;2	Chất chuẩn mẫu nước tiểu, gồm ≥ 2 mức nồng độ - Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp	mL	180	X
369	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm tim mạch	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch gồm ≥ 3 mức nồng độ	mL	72	X
370	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức thấp	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức thấp (có giá trị thấp cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.	mL	25	X
371	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức trung bình	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức trung bình (có giá trị mức trung bình cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.	mL	25	X
372	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức cao	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức cao (có giá trị mức cao cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ	mL	25	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		huyết thanh người.			
373	Tube chạy mẫu xét nghiệm Quantiferon-TB Gold Plus	Tube chạy mẫu xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương . Tối thiểu gồm các ống có nắp màu khác nhau: - Nil Tube - TB1 Tube - TB2 Tube - Mitogen Tube	Ống	6.400	X
374	Hóa chất định lượng NH ₃	Hóa chất dùng cho xét nghiệm NH ₃ ; có kèm chất chuẩn trong hộp - Thành phần tối thiểu gồm có: NADPH; α -ketoglutarate, Đệm Triethanolamine, GLDH; CAL Standard - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - Giới hạn tuyến tính: $\geq 1180 \mu\text{mol/L}$ - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 3 test	mL	882	X
375	Hóa chất kiểm chuẩn Calibration cho các xét nghiệm sinh hóa mức 3	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	20	X
376	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức IA PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	Dạng đông khô, gồm 3 mức nồng độ. Làm từ 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả β - 2 – Microglobulin, CA15- 3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH) ₂ - Vitamin D*...	mL	120	X
377	HbA1c nâng cao	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c; dải đo: từ ≤ 20 đến ≥ 140 mmol/mol (IFCC); phương pháp đo độ đục ức chế miễn dịch; -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể kháng HbA1c ở người; Thuốc thử Hemoglobin toàn phần; Chất hiệu chuẩn HbA1c (Các mức khác nhau) - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	8.000	X
378	Hóa chất kiểm chuẩn HDL/LDL-Cholesterol Control	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol - Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp	mL	865	X
379	Hóa chất kiểm chuẩn URINE CALIBRATOR	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền nước tiểu người dạng lỏng có chứa Amylase, Canxi, Glucose,	mL	96	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Phospho vô cơ, Urê, Axit Uric, Creatinine, Magiê và chất bảo quản. - Đóng gói: ≤ 60 mL/ hộp			
380	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc sắc ký ái lực	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch Methanol, dung dịch Ammonia, Dung dịch Diluent, Ethanol, TRITON X100, Sodium azide. Cột phân tích - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp - Bộ cột và hóa chất hoàn chỉnh ≤ 500 test xét nghiệm HbA1C	Test	151.000	X
381	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c Calibrator	Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c mức 1 và 2, được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng HbA1c theo nguyên lý ái lực (affinity) -Thành phần: tối thiểu gồm Máu toàn phần, bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng - Đóng gói: ≤ 5 mL/ hộp	mL	14	X
382	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c (GHb) Control	Hóa chất kiểm chứng HbA1c mức I và II, được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycerated Hemoglobin -Thành phần tối thiểu gồm có: Máu toàn phần, bột đông khô - Đóng gói: ≤ 5 mL/ hộp	mL	14	X
383	Giấy in nhiệt 30x50mm	-Kích cỡ nhãn: rộng ≥ 50mm, ≥ 30mm cao, số lượng ≥ 1500 nhãn/cuộn - Phù hợp với hệ thống dán nhãn tự động	Cuộn	432	
384	Dung dịch kiểm chuẩn HDL- Cholesterol Calibrator	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất HDL- Cholesterol.	mL	42	X
385	Dung dịch kiểm chuẩn LDL- Cholesterol Calibrator	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người). - đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất LDL-Cholesterol	mL	14	X
386	Chai dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm Gram)	Chai dung dịch nhuộm vi sinh, bộ nhuộm gram. Đóng gói: ≤ 600 mL/ Hộp	mL	3.600	
387	Chai dung dịch	Chai dung dịch nhuộm vi sinh Ziehl-	mL	2.700	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm ZIEHL - NEELSEN)	Neelsen. Đóng gói: ≤ 400 mL/ Hộp			
388	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng HCV trên hệ PCR tự động	- Loại khay khuếch đại gồm các giếng thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần: oligonucleotide tổng hợp, DNA Polymerase, enzym phiên mã ngược (RT), Uracil-DNA Glycosylase, và dNTPs trong dung dịch đệm với một chất nhuộm reference dye. Và các giếng mẫu chứng nội bộ (IC) không gây nhiễm với chuỗi IC và chất phụ trợ trong huyết tương người âm tính - LOD: với chủng HCV1: ≤ 5,11 IU/ml - LOD: với chủng HCV2,3,4,5,6 ≤ 12 IU/ml - Khoảng tuyến tính: từ 12±0.02 IU/ml đến 200.000.000±0.02 IU/ml - Độ đặc hiệu tổng: 100% - Độ phản ứng chéo, gây nhiễu khi có vi sinh vật khác: không có - Tỷ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích: 0% - Đóng gói: ≤ 250 test/ Hộp	Test	2.304	X
389	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HCV trên hệ PCR tự động	Thành phần: - Chứa RNA® không gây nhiễm với chuỗi HCV trong huyết tương người âm tính. Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	46,80	X
390	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HCV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm đo tải lượng virus HCV Thành phần: - Mẫu chứng âm tính: chứa huyết tương người âm tính - Mẫu chứng dương tính: chứa RNA® không gây nhiễm với chuỗi HCV trong huyết tương người âm tính Điều kiện bảo quản: Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp	mL	222,60	X
391	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng HBV trên hệ PCR tự động	Gồm tối thiểu các thành phần: Khay khuếch đại có các giếng chứa thuốc thử oligonucleotide tổng hợp, DNA Polymerase, Uracil-DNA Glycosylase, chất phụ trợ, dNTPs trong dung dịch đệm với một chất nhuộm reference dye, các giếng mẫu chứng nội bộ (IC) - LOD: ≤ 9,62 IU/ml - Khoảng tuyến tính từ 7 ±0.2 IU/ml đến 2 tỷ ±20 IU/ml	Test	3.264	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Độ lệch chuẩn tổng: $\leq 0,25SD$ - Độ đặc hiệu tổng: 100% - Độ phản ứng chéo, gây nhiễu khi có vi sinh vật khác: không có - Tỷ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích: 0% Đóng gói: ≤ 250 test/ Hộp			
392	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HBV trên hệ PCR tự động	- Bộ mẫu chuẩn dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng virus HBV - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	39,60	X
393	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HBV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm đo tải lượng virus HBV Thành phần: - Mẫu chứng âm tính: chứa huyết tương người âm tính đã loại bỏ fibrin. - Mẫu chứng dương tính: chứa huyết tương đã bất hoạt bằng nhiệt dương tính với DNA của HBV Đóng gói: ≤ 150 mL/ Hộp	mL	352,80	X
394	Hóa chất xét nghiệm genotype HPV trên hệ PCR tự động	Tối thiểu gồm các thành phần: Các khay khuếch đại chứa các giếng thuốc thử khuếch đại chứa oligonucleotide tổng hợp, DNA Polymerase, Uracil-DNA Glycosylase, và dNTPs trong dung dịch đệm - LOD: ≤ 40 tế bào/xét nghiệm - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: $\geq 93,2\%$ - Độ phản ứng chéo, gây nhiễu khi có vi sinh vật khác: không có - Tỷ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích: 0% Đóng gói: ≤ 500 test/ Hộp	Test	21.120	X
395	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm genotype HPV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm genotype HPV Thành phần: - Mẫu chứng âm HR HPV Negative CTRL - Mẫu chứng dương HR HPV Positive CTRL Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	331,20	X
396	Hóa chất xét nghiệm CT, NG, TV, MG trên hệ PCR tự động	Tối thiểu gồm các thành phần: Các giếng thuốc thử khuếch đại chứa oligonucleotide tổng hợp, DNA Polymerase, Enzyme phiên mã ngược, chất phụ trợ, dNTPs, mẫu chứng nội trong huyết tương người âm tính.	Test	2.688	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- LOD: CT: $\leq 0,5$ đơn vị hình thành thể vùi (IFU)/xét nghiệm; NG: $\leq 1,5$ đơn vị hình thành khuẩn lạc (CFU)/xét nghiệm; TV: $\leq 0,02$ Trophozoite (TV)/xét nghiệm; MG: ≤ 33 genome equivalents/xét nghiệm - Độ nhạy: 100% - Độ phản ứng chéo, gây nhiễu khi có vi sinh vật khác: không có - Tỷ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích: 0% - Đóng gói: ≤ 500 test/ Hộp			
397	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm CT, NG, TV, MG trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm phát hiện RNA của CT, TV, MG và DNA của NG Thành phần: - Mẫu chứng âm tính - Mẫu chứng dương tính Đóng gói: ≤ 150 mL/ Hộp	mL	45,12	X
398	Bộ hóa chất chuẩn bị mẫu xét nghiệm PCR (HPV, CT, NG, TV, MG) trên hệ PCR tự động	- Bộ thuốc thử chiết tách mẫu dùng trên máy RT-PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR. - Thành phần tối thiểu gồm: Các vi hạt từ tính và đệm tách rửa dạng lỏng, có thành phần nước mức phân tử không nuclease, protease, tween 20, guanidine hydrochloride - Đóng gói: ≤ 250 mL/ Hộp	mL	1.600	X
399	Bộ hóa chất chuẩn bị mẫu xét nghiệm PCR (HBV, HCV) trên hệ PCR tự động	- Bộ thuốc thử chiết tách mẫu dùng trên máy RT-PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR. - Thành phần tối thiểu gồm: Các vi hạt từ tính và đệm tách rửa dạng lỏng, có thành phần đệm Kali Photphat, tween 20, vi hạt từ - Đóng gói: ≤ 250 mL/ Hộp	mL	1.288	X
400	Dung dịch ly giải mẫu xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Dung dịch dùng trong bước chiết tách mẫu dùng trên máy RT-PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR. Thành phần: Tối thiểu gồm: - Nước + Đệm Tris+GITC+Tween 20 Trên hệ thống: Nhiệt độ hệ thống Đóng gói: ≤ 2 L/ Hộp	mL	39.000	X
401	Dung dịch Ethanol dùng chuẩn bị mẫu xét nghiệm PCR	Dung dịch dùng trong bước chiết tách mẫu dùng trên máy RT-PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh	mL	5.850	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	trên hệ PCR tự động	học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR. Đóng gói: $\leq 2L$ / Hộp			
402	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	- Dung dịch pha loãng mẫu dùng trong bước chiết tách mẫu dùng trên máy RT- PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR. - Thành phần tối thiểu gồm có: Nước, Proclin 950 - Đóng gói: $\leq 6L$ / Hộp	Lít	156	X
403	Dung dịch dùng chuẩn bị mẫu xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Dung dịch sử dụng trên máy xét nghiệm PCR tự động trong bước chuẩn bị mẫu Thành phần: Dầu khoáng. Đóng gói: $\leq$ 2000 mL/ Hộp	mL	1.950	X
404	Đầu côn 50 μ L kèm khay sử dụng trong xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Đầu tip 50 μ L chuyên dùng cho máy xét nghiệm PCR tự động Thành phần: - Nhựa Polypropylene - PP , gồm 96 tips lắp trên khay nhựa, chuyên dùng trên hệ thống PCR tự động	Tip	46.080	X
405	Đầu côn 1000 μ L kèm khay sử dụng trong xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Đầu côn 1000 μ L chuyên dùng cho máy xét nghiệm PCR tự động Thành phần: - Nhựa Polypropylene - PP, gồm 96 tips lắp trên khay nhựa, chuyên dùng trên hệ thống PCR tự động	Tip	53.760	X
406	Bộ phản ứng tích hợp sử dụng trên hệ PCR tự động	Vật tư chuyên dùng cho máy xét nghiệm PCR tự động Thành phần: tối thiểu gồm Bộ phản ứng tích hợp bằng nhựa sử dụng một lần có chứa các thành phần cần thiết để dùng trong quá trình chiết xuất mẫu và quy trình PCR bao gồm: - Cartridge - Giếng phản ứng - Nắp đậy giếng phản ứng Mỗi Bộ phản ứng tích hợp có 04 dây xử lý (có khả năng chạy 1 - 4 mẫu cùng lúc), mỗi dây xử lý 01 mẫu	Cái	5.200	X
407	Bộ lấy/vận chuyển mẫu xét nghiệm cổ tử cung xét nghiệm HPV sử dụng trong xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Mỗi bộ lấy mẫu dùng một lần chứa các bộ phận sau: • Một ống vận chuyển đã đậy nắp chứa $\geq 2,4$ mL đệm vận chuyển mẫu (guanidine thiocyanate trong đệm Tris) • Một bàn chải tế bào cổ tử cung	Cái	21.500	X
408	Bộ lấy/vận chuyển mẫu nước tiểu, dịch phết cổ tử cung, âm	Mỗi bộ lấy mẫu dùng một lần chứa các bộ phận sau: • Một ống vận chuyển dùng nắp có thể	Bộ	3.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	đạo cho xét nghiệm STI sử dụng trong xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	xuyên qua chứa $\geq 1,2$ mL đệm vận chuyển mẫu (guanidine thiocyanate trong đệm Tris) • Một que swab lấy mẫu vô trùng • Một pipet chuyển loại dùng một lần			
409	Thẻ thông minh xét nghiệm máu lắng	Thẻ thông minh xét nghiệm máu lắng. - Công dụng: cung cấp số lượng xét nghiệm trên máy xét nghiệm máu lắng tự động. - Thành phần: thẻ thông minh	Test	52.800	X
410	Bộ hóa chất thử khí máu, ion đồ, glucose và lactate tích hợp nội kiểm kèm bộ chuẩn CVP có tính năng quản lý chất lượng thông minh IQM	Bộ kit xét nghiệm khí máu, điện giải, chuyển hóa, xét nghiệm các thông số: pH, pO ₂ , pCO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate có tích hợp quản lý chất lượng IQM Thành phần: tối thiểu gồm - Bộ kit bao gồm dung dịch chuẩn, tất cả điện cực đo, kim hút, dây bơm, túi chứa thải tích hợp trong một khối - Khoảng đo: pH 6,80 đến 7,80 $\pm 0,01$; pCO ₂ : 5-115 $\pm 0,05$ mmHg; pO ₂ : từ 0 đến 760 mmHg; Na ⁺ : 100-200 $\pm 0,05$ mmol/L; K ⁺ : 0,1-20,0 $\pm 0,02$ mmol/L; Ca ⁺⁺ : 0,10-5,00 $\pm 0,02$ mmol/L; Glu: 5- 500 $\pm 0,02$ mg/dL; Lac: 0,2-15,0 $\pm 0,02$ mmol/L; Hct: 15-65 $\pm 0,05$ % Đóng gói: ≤ 400 test/ Hộp	Test	31.200	X
411	Nội kiểm xét nghiệm máu lắng	Bộ nội kiểm xét nghiệm máu lắng. - Dùng để nội kiểm máy xét nghiệm máu lắng - Gồm 2 ngưỡng giá trị bình thường và cao. - Thành phần gồm hồng cầu động vật trong dung dịch giống huyết tương. - Sử dụng trên máy không cần mở nắp. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ Hộp	mL	36	X
412	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Xét nghiệm Direct Bilirubin để định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,1$ mg/dL (1,7 $\mu\text{mol/L}$) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,04$ mg/dL (1,7 $\mu\text{mol/L}$) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sulfamic acid; 2, 4- dichloroaniline, Sodium nitrite, HCl - Đóng gói: ≤ 1600 test/ hộp	Test	12.960	X
413	Hóa chất định lượng Bilirubin	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần để định lượng bilirubin toàn phần trong huyết	Test	19.250	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	toàn phần trên máy tự động	thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,3$ mg/dL ($5,1$ μ mol/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1$ mg/dL ($1,7$ μ mol/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: HCl; 2,4-dichloroaniline, Sodium nitrite, Chất bề mặt - Đóng gói: ≤ 3000 test/ hộp			
414	Dung dịch kiểm chuẩn TSH Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroid stimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: TSH (tái tổ hợp) được điều chế trong dung dịch đậm Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	24	X
415	Hóa chất định lượng TSH	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroid stimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,0083$ μ IU/mL (mIU/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,0036$ μ IU/mL (mIU/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti- β TSH (kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đậm; chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	48.400	X
416	Dung dịch kiểm chuẩn Total β -hCG Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: làm từ huyết thanh người. gồm 6 nồng độ khác nhau - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	36	X
417	Hóa chất định lượng Total β -hCG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 2,30$ mIU/mL (IU/L)	Test	15.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,10$ mIU/mL (IU/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-β-hCG (kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong đệm; Anti-β-hCG (kháng thể đơn dòng) chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp			
418	Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cal 1 có - Thành phần đệm TRIS, Cal 2 có Thành phần DNA tái tổ hợp nguồn gốc từ HBeAg trong đệm - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	36	X
419	Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Control (-) có - Thành phần huyết tương người đã vô hóa, Control (+) có - Thành phần DNA tái tổ hợp nguồn gốc từ HBeAg trong đệm TRIS có chất ổn định protein - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	32	X
420	Hóa chất định lượng kháng nguyên e viêm gan B	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,35$ PEI U/mL (IU/mL) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ PEI U/mL (IU/mL) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể kháng kháng nguyên e virus viêm gan B (đơn dòng) phủ trên bề mặt vi hạt trong dung dịch đệm; Kháng thể kháng kháng nguyên e virus viêm gan B có đánh dấu acridinium (đơn dòng) kết hợp trong dung dịch - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	8.800	X
421	Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg Quantitative Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương;	mL	72	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: DNA từ HBeAg tái tổ hợp - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp			
422	Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg Quantitative Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: DNA từ HBeAg tái tổ hợp - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	96	X
423	Dung dịch kiểm chuẩn Ferritin Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: ferritin (từ người) được điều chế trong dung dịch đậm - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	12	X
424	Hóa chất định lượng Ferritin	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 1,98 ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1,04 ng/mL - Thành phần tối thiểu gồm các thành phần: + Microparticle (Anti-Ferritin (kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đậm + Chất kết hợp anti-Ferritin (kháng thể đơn dòng) có đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	10.400	X
425	Dung dịch kiểm chuẩn B12 Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm yếu tố nội miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng vitamin B12 trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần tối thiểu gồm có: cyanocobalamin trong dung dịch đậm - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	72	X
426	Hóa chất định lượng B12	Xét nghiệm yếu tố nội miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng vitamin B12 trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng LOQ: ≤ 148 pg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 109 pg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Yếu tố nội phủ trên Vi hạt trong dung dịch đậm; Chất kết hợp B12 có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm	Test	2.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Xét nghiệm này tuyến tính trong khoảng đo 148 ± 0.02 đến 2000 ± 0.2 pg/mL - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
427	Dung dịch kiểm chuẩn calib Testosterone	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng testosterone trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: testosterone trong dung dịch đệm và chất ổn định protein. - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	90	X
428	Hóa chất định lượng Testosteron	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng testosterone trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng LOQ: $\leq 0,06$ nmol/L - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ nmol/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-testosterone (kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp testosterone có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	4.200	X
429	Dung dịch kiểm chuẩn T3 tự do Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: tối thiểu gồm 6 nồng độ, được chuẩn bị từ huyết thanh người. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
430	Hóa chất định lượng Free T3	Hóa chất định lượng Free T3 : xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng LOQ: $\leq 1,25$ pg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,95$ pg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: anti-T3 phủ vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp T3 đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm	Test	13.000	X
431	Dung dịch kiểm chuẩn T4 Free Calibrator	Dung dịch kiểm chuẩn T4 Free Calibrator: hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: tối thiểu gồm 6 nồng độ được làm từ huyết thanh người.	mL	72	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
432	Hóa chất định lượng T4 free	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 0,42 ng/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,28 ng/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: anti-T4 phủ trên Vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp T3 đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm	Test	35.400	X
433	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs Calibrator	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	126	X
434	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs Control	Hoá chất kiểm chuẩn control xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	216	X
435	Hóa chất định lượng Anti-HBs trên máy tự động	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti- HBs) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 2,00 mIU/mL (IU/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,77 mIU/mL (IU/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên bề mặt viêm gan B phủ trên vi hạt trong đệm; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm	Test	93.600	X
436	Dung dịch kiểm chuẩn AFP Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha- fetoprotein (AFP); - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
437	Hóa chất định lượng AFP nguyên tắc miễn dịch	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha-fetoprotein (AFP); - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 0,5 ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,04 ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-AFP phủ trên vi hạt trong đệm; Anti-AFP (kháng thể đơn dòng)	Test	26.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm			
438	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương; Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	12	X
439	Hóa chất định lượng Anti-HCV	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: HCV vi hạt phủ kháng nguyên trong dung dịch đậm; anti-IgG/anti-IgM đánh dấu acridinium kết hợp trong dung dịch - Độ nhạy toàn phần là 100.00% với độ tin cậy 95% trong khoảng từ 99.10% đến 100.00% - Độ đặc hiệu (95% CI) là $\geq 99.92\%$	Test	63.000	X
440	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Ag/Ab Combo Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	21	X
441	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Ag/Ab combo	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: control âm và 3 nồng độ chứng dương - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	192	X
442	Hóa chất định lượng HIV Ag/Ab	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV- 2) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên HIV-1/HIV-2 (tái tổ hợp) và kháng thể HIV phủ trên vi hạt trong muối đậm; Kháng nguyên HIV-1	Test	13.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		(tái tổ hợp) có đánh dấu acridinium, các peptid tổng hợp HIV-1/HIV-2 có đánh dấu acridinium, và kháng thể HIV có đánh dấu acridinium - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu (CI 95%): $\geq 99,91\%$			
443	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm vi hạt hoá phát quang định lượng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: HBsAg người tinh sạch đã bất hoạt (nhóm phụ ad) được chuẩn bị trong muối đệm phosphate với chất ổn định protein (huyết tương người). - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
444	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Control	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Control: hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: control (-), control (+) có HBsAg người được tinh sạch đã bất hoạt - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	96	X
445	Hóa chất định lượng HBsAg	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,02$ IU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,02$ IU/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-HBs (kháng thể đơn dòng IgG, IgM) phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp anti-HBs (IgG) có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm	Test	600	X
446	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Qualitative II Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	mL	30	X
447	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Qualitative II Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	mL	112	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần: HBsAg người được tinh sạch dạng bất hoạt trong dung dịch đệm, chất ổn định protein - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
448	Hóa chất định tính HBsAg Qualitative II	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-HBs (kháng thể đơn dòng, IgM, IgG) phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp Anti-HBs (kháng thể đơn dòng IgG) và anti-HBs có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Độ nhạy toàn phần của xét nghiệm là 100% với độ tin cậy 95%. - Độ đặc hiệu đạt $\geq 99,96\%$ tại khoảng tin cậy 95%	Test	88.800	X
449	Dung dịch kiểm chuẩn STAT High Sensitive Troponin- I Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh; - Thành phần tối thiểu gồm có: các nồng độ khác nhau của phức hợp troponin I tái tổ hợp - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
450	Dung dịch kiểm chuẩn STAT High Sensitive Troponin- I Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: phức hợp troponin I tái tổ hợp - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	48	X
451	Hóa chất định lượng Troponin-I cấp cứu siêu nhạy	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 5,1$ pg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,6$ pg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-troponin I (kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp Anti-troponin I (đơn dòng) có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Khoảng đo của xét nghiệm STAT High Sensitive Troponin-I là ≤ 10 đến ≥ 50 000 pg/mL - Độ nhạy phân tích đạt $\geq 81,05\%$ - Độ đặc hiệu đạt từ $\geq 79,98\%$ - Giá trị tiên đoán âm đạt $\geq 97,53\%$	Test	5.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp			
452	Dung dịch kiểm chuẩn 25-OH Vitamin D Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng 25- hydroxyvitamin D (25-OH vitamin D) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: có các nồng độ 25-OH vitamin D khác nhau. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
453	Hóa chất định lượng 25-OH Vitamin D	Hoá chất xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng 25- hydroxyvitamin D (25-OH vitamin D) - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 3,5$ ng/mL (8,8 nmol/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 3,5$ ng/mL (8,8 nmol/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-vitamin D IgG (đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Vitamin D đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	2.200	X
454	Dung dịch kiểm chuẩn HE4 Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
455	Hóa chất định lượng HE4	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 2,0$ pmol/L - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5$ pmol/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-HE4 (kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Anti-HE4 (kháng thể đơn dòng) chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.200	X
456	Dung dịch kiểm chuẩn EBV VCA IgG Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgG kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	6	X
457	Dung dịch kiểm chuẩn EBV VCA	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện	mL	32	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	IgG Control	kháng thể IgG kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
458	Hóa chất định tính EBV VCA IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgG kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên EBV VCA phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp anti-human IgG (từ chuột) có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.000	X
459	Dung dịch kiểm chuẩn EBV VCA IgM Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgM kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	6	X
460	Dung dịch kiểm chuẩn EBV VCA IgM Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgM kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	32	X
461	Hóa chất định tính EBV VCA IgM	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgM kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên EBV VCA phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp kháng thể chuột kháng IgM người trong dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.200	X
462	Dung dịch kiểm chuẩn ProGRP Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng ProGRP trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
463	Dung dịch kiểm chuẩn ProGRP Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng ProGRP trong huyết thanh và huyết	mL	48	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
464	Hóa chất định lượng ProGRP	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng ProGRP trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,93$ pg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,69$ pg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-ProGRP phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp Anti- ProGRP đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	800	X
465	Dung dịch kiểm chuẩn SCC Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (squamous cell carcinoma antigen SCC Ag) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: chứa SCC Ag (từ người) được chuẩn bị trong đệm borate với chất ổn định protein (từ bò).	mL	36	X
466	Dung dịch kiểm chuẩn SCC Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (squamous cell carcinoma antigen SCC Ag) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	48	X
467	Hóa chất định lượng SCC	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (squamous cell carcinoma antigen SCC Ag) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,1$ ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1$ ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể kháng kháng nguyên SCC phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Kháng thể kháng kháng nguyên SCC có đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.200	X
468	Dung dịch kiểm chuẩn CYFRA 21- 1 Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	mL	72	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
469	Hóa chất định lượng CYFRA 21-1	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,15$ ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,05$ ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-CYFRA 21-1 phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp Anti- CYFRA 21-1 có đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp	Test	8.000	X
470	Dung dịch kiểm chuẩn PIVKA-II Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
471	Dung dịch kiểm chuẩn PIVKA-II Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	48	X
472	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgG Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
473	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgG Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	96	X
474	Hóa chất định lượng kháng thể CMV IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Khoảng đo từ $1,1 \pm 0,01$ đến $250 \pm 0,9$ AU/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: CMV virus lysate phủ trên vi hạt trong dung dịch ; Chất đánh dấu acridinium murine anti-human IgG trong dung dịch - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.400	X
475	Dung dịch kiểm	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi	mL	6	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	chuẩn CMV IgM Calibrator	hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
476	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgM Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	16	X
477	Hóa chất định tính CMV IgM	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng phát hiện $\geq 1,00$ Index / S/CO. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: CMV virus lysate và kháng nguyên CMV tái tổ hợp phủ trên vi hạt trong dung dịch; Chất kết hợp có đánh dấu acridinium murine anti-human IgM trong dung dịch - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.400	X
478	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgG Calibrators	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
479	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgG Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: Control âm, control dương	mL	48	X
480	Hóa chất định lượng Toxo IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,2$ IU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,2$ IU/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên tái tổ hợp Toxoplasma gondii phủ trên vi hạt trong dung dịch đậm; Chất kết hợp gồm kháng thể kháng IgG người có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.000	X
481	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgM Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma	mL	6	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		gondii trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
482	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgM Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	16	X
483	Hóa chất xét nghiệm định tính Toxo IgM	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng phát hiện: ≤ 0,60 Index. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể kháng IgM người phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Phức hợp chất kết hợp gồm kháng thể kháng kháng nguyên Toxoplasma - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.000	X
484	Dung dịch kiểm chuẩn C-Peptide Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm vi hạt hoá phát quang để định lượng C-Peptide trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
485	Dung dịch kiểm chuẩn C-Peptide Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm vi hạt hoá phát quang để định lượng C-Peptide trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	48	X
486	Hóa chất định lượng C-Peptide	Xét nghiệm vi hạt hoá phát quang để định lượng C-Peptide trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu; - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 0,03 ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,03 ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-human C-peptide phủ trên vi hạt trong dung dịch; Chất kết hợp kháng thể kháng C-peptide người có đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.200	X
487	Dung dịch kiểm chuẩn Folate Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm Protein gắn kết Folate dạng vi hạt hóa phát quang để định lượng folate trong huyết thanh, huyết tương và tế bào hồng cầu; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
488	Hóa chất định lượng Folate	Xét nghiệm Protein gắn kết Folate dạng vi hạt hóa phát quang để định lượng folate trong huyết thanh, huyết tương và tế bào hồng cầu; sử dụng cho máy xét	Test	3.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 2,2$ ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,4$ ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Protein gắn với anti-Folate bắt cặp với vi hạt gắn kết ái lực với Folate Binding Protein; Acid Pteric gắn chất kết hợp có đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp			
489	Dung dịch kiểm chuẩn Intact PTH Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon tuyến cận giáp không biến đổi (intact PTH) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
490	Hóa chất định lượng Intact PTH	Xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon tuyến cận giáp không biến đổi (intact PTH) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 1 pg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,5$ pg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-PTH phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp Anti-PTH đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp	Test	1.600	X
491	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-TPO Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự thân với men peroxidase của tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
492	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-TPO Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự thân với men peroxidase của tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	32	X
493	Hóa chất định lượng Anti-TPO	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự thân với men peroxidase của tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,21$ IU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,03$ IU/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thyroid peroxidase phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp kháng IgG người có đánh dấu	Test	2.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		acridinium trong dung dịch - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp			
494	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	64	X
495	Hóa chất định lượng bạch cầu	Thuốc thử WBC dành cho máy phân tích huyết học. - Thành phần tối thiểu gồm có: Potassium Bicarbonate, Ammonium Chloride, Formaldehyde, Sodium Acetate, Saponin, Nuclear Stain - Đóng gói: ≤ 6 L/ hộp	Lít	534,30	X
496	Hóa chất định lượng hồng cầu lưới	Thuốc thử RETIC dành cho máy phân tích huyết học. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Imidazole, Sodium chloride, Nuclear stain, Chất bề mặt Đóng gói: ≤ 3 L/ hộp	mL	10.360	X
497	Hóa chất định lượng hemoglobin	- Thuốc thử HGB phá hủy màng hồng cầu và Bạch cầu dành cho máy phân tích huyết học. - Thành phần tối thiểu gồm có: Imidazole, Sodium Hydroxide Đóng gói: ≤ 6 L/ hộp	Lít	904,80	X
498	Dung dịch rửa dành cho máy phân tích huyết học	Dung dịch rửa dành cho máy phân tích huyết học. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium hypochlorite, Sodium hydroxide - Đóng gói: ≤ 6 L/ hộp	Lít	56	X
499	Dung dịch pha loãng dành cho máy phân tích huyết học	Dung dịch pha loãng dành cho máy phân tích huyết học . - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium Phosphate Dibasic, Sodium Chloride - Đóng gói: ≤ 15 L/ hộp	Lít	4.972,80	X
500	Dung dịch kiểm chuẩn sử dụng cho xét nghiệm phân tích huyết học tự động	Mẫu chứng có giá trị ổn định cho máy phân tích huyết học. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hồng cầu người và động vật có vú được ổn định, bạch cầu người, động vật có vú hoặc mô phỏng tương tự, và thành phần tiểu cầu. - Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp	mL	972	X
501	Hóa chất định lượng Vancomycin	Xét nghiệm vancomycin để định lượng vancomycin trong huyết thanh hoặc huyết tương; sử dụng cho máy xét	Test	10.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 1,4 \mu\text{g/mL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,6 \mu\text{g/mL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng Anti-vancomycin (chuột), Vi hạt phủ Vancomycin - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp			
502	Hóa chất định lượng Uric Acid	Xét nghiệm Uric Acid để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,3 \text{ mg/dL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,3 \text{ mg/dL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 4-aminoantipyrine, peroxidase, and uricase - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	25.200	X
503	Hóa chất định lượng Glucose	Xét nghiệm Glucose định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu hay dịch não tủy (CSF); sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): Serum/Plasma: $\leq 2,25 \text{ mg/dL}$ Urine/CSF: $\leq 0,86 \text{ mg/dL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): Serum/Plasma: $\leq 0,55 \text{ mg/dL}$ Urine/CSF: $\leq 0,40 \text{ mg/dL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: ATP $\cdot 2\text{Na}$, NAD, G-6-PDH, Hexokinase - Đóng gói: ≤ 5000 test/ hộp	Test	44.000	X
504	Hóa chất định lượng Calcium	Xét nghiệm Calcium để định lượng canxi trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 1,0 \text{ mg/dL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,3 \text{ mg/dL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: arsenazo-III dye, sodium acetate - Đóng gói: ≤ 5000 test/ hộp	Test	38.000	X
505	Hóa chất định lượng Amylase	Xét nghiệm Amylase để định lượng amylase trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 3 \text{ U/L}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1 \text{ U/L}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	Test	1.920	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần: α -glucosidase, thylidene-4-NP-G7, sodium azide. - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp			
506	Hóa chất định lượng LDL một cách trực tiếp	Xét nghiệm Direct LDL để định lượng trực tiếp cholesterol lipoprotein tỉ trọng thấp (LDL) trong huyết thanh hay huyết tương người; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 1 mg/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1 mg/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase; Peroxidase; 4-aminoantipyrine; Ascorbic acid oxidase, Dung dịch đệm MES - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	23.200	X
507	Hóa chất định lượng Gamma- Glutamyl Transferase	Xét nghiệm Gamma-Glutamyl Transferase (GGT) để định lượng gamma-glutamyl transferase trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 5 U/L - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 2 U/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycylglycine, L-gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide, ammonium salt - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	25.200	X
508	Hóa chất định lượng HDL - cholesterol	Xét nghiệm Ultra HDL để định lượng cholesterol lipoprotein tỷ trọng cao trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 5 mg/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 1 mg/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cholesterol oxidase, Peroxidase, Cholesterol esterase, 4-aminoantipyrine - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	29.400	X
509	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	Xét nghiệm Cholesterol để định lượng cholesterol trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 6 mg/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 3 mg/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cholesterol Oxidase, Cholesterol Esterase, Peroxidase, 4-Aminoantipyrine - Đóng gói: ≤ 5000 test/ hộp	Test	16.720	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
510	Hóa chất định lượng Triglyceride	Xét nghiệm Triglyceride để định lượng triglyceride trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 6,2$ mg/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 2 mg/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: ATP, Mg^{2+} , 4-aminoantipyrine, 4-chlorophenol, Peroxidase, Lipoprotein lipase - Đóng gói: ≤ 5000 test/ hộp	Test	20.000	X
511	Hóa chất kiểm chuẩn Bilirubin Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm Bilirubin, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp	mL	120	X
512	Hóa chất định lượng Alanine Aminotransferase	Xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT) để định lượng alanine aminotransferase trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 7 U/L - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 2 U/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: L-alanine, β -NADH, lactate dehydrogenase - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	38.400	X
513	Hóa chất định lượng Creatinine	Xét nghiệm Creatinine để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 3 mg/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 2 mg/dL Urine: $\leq 2,07$ mg/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Picric acid - Đóng gói: ≤ 5000 test/ hộp	Test	45.000	X
514	Hóa chất kiểm chuẩn Microalbumin Calibrators	Hoá chất chuẩn xét nghiệm Microalbumin để định lượng albumin trong nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần: - Thành phần albumin huyết thanh người. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
515	Hóa chất định lượng Microalbumin	Xét nghiệm Microalbumin để định lượng albumin trong nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 1,3$ μ g/mL (mg/L)	Test	5.760	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,4 \mu\text{g/mL}$ (mg/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium chloride, Sodium hydroxide, Antihuman albumin antibody, Sodium chloride, Hydrochloric acid - Đóng gói: ≤ 1000 test/ hộp			
516	Dung dịch kiểm chuẩn các thuốc	Dung dịch kiểm chuẩn các thuốc: hoá chất chuẩn xét nghiệm Amikacin, Carbamazepine, Digoxin, Gentamicin, Phenobarbital, Phenytoin, Quinidine, Theophylline, Valproic Acid, và Vancomycin trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
517	Hóa chất định lượng Urea	Xét nghiệm Urea Nitrogen để định lượng urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): Serum/Plasma: ≤ 3 mg/dL - Urine: $\leq 40,0$ mg/dL - Ngưỡng phát hiện (LOD): Serum/Plasma: ≤ 2 mg/dL - Urine: ≤ 20 mg/dL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NADH, α-Ketoglutaric Acid, Urease, GLD, Adenosine Diphosphate - Đóng gói: ≤ 5000 test/ hộp	Test	36.000	X
518	Hóa chất định lượng Aspartate Aminotransferase	Xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST) để định lượng aspartate aminotransferase trong huyết thanh hoặc huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 5 U/L - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 4 U/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: L-aspartic acid, β-NADH, lactate dehydrogenase và chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	44.400	X
519	Dung dịch kiểm chuẩn Ammonia Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm Ammonia Ultra để định lượng enzym của ammonia trong huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	30	X
520	Hóa chất định lượng Ammonia	Xét nghiệm Ammonia Ultra để định lượng enzym của ammonia trong huyết	Test	3.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Ultra	tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 23 \mu\text{g/dL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 15 \mu\text{g/dL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: TRIS buffer, α -ketoglutarate, NADH, GLDH, LDH; - Đóng gói: ≤ 1000 test/ hộp			
521	Hóa chất định lượng Transferrin trên máy sinh hóa tự động	Xét nghiệm Transferrin được sử dụng để định lượng transferrin trong huyết thanh hoặc huyết tương người; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 5 \text{ mg/dL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 4 \text{ mg/dL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polyethylene glycol, Kháng thể kháng transferrin người từ huyết thanh dê - Đóng gói: ≤ 1000 test/ hộp	Test	2.400	X
522	Dung dịch tẩy rửa máy hàng ngày A	Dung dịch Detergent A chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá tự động, được dùng trong quy trình bảo dưỡng hàng ngày, trong một số quy trình kiểm tra, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 2-aminoethanol; Sodium acetate; 3-methyl-3-methoxybutanol; Diethylene glycol monoethyl ether; Polyoxyethylene polyoxypropylene blockpolymer; Polyoxyethylene polyoxypropylene blockpolymer; Polyoxyalkylene ether; Polyoxyethylene ether; Citric acid - Đóng gói: $\leq 2\text{L/}$ hộp	mL	22.600	X
523	Dung dịch tẩy rửa máy hàng ngày B	Dung dịch Detergent B, được dùng trong quy trình bảo dưỡng hàng ngày, trong một số quy trình kiểm tra, để giảm nhiễm chéo giữa các xét nghiệm thực hiện; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nonylphenol ethoxylate, Sodium hydroxide - Đóng gói: $\leq 2\text{L/}$ hộp	mL	4.520	X
524	Hóa chất định lượng Gentamicin	Xét nghiệm Gentamicin để định lượng gentamicin trong huyết thanh hoặc huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,5 \mu\text{g/mL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1 \mu\text{g/mL}$	Test	1.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng (từ chuột) kháng gentamicin Albumin huyết thanh bò, Vi hạt phủ Gentamicin, Albumin huyết thanh bò - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp			
525	Hóa chất định lượng AMIKACIN	Xét nghiệm Amikacin được sử dụng để thực hiện định lượng amikacin trong huyết thanh hoặc huyết tương người; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 2,3 \mu\text{g/mL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 1,1 \mu\text{g/mL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể Anti-amikacin monoclonal (chuột), microparticles phủ amikacin. - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	1.800	X
526	Dung dịch kiểm chuẩn các xét nghiệm sinh hóa mức thấp	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa trong huyết thanh, nồng độ thấp, được điều chế từ huyết thanh người có bổ sung những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	240	X
527	Dung dịch kiểm chuẩn các xét nghiệm sinh hóa mức trung bình	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa trong huyết thanh, nồng độ trung bình, được điều chế từ huyết thanh người có bổ sung những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	240	X
528	Dung dịch kiểm chuẩn các xét nghiệm sinh hóa mức cao	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa trong huyết thanh, nồng độ cao, được điều chế từ huyết thanh người có bổ sung những nguyên vật liệu hóa sinh đã được tinh sạch - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	240	X
529	Dung dịch kiểm chuẩn Tacrolimus Calibrator	Hóa chất được sử dụng để hiệu chuẩn máy khi thực hiện định lượng tacrolimus trong mẫu máu toàn phần người. - Thành phần: được điều chế với máu toàn phần người đã xử lý, gồm 6 lọ có chứa tacrolimus với các nồng độ khác nhau - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	63	X
530	Hóa chất sử dụng chiết tách Tacrolimus	Hóa chất được sử dụng để chiết tách tacrolimus từ các mẫu (mẫu bệnh phẩm là mẫu máu toàn phần người, mẫu chứng và mẫu chuẩn Tacrolimus), được thực hiện trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	mL	183,60	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: dung dịch kẽm sulfate trong methanol và ethylene glycol. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
531	Hóa chất định lượng Tacrolimus	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng tacrolimus trong máu toàn phần, thực hiện trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-tacrolimus phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp tacrolimus có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Quy cách đóng gói: ≤ 200 test/ hộp.	Test	1.200	X
532	Ống tiền xử lý cho xét nghiệm ghép tạng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Ống tiền xử lý (Transplant Pretreatment tube) cho xét nghiệm ghép tạng, thực hiện trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Ống	700	X
533	Dung dịch kiểm chuẩn calib CEA	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư phôi carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	24	X
534	Hóa chất xét nghiệm CEA	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư phôi carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 1,73$ ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,42$ ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-CEA phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp kháng thể kháng CEA đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm phosphate	Test	13.800	X
535	Hóa chất định lượng Total PSA	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PSA toàn phần (cả PSA tự do và PSA phức hợp với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,025$ ng/mL ($\mu\text{g/L}$) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,003$ ng/mL ($\mu\text{g/L}$) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-PSA phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp Anti-PSA	Test	4.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm			
536	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-CCP Calibrator	Hóa chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	72	X
537	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-CCP Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	56	X
538	Hóa chất định lượng Anti-CCP	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: CCP phủ trên vi hạt trong dung dịch đậm; Kháng thể chuột kháng IgG ở người; Chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	10.000	X
539	Hóa chất hiệu chuẩn Cyclosporine	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng cyclosporine trong máu toàn phần, sử dụng cho máy miễn dịch tự động. - Thành phần: gồm 6 mức nồng độ khác nhau - Đóng gói: ≤ 80 mL/ hộp	mL	108	X
540	Hóa chất định lượng Cyclosporine	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng cyclosporine trong máu toàn phần, sử dụng cho máy miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-cyclosporine, Chất kết hợp cyclosporine có đánh dấu acridinium trong dung dịch đậm - Giới hạn phát hiện: ≤ 5.9 ng/mL - Xét nghiệm này tuyến tính trong khoảng đo phân tích từ 18.0 ± 0.02 đến 1500.0 ± 0.08 ng/mL - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	400	X
541	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg thể hệ mới, dùng cho máy miễn dịch tự	mL	30	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	HBsAg thể hệ mới	động. - Thành phần gồm có Cal 1, Cal 2 với 2 nồng độ khác nhau - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
542	Hóa chất hiệu chứng xét nghiệm HBsAg thể hệ mới	Hóa chất hiệu chứng xét nghiệm HBsAg thể hệ mới, dùng cho máy miễn dịch tự động. - Thành phần: + Control + + Control - - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	64	X
543	Hóa chất xét nghiệm HBsAg thể hệ mới	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang (CMIA) để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người, - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: anti-HBs phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Anti-HBs (Dê, IgG) có đánh dấu acridinium trong dung dịch - Độ nhạy toàn phần: 100%, Độ nhạy phân tích của xét nghiệm trong khoảng $4.50 \pm 0,01$ đến $5.97 \pm 0,01$ mIU/mL. - Độ đặc hiệu: $\geq 99.96\%$ - Ngưỡng phát hiện: ≤ 1.00 S/CO	Test	10.800	X
544	Dung dịch kiểm chuẩn Active-B12 Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm vi hạt hoá phát quang cho định lượng Holotranscobalamin trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
545	Dung dịch kiểm chuẩn Active-B12 Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm vi hạt hoá phát quang cho định lượng Holotranscobalamin trong huyết thanh và huyết tương; - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	64	X
546	Hóa chất định lượng Active-B12	Xét nghiệm vi hạt hoá phát quang cho định lượng Holotranscobalamin trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 5,0$ pmol/L - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,3$ pmol/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể kháng Holotranscobalamin phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp kháng thể kháng transcobalamin có đánh dấu acridinium - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.200	X
547	Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động	Dung dịch đặt trên hệ thống, được dùng trong quy trình bảo dưỡng hàng ngày,	mL	6.780	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		trong một số quy trình kiểm tra, và được dùng kết hợp với tính năng SmartWash để giảm nhiễm chéo giữa các xét nghiệm; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Citric acid monohydrate; Oxalic acid dihydrate; Polyethylene glycol; Methanol; Monochloroacetic - Đóng gói: ≤ 2L/ hộp			
548	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang thực hiện định lượng enolase đặc hiệu thần kinh (NSE) trong huyết thanh người, sử dụng cho máy miễn dịch tự động. - Thành phần: chứa NSE người trong dung dịch đệm phosphate có tối thiểu 6 nồng độ khác nhau + Chất bảo quản: natri azide và tác nhân kháng vi sinh vật. - Đóng gói: ≤ 1000 mL/ hộp	mL	84	X
549	Hóa chất xét nghiệm định lượng NSE	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang thực hiện định lượng enolase đặc hiệu thần kinh (NSE) trong huyết thanh người, sử dụng cho máy miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-NSE (kháng thể đơn dòng, chuột), Anti-NSE (kháng thể đơn dòng, chuột) có đánh dấu acridinium - Giới hạn phát hiện: ≤ 0.3 ng/mL (µg/L) - Xét nghiệm này tuyến tính trong khoảng đo từ 1.6±0.02 đến 400.0±0.02 ng/mL. - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
550	Dung dịch bảo dưỡng máy sinh hóa	Dung dịch đặt trên hệ thống, được dùng trong quy trình bảo dưỡng tự động hàng ngày và trong một số quy trình kiểm tra thực hiện trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch khử khuẩn bồn nước được dùng để phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn. Lyophilized Cleaning Solution. - Đóng gói: ≤ 3L/ hộp	mL	1.908	X
551	Hóa chất hiệu chứng các xét nghiệm ghép tạng: cyclosporin, sirolimus,	Hóa chất hiệu chứng cho các xét nghiệm ghép tạng (cyclosporin, sirolimus, tacrolimus), - Thành phần: được điều chế từ máu toàn phần người, được cung cấp ở dạng	mL	48	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	tacrolimus	lỏng, thuận tiện cho sử dụng. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
552	Cột sắc ký định lượng HbA1C	Cột sắc ký định lượng HbA1c - Đặc tính, công dụng: sử dụng cho đo lượng Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần, dựa trên phương pháp sắc ký lỏng cao áp - Thành phần: Cột được đóng gói sẵn với hạt nhựa Resin trao đổi cation	Cột	2	X
553	Vật dụng lọc sử dụng cho máy phân tích HbA1C	Vật dụng lọc sử dụng cho máy phân tích HbA1C - Đặc tính, công dụng: bảo vệ cột khỏi các chất không tinh khiết trong máu - Thành phần: nhựa	Cái	5	X
554	Dung dịch đệm 1 sử dụng cho máy sắc ký HbA1c	Dung dịch đệm 1 sử dụng cho máy sắc ký HbA1c - Đặc tính, công dụng: sử dụng cho đo lượng Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần - Thành phần: Tối thiểu gồm các dung dịch axit hữu cơ	mL	168.000	X
555	Dung dịch 2 sử dụng cho máy sắc ký HbA1c	Dung dịch đệm 2 sử dụng cho máy sắc ký HbA1c - Đặc tính, công dụng: sử dụng cho đo lượng Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần - Thành phần tối thiểu gồm các dung dịch axit hữu cơ	mL	117.600	X
556	Dung dịch 3 sử dụng cho máy sắc ký HbA1c	Dung dịch đệm 3 sử dụng cho máy sắc ký HbA1c - Đặc tính, công dụng: sử dụng cho đo lượng Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần - Thành phần: Tối thiểu gồm các dung dịch axit hữu cơ	mL	15.200	X
557	Dung dịch rửa máy sử dụng cho máy sắc ký HbA1c	Dung dịch rửa máy sử dụng cho máy sắc ký HbA1c - Đặc tính, công dụng: được sản xuất cho các máy HbA1c, dựa trên Phương pháp sắc ký lỏng cao áp - Thành phần tối thiểu gồm có: chứa nước loại ion, EDTA, Triton X.	Lít	576	X
558	Dung dịch kiểm chuẩn Hemoglobin A1c Calibrator sử dụng cho máy sắc ký	Dung dịch kiểm chuẩn Hemoglobin A1c Calibrator sử dụng cho máy sắc ký - Đặc tính, công dụng: để hiệu chuẩn các máy phân tích Glycohemoglobin tự động Đóng gói: ≤ 60 mL/ hộp	mL	120	X
559	Dung dịch kiểm chuẩn Hemoglobin	Dung dịch kiểm chuẩn Hemoglobin A1c Control sử dụng cho máy sắc ký	mL	8	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	A1c Control sử dụng cho máy sắc ký	- Đặc tính, công dụng: kiểm soát chất lượng các máy phân tích Glycohemoglobin tự động, chế độ phân tích chuẩn và chế độ phân tích biến thể - Thành phần: được chuẩn bị từ tế bào máu người, với 2 mức level HbA1c & được đông khô. Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp			
560	Hóa chất control 1 kiểm chuẩn các thông số trong nước tiểu	+ Hóa chất nội kiểm 1 nước tiểu chứng dương + Đặc tính, công dụng: Dùng để hiệu chuẩn máy nước tiểu Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	mL	960	X
561	Hóa chất control 2 kiểm chuẩn các thông số trong nước tiểu	+ Hóa chất nội kiểm 2 nước tiểu chứng dương + Đặc tính, công dụng: Dùng để hiệu chuẩn máy nước tiểu Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	mL	2.160	X
562	Test thử cận lắng nước tiểu đo trên máy tự động	+ Test thử cận lắng nước tiểu, đo được ≥ 14 thông số + Đặc tính, công dụng: dùng để phân tích cận lắng nước tiểu + Thành phần: Tối thiểu gồm Polycarbonate	Test	4.200	X
563	Dung dịch rửa máy phân tích nước tiểu	Dung dịch rửa máy nước tiểu - Đặc tính, công dụng: Dùng để rửa máy. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hexadecyltrimethylammonium hydrogen sulfate, magnesium chloridehexahydrate surfactant, Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp	mL	4.368	X
564	Hóa chất chuẩn Cal xét nghiệm nước tiểu sử dụng trên máy nước tiểu tự động	+ Hóa chất chuẩn máy nước tiểu + Đặc tính, công dụng: Dùng để hiệu chuẩn máy, gồm ≥ 4 nồng độ khác nhau Đóng gói: ≤ 2 L/ hộp	mL	8.280	X
565	Hóa chất xét nghiệm urinalysis cassette	Hóa chất phân tích nước tiểu. - Đặc tính, công dụng: dùng để phân tích nước tiểu. - Thành phần: đo được các thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Ketone, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen, tỷ trọng - Bảo quản cassette kín trong phòng nhiệt độ $15 - 30^{\circ}\text{C}$ và chắc chắn rằng độ ẩm không vượt 80%	Test	703.800	X
566	Hóa chất xét nghiệm Human Anti Smooth	- Thành phần: .Tối thiểu gồm các thành phần: + khay 96 giếng, Positive Control,	Test	384	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	muscle antibody phương pháp ELISA	Negative Control + HRP Conjugate Reagent, TMB substrate Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
567	Hóa chất xét nghiệm ANA-8- Profile phương pháp ELISA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme pha rắn dùng phương pháp định tính để phát hiện riêng biệt các kháng thể IgG kháng lại tám kháng nguyên tế bào và hạt nhân (ANA) trong huyết thanh người * Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm và chất chuẩn - Kháng thể kháng globulin miễn dịch người liên hợp với horseradish peroxidase, TMB cơ chất - Khay vi giếng: Các giếng được tách riêng với snRNP, SS-B, SS-A 52 kDa, Scl 70, protein tâm động B (CenpB), Jo- 1 tái tổ hợp và snRNP/Sm, Sm và SS-A người, tự nhiên, tinh khiết. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	2.880	X
568	Hóa chất xét nghiệm ANA-8- Screen phương pháp ELISA	* Xét nghiệm định tính PP miễn dịch enzyme pha rắn để phát hiện đồng thời các kháng thể IgG kháng lại tám kháng nguyên tế bào và hạt nhân(ANA) trong huyết thanh người. *Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm, Chứng dương. Kháng thể kháng immunoglobulin người liên kết với horseradish peroxidase - Khay vi giếng: Mỗi giếng được phủ U1-snRNP 70 kDa, SS-B, SS-A 52 kDa, Scl 70, Centromere Protein B (CenpB), Jo-1 tái tổ hợp và snRNP/Sm, Sm và SS- A người, tự nhiên, tinh sạch cao. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	672	X
569	Hóa chất xét nghiệm ANCA-Pro phương pháp ELISA	* Xét nghiệm miễn dịch enzyme giai đoạn rắn sử dụng myeloperoxidase (MPO) và proteinase 3 (PR3) tự nhiên để phát hiện bán định lượng và định tính riêng biệt các kháng thể kháng lại các kháng nguyên này trong huyết thanh của người. * Thành phần tối thiểu gồm có: - Chất hiệu chuẩn: gồm ≥ 4 nồng độ khác nhau - Kháng thể miễn dịch người liên kết với horseradish peroxidase, albumin huyết thanh bò (BSA)	Test	1.728	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
570	Hóa chất xét nghiệm MPO (p- ANCA) phương pháp ELISA	* Định tính/ định lượng kháng thể kháng MPO trong huyết thanh người *Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn - Kháng thể kháng globulin miễn dịch người liên kết với horseradish peroxidase, - Khay vi giếng: Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.344	X
571	Hóa chất xét nghiệm PR3 (c- ANCA) phương pháp ELISA	*Định tính và định lượng kháng thể kháng proteinase 3 trong huyết thanh người * Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.248	X
572	Hóa chất xét nghiệm LKM-1 phương pháp ELISA	* Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase - Khay vi giếng Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.536	X
573	Hóa chất xét nghiệm Sm phương pháp ELISA	* Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn - Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase, albumin huyết thanh bò (BSA) Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.248	X
574	Hóa chất xét nghiệm SS-A phương pháp ELISA	Định lượng và định tính của kháng thể kháng Ro/ SS-A trong huyết thanh người * Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương	Test	576	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
575	Hóa chất xét nghiệm SS-B phương pháp ELISA	Định lượng và định tính kháng thể kháng kháng nguyên La/ SS-B trong huyết thanh người * Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	576	X
576	Hóa chất xét nghiệm Phospholipid-8 screen phương pháp ELISA	Hóa chất xét nghiệm Phospholipid-8 screen. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase, albumin huyết thanh bò (BSA) - Khay vi giếng Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.728	X
577	Hóa chất xét nghiệm Cardiolipin phương pháp ELISA	* Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	2.496	X
578	Hóa chất xét nghiệm AMA-M2 phương pháp ELISA	* Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn - Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase, albumin huyết thanh bò (BSA) Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	192	X
579	Hóa chất xét nghiệm ANA IgG phương pháp ELISA	Xét nghiệm miễn dịch (ELISA) dùng định tính các kháng thể IgG kháng nhân (ANA). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: khay 96 giếng, chứng âm, chứng dương, Wash buffer. Độ nhạy ≥ 98%, Độ đặc hiệu ≥ 98%	Test	10.176	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
580	Hóa chất xét nghiệm HEV IgG phương pháp ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Chứng âm + Chứng dương + Chất hiệu chuẩn + Enzyme liên hợp, chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể dê đa dòng kháng IgG người, - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	192	X
581	Hóa chất xét nghiệm HEV IgM phương pháp ELISA	Tối thiểu gồm các thành phần: + Khay vi giếng, + Chứng âm + Chứng dương + Đệm rửa đậm đặc. Enzyme liên hợp, chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa dòng IgM người + Chất tạo màu/cơ chất TMB, Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	960	X
582	Hóa chất xét nghiệm IGF-1-600 quantitative	Định lượng IGF-1 trong huyết thanh người - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Chất chuẩn calib + Control Low & High + IGF-1 gắn biotin; + Phức hợp Streptavidin-HRP. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.248	X
583	Hóa chất xét nghiệm Renin phương pháp ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Khay vi giếng, Giếng phủ kháng thể kháng Renin người (đơn dòng). + Chất chuẩn + Chứng thấp và cao. Kháng thể kháng Renin người (đơn dòng); liên hợp HRP. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.344	X
584	Hóa chất xét nghiệm Calprotectin phương pháp ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Khay vi giếng gắn trong khung có phủ kháng thể + Chất chuẩn Calprotectin, sẵn sàng để sử dụng + Chất chứng 1 và 2, Chất liên hợp, Cơ chất tạo màu Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	576	X
585	Hóa chất xét nghiệm Metanephrene Urine phương pháp ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Ống phản ứng; đệm rửa đậm đặc; Enzyme Liên hợp; Cơ chất; Khay vi giếng Metanephrene; Kháng huyết thanh Metanephrene; Các chất chuẩn và các chất chứng	Test	576	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
586	Hóa chất xét nghiệm Normetanephrine plasma phương pháp ELISA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để định lượng Normetanephrine tự do trong huyết tương - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Normetanephrine; Kháng huyết thanh Normetanephrine; Các chất chuẩn và các chất chứng Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.728	X
587	Hóa chất xét nghiệm Aldosterone phương pháp ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay vi giếng phủ kháng thể Ani- Aldosterone; Liên hợp HRP (Horseradish Peroxidase) Aldosterone; Các chất chuẩn và các chất chứng Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.536	X
588	Hóa chất xét nghiệm 3-CAT ELISA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để xác định định lượng adrenaline (epinephrine), noradrenaline (norepinephrine) và dopamine trong huyết tương và nước tiểu. Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp	Test	2.592	X
589	Hóa chất xét nghiệm Metanephrine Plasma ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thanh vi giếng metanephrine; Kháng huyết thanh metanephrine; Các chất chuẩn và các chất chứng; Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	2.208	X
590	Hóa chất xét nghiệm Normetanephrine Urine ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thanh vi giếng Normetanephrine, Kháng huyết thanh Normetanephrine, Các chất chuẩn và các chất chứng; Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	384	X
591	Hóa chất xét nghiệm Chlamydia Pneumoniae IgG phương pháp ELISA	Định tính và định lượng kháng thể IgG kháng Chlamydia pneumoniae trong huyết thanh và huyết tương - Thành phần hóa chất: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết Thanh Chuẩn; Huyết thanh chứng âm; Liên hợp kháng IgG người; Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	288	X
592	Hóa chất xét nghiệm Chlamydia Pneumoniae IgM phương pháp ELISA	- Thành phần hóa chất: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết Thanh Chuẩn; Huyết thanh chứng âm; Liên hợp kháng IgM người; Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	384	X
593	Hóa chất xét nghiệm HSV1&2 IgG phương pháp ELISA	- Thành phần hóa chất: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết Thanh Chuẩn; Huyết thanh chứng âm; Liên hợp kháng IgG người Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	672	X
594	Hóa chất xét	- Thành phần hóa chất: Tối thiểu gồm	Test	672	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nghiệm HSV1&2 IgM phương pháp ELISA	các thành phần: Huyết Thanh Chuẩn; Huyết thanh chứng âm; Liên hợp kháng IgM người; Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
595	Hóa chất xét nghiệm Nucleo-h phương pháp ELISA	* Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm, Chứng dương - Chất hiệu chuẩn - Liên hợp IgG: Chứa Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase, - Cơ chất TMB - Khay vi giếng Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	864	X
596	Hóa chất xét nghiệm Syphilis RPR test nhanh	Độ nhạy chẩn đoán là 96% đối với bệnh giang mai sơ cấp và 100% đối với giang mai thứ phát. Độ đặc hiệu chẩn đoán là 98± 2%. Sự nhiễu loạn: Hemoglobin (<10g /L), bilirubin (<20 mg /dL) và lipemia (<10 g /L) Bao gồm cả Chất kiểm soát dương tính RPR, Chất kiểm soát âm tính RPR.	Test	900	X
597	Hoá chất chạy mẫu khí máu có Lactace	Hóa chất chạy mẫu có Lactate trên máy khí máu Rapidpoint 500/500e Cartridge đo bao gồm các cảm biến, thuốc thử, và các thành phần chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh phẩm và hiệu chuẩn trên hệ thống Rapidpoint 500. Các cảm biến trong cartridge có khả năng đo lượng các chỉ số pH, pO ₂ , pCO ₂ , ion Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , glucose, lactate, hemoglobin toàn phần (tHb), oxyhemoglobin (FO2Hb), deoxyhemoglobin (HHb), methemoglobin (MetHb), carboxyhemoglobin (COHb), and neonatal bilirubin (nBili). Mỗi cartridge sử dụng ổn định trong tối thiểu 28 ngày khi được cài đặt trên hệ thống.	Test	27.000	X
598	Dung dịch kiểm chuẩn tự động khí máu	Hóa chất kiểm chuẩn tự động AQC chứa vật liệu kiểm soát chất lượng, cộng với các linh kiện điện tử, cơ khí và chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu QC.	Bộ	36	X
599	Hoá chất rửa thải toàn bộ máy khí máu	Hóa chất rửa thải được sử dụng để làm sạch đường dẫn mẫu của thiết bị sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Bao gồm 250 mL chất rửa với muối, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản trong nước khử ion. Mỗi cartridge rửa thải sử dụng ổn định	Bộ	36	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		trong ≥ 10 ngày sau khi được cài đặt trên hệ thống.			
600	Dung dịch kiểm chuẩn control xét nghiệm hóa sinh mức 1	- Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm hóa sinh mức 1 - Thành phần: huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Bao gồm hầu hết các chất phân tích cho xét nghiệm hóa sinh. Chất phân tích cho xét nghiệm enzym và CO₂ có tính ổn định cao. Không cần dung dịch đặc biệt để hoàn nguyên. Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	240	X
601	Dung dịch kiểm chuẩn control xét nghiệm hóa sinh mức 2	- Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm hóa sinh mức 2 - Thành phần: huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Bao gồm hầu hết các chất phân tích cho xét nghiệm hóa sinh. Chất phân tích cho xét nghiệm enzym và CO₂ có tính ổn định cao. Không cần dung dịch đặc biệt để hoàn nguyên. Mức 2 Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	240	X
602	Dung dịch kiểm chuẩn control các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch, mức 1 - Thành phần: huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có các giá trị tham chiếu cho hầu hết các xét nghiệm miễn dịch chính. Chứa hơn 30 loại protein và chất phân tích trong huyết thanh, bao gồm cả xét nghiệm kháng thể kháng CCP (Cyclic Citrullinated Peptide) và yếu tố dạng khớp. Đóng gói: ≤ 18 mL/ hộp	mL	12	X
603	Dung dịch kiểm chuẩn control các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch, mức 2 - Có các giá trị tham chiếu cho hầu hết các xét nghiệm miễn dịch chính. Chứa hơn 30 loại protein và chất phân tích trong huyết thanh, bao gồm cả xét nghiệm kháng thể kháng CCP (Cyclic Citrullinated Peptide) và yếu tố dạng khớp. Đóng gói: ≤ 18 mL/ hộp	mL	12	X
604	Dung dịch kiểm chuẩn control các xét nghiệm miễn dịch mức 3	Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch, mức 3 - Thành phần: huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có các giá trị tham chiếu cho hầu hết các xét nghiệm miễn dịch chính. Chứa	mL	12	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		hơn 30 loại protein và chất phân tích trong huyết thanh, bao gồm cả xét nghiệm kháng thể kháng CCP (Cyclic Citrullinated Peptide) và yếu tố dạng khớp. Đóng gói: ≤ 18 mL/ hộp			
605	Dung dịch nội kiểm xét nghiệm tim mạch mức 1	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm tim mạch, mức 1, dạng hộp nhỏ - Thành phần: dịch, huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có bốn mức nồng độ Troponin, với mức giá trị đích thấp hơn với tất cả các phân tích. Theo dõi được các thông số BNP và NT-proBNP. Có giá trị tham chiếu cho hs-CRP. Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	6	X
606	Dung dịch nội kiểm xét nghiệm tim mạch mức 2	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm tim mạch, mức 2, dạng hộp nhỏ - Thành phần: dịch, huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có bốn mức nồng độ Troponin, với mức giá trị đích thấp hơn với tất cả các phân tích. Theo dõi được các thông số BNP và NT-proBNP. Có giá trị tham chiếu cho hs-CRP. Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	12	X
607	Dung dịch nội kiểm xét nghiệm tim mạch mức 3	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm tim mạch, mức 3, dạng hộp nhỏ - Thành phần: dịch, huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có bốn mức nồng độ Troponin, với mức giá trị đích thấp hơn với tất cả các phân tích. Theo dõi được các thông số BNP và NT-proBNP. Có giá trị tham chiếu cho hs-CRP. Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
608	Dung dịch nội kiểm xét nghiệm tim mạch mức thấp	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm tim mạch, mức thấp, dạng hộp nhỏ - Thành phần: dịch, huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có bốn mức nồng độ Troponin, với mức giá trị đích thấp hơn với tất cả các phân tích. Theo dõi được các thông số BNP và NT-proBNP. Có giá trị tham chiếu cho hs-CRP. Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	36	X
609	Dung dịch nội kiểm huyết học mức thấp	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm huyết học, mức thấp. - Thành phần: tế bào máu - Có thể sử dụng trên hầu hết máy phân	mL	36	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tích huyết học (lên tới ≥ 16 thông số, có ≥ 3 thành phần bạch cầu). Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động. Có giá trị tham chiếu cho hầu hết các thiết bị. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp			
610	Dung dịch nội kiểm huyết học mức bình thường	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm huyết học, mức bình thường. - Thành phần: tế bào máu - Có thể sử dụng trên hầu hết máy phân tích huyết học (lên tới ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu). Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động. Có giá trị tham chiếu cho hầu hết các thiết bị từ 2 đến 16 thông số. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	36	X
611	Dung dịch nội kiểm huyết học mức cao	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm huyết học, mức cao. - Thành phần: tế bào máu - Có thể sử dụng trên hầu hết máy phân tích huyết học (lên tới ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu). Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động. Có giá trị tham chiếu cho hầu hết các thiết bị từ 2 đến 16 thông số. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	36	X
612	Dung dịch nội kiểm Microalbumin mức 1	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm Microalbumin, mức 1 - Thành phần: dịch, nước tiểu người - Dùng cho xét nghiệm Albumin để phát hiện giai đoạn sớm của bệnh thận. Có giá trị tham chiếu cho các máy xét nghiệm phổ biến. Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp	mL	240	X
613	Dung dịch nội kiểm Microalbumin mức 2	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm Microalbumin, mức 2 - Thành phần: dịch, nước tiểu người - Dùng cho xét nghiệm Albumin để phát hiện giai đoạn sớm của bệnh thận. Có giá trị tham chiếu cho các máy xét nghiệm phổ biến. Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp	mL	240	X
614	Bộ kit tách chiết đồng thời DNA/RNA virus bằng phương pháp cột, tách chiết thủ	- Bộ kit để tách chiết và tinh sạch đồng thời DNA và RNA của virus theo phương pháp thủ công. Quy trình phù hợp để sử dụng với huyết tương và huyết thanh, mẫu có thể ở dạng tươi	Test	10.350	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	công	hoặc đông lạnh.			
615	Hóa chất phát hiện đột biến EGFR liên quan đến ung thư phổi tế bào không nhỏ	Hóa chất phát hiện đột biến EGFR liên quan đến ung thư phổi tế bào không nhỏ - Xét nghiệm chẩn đoán in vitro để phát hiện 29 đột biến soma trong gen EGFR. Nó cung cấp một đánh giá định tính về tình trạng đột biến trong các mẫu khối u từ bệnh nhân ung thư phổi không phải tế bào nhỏ (NSCLC). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Control Reaction Mix, T790M Reaction Mix, Deletions Reaction Mix, L858R Reaction Mix, L861Q Reaction Mix, G719X Reaction Mix, S768I Reaction Mix, Insertions Reaction Mix, EGFR Positive Control, Taq DNA Polymerase Đóng gói: ≤ 30 test/ hộp	Test	96	X
616	Hóa chất định lượng HSV virus	Hóa chất định lượng HSV virus - Xét nghiệm khuếch đại axit nucleic trong ống nghiệm để phát hiện định lượng virus DNA herpes simplex 1 và 2 từ dịch não tủy (CSF) và huyết tương. Giới hạn phát hiện của kit $57,27 \pm 0.02$ copies/ml cho HSV1 và $65,74 \pm 0.02$ copies/ml cho HSV2 Đóng gói: ≤ 50 test/ hộp	Test	96	X
617	Hóa chất định lượng Chlamydia trachomatis (CT) và Neisseria gonorrhoeae (NG) (CT/NG PCR)	Hóa chất định lượng CT/NG -Xét nghiệm khuếch đại axit nucleic trong ống nghiệm để phát hiện định tính Chlamydia trachomatis (CT) và Neisseria gonorrhoeae (NG). Bộ xét nghiệm chẩn đoán này sử dụng phản ứng chuỗi polymerase (PCR). Độ đặc hiệu chẩn đoán là $\geq 99,8\%$ và độ nhạy $\geq$ $98,1\%$ đối với CT và độ đặc hiệu chẩn đoán là $\geq 99,8\%$ và độ nhạy $\geq 96,3\%$ đối với NG. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	384	X
618	Kit định lượng virus viêm gan siêu vi B	Kit định lượng virus viêm gan siêu vi B - Kit phát hiện định lượng DNA virus viêm gan B bằng phương pháp RT-PCR, sử dụng bộ kiểm nội. Phát hiện độ nhạy cao $\leq 10,2$ IU / ml. Phạm vi tuyến tính rộng từ $31,6 \pm 0.02$ đến $20.000.000 \pm 0.02$ IU/ml. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.872	X
619	Kit định lượng virus viêm gan siêu vi C	Kit định lượng virus viêm gan siêu vi C trên máy tự động - Kit phát hiện định lượng RNA đặc hiệu	Test	1.512	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		HCV bằng cách sử dụng RT-PCR. Sử dụng bộ kiểm nội. Phát hiện độ nhạy cao ≤ 21 IU / ml Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
620	Hóa chất phát hiện 21 tác nhân gây bệnh đường hô hấp và 1 tác nhân SARS-CoV	Kit phát hiện 21 tác nhân gây bệnh đường hô hấp và 1 tác nhân SARS-CoV - Một khay chứa hóa chất, tiện cho sử dụng. Hóa chất tách chiết và hóa chất real-time PCR tích hợp trong 1 khay, thời gian cho kết quả trong vòng 1 giờ để phát hiện đồng thời Influenza A; Influenza A, subtype H1N1/2009; Influenza A subtype H1; Influenza A subtype H3; Influenza B; Coronavirus 229E; Coronavirus HKU1; Coronavirus NL63; Coronavirus OC43; SARS-CoV- 2; Parainfluenza Virus 1; Parainfluenza Virus; Parainfluenza Virus 3; Parainfluenza Virus 4; Respiratory Syncytial Virus A/B; Human Metapneumovirus A/B; Adenovirus; Bocavirus; Rhinovirus/Enterovirus; Mycoplasma pneumoniae; Legionella pneumophila; Bordetella pertussis. Đóng gói: ≤ 20 test/ hộp	Test	54	X
621	Hóa chất phát hiện 24 tác nhân gây bệnh đường tiêu hóa (kèm môi trường vận chuyển mẫu)	Kit phát hiện 24 tác nhân gây bệnh đường tiêu hóa - Một khay chứa hóa chất, tiện cho sử dụng. Hóa chất tách chiết và hóa chất real-time PCR tích hợp trong 1 khay, thời gian cho kết quả trong vòng 1 giờ để phát hiện đồng thời Entamoeba histolytica; Cryptosporidium spp.; Giardia lamblia; Cyclospora cayetanensis; Vibrio vulnificus; Vibrio parahaemolyticus; Vibrio cholerae; Campylobacter spp. (C. jejuni, C. upsaliensis, C. coli); Salmonella spp.; Clostridium difficile (tcdA/tcdB); Yersinia enterocolitica; Enterotoxigenic E. coli (EAEC); Enterotoxigenic E. coli (ETEC); Shiga- like toxin-producing E. coli (STEC); Shiga toxin-producing E. coli (STEC) serotype O157:H7; Enteropathogenic E. coli (EPEC); Enteroinvasive E. coli (EIEC)/Shigella; Plesiomonas shigelloides; Human Adenovirus F40/F41; Norovirus GI; Norovirus GII; Rotavirus A; Astrovirus;	Test	32	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Sapovirus GI, GII, GIV, GV. Đóng gói: ≤ 20 test/ hộp			
622	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân virus gây bệnh đường ruột	Bộ kit phát hiện tác nhân virus gây bệnh đường ruột - Kit phát hiện Norovirus GI; Norovirus GII; Rotavirus; Adenovirus, Astrovirus, Sapovirus và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	900	X
623	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân vi khuẩn gây bệnh đường ruột	Bộ kit phát hiện tác nhân vi khuẩn gây bệnh đường ruột - Kit phát hiện Campylobacter spp., Clostridium difficile toxin B, Salmonella spp. , Shigella spp. / EIEC, Vibrio spp. , Yersinia enterocolitica , Aeromonas spp và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	600	X
624	Hóa chất PCR phát hiện 6 tác nhân gây bệnh đường ruột	Bộ kit phát hiện tác nhân vi khuẩn gây bệnh đường ruột - Kit phát hiện Clostridium difficile hypervirulent, E. coli O157, STEC (stx1/2), EPEC (eaeA), ETEC (It/st), EAEC (aggR) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
625	Hóa chất PCR phát hiện 6 tác nhân ký sinh trùng gây bệnh đường ruột	Bộ kit phát hiện ký sinh trùng gây bệnh đường ruột - Kit phát hiện Giardia lamblia, Entamoeba histolytica, Cryptosporidium spp., Blastocystis hominis, Dientamoeba fragilis, Cyclospora cayetanensis và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	200	X
626	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân gây bệnh đường hô hấp - Panel 1	Bộ kit phát hiện tác nhân virus gây bệnh đường hô hấp - Kit phát hiện Influenza A virus (Flu A); Influenza B virus (Flu B); Respiratory syncytial virus A (RSV A); Respiratory syncytial virus B (RSV B); Flu A-H1; Flu A-H1pdm09; Flu A-H3 và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.900	X
627	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân gây bệnh đường hô hấp - Panel 2	Bộ kit phát hiện tác nhân virus gây bệnh đường hô hấp - Kit phát hiện Adenovirus (AdV); Enterovirus (HEV); Parainfluenza virus 1 (PIV 1); Parainfluenza virus 2 (PIV 2); Parainfluenza virus 3 (PIV 3); Parainfluenza virus 4 (PIV 4);	Test	400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Metapneumovirus (MPV) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
628	Hóa chất PCR phát hiện 5 tác nhân gây bệnh đường hô hấp - Panel 3	Bộ kit phát hiện tác nhân virus gây bệnh đường hô hấp - Kit phát hiện Bocavirus (HBoV); Rhinovirus (HRV); Coronavirus NL63 (CoV NL63); Coronavirus 229E (CoV 229E); Coronavirus OC43 (CoV OC43) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	700	X
629	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân gây bệnh đường hô hấp - Panel 4	Bộ kit phát hiện tác nhân vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp - Kit phát hiện Mycoplasma pneumoniae (MP), Chlamydia pneumoniae (CP), Legionella pneumophila (LP), Haemophilus influenzae (HI), Streptococcus pneumoniae (SP), Bordetella pertussis (BP), Bordetella parapertussis (BPP) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	700	X
630	Hóa chất PCR phát hiện các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục CT/NG/MG/TV	Bộ kit phát hiện các tác nhân lây nhiễm qua đường tình dục - Kit phát hiện Adenovirus Chlamydia trachomatis (CT); Neisseria gonorrhoeae (NG); Mycoplasma genitalium (MG); Trichomonas vaginalis (TV), và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.200	X
631	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân nguyên nhân gây nhiễm trùng đường sinh dục CT/NG/MG/MH/T V/UU/UP	Bộ kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng đường sinh dục - Kit phát hiện Chlamydia trachomatis (CT); Neisseria gonorrhoeae (NG); Mycoplasma genitalium (MG); Trichomonas vaginalis (TV), Mycoplasma hominis (MH), Ureaplasma urealyticum (UU), Ureaplasma parvum (UP) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
632	Hóa chất PCR phát hiện 7 mầm bệnh gây loét sinh dục	Bộ kit phát hiện tác nhân gây loét sinh dục - Kit phát hiện Herpes simplex type 1 (HSV-1), virus Herpes simplex type 2 (HSV-2), H. ducreyi (HD), Cytomegalovirus (CMV), Lymphogranuloma venereum (LGV), Chlamydia trachomatis Serovar L), T. pallidum (TP), Varicella-zoster virus	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		(VZV) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
633	Hóa chất PCR phát hiện các bệnh 7 mầm bệnh gây nấm sinh dục	Bộ kit phát hiện tác nhân gây nhiễm nấm sinh dục - Kit phát hiện Candida albicans (CA); Candida glabrata (CG); Candida tropicalis (CTp); Candida parapsilosis (CP); Candida krusei (CK); Candida lusitanae (CL); Candida dubliniensis (CD) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	600	X
634	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân gây viêm màng não	Bộ kit phát hiện virus gây viêm màng não - Kit phát hiện Herpes simplex virus 1 (HSV1), Cytomegalovirus (CMV), Human herpes virus 6 (HHV6), Herpes simplex virus 2 (HSV2), Varicella zoster virus (VZV), Epstein-Barr virus (EBV) và Human herpes virus 7 (HHV7) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	700	X
635	Hóa chất PCR phát hiện 5 tác nhân gây viêm màng não	Bộ kit phát hiện virus gây viêm màng não - Kit phát hiện Human adenovirus (AdV), Human parechovirus (HPeV), Human enterovirus (HEV), Mump virus (MV), Parvovirus B19 (B19V) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	200	X
636	Hóa chất PCR phát hiện 6 tác nhân gây viêm màng não	Bộ kit phát hiện các vi khuẩn gây viêm màng não - Kit phát hiện Neisseria meningitidis (NM), Listeria monocytogenes (LM), Haemophilus influenzae (HI), Streptococcus agalactiae (GBS), Streptococcus pneumoniae (SP), Escherichia coli K1 (EC K1) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	200	X
637	Hóa chất PCR phát hiện đồng thời và xác định 8 gene gây kháng kháng sinh	Bộ kit phát hiện gene kháng kháng sinh - Kit phát hiện nucleic acids đích của gene Carbapenemase (NDM, KPC, OXA-48, VIM, IMP), gene Beta-Lactamase phổ rộng (ESBL) (CTX-M), gene kháng Vancomycin (VanA, VanB) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
638	Hóa chất tách chiết	Hóa chất tách chiết DNA/RNA từ nhiều	Test	6.528	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	DNA/RNA dùng cho máy tách chiết tự động	loại mẫu cho máy tự động - Sử dụng để tách các nucleic acid từ các mẫu mô, tế bào, huyết thanh, huyết tương, dịch phết mũi họng, dịch rửa mũi họng, dịch rửa phế quản (BAL), nước tiểu, phân, đờm, máu toàn phần, dịch phết vùng sinh dục (âm đạo, tử cung, niệu đạo) hoặc dịch lỏng tế bào (LBC) bằng thiết bị xử lý chất lỏng tự động. - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp			
639	Hóa chất PCR phát hiện đồng thời lao và lao kháng thuốc	Bộ kit phát hiện đồng thời vi khuẩn lao và lao kháng thuốc - Kit phát hiện Mycobacterium tuberculosis (MTB) với giá trị Ct và xác định đồng thời 7 đột biến kháng thuốc Isoniazid và 18 đột biến kháng thuốc Rifampicin Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	550	X
640	Hóa chất PCR phát hiện và phân biệt giữa MTB và NTM.	Bộ kit phát hiện đồng thời vi khuẩn lao và nhóm vi khuẩn không lao Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	800	X
641	Hóa chất chẩn đoán nhóm vi khuẩn đa kháng bằng kỹ thuật PCR	Phát hiện đồng thời các gen kháng thuốc bằng PCR và xác định đồng thời các gen kháng kháng sinh gram dương và gram âm . CTX-M[1], Imipenemase[2] (IMP), Klebsiella pneumoniae carbapenemase[2] (KPC), New Delhi Metallo-beta-lactamase[2] (NDM) Oxacillinase-48[2] (OXA-48), vanA[3], vanB[3], Verona Integron-encoded Metallo-β-Lactamase[2] (VIM), Internal Control (IC) Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	150	X
642	Test nhanh thăm thấu 2 chiều dùng chẩn đoán vi khuẩn H.Pylori kèm xác định CIM trong mẫu máu (WB/plasma,serum)-MP	Xét nghiệm nhanh phát hiện kháng thể kháng CIM (Current infection marker) của vi khuẩn Helicobacter pylori có trong mẫu máu (Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần) dùng để chẩn đoán H. pylori và phát hiện tình trạng đang nhiễm. - Kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch - Phương pháp thăm thấu 2 chiều	Test	114.900	
643	Gioang cho khớp nối máy xét nghiệm hơi thở C13 vàng	Gioăng (vàng) là khớp nối giữa túi lấy mẫu xét nghiệm hơi thở và máy định danh vi khuẩn H. pylori bằng phương pháp quang phổ hồng ngoại trong xét nghiệm hơi thở chẩn đoán H. pylori. - Chất liệu: cao su	Cái	12	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
644	Bộ lọc khí dùng theo máy xét nghiệm hơi thở C13	Bộ phận lọc khí CO2 dùng cho máy xét nghiệm hơi thở C13 - Đặc tính, công dụng: Là vật tư đi kèm sử dụng cho máy xét nghiệm hơi thở C13, chức năng: Hấp thụ khí CO2 trong nguồn cấp khí của máy. - Chất liệu: tối thiểu chứa Lithium hydroxide (LiOH) Phân loại và xử lý như chất thải y tế.	Cái	2	X
645	Gioang cho khớp nối máy xét nghiệm hơi thở C13 đen	Gioăng (đen) là khớp nối giữa túi lấy mẫu xét nghiệm hơi thở và máy định danh vi khuẩn H. pylori bằng phương pháp quang phổ hồng ngoại trong xét nghiệm hơi thở chẩn đoán H. pylori. - Chất liệu: cao su	Cái	12	X
646	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết trương người. - Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" - Nguyên lý bắt cặp. - Tổng thời gian xét nghiệm: 18 phút. - Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể đơn dòng đặc hiệu kháng HBsAg, kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium HBSAG II Cal1 Mẫu chuẩn âm tính HBSAG II Cal2 Mẫu chuẩn dương tính	Test	16.000	X
647	Hóa chất Định lượng NH3 trên máy tự động	Xét nghiệm men in vitro dùng để định lượng ammonia trong huyết tương người theo phương pháp men sử dụng glutamate dehydrogenase. - Khoảng đo: $10 \pm 0,01$ đến $\geq 1000 \pm 1$ $\mu\text{mol/L}$ - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	2.200	X
648	Hóa chất định lượng Ethanol trên máy tự động	- Công dụng/Đặc tính: *Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng ethanol trong huyết thanh, huyết trương và nước tiểu người. - Khoảng đo: $2,20 \pm 0,01$ đến $108 \pm 0,05$ mmol/L	Test	1.200	X
649	Dung dịch kiểm chuẩn TSH	Dung dịch kiểm chuẩn TSH - Là một hỗn hợp huyết thanh chuẩn gồm 2 nồng độ khác nhau, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	62,40	X
650	Hóa chất định lượng Bilirubin	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần - Xét nghiệm in vitro dùng để định	Test	25.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	toàn phần trên máy sinh hóa tự động	lượng bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương của người lớn và trẻ sơ sinh trên các hệ thống. -Khoảng đo: BILT3: $2.5 \pm 0,01$ đến $550 \pm 0,05$ $\mu\text{mol/L}$			
651	Hóa chất định tính Anti-HCV	Hóa chất định tính Anti-HCV - Đặc tính: Xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C trong huyết thanh và huyết tương người - Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu biotin, Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính - Độ nhạy: 100 %	Test	4.000	X
652	Hóa chất định lượng FT4	Hóa chất định lượng FT4 - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý cạnh tranh. - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đa dòng kháng T4 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium, T4 đánh dấu biotin	Test	3.400	X
653	Hóa chất định lượng HDL-C trên máy tự động	Hóa chất định lượng HDL-C - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm đo màu sử dụng men đồng nhất.	Test	3.350	X
654	Hóa chất định lượng CRP trên máy sinh hóa	Hóa chất định lượng CRP - Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch dùng để định lượng in vitro CRP trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống sinh hóa - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp	Test	1.200	X
655	Hóa chất định lượng TSH phương pháp điện hóa phát quang trên máy tự động	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người. - Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Phương pháp miễn dịch bắt cặp. - Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng - Bộ thuốc thử tối thiểu gồm có: Kháng	Test	3.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu phức hợp phát quang			
656	Đèn dùng cho hệ thống máy sinh hóa tự động	Đèn dùng cho hệ thống máy sinh hóa tự động công nghệ khuấy bằng sóng siêu âm tránh nhiễm chéo.	Cái	5	X
657	Điện cực tham chiếu	Điện cực dùng để đo dung dịch KCL 1M. Điện áp đo được đóng vai trò là điểm tham chiếu cho tất cả các lần đo, điện cực chọn lọc ion	Cái	2	X
658	Hóa chất tách chiết DNA & Viral nucleic acid	Hóa chất tách chiết DNA & Viral nucleic acid - Đặc tính: bộ thuốc thử dùng để phân lập và tách chiết acid nucleic toàn phần (DNA/RNA) từ các mẫu sinh học cho mục đích chẩn đoán in vitro. Sử dụng công nghệ tách chiết tự động. - Thành phần tối thiểu gồm: Guanidine hydrochloride, EtOH, Tris HCl, Proteinase K, Glycerol, Hỗn dịch MGP chứa isopropanol.	Test	13.294	X
659	Điện cực clo	Điện cực clo - Công dụng/đặc tính: Đơn vị phân tích ISE được dùng để định lượng chloride trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion.	Cái	4	X
660	Điện cực kali, sử dụng trên máy tự động	Môđun ISE dùng để định lượng kali trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion.	Cái	4	X
661	Điện cực natri, sử dụng trên máy tự động	Môđun ISE dùng để định lượng natri trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion.	Cái	4	X
662	Cốc và đầu hút bệnh phẩm dùng trong các xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng, vật liệu nhựa, dùng trong các xét nghiệm miễn dịch theo phương pháp điện hóa phát quang.	Cái	40.320	X
663	Cốc phản ứng trên hệ thống xét nghiệm tự động	Ống nhựa chứa mẫu phân tích, cho máy phân tích công nghệ điện hóa phát quang.	Cái	35.000	
664	Hóa chất định tính Anti-HAV IgM	Hóa chất định tính Anti-HAV IgM - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng HAV đánh dấu phức hợp ruthenium, Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin * Mẫu chuẩn âm tính. * Mẫu chuẩn dương tính	Test	1.200	X
665	Dung dịch kiểm	- Dung dịch kiểm chuẩn Anti HAV IgM,	mL	21,44	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	chuẩn Anti HAV IgM	gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/ Đặc tính: dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A trong huyết thanh và huyết tương người; là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương. - Mẫu chứng được dùng để kiểm tra hiệu năng của xét nghiệm miễn dịch Anti-HAV IgM Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp			
666	Hóa chất định tính Anti-Hbc	Hóa chất định tính Anti-Hbc - Công dụng/ Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng HBc đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng HBc đánh dấu phức hợp ruthenium *Mẫu chuẩn âm tính 1: Huyết thanh người, chất bảo quản. *Mẫu chuẩn dương tính 2: Kháng thể kháng HBc (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản.	Test	6.900	X
667	Hóa chất định tính Anti-Hbc IgM	Hóa chất định tính Anti-Hbc IgM - Công dụng/ Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: * Kháng thể IgM kháng HBc, Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin, HBcAg, đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn Cal âm tính 1: Huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chuẩn Cal dương tính 2: Kháng thể IgM kháng HBc (người)	Test	2.100	X
668	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBc	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBc - Công dụng/ Đặc tính: là chất kiểm chuẩn dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBc - Thành phần tối thiểu gồm có: + Mẫu chuẩn control âm tính 1: Huyết thanh người + Mẫu chuẩn control dương tính 2:	mL	41,60	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Kháng thể kháng HBc (người)			
669	Hóa chất định tính Anti-Hbe	Hóa chất định tính Anti-Hbe - Công dụng/ Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người; - Thành phần tối thiểu gồm có: *HBeAg, Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn Cal âm tính 1: Huyết thanh người, chất bảo quản. * Mẫu chuẩn Cal dương tính 2: Kháng thể kháng HBe (người)	Test	1.800	X
670	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBe	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBe - Công dụng/ Đặc tính: Dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBe định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người; - Thành phần tối thiểu gồm có: ▪ Control 1: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBe; chất bảo quản. ▪ Control 2 huyết thanh chứng: Kháng thể kháng HBe (người)	mL	166,40	X
671	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/ Đặc tính: dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt Virus Viêm gan B trong huyết thanh/ huyết tương người	mL	187,20	X
672	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/ Đặc tính: dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HCV, là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương.	mL	228,80	X
673	Chất kiểm chuẩn Anti-Tg	Chất kiểm chuẩn Anti-Tg - Công dụng/Đặc tính: là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa kháng thể kháng Tg với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TG	mL	12	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
674	Hóa chất định lượng Anti-Tg	Hóa chất định lượng Anti-Tg - Đặc tính: *Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể kháng thyroglobulin trong huyết thanh và huyết tương người. Định lượng kháng thể kháng Tg được dùng hỗ trợ phát hiện bệnh tuyến giáp tự miễn. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Tg đánh dấu biotin (người) + Kháng thể đơn dòng kháng Tg (người) đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	2.700	X
675	Chất kiểm chuẩn Anti-TPO	Chất kiểm chuẩn Anti-TPO, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa kháng thể kháng TPO với hai khoảng nồng độ;	mL	6	X
676	Hóa chất định lượng Anti-TPO	Hóa chất định lượng Anti-TPO - Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể kháng thyroid peroxidase trong huyết thanh và huyết tương người, hỗ trợ chẩn đoán bệnh tuyến giáp tự miễn. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đa dòng kháng TPO đánh dấu phức hợp ruthenium + TPO đánh dấu biotin	Test	1.800	X
677	Hóa chất định lượng Anti-TSHR	- Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro sử dụng kháng thể đơn dòng kích thích tuyến giáp người được dùng để định lượng tự kháng thể kháng thụ thể TSH trong huyết thanh người. Định lượng kháng thể kháng thụ thể TSH được dùng hỗ trợ chẩn đoán phân biệt bệnh Graves. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng TSHR đánh dấu phức hợp ruthenium.	Test	5.100	X
678	Chất kiểm chuẩn Anti-TSHR	Chất kiểm chuẩn Anti-TSHR - Công dụng/Đặc tính: là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa kháng thể kháng TSHR người với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TSHR - Thành phần: *Mẫu chuẩn 1 *Mẫu chuẩn 2	mL	24	X
679	Chất kiểm chuẩn	Chất kiểm chuẩn ThyroAb, gồm 2 mức	mL	96	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	ThyroAb	nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch Anti-TSHR, Anti-TPO, và Anti-Tg			
680	Chất kiểm chuẩn B12	Chất kiểm chuẩn B12, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa vitamin B12 với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin B12 II	mL	4	X
681	Hóa chất định lượng Vit B12	Hóa chất định lượng Vit B12 - Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm gắn kết in vitro dùng để định lượng vitamin B12 trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý cạnh tranh. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Yếu tố nội tại đánh dấu ruthenium tái tổ hợp + Vitamin B12 đánh dấu biotin	Test	1.200	X
682	Hóa chất xét nghiệm CA 125	Hóa chất xét nghiệm CA 125 - Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	15.000	X
683	Chất kiểm chuẩn CA 125	Chất kiểm chuẩn CA 125, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là một hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô và huyết thanh người chứa CA 125 người, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	mL	44	X
684	Dung dịch kiểm chuẩn CA 15-3 II	Dung dịch kiểm chuẩn CA 15-3 II, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là hỗn hợp huyết thanh người sẵn sàng để sử dụng chứa CA 15-3 người với hai khoảng nồng độ. Calset dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 II	mL	36	X
685	Dung dịch kiểm chuẩn CA 19-9	Dung dịch kiểm chuẩn CA 19-9, gồm 2 mức nồng độ	mL	36	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Công dụng/Đặc tính: là huyết thanh người đông khô chứa CA 19-9 người với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 CA 19-9 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 20 U/mL và khoảng 250 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản.			
686	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9 - Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	32.700	X
687	Chất kiểm chuẩn CA 72-4	Chất kiểm chuẩn CA 72-4 - Công dụng/Đặc tính: là huyết thanh người đông khô chứa CA 72-4 người với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4	mL	48	X
688	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm CA 72-4 - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	54.900	X
689	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm miễn dịch tim mạch	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm miễn dịch tim mạch, gồm 2 mức nồng độ Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm miễn dịch theo dõi chức năng tim mạch CK-MB, CK-MB STAT, Digitoxin, Digoxin, Myoglobin, Myoglobin STAT, proBNP II, proBNP II STAT và GDF-15.	mL	72	X
690	Chất kiểm chuẩn mức 1	Chất kiểm chuẩn mức 1 - Công dụng/ Đặc tính: là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu Chất phân tích gồm: ALT (GPT); AST (GOT); Aldolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần,	mL	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Amylase tụy; Creatine kinase; CK-M; γ -GT; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase, ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin;			
691	Chất kiểm chuẩn mức 2	Chất kiểm chuẩn mức 2 - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. - Chất phân tích gồm: ALT (GPT); AST (GOT); Aldolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Cholesterol; Creatine kinase; CK-MB; γ-GT; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin	mL	180	X
692	Dung dịch kiểm chuẩn CEA	Dung dịch kiểm chuẩn CEA, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là hỗn hợp đệm/protein chứa CEA với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CEA. - Các mẫu chuẩn ở dạng sẵn sàng để sử dụng.	mL	40	X
693	Chất chuẩn chung của các xét nghiệm sinh hóa	Chất chuẩn chung của các xét nghiệm sinh hóa - Thành phần tối thiểu gồm có: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. Chất phân tích gồm: ALT (GPT); AST (GOT); Acid phosphatase, Albumin; Aldolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy ; Cholesterol; Cholinesterase; Creatine kinase; γ-GT, GLDH, LDH; Lipas; Triglyceride Đông khô	mL	144	X
694	Chất kiểm chuẩn CK-MB	Chất kiểm chuẩn CK-MB - Công dụng/Đặc tính: là mẫu chứng đông khô lấy từ albumin huyết thanh bò. - Thành phần tối thiểu gồm có: Albumin huyết thanh với chất phụ gia hóa học	mL	3	X
695	Chất kiểm chuẩn HbA1c	Chất kiểm chuẩn HbA1c - Công dụng/Đặc tính: HbA1c là mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu cừu ly huyết. - Thành phần tối thiểu gồm có: Máu cừu ly huyết với phụ gia hóa học	mL	36	X
696	Chất kiểm chuẩn Lipids	Chất kiểm chuẩn Lipids - Công dụng/Đặc tính: là mẫu chuẩn đông khô lấy từ huyết thanh người, dùng trong chuẩn định các xét nghiệm định	mL	24	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		lượng Lipids trên các máy phân tích hóa học.			
697	Chất kiểm chuẩn hệ thống sinh hóa/hoặc và miễn dịch	Chất kiểm chuẩn hệ thống sinh hóa/hoặc và miễn dịch - Công dụng/Đặc tính: là mẫu chuẩn đông khô lấy từ huyết thanh người, dùng trong kiểm chuẩn các máy phân tích hóa học lâm sàng.	mL	12	X
698	Dung dịch kiểm chuẩn Protein	Dung dịch kiểm chuẩn Protein - Công dụng/Đặc tính: là mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người - Chất phân tích: Ferritin; CRP, ASLO	mL	40	X
699	Dung dịch kiểm chuẩn Protein niệu	Dung dịch kiểm chuẩn Protein niệu - Đặc tính: Là mẫu chuẩn dạng lỏng sẵn sàng sử dụng, - Chất phân tích gồm: Albumin; α 1-Microglobulin, Immunoglobulin G; Protein toàn phần	mL	10	X
700	Dung dịch kiểm chuẩn Cortisol	Dung dịch kiểm chuẩn Cortisol, gồm 2 mức nồng độ	mL	28	X
701	Hóa chất xét nghiệm Cortisol	Hóa chất xét nghiệm Cortisol - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng cortisol đánh dấu biotin + Dẫn xuất cortisol, đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	15.300	X
702	Hóa chất định lượng CREA	Hóa chất định lượng CREA - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kali hydroxide, phosphate, Acid picric, đệm	Test	8.400	X
703	Chất kiểm chuẩn Progesterone	Chất kiểm chuẩn Progesterone, gồm 2 mức nồng độ - Đặc tính: là huyết thanh người đông khô chứa progesterone với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Progesterone trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	4	X
704	Chất kiểm chuẩn Cyfra 21-1	Chất kiểm chuẩn Cyfra 21-1 - Đặc tính: là huyết thanh người đông khô chứa cytokeratin với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	36	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: *Mẫu chuẩn 1 *Mẫu chuẩn 2			
705	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1 -Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	55.200	X
706	Hóa chất xét nghiệm Estradiol	Hóa chất xét nghiệm Estradiol - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng estradiol trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Hai kháng thể đơn dòng kháng estradiol đánh dấu biotin. + Dẫn xuất estradiol, đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	2.700	X
707	Chất kiểm chuẩn Estradiol	Chất kiểm chuẩn Estradiol, gồm 2 mức nồng độ - Đặc tính: là huyết thanh người đông khô chứa estradiol với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	16	X
708	Dung dịch kiểm chuẩn Ferritin	Dung dịch kiểm chuẩn Ferritin, gồm 2 mức nồng độ.	mL	4	X
709	Hóa chất xét nghiệm Ferritin	Hóa chất xét nghiệm Ferritin -Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý bất cập. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng ferritin đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng ferritin đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	21.900	X
710	Hóa chất xét nghiệm Free PSA	Hóa chất xét nghiệm Free PSA - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý bất cập. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin	Test	7.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium			
711	Dung dịch kiểm chuẩn Free PSA	Dung dịch kiểm chuẩn Free PSA, gồm 2 mức nồng độ - Đặc tính: là hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa PSA người với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Free PSA trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	28	X
712	Hóa chất xét nghiệm Free beta HCG	Hóa chất xét nghiệm Free beta HCG - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng β hCG tự do (tiểu đơn vị β tự do của kích tố sinh dục màng đệm ở người) trong huyết thanh người. Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng β hCG đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng β hCG tự do đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	1.800	X
713	Chất kiểm chuẩn Free β hCG	Chất kiểm chuẩn Free β hCG, gồm 2 mức nồng độ - Đặc tính: là huyết thanh người đông khô chứa free β hCG tái tổ hợp với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng free β hCG trên máy xét nghiệm miễn dịch	mL	8	X
714	Chất kiểm chuẩn FSH	Chất kiểm chuẩn FSH, gồm 2 mức nồng độ - Đặc tính: là một hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa FSH với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Ở dạng sẵn sàng sử dụng.	mL	4	X
715	Hóa chất xét nghiệm FSH	- Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng nội tiết tố kích thích nang trứng trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng FSH đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng FSH đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: từ $0,3 \pm 0,01$ đến $200 \pm 0,1$ mIU/mL	Test	1.200	X
716	Hóa chất xét nghiệm HbeAg	- Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng	Test	15.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính			
717	Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg	- Công dụng/Đặc tính: * Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HBeAg trên máy xét nghiệm miễn dịch, gồm 2 mức nồng độ	mL	1.664	X
718	Hóa chất định lượng HBsAg trên máy miễn dịch	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người đã xác định dương tính HBsAg. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg đánh dấu biotin, + Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg (chuột) + Kháng thể đa dòng kháng HBsAg đánh dấu phức hợp ruthenium Mẫu chuẩn âm tính Mẫu chuẩn dương tính	Test	13.300	X
719	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg	- Công dụng/Đặc tính: * Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch HBsAg II và định lượng HBsAg II trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Mẫu chứng ở dạng sẵn sàng sử dụng, gồm 2 nồng độ	mL	229	X
720	Chất kiểm chuẩn HCG+Beta II	- Công dụng/Đặc tính: Chất kiểm chuẩn HCG+Beta II là huyết thanh người đông khô chứa hCG với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng HCG+ β trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: gồm 2 mức nồng độ	mL	24	X
721	Hóa chất xét	- Công dụng/Đặc tính:	Test	4.500	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nghiệm beta HCG	*Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng tổng của kích tố sinh dục màng đệm của người (hCG) và tiểu đơn vị β hCG trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng hCG đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng hCG đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: từ $0,200 \pm 0,01$ đến $\geq$ 10000 ± 5 mIU/mL			
722	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng HE4	- Công dụng/Đặc tính: Chất kiểm chuẩn HE4 là huyết thanh ngựa đông khô chứa protein HE4 với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng HE4 trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	12	X
723	Chất kiểm chuẩn HE4	- Công dụng/Đặc tính: * Chất kiểm chuẩn HE4 là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HE4 trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	12	X
724	Hóa chất xét nghiệm HE4	- Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng HE4 trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng HE4 đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng HE4 đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: $15 \pm 0,3$ đến 1500 ± 1 pmol/L	Test	1.800	X
725	Chất kiểm chuẩn hGH	- Công dụng/Đặc tính: Chất kiểm chuẩn hGH là huyết thanh người đông khô chứa hGH tái tổ hợp với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng hGH trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	16	X
726	Hóa chất xét nghiệm hGH	- Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng nội tiết tổ tăng trưởng ở người trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt	Test	1.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		cặp - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng hGH đánh dấu biotin + Kháng thể đa dòng kháng hGH đánh dấu phức hợp ruthenium			
727	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên và kháng thể HIV	- Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần thuốc thử cho HIV Ag: + Kháng thể đơn dòng kháng HIV đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính (đông khô) + Mẫu chuẩn dương tính (đông khô) - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV đánh dấu biotin + Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính (đông khô) + Mẫu chuẩn dương tính (đông khô)	Test	16.900	X
728	Chất kiểm chuẩn HIV	Chất kiểm chuẩn HIV là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch HIV combi PT, định tính kháng nguyên, kháng thể HIV và HIV Ag trên máy xét nghiệm miễn dịch. ▪ Mẫu chứng 1: Huyết thanh người, âm tính với HIV (kháng nguyên và kháng thể) ▪ Mẫu chứng 2: Huyết thanh người, dương tính với kháng thể kháng HIV ▪ Mẫu chứng 3: huyết thanh chứng: Kháng nguyên HIV	mL	60	X
729	Chất kiểm chuẩn Troponin T hs	- Công dụng/Đặc tính: Chất kiểm chuẩn Troponin T hs là huyết thanh người đông khô chứa troponin T với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T hs trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	28	X
730	Hóa chất xét nghiệm IgE	- Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng globulin miễn dịch E trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng IgE đánh dấu biotin	Test	3.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ Kháng thể đơn dòng kháng IgE đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: 0,200±0,01 đến 2500±2 IU/mL			
731	Chất kiểm chuẩn IgE	- Công dụng/Đặc tính: *Chất kiểm chuẩn IgE là huyết thanh ngựa chứa IgE người với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng IgE trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	8	X
732	Chất kiểm chuẩn IL6	- Công dụng/Đặc tính: Chất kiểm chuẩn IL6 hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa IL-6 tái tổ hợp với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng IL-6 trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	8	X
733	Dung dịch pha loãng điện giải	Là dung dịch pha loãng của điện giải trên máy xét nghiệm hóa sinh Thành phần tối thiểu gồm có: - Đệm HEPES - Triethanolamine - Chất bảo quản	Lít	27	X
734	Dung dịch hiệu chuẩn của xét nghiệm điện giải	Là dung dịch chuẩn nền trên máy xét nghiệm hóa sinh Thành phần tối thiểu gồm có: - Đệm HEPES - Triethanolamine - Natri chloride - Natri acetate - Kali chloride - Chất bảo quản	Lít	75	X
735	Dung dịch tham chiếu của điện giải	Là dung dịch tham chiếu của điện giải trên máy sinh hóa Thành phần tối thiểu gồm kali chloride	Lít	21	X
736	Dung dịch chuẩn mức cao của điện giải	Là chuẩn mức cao của điện giải được dùng để chuẩn điện cực chọn lọc ion trên các máy phân tích. *Thành phần phản ứng: ≥ 160 mmol/L Na ⁺ , ≥ 7 mmol/L K ⁺ , ≥ 120 mmol/L Cl	mL	160	X
737	Dung dịch chuẩn mức thấp của điện giải	Là chuẩn mức thấp của điện giải được dùng để chuẩn điện cực chọn lọc ion trên các máy phân tích. *Thành phần phản ứng: ≤ 120 mmol/L Na ⁺ , ≤ 3 mmol/L K ⁺ , $\leq$ 80 mmol/L Cl	mL	160	X
738	Chất kiểm chuẩn LH	- Công dụng/Đặc tính: * Chất kiểm chuẩn LH là hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa LH người với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng LH trên	mL	8	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		máy xét nghiệm miễn dịch.			
739	Hóa chất xét nghiệm LH	- Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng nội tiết tố tạo hoàng thể trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng LH đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng LH đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	2.100	X
740	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm β hCG tự do và PAPP-A	- Công dụng/Đặc tính: Chất kiểm chuẩn huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với ba khoảng nồng độ được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch βhCG tự do và PAPP-A trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	84	X
741	Dung dịch kiểm chuẩn NH ₃ /ETH/CO ₂	- Dung dịch chuẩn xét nghiệm định lượng ethanol trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ máy sinh hóa. - Dung dịch chuẩn Ammonia/Ethanol/CO₂ là mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng trong dung dịch đệm nước. - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate.	mL	28	X
742	Dung dịch kiểm chuẩn NH ₃ /ETH/CO ₂ mức bình thường	- Công dụng/Đặc tính: Ammonia/Ethanol/CO₂ Control Normal được dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của phương pháp định lượng ethanol. Là dung dịch kiểm tra chất lượng mức bình thường xét nghiệm định lượng ethanol. - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate	mL	40	X
743	Dung dịch kiểm chuẩn NH ₃ /ETH/CO ₂ CONTROL mức bất thường	- Là dung dịch kiểm tra chất lượng bất thường xét nghiệm định lượng ethanol. - Dung dịch kiểm tra chất lượng mức bất thường xét nghiệm định lượng ethanol trên hệ máy sinh hóa - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch đệm nước chứa ammonia, ethanol và natri bicarbonate	mL	40	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
744	Chất kiểm chuẩn NSE	- Công dụng/đặc tính: *Chất kiểm chuẩn NSE là hỗn hợp đệm/protein đông khô chứa NSE với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng NSE trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	8	X
745	Hóa chất xét nghiệm NSE	- Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng enolase đặc hiệu thần kinh (NSE) trong huyết thanh người. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng NSE đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng NSE đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: 0.075±0,01 đến 300 ±0,5 ng/mL	Test	2.100	X
746	Hóa chất xét nghiệm PAPP-A	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng protein A huyết tương liên quan đến thai kỳ trong huyết thanh người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng PAPP-A đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng PAPP-A đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: 8±0,02 đến 9300±5 mIU/L	Test	2.300	X
747	Chất kiểm chuẩn PAPP-A	- Công dụng/đặc tính: Chất kiểm chuẩn PAPP-A là huyết thanh người đông khô chứa PAPP-A với hai khoảng nồng độ được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A.	mL	16	X
748	Chất kiểm chuẩn cho đa xét nghiệm miễn dịch	- Chất kiểm chuẩn được dùng để kiểm tra chất lượng cho đa xét nghiệm miễn dịch, là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh ngựa với hai khoảng nồng độ. - Kiểm chuẩn các xét nghiệm: ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PlGF, sFlt	mL	16	X
749	Hóa chất xét nghiệm PCT	Hóa chất xét nghiệm PCT - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng PCT (procalcitonin) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần bộ thuốc thử ối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh	Test	54.900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dầu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn 1 (đông khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng $\geq 0,10$ ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chuẩn 2 (đông khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng ≥ 54 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chứng 1 (đông khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng $\geq 0,50$ ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chứng 2 (đông khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng ≥ 10 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.			
750	Dung dịch rửa máy miễn dịch	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu. Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: Đệm phosphate; natri chloride; chất tẩy; chất bảo quản; pH $\geq 7,0$.	Lít	3.376	X
751	Chất kiểm chuẩn proBNP II	Chất kiểm chuẩn proBNP II - Là chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP II phương pháp điện hóa phát quang, với hai khoảng nồng độ	mL	12	X
752	Dung dịch rửa máy máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch được sử dụng để thực hiện các việc sau: ▪ Phục hồi điện cực ▪ Vận chuyển hỗn hợp phản ứng thuốc thử ▪ Rửa vi hạt phủ streptavidin ▪ Phát tín hiệu - Thành phần tối thiểu gồm có: dung dịch đệm Đệm phosphate; tripropylaminL; chất tẩy; pH $\geq 6,8$.	Lít	3.384	X
753	Chất kiểm chuẩn Prolactin	Chất kiểm chuẩn Prolactin - Là hỗn hợp đệm huyết thanh ngựa đông khô chứa prolactin tái tổ hợp, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Prolactin II trong huyết thanh/ huyết tương người theo phương pháp Điện hóa phát quang. - Prolactin với hai khoảng nồng độ	mL	16	X
754	Hóa chất xét nghiệm PSA trên máy miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm PSA - Xét nghiệm này dùng trong chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự	Test	18.300	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium			
755	Chất kiểm chuẩn PSA	Chất kiểm chuẩn PSA - Là huyết thanh người đông khô chứa PSA người với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trên các máy xét nghiệm miễn dịch. PSA (người) với hai khoảng nồng độ	mL	28	X
756	Hóa chất xét nghiệm PTH	Hóa chất xét nghiệm PTH - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng nội tiết tố tuyến cận giáp trong huyết thanh và huyết tương người. - Thuốc thử sẵn sàng sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng PTH đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng PTH đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: $1,2 \pm 0,01$ đến 5000 ± 6 pg/mL	Test	3.300	X
757	Chất kiểm chuẩn PTH	Dung dịch kiểm chuẩn PTH - Là huyết thanh người đông khô chứa PTH tổng hợp với hai khoảng nồng độ, để chuẩn xét nghiệm định lượng PTH nguyên vẹn	mL	8	X
758	Chất chuẩn xét nghiệm yếu tố dạng thấp	Chất chuẩn xét nghiệm yếu tố dạng thấp - Là chất chuẩn xét nghiệm yếu tố dạng thấp, dạng lỏng sẵn sàng để sử dụng lấy từ albumin huyết thanh bò, dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng trên các máy phân tích hóa học lâm sàng. - Thành phần phản ứng tối thiểu gồm có: RF trong huyết thanh người, albumin huyết thanh bò	mL	35	X
759	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét nghiệm yếu tố dạng thấp	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét nghiệm yếu tố dạng thấp - Là dung dịch kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm yếu tố dạng thấp. Gồm 2 mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng từ huyết thanh người.	mL	16	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
760	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgG	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgG - Là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người, dùng để kiểm tra độ đúng của xét nghiệm miễn dịch Rubella IgG phương pháp điện hóa phát quang. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chứng 1: huyết thanh người, âm tính đến dương tính yếu ▪ Mẫu chứng 2: Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgG kháng Rubella	mL	64	X
761	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgM	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgM - Là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người dùng để kiểm tra độ đúng của xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Virus Rubella giai đoạn sớm Rubella IgM trong huyết thanh/ huyết tương người. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Huyết thanh chứng 1: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng Rubella; ▪ Huyết thanh chứng 2: Huyết thanh người, dương tính với kháng thể IgM kháng Rubella	mL	32	X
762	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thuốc thử tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu biotin, kháng thể đơn dòng kháng Rubella đánh dấu ruthenium *Mẫu chuẩn âm tính 1: Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể IgG kháng Rubella. * Mẫu chuẩn dương tính 2: Kháng thể IgG kháng Rubella - Khoảng đo: 0.21±0,01 đến 500±0,9 IU/mL	Test	2.100	X
763	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm	Test	2.100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		μ-Capture. - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin, Kháng thể kháng Rubella đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính 1: Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể IgM kháng Rubella. * Mẫu chuẩn dương tính 2: Kháng thể IgM kháng Rubella khoảng			
764	Chất kiểm chuẩn SHBG	Chất kiểm chuẩn SHBG, gồm 2 mức nồng độ ▪ mẫu chuẩn 1 ▪ mẫu chuẩn 2	mL	8	X
765	Hóa chất xét nghiệm SHBG	Hóa chất xét nghiệm SHBG - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng globulin gắn kết nội tiết tố sinh dục trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bất cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng SHBG đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng SHBG đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	600	X
766	Hóa chất xét nghiệm Syphilis	Hóa chất xét nghiệm Syphilis - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm này được dùng hỗ trợ trong chẩn đoán nhiễm bệnh giang mai. - Nguyên lý bất cặp. - Thuốc thử tối thiểu gồm có: + Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu TP đánh dấu biotin + Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu TP đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính (đông khô): Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể kháng TP. + Mẫu chuẩn dương tính (đông khô): Huyết thanh người, phản ứng với kháng thể kháng TP.	Test	3.600	X
767	Chất kiểm chuẩn Syphilis	Chất kiểm chuẩn Syphilis - Là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người, dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Syphilis. - Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần:	mL	32	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Mẫu chứng: huyết thanh chứng: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng Treponema pallidum. - Mẫu chứng: huyết thanh chứng: Huyết thanh người, dương tính với kháng thể kháng Treponema pallidum.			
768	Chất kiểm chuẩn FT3 III	Chất kiểm chuẩn FT3 III - Là huyết thanh người đông khô chứa T3 với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 III trên máy xét nghiệm miễn dịch..	mL	36	X
769	Dung dịch kiểm chuẩn FT4	Dung dịch kiểm chuẩn FT4 III - Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 III phương pháp điện hóa phát quang, ở dạng sẵn sàng để sử dụng. L-thyroxine với hai khoảng nồng độ	mL	28	X
770	Hóa chất xét nghiệm TG	Hóa chất xét nghiệm TG - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyroglobulin trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. -Thuốc thử tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng Tg đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng Tg đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: 0,04±0,005 đến 500±0,5 ng/mL	Test	6.300	X
771	Chất kiểm chuẩn TG G2	Chất kiểm chuẩn TG G2 - Là huyết thanh ngựa đông khô chứa thyroglobulin với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Tg II trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chuẩn 1 ▪ Mẫu chuẩn 2 Thyroglobulin (người) với hai khoảng nồng độ	mL	4	X
772	Dung dịch kiểm chuẩn Troponin	Dung dịch kiểm chuẩn Troponin - Là huyết thanh người đông khô chứa troponin T và troponin I với hai khoảng nồng độ cho mỗi chất, được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Troponin T hs trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Huyết thanh chứng 1 ▪ Huyết thanh chứng 2	mL	168	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Troponin T (tải tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ			
773	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm Dấu ấn ung thư	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm Dấu ấn ung thư - Là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người, gồm 2 nồng độ nằm trong hai khoảng có liên quan trên lâm sàng ▪ Mẫu chứng 1: huyết thanh chứng ▪ Mẫu chứng 2: huyết thanh chứng	mL	168	X
774	Chất kiểm chuẩn chung cho các xét nghiệm miễn dịch	Chất kiểm chuẩn chung cho các xét nghiệm miễn dịch - Là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch trên máy xét nghiệm miễn dịch. ▪ Mẫu chứng 1 ▪ Mẫu chứng 2	mL	96	X
775	Dung dịch pha loãng chung cho các xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch pha loãng chung cho các xét nghiệm miễn dịch - Là dung dịch pha loãng chung cho các xét nghiệm miễn dịch được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm (Prolactin II, Cortisol, HCG, P1NP toàn phần, Troponin T, Myoglobin, Digitoxin, proBNP II, CEA, AFP, AFP toàn phần, PSA toàn phần, PSA CA 15-3, CA 125, CA 19-9, CA 72-4, CYFRA 21-1, Ferritin, Anti-HBs, Anti-HBc IgM, Anti-HAV, IgM Toxo, IgG Toxo, IgM Rubella, IgG Rubella, Digoxin, IgE II, Osteocalcin, HCG+β, βhCG tự do, PAPP-A, CMV IgG, CMV IgM, PTH, SCC.)	mL	1.344	X
776	Dung dịch rửa kim hút hóa chất trong máy miễn dịch	Dung dịch rửa kim hút hóa chất trong máy miễn dịch - Là dung dịch rửa dùng cho máy miễn dịch sử dụng công nghệ điện hóa phát quang, được sử dụng kết hợp với thuốc thử xét nghiệm và với tất cả các lô thuốc thử xét nghiệm miễn dịch. Dùng để rửa kim thuốc thử sau khi kết thúc công việc chạy mẫu; khi thay đổi thuốc thử cho một số xét nghiệm. -Thuốc thử: Tối thiểu gồm Dung dịch rửa kim thuốc thử KOH	mL	2.520	X
777	Dung dịch rửa cống của máy xét	Dung dịch rửa cống của máy xét nghiệm sinh hóa	Lít	14,40	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nghiệm sinh hóa	- Là dung dịch rửa có tính acid cho công phản ứng trên các máy phân tích. Sẵn sàng để sử dụng. - Thuốc thử tối thiểu gồm có: Acid citric monohydrate			
778	Hóa chất định lượng nồng độ ALT	Hóa chất định lượng nồng độ ALT - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng đo: $5 \pm 0,01$ đến 700 ± 1 U/L - Thuốc thử tối thiểu gồm có: Đệm TRIS, L-alanine, albumin, LDH, 2-Oxoglutarate, NADH	Test	57.200	X
779	Hóa chất định lượng ALB	Hóa chất định lượng ALB - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng albumin trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm đo màu. - Sẵn sàng để sử dụng. - Khoảng đo: từ $2 \pm 0,01$ đến 60 $\pm 0,07$ g/L - Thuốc thử tối thiểu gồm có: Đệm Citrate: 95 mmol/L, xanh bromcresol	Test	6.750	X
780	Hóa chất định lượng nồng độ AST	Hóa chất định lượng nồng độ AST - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng đo: $5 \pm 0,02$ đến $700 \pm 0,5$ U/L	Test	56.100	X
781	Định lượng CRP	Xét nghiệm Định lượng CRP - Là xét nghiệm đo độ đục miễn dịch dùng để định lượng in vitro CRP trong huyết thanh và huyết tương người. - Xét nghiệm vi hạt đo độ đục miễn dịch tăng cường. - Khoảng đo: $0.6 \pm 0,01$ đến 350 ± 1 mg/L	Test	7.000	X
782	Hóa chất định lượng Cretinin theo phương pháp men	Hóa chất định lượng Cretinin theo phương pháp men - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Nguyên lý xét nghiệm: Phương pháp enzym - Khoảng đo cho từng loại mẫu phẩm: + Huyết thanh/huyết tương: từ $5 \pm 0,03$ đến 2700 ± 2 μ mol/L + Nước tiểu: từ $100 \pm 0,2$ đến 54000 ± 5 μ mol/L	Test	62.400	X
783	Chất kiểm chuẩn Cyclosporine	Chất kiểm chuẩn Cyclosporine - Là mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu người chứa cyclosporine với hai khoảng	mL	12	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Cyclosporine trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chuẩn 1 ▪ Mẫu chuẩn 2			
784	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng Everolimus	Chất kiểm chuẩn Everolimus - Là mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu người chứa Everolimus với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Everolimus trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chuẩn 1 ▪ Mẫu chuẩn 2	mL	18	X
785	Chất kiểm chuẩn Everolimus	Chất kiểm chuẩn Everolimus - Là mẫu chứng đông khô lấy từ máu người với ba khoảng nồng độ, dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm Everolimus trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chứng 1 ▪ Mẫu chứng 2 ▪ Mẫu chứng 3	mL	36	X
786	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Cyclosporine, Tacrolimus và Sirolimus	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Cyclosporine, Tacrolimus và Sirolimus - Là mẫu chứng đông khô lấy từ máu người với ba khoảng nồng độ, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Cyclosporine, Tacrolimus và Sirolimus sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chứng 1 ▪ Mẫu chứng 2 ▪ Mẫu chứng 3 Bảo quản và độ ổn định	mL	81	X
787	Hóa chất được sử dụng để tách chiết cyclosporine, tacrolimus, everolimus và sirolimus từ mẫu	Hóa chất dùng trong chẩn đoán in vitro được dùng để tách chiết các chất phân tích đặc hiệu từ mẫu thử, được sử dụng để tách chiết cyclosporine, tacrolimus, everolimus và sirolimus từ mẫu để xác định nồng độ chất phân tích. Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần:	mL	840	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dung dịch kẽm sulfate trong methanol và ethylene glycol.			
788	Hóa chất định lượng KAPP	Hóa chất định lượng KAPP - Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch in vitro dùng trong định lượng các globulin miễn dịch liên kết và tự do của các loại chuỗi nhẹ kappa của trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Sẵn sàng để sử dụng. -Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đa dòng kháng kappa người; đệm TRIS/HCl: -Khoảng đo: 1,0±0,01 đến 12,0±0,2 g/L	Test	1.300	X
789	Hóa chất định lượng LAMB	Hóa chất định lượng LAMB - Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch in vitro dùng trong định lượng các globulin miễn dịch liên kết và tự do của các loại chuỗi nhẹ lambda của trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Sẵn sàng để sử dụng. -Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đa dòng kháng lambda người, đệm TRIS/HCl	Test	1.400	X
790	Chất kiểm chuẩn định lượng Tacrolimus	Chất kiểm chuẩn định lượng Tacrolimus - Là mẫu chuẩn đông khô lấy từ máu người chứa tacrolimus với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Tacrolimus trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chuẩn 1 ▪ Mẫu chuẩn 2	mL	18	X
791	Hóa chất xét nghiệm Folat	Hóa chất xét nghiệm Folat - Xét nghiệm gắn kết dùng để định lượng folate trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý cạnh tranh. - Thành phần tối thiểu gồm có: Protein gắn kết folate đánh dấu ruthenium, Folate đánh dấu biotin	Test	2.100	X
792	Chất kiểm chuẩn Folate III	Chất kiểm chuẩn Folate III - Là huyết thanh người đông khô chứa folate với hai khoảng nồng độ, dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Folate III trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	4	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chuẩn 1 ▪ Mẫu chuẩn 2			
793	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAg	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAg - Là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương, dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HBsAg II trên máy xét nghiệm miễn dịch. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm ▪ Mẫu chứng 1 ▪ Mẫu chứng 2	mL	39	X
794	Hóa chất định lượng L-homocysteine	Hóa chất định lượng L-homocysteine -Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng L-homocysteine toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng đo: $3 \pm 0,03$ đến $50 \pm 0,2$ $\mu\text{mol/L}$ -Thành phần tối thiểu gồm có: S-adenosylmethionine, 2-oxoglutarate, NADH, Homocysteine S-methyltransferase, glutamate dehydrogenase, Adenosine deaminase	Test	400	X
795	Dung dịch pha loãng mẫu	Dung dịch pha loãng mẫu -Dùng để pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm. - Pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm tương ứng. - Tiền pha loãng mẫu nói chung được chỉ định cho một số xét nghiệm (Calcitonin, CK-MB, C-Peptide, Estradiol III, GDF-15, HE4, IGFBP-3, IL-6, ProGRP, SHBG, Tg II, Troponin I, Troponin T, hs TSH) -Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản.	mL	216	X
796	Dung dịch pha loãng chung	Dung dịch pha loãng chung mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm. Thành phần tối thiểu gồm có: Hỗn hợp protein; chất bảo quản.	mL	3.168	X
797	Dung dịch rửa ISE	Dung dịch rửa ISE - là một dung dịch vệ sinh có tính kiềm có tính chất kháng khuẩn, dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch. Ở dạng	mL	3.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		sẵn sàng sử dụng. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium hydroxide, sodium hypochloride, Dung dịch natri hydroxide, natri hypochlorite			
798	Dung dịch rửa dùng cho máy khí máu và điện giải	Dung dịch rửa dùng cho máy khí máu và điện giải -Là nước rửa được sử dụng để làm sạch bên ngoài định kỳ hoặc khử khuẩn các máy phân tích khí máu và điện giải. -Thành phần tối thiểu gồm các thành phần: sodium hypochlorite	mL	875	X
799	Đầu côn tách chiết mẫu 2000 UL sử dụng trên hệ PCR tự động	Đầu côn tách chiết mẫu 2000 UL sử dụng trên hệ PCR tự động - Đặc tính: dùng trong tách chiết mẫu cho hệ thống tự động kết hợp sinh hóa miễn dịch sử dụng công nghệ điện hóa phát quang. - Dung tích: ≥ 2000 UL	Cái	8.000	X
800	Hóa chất xét nghiệm IL-6	Hóa chất xét nghiệm IL-6 - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng Interleukin-6 (IL-6) trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần tối thiểu gồm: + Kháng thể đơn dòng kháng IL-6 đánh dấu phức hợp ruthenium + Kháng thể đơn dòng kháng IL-6 đánh dấu biotin - Khoảng đo: $1,5 \pm 0,01$ đến 5000 ± 7 pg/mL	Test	700	X
801	Hóa chất xét nghiệm Progesterone	Hóa chất xét nghiệm Progesterone, - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng progesterone trong huyết thanh và huyết tương người. Thuốc thử sẵn sàng sử dụng . - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng progesterone đánh dấu biotin + Progesterone kết hợp với một peptide tổng hợp đánh dấu phức hợp ruthenium.	Test	600	X
802	Hóa chất xét nghiệm Cyclosporine	Hóa chất xét nghiệm Cyclosporine - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng cyclosporine trong máu toàn phần người. Xét nghiệm được dùng để hỗ trợ theo dõi bệnh nhân cấy ghép tim, gan, thận, phổi và tủy xương được điều trị cyclosporine. - Nguyên lý xét nghiệm: Kết tủa thủ công.	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng cyclosporine đánh dấu biotin + Cyclosporine đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: $30.0 \pm 0,3$ đến 2000 ± 4 ng/mL			
803	Hóa chất xét nghiệm Tacrolimus	Hóa chất xét nghiệm Tacrolimus - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng tacrolimus trong máu toàn phần người. Xét nghiệm được dùng để hỗ trợ theo dõi bệnh nhân cấy ghép tim, gan và thận được điều trị tacrolimus. - Nguyên lý xét nghiệm: Kết tủa thủ công. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng tacrolimus đánh dấu biotin + Tacrolimus đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: từ $0.5 \pm 0,01$ đến $40 \pm 0,2$ ng/mL	Test	4.200	X
804	Hóa chất xét nghiệm Everolimus	Hóa chất xét nghiệm Everolimus - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng everolimus trong máu toàn phần người. Xét nghiệm được dùng để hỗ trợ theo dõi bệnh nhân cấy ghép tim, gan và thận được điều trị everolimus. - Nguyên lý xét nghiệm: Kết tủa thủ công. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng everolimus đánh dấu biotin, Dẫn xuất everolimus đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: $0.5 \pm 0,01$ đến $30.0 \pm 0,1$ ng/mL	Test	600	X
805	Hóa chất định lượng Vancomycin	Hóa chất định lượng Vancomycin - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng vancomycin trong huyết thanh và huyết tương - Nguyên lý xét nghiệm: Dựa trên sự tương tác động học của các vi hạt trong dung dịch. - Thành phần tối thiểu gồm có: Vancomycin liên hợp; Kháng thể kháng vancomycin	Test	900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Khoảng đo: $4,0 \pm 0,01$ đến $80,0 \pm 0,3$ $\mu\text{g/mL}$			
806	Hóa chất xét nghiệm ceruloplasmin	- Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng ceruloplasmin trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Khoảng đo: $0,03 \pm 0,002$ đến $1,4 \pm 0,01$ g/L. - Thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng	Test	3.750	X
807	Hóa chất xét nghiệm IGA	Hóa chất xét nghiệm IGA - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng IgA trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.	Test	3.000	X
808	Hóa chất xét nghiệm IGG	Hóa chất xét nghiệm IGG - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng IgG trong huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy và nước tiểu người. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo: từ $3 \pm 0,02$ đến $50 \pm 0,3$ g/L	Test	4.500	X
809	Hóa chất xét nghiệm IGM	Hóa chất xét nghiệm IGM - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng IgM trong huyết thanh và huyết tương người. - Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Khoảng đo: từ $0,25 \pm 0,02$ đến $6,50 \pm 0,1$ g/L	Test	3.000	X
810	Hóa chất xét nghiệm CKMB	- Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng hoạt tính xúc tác của tiểu đơn vị creatine kinase MB (CK-MB) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng đo: từ $3 \pm 0,02$ đến 2000 ± 4 U/L	Test	2.400	X
811	Hóa chất xét nghiệm MG	- Xét nghiệm invitro dùng để định lượng magnesium trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Nguyên lý xét nghiệm đo màu điểm cuối. Khoảng đo: từ $0,10 \pm 0,002$ đến $2 \pm 0,01$ mmol/L.	Test	1.800	X
812	Chổi lấy mẫu xét nghiệm HPV DNA	- Chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung dùng cho xét nghiệm HPV DNA - Đóng gói riêng từng chổi, vô trùng, sử dụng một lần	Cái	13.200	X
813	Hóa chất phát hiện đột biến EGFR test v2.0	Xét nghiệm PCR thời gian thực để phát hiện định tính và nhận diện các đột biến trên exon 18, 19, 20 và 21 của gen thụ	Test	144	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thể yếu tố tăng trưởng biểu mô (EGFR) trong DNA tách chiết từ mô cố định bằng formalin vùi trong paraffin (FFPET) hoặc huyết tương của bệnh nhân bị ung thư phổi không phải tế bào nhỏ (NSCLC) Tối thiểu gồm các thành phần: EGFR MXX1, EGFR MXX2, EGFR MXX3, MgAc, EGFR Mutant control, Dung dịch pha loãng DNA.			
814	Hóa chất tách chiết DNA (mẫu máu)	Kit tách chiết cfDNA từ mẫu huyết tương. - Đặc tính, Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: proteinase K, DNA paraffin binding buffer, DNA wash buffer 1, DNA wash buffer 2, DNA elution buffer.	Test	144	X
815	Nước rửa cho xét nghiệm HBV/HCV/HPV	- Dùng để rửa tạp chất trong quá trình chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm PCR - Thành phần tối thiểu gồm: Natri citrate dihydrate, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate	Lít	483	X
816	Thuốc thử xét nghiệm định lượng DNA HBV	Xét nghiệm khuếch đại acid nucleic in vitro để định lượng DNA của vi rút viêm gan B (HBV) trong huyết tương chống đông bằng EDTA hoặc huyết thanh của người bị nhiễm HBV. Thành phần: Dung dịch Proteinase, DNA Quantitation Standard	Test	29.568	X
817	Định lượng HCV RNA	Xét nghiệm được sử dụng để theo dõi bệnh nhân nhiễm HCV mạn tính kết hợp với các dấu ấn lâm sàng và phòng xét nghiệm khác. Tối thiểu gồm các thành phần: Proteinase Solution, RNA Quantitation Standard, Elution Buffer	Test	8.064	X
818	Hóa chất định lượng HIV bằng realtima PCR	Hóa chất định lượng HIV bằng công nghệ sinh học phân tử - Đặc tính: xét nghiệm khuếch đại axit nucleic in vitro để định lượng RNA của virus gây suy giảm miễn dịch ở người - Thành phần tối thiểu gồm có: Proteinase Solution, RNA Quantitation Standard, Elution Buffer	Test	192	X
819	Nước rửa máy PCR tự động hoàn toàn	- Dung dịch để rửa kim sau mỗi bước hút và là đệm rửa cho tách chiết DNA và acid nucleic vi-rút. - Sử dụng trên hệ thống tách chiết mẫu	Lít	38,50	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		lâm sàng hoàn toàn tự động. - Tách chiết acid nucleic từ nhiều loại mẫu, ống chứa mẫu và các thể tích đầu vào cho đa ứng dụng ngược dòng khác nhau. - Các tính năng chính của hệ thống: + Có thể mở rộng tách chiết từ 1 đến 24 mẫu + Xử lý ống mẫu sơ cấp/thứ cấp + Lưu trữ và quản lý mẫu bằng mã vạch + Quản lý lệnh hiệu quả qua máy chủ			
820	Dung dịch kiểm chuẩn calib ACTH	Dung dịch kiểm chuẩn calib ACTH, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/đặc tính: được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng trên máy xét nghiệm miễn dịch.	mL	12	X
821	Hóa chất nội kiểm HBC IgM	Dung dịch nội kiểm HBC IgM, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/đặc tính: được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần tối thiểu gồm có: *Mẫu chuẩn 1: Huyết thanh người, âm tính với kháng thể IgM kháng HBc *Mẫu chuẩn 2: Kháng thể IgM kháng HBc	mL	32	X
822	Hóa chất nội kiểm Homocystein	Hóa chất nội kiểm Homocystein - Công dụng/đặc tính: được dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng quy định trong tờ giá trị. - Thành phần tối thiểu gồm có: *Thành phần phản ứng: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. *Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản.	mL	12	X
823	Hóa chất định lượng GGT	Hóa chất định lượng GGT - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống tự động	Test	6.800	X
824	Dung dịch rửa M	Dung dịch rửa M - Công dụng/đặc tính: Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu. - Thành phần: dung dịch rửa hỗn hợp phản ứng	Lít	135	X
825	Hóa chất định lượng nồng độ	Hóa chất định lượng nồng độ Cholesterol	Test	5.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Cholesterol	- Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm PIPES, natri cholate; 4-aminophenazone, phenol, fatty alcohol polyglycol, cholesterol esterase, cholesterol oxidase, peroxidase			
826	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3 - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người giúp hỗ trợ theo dõi bệnh nhân ung thư vú. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	800	X
827	Hóa chất định lượng nồng độ albumin	Hóa chất định lượng nồng độ albumin - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng albumin trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm Citrate, xanh bromcresol.	Test	1.200	X
828	Hóa chất định lượng nồng độ sắt	Hóa chất định lượng nồng độ sắt - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng sắt trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Acid citric, thiourea, Natri ascorbate, FerroZine	Test	1.200	X
829	Hóa chất định lượng nồng độ protein toàn phần	Hóa chất định lượng nồng độ protein toàn phần - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Natri hydroxide, kali natri tartrate, kali iodide, đồng sulfate	Test	1.200	X
830	Hóa chất định lượng nồng độ acid uric	Hóa chất định lượng nồng độ acid uric - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm phosphate, fatty alcohol polyglycol ether, ascorbate oxidase, kali hexacyanoferrate, 4-aminophenazone,	Test	3.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		uricase			
831	Dung dịch chuẩn Free PSA	Dung dịch chuẩn calib Free PSA - Công dụng/đặc tính: Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần tối thiểu gồm có: *Mẫu chuẩn 1 *Mẫu chuẩn 2 PSA tự do (người) ở hai khoảng nồng độ	mL	16	X
832	Hóa chất định lượng nồng độ glucose	Hóa chất định lượng nồng độ glucose - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm MES, Mg2+, ATP; NADP, Đệm HEPES	Test	8.000	X
833	Hóa chất định lượng nồng độ ure	Hóa chất định lượng nồng độ ure - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần tối thiểu gồm có: NaCl, Đệm TRIS, 2-oxoglutarate, NADH, ADP, urease, GLDH	Test	4.500	X
834	Hóa chất xét nghiệm AFP	Hóa chất xét nghiệm AFP - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng α 1-fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	900	X
835	Dung dịch kiểm chuẩn AFP	Dung dịch kiểm chuẩn AFP - Công dụng/đặc tính: được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần tối thiểu gồm có: *Mẫu chuẩn 1 *Mẫu chuẩn 2 Với hai khoảng nồng độ	mL	32	X
836	Hóa chất rửa hệ thống sinh hóa	Hóa chất rửa hệ thống sinh hóa - Công dụng/đặc tính: Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cồng phản ứng trên hệ thống. Dung dịch rửa cho cồng phản ứng.	mL	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần tối thiểu gồm có: HCl			
837	Hóa chất kiềm rửa hệ thống sinh hóa	Hóa chất kiềm rửa hệ thống sinh hóa - Công dụng/đặc tính: Dung dịch rửa cho các thuốc thử và ống hút mẫu hay cốc phản ứng trên máy. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NaOH	mL	1.980	X
838	Dung dịch nước muối sử dụng trên hệ thống sinh hóa	Dung dịch nước muối sử dụng trên hệ thống sinh hóa - Công dụng/đặc tính: được sử dụng làm chất pha loãng mẫu kết hợp với các thuốc thử xét nghiệm. Tối thiểu gồm các thành phần: NaCl 9 %	mL	400	X
839	Hóa chất định lượng ASLO	Hóa chất định lượng ASLO - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bằng phương pháp miễn dịch antistreptolysin O trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm TRIS, Đệm borate, hạt latex phủ streptolysin O	Test	1.050	X
840	Dung dịch ly huyết để chuẩn bị mẫu định lượng HbA1C	Dung dịch ly huyết để chuẩn bị mẫu định lượng HbA1C - Đặc tính: dung dịch sử dụng như một chất pha loãng để ly huyết mẫu máu toàn phần và để pha loãng mẫu chuẩn. - Thành phần tối thiểu gồm có: đệm phosphate	mL	306	X
841	Dung dịch chứa natri hydroxide rửa kim hút mẫu của máy sinh hóa	Dung dịch 1 rửa kim hút mẫu của máy xét nghiệm sinh hóa có chức năng trộn mẫu bằng sóng siêu âm tránh nhiễm chéo. Sẵn sàng để sử dụng. - Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch natri hydroxide	mL	2.124	X
842	Dung dịch chứa đệm phosphat để rửa hệ thống miễn dịch điện hóa phát quang	Dung dịch rửa hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch, ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm phosphate; tripropylamine; chất tẩy	Lít	144	X
843	Hóa chất định lượng nồng độ Ferritin	Hóa chất định lượng nồng độ Ferritin - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người theo phương pháp đo độ đục miễn dịch. Ferritin người ngưng kết với các hạt latex phủ kháng thể ferritin. Kết tủa được xác định bằng phương pháp đo độ đục. - Khoảng đo: $5 \pm 0,02$ đến 1000 ± 3 $\mu\text{g/L}$ - Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm	Test	1.750	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		TRIS, Hỗn hợp nước chứa các hạt latex phủ kháng thể kháng ferritin			
844	Hóa chất xét nghiệm Calci	Hóa chất xét nghiệm Calci - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng calci trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Khoảng đo: + Huyết thanh/huyết tương: $0,20 \pm 0,001$ đến $5,0 \pm 0,02$ mmol/L. + Nước tiểu: $0,20 \pm 0,02$ đến $7,5 \pm 0,05$ mmol/L.	Test	5.400	X
845	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc miễn dịch	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc miễn dịch - Đặc tính: Xét nghiệm HbA1c định lượng trong máu toàn phần hoặc mẫu ly huyết. Định lượng HbA1c dựa trên xét nghiệm miễn dịch ức chế đo độ đục (TINIA) cho máu toàn phần ly giải. Xét nghiệm này có thể xác định tình trạng chuyển hóa của các bệnh nhân bị urê huyết hoặc các bệnh hemoglobin thường gặp nhất (HbAS, HbAC, HbAE). - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể HbA1c (huyết thanh cừu), HbA1c polyhapten - Khoảng đo: Hemoglobin: 2.48 đến 24.8 mmol/L	Test	2.850	X
846	Dung dịch kiểm chuẩn control HbA1c mức bình thường	Dung dịch kiểm chuẩn control HbA1c mức bình thường - Đặc tính: là mẫu chứng lỏng lấy từ máu người ly huyết, dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng HbA1c mức bình thường. - Thành phần tối thiểu gồm có: Máu người ly huyết	mL	20	X
847	Hóa chất định lượng BIL-D Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: phương pháp diazo; - Ở dạng sẵn sàng sử dụng; - Khoảng đo: $1,4 \pm 0,003$ đến $236 \pm 0,4$ μ mol/L. - Thuốc thử: NaCl, 3,5 Dichlorophenyl diazonium	Test	1.750	X
848	Hóa chất định lượng BIL-T Hóa chất định	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bilirubin toàn phần trong huyết	Test	2.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	lượng Bilirubin toàn phần	thanh và huyết tương của người lớn và trẻ sơ sinh. - Phương pháp đo màu diazo. - Khoảng đo: $2,5 \pm 0,03$ đến $650 \pm 0,2$ $\mu\text{mol/L}$. - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: Phosphate, Muối 3,5-dichlorophenyl diazonium			
849	Dung dịch kiểm chuẩn control HbA1c mức bất thường	Dung dịch kiểm chuẩn control HbA1c mức bất thường - Đặc tính: là mẫu chứng lỏng lấy từ máu người ly huyết, dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. Ở dạng sẵn sàng sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: Máu người ly huyết, HbA1c glycosyl hóa	mL	20	X
850	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức thấp	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức thấp - Đặc tính: Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người dùng kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. - Thành phần phản ứng trong chất đông khô tối thiểu gồm có: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học gồm ALT (GPT); AST (GOT); Albolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Creatine kinase; CK-MB; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin.	mL	100	X
851	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức cao	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức cao - Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Nồng độ và hoạt tính điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở ngưỡng bệnh lý, dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. Thành phần phản ứng trong chất đông khô tối thiểu gồm có: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học gồm ALT (GPT); AST (GOT); Albolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Creatine kinase; CK-MB; GLDH; LDH; Lipase; Acid	mL	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin.			
852	Dung dịch rửa kim hút mẫu của máy sinh hóa	Dung dịch rửa kim hút mẫu của máy sinh hóa. - Thuốc thử ở dạng sẵn sàng sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: đệm; chất tẩy	mL	2.448	X
853	Hóa chất định lượng FT3	Hóa chất định lượng FT3 - Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý cạnh tranh. - Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: thuốc thử: Kháng thể đơn dòng kháng T3 đánh dấu phức hợp ruthenium, T3 đánh dấu biotin - Khoảng đo: 0,4±0,001 đến 50±0,02 pmol/L	Test	3.400	X
854	Hóa chất bổ sung buồng ủ của máy sinh hóa	Hóa chất bổ sung buồng ủ của máy sinh hóa - Là chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống máy xét nghiệm, làm giảm thiểu sự tạo thành các bọt bong bóng có khả năng làm nhiễu kết quả quang phổ. - Thành phần tối thiểu có: Chất tẩy	mL	4.248	X
855	Hóa chất định lượng Cortisol trên máy miễn dịch	Hóa chất định lượng Cortisol - Là xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người. - Nguyên lý cạnh tranh. - Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. - Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng cortisol đánh dấu biotin, Dẫn xuất cortisol đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	900	X
856	Hóa chất định lượng LDL-C	Hóa chất định lượng LDL-C - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu sử dụng men đồng nhất. - Khoảng đo: 0,10±0,002 đến 14,2±0,01 mmol/L - Thành phần tối thiểu gồm có:	Test	5.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		4-aminoantipyrine; ascorbate oxidase; peroxidase; cholesterol esterase; cholesterol oxidase; peroxidase			
857	Hóa chất định lượng CEA	Hóa chất định lượng CEA - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử- dung dịch tham gia xét nghiệm: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	1.100	X
858	Hóa chất định lượng CA 19-9	Hóa chất định lượng CA 19-9 - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử- dung dịch tham gia xét nghiệm: Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	900	X
859	Hóa chất định lượng CA 125	Hóa chất định lượng CA 125 - Xét nghiệm miễn dịch in vitro đo CA 125 theo trình tự thời gian để hỗ trợ theo dõi tình trạng ung thư của bệnh nhân. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. - Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. -Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: + Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	800	X
860	Hóa chất định lượng CA 72-4	Hóa chất định lượng CA 72-4 - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút; ở dạng sẵn sàng để sử dụng.	Test	900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium			
861	Hóa chất định tính HbeAg phương pháp điện hóa phát quang.	Hóa chất định tính HbeAg phương pháp điện hóa phát quang. - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. -Thành phần tối thiểu gồm các thành phần:Thuốc thử: Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính	Test	1.400	X
862	Hóa chất định tính HbeAb	Hóa chất định tính HbeAb - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên E của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu biotin; + Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính	Test	700	X
863	Hóa chất định lượng Cyfra	Hóa chất định lượng Cyfra - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19 đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	900	X
864	Hóa chất định lượng RFII	Hóa chất định lượng RFII - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng các yếu tố thấp khớp (RF-II) trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý kết tập miễn dịch với sự có	Test	800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		mặt của latex để tăng cường phản ứng. - Phương pháp đo độ đục. - Khoảng đo: $10 \pm 0,02$ đến $130 \pm 0,8$ IU/mL - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: polyethylene glycol, Vi hạt latex phủ IgG người; đệm glycine			
865	Hóa chất định lượng AST	Hóa chất định lượng AST - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người. Khoảng đo: $5 \pm 0,01$ đến 700 ± 2 U/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: L-aspartate; MDH; LDH; NADH; 2-oxoglutarate	Test	5.500	X
866	Hóa chất định lượng ALT	Hóa chất định lượng ALT - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người. Khoảng đo: $5 \pm 0,01$ đến 700 ± 2 U/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: L-alanine; LDH (vi sinh); 2-Oxoglutarate; NADH	Test	5.500	X
867	Hóa chất định lượng TRIGL	Hóa chất định lượng TRIGL - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đo màu sử dụng men. Khoảng đo: $0,1 \pm 0,01$ đến $10,0 \pm 0,1$ mmol/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: natri cholate; 4-aminophenazone; 4-chlorophenol; lipoprotein lipase; glycerol kinase; glycerol phosphate oxidase; peroxidase	Test	5.250	X
868	Que thử 10 thông số nước tiểu	Que thử 10 thông số nước tiểu - Đặc tính: que thử xét nghiệm bán định lượng 10 thông số Glucose, Bilirubin, Cetone (Acid acetoacetic), tỷ trọng, máu, pH, Protein (Albumin), Urobilinogen, Nitrite, Leukocyte (Bạch cầu)	Test	3.600	X
869	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức thấp	Dung dịch kiểm chứng mức nồng độ thấp cho các phép đo pH, PCO ₂ , PO ₂ , SO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , iCa ²⁺ , Hct, tHb và Hb cũng như glucose, lactate, urea/BUN và bilirubin.	mL	3.672	X
870	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức trung bình	Dung dịch kiểm chứng mức nồng độ trung bình cho các phép đo pH, PCO ₂ , PO ₂ , SO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , iCa ²⁺ , Hct, tHb và Hb cũng như glucose, lactate,	mL	3.825	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		urea/BUN và bilirubin.			
871	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức cao	Dung dịch kiểm chứng mức nồng độ cao cho các phép đo pH, PCO ₂ , PO ₂ , SO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , iCa ²⁺ , Hct, tHb và Hb cũng như glucose, lactate, urea/BUN và bilirubin.	mL	3.672	X
872	Dung dịch hiệu chuẩn máy khí máu.	Dung dịch hiệu chuẩn máy khí máu.	mL	102	X
873	Giấy in cho máy khí máu	Giấy in nhiệt dùng cho hệ thống máy khí máu	Cuộn	30	X
874	Dung dịch rửa sử dụng cho máy khí máu	Là dung dịch hóa chất xét nghiệm dùng trên máy khí máu, điện giải. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chứa nước rửa để rửa các ống của máy	mL	592.000	X
875	Hóa chất xét nghiệm khí máu	Là dung dịch hóa chất xét nghiệm dùng trên máy khí máu, điện giải Thành phần tối thiểu gồm có: 6 dung dịch khác nhau để hiệu chuẩn các thông số khí máu và điện giải	mL	388.050	X
876	Dung dịch xét nghiệm khí máu Pack A	Dung dịch thuốc thử dùng cho máy khí máu. Thành phần tối thiểu gồm có: dung dịch hiệu chuẩn cho các thông số Glu, lac, Urea/BUN.	mL	138.060	X
877	Điện cực để đo thông số glucose, lactate cho hệ thống máy khí máu	Hộp cảm biến đo nồng độ glucose/ lactate có trong máu cho máy khí máu điện giải	Cái	128	X
878	Hóa chất xét nghiệm SCC phương pháp điện hóa phát quang	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư tế bào vảy trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng SCC đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng SCC đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	200	X
879	Chất kiểm chuẩn SCC	Chất kiểm chuẩn SCC gồm có huyết thanh người đông khô với SCC protein ở hai khoảng nồng độ ▪ Mẫu chuẩn 1 ▪ Mẫu chuẩn 2	mL	4	X
880	Hóa chất xét nghiệm proGRP	- Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng ProGRP trong huyết tương và	Test	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	phương pháp điện hóa phát quang	huyết thanh người. - Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. - Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng. - Độ ổn định trên máy là ≥ 16 tuần - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng kháng ProGRP đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng ProGRP đánh dấu phức hợp ruthenium			
881	Chất kiểm chuẩn ProGRP	Chất kiểm chuẩn ProGRP là huyết thanh ngựa đông khô chứa protein proGRP với hai khoảng nồng độ. * Mẫu chuẩn 1 * Mẫu chuẩn 2	mL	4	X
882	Chất nội kiểm ung thư phổi	Chất nội kiểm Lung Cancer là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ ▪ Nồng độ 1 ▪ Nồng độ 2	mL	24	X
883	Hóa chất định lượng AMYL	- Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng α-amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Trộn mẫu bằng sóng siêu âm giúp không nhiễm chéo - Khoảng đo: $3 \pm 0,01$ đến 1500 ± 3 U/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: natri chloride; calcium chloride; magnesium chloride; α-glucosidase; ethylidene-G7-PNP	Test	4.500	X
884	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp trên máy sinh hóa tự động	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Phương pháp diazo. - Khoảng đo: $1,2 \pm 0,01$ đến 236 ± 1 $\mu\text{mol/L}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: Acid phosphoric, NaCl 50 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium	Test	20.000	X
885	Hóa chất định lượng HDL-C	Hóa chất định lượng HDL-C - Là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để định lượng nồng độ HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Xét nghiệm đo màu sử dụng men đồng nhất. - Khoảng đo: $0,08 \pm 0,001$ đến $3,88 \pm 0,01$	Test	38.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		mmol/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: ascorbate oxidase; peroxidase; cholesterol esterase; cholesterol oxidase; peroxidase; 4-amino-antipyrine			
886	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng trên các hệ thống sinh hóa	- Công dụng/Đặc tính: Dung dịch NaOH được dùng làm dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng. - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch natri hydroxide; chất tẩy	Lít	133,20	X
887	Hóa chất định lượng Calci toàn phần	Hóa chất định lượng Calci toàn phần - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng calci trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp đo quang. - Khoảng đo: Huyết thanh/huyết tương: $0,20 \pm 0,001$ đến $5,0 \pm 0,02$ mmol/L Nước tiểu: $0,20 \pm 0,001$ đến $7,5 \pm 0,03$ mmol/L Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: CAPSO; NM-BAPTA; EDTA	Test	24.750	X
888	Định lượng Cholesterol toàn phần	- Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Trộn mẫu bằng sóng siêu âm giúp không nhiễm chéo - Khoảng đo: $0,1 \pm 0,001$ đến $20,7 \pm 0,02$ mmol/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: natri cholate; 4-aminophenazone; phenol; fatty alcohol polyglycol ether, cholesterol esterase; cholesterol oxidase; peroxidase	Test	69.300	X
889	Dung dịch Rửa máy đo quang	Dung dịch Rửa máy Là chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống, ở dạng sẵn sàng để sử dụng. Thành phần tối thiểu gồm có: Chất tẩy	mL	2.496	X
890	Định lượng GGT	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng γ -glutamyltransferase (GGT) trong huyết thanh và huyết tương người. Trộn mẫu bằng sóng siêu âm giúp không nhiễm chéo Khoảng đo: $3 \pm 0,01$ đến 1200 ± 3 U/L ($0,05$ - $20,0$ μ kat/L) Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: glycylglycine, L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide;	Test	39.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		acetate			
891	Định lượng GLUC phương pháp hexokinase	- Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy người. Trộn mẫu bằng sóng siêu âm giúp không nhiễm chéo - Khoảng đo: $0,11 \pm 0,001$ đến $41,6 \pm 0,5$ mmol/L - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: Mg^{2+} ; ATP; NADP, Đệm HEPES; HK; G-6-PDH	Test	66.000	X
892	Hóa chất Định lượng LDL-C máu	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Trộn mẫu bằng sóng siêu âm giúp không nhiễm chéo Khoảng đo: $0,10 \pm 0,001$ đến $14,2 \pm 0,03$ mmol/L Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: 4 aminoantipyrine, peroxidase, cholesterol esterase; cholesterol oxidase; peroxidase	Test	31.000	X
893	Dung dịch rửa kim hệ thống xét nghiệm sinh hóa chứa NaOH	Hóa chất chứa NaOH-D -Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cóng phản ứng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: NaOHD	mL	5.508	X
894	Dung dịch NaCl	Dung dịch NaCl - Đặc tính: dùng làm chất pha loãng mẫu kết hợp với các thuốc thử xét nghiệm trên các hệ thống. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NaCl 9 %	mL	476	X
895	Dung dịch SMS	Dung dịch SMS Hóa chất rửa kim hút thuốc thử và cóng phản ứng trên máy sinh hóa. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: HCl	mL	476	X
896	Hóa chất định lượng Triglycerid máu	Hóa chất định lượng Triglycerid máu - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý đo màu sử dụng men. -Thuốc thử: natri cholate; ATP, 4-aminophenazone; 4-chlorophenol; lipoprotein lipase; glycerol kinase; glycerol phosphate oxidase; peroxidase	Test	80.000	X
897	Định lượng UREA máu/nước tiểu	Định lượng UREA máu/nước tiểu -Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh,	Test	53.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		huyết tương và nước tiểu người trên các hệ thống. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm động học với urease và glutamate dehydrogenase. - Đóng gói sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử : NaCl; 2-oxoglutarate; NADH; ADP; urease; GLDH			
898	Định lượng Uric acid máu/nước tiểu	Định lượng Uric acid máu/nước tiểu - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu sử dụng men. - Khoảng đo: + Huyết thanh/huyết tương: $0,2 \pm 0,001$ đến $25,0 \pm 0,02$ mg/dL ($11,9-1487$ $\mu\text{mol/L}$). + Nước tiểu: $2,2 \pm 0,05$ đến $275 \pm 0,5$ mg/dL - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử: fatty alcohol polyglycol ether; ascorbate oxidase; kali hexacyanoferrate; 4-aminophenazone ; uricase; Arthrobacter protophormiae; peroxidase	Test	38.000	X
899	Dung dịch rửa hệ thống của máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa hệ thống của máy xét nghiệm miễn dịch Dùng để rửa bộ phát hiện của máy xét nghiệm miễn dịch. Sẵn sàng để sử dụng.	Lít	5.316	X
900	Hóa chất xét nghiệm PREALBUMIN	Hóa chất xét nghiệm PREALBUMIN - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng prealbumin trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Thành phần tối thiểu gồm có: Polyethylene glycol (PEG); đệm phosphate, Kháng huyết thanh (thỏ) kháng prealbumin T đặc hiệu cho prealbumin người - Thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Khoảng đo: $0,03 \pm 0,001$ đến $0,8 \pm 0,005$ g/L	Test	3.150	X
901	Xét nghiệm định lượng PTH (1-84)	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng nội tiết tố tuyến cận giáp nguyên vẹn có hoạt tính, PTH (1-84) trong huyết thanh và huyết tương người để chẩn đoán phân biệt tăng calci huyết	Test	1.100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		và hạ calci huyết. Xét nghiệm này có thể sử dụng trong phẫu thuật. - Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang - Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý bắt cặp. - Tổng thời gian xét nghiệm: 18 phút - Thành phần tối thiểu gồm có: Thuốc thử Kháng thể đơn dòng kháng PTH đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PTH đánh dấu phức hợp ruthenium			
902	Đầu côn sử dụng cho xét nghiệm HPV trên máy PCR tự động	- Đầu tip có lọc hút mẫu và thuốc thử thể tích 1000 µl, được sản xuất trong Phòng sạch (Tiêu chuẩn ISO 8) - Không có Pyrogen, RNase, DNase, chất ức chế PCR, DNA và ATP của người.	Cái	42.240	X
903	Đầu tip pipette thể tích hút 1000 µl sử dụng cho hệ thống tách chiết acid nucleic hoàn toàn tự động	- Đầu Tip pipet 1000 µl, có lọc vô trùng. - Sử dụng trên hệ thống tách chiết mẫu lâm sàng hoàn toàn tự động. - Tách chiết acid nucleic từ nhiều loại mẫu, ống chứa mẫu, và các thể tích đầu vào cho đa ứng dụng ngược dòng khác nhau. - Các tính năng chính của hệ thống: + Có thể mở rộng tách chiết từ 1 đến 24 mẫu + Xử lý ống mẫu sơ cấp/thứ cấp + Lưu trữ và quản lý mẫu bằng mã vạch + Quản lý lệnh hiệu quả qua máy chủ	Cái	15.360	X
904	Bộ công phản ứng sử dụng trên máy sinh hóa	Bộ công phản ứng sử dụng trên máy sinh hóa. - Đặc tính: là công phản ứng đặc biệt dùng cho phân tích mẫu thử trên máy phân tích sinh hóa. Chất liệu: nhựa.	Cái	48	X
905	Đĩa xử lý mẫu sử dụng cho máy tách chiết tự động	Đĩa đựng mẫu tách chiết acid nucleic. Đặc tính: Đĩa vô trùng đựng mẫu sau tách chiết. Dùng cho máy tách chiết tự động. Chất liệu bằng nhựa	Cái	828	X
906	Đĩa đựng mẫu tách chiết sử dụng cho máy tách chiết tự động	- Đĩa đựng mẫu tách chiết, vô trùng - Sử dụng trên hệ thống tách chiết mẫu lâm sàng hoàn toàn tự động. - Tách chiết acid nucleic từ nhiều loại mẫu, ống chứa mẫu và các thể tích đầu vào cho đa ứng dụng ngược dòng khác nhau. - Các tính năng chính của hệ thống:	Cái	120	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ Có thể mở rộng tách chiết từ 1 đến 24 mẫu + Xử lý ống mẫu sơ cấp/thứ cấp + Lưu trữ và quản lý mẫu bằng mã vạch + Quản lý lệnh hiệu quả qua máy chủ			
907	Lọ đựng mẫu xét nghiệm HPV	- Lọ đựng mẫu xét nghiệm HPV được thiết kế để bảo quản và vận chuyển các tế bào được sử dụng trong xét nghiệm phân tử và/hoặc trong chuẩn bị tiêu bản mẫu tế bào học. Khi được sử dụng cùng với các sản phẩm chẩn đoán PCR cho phép phát hiện acid nucleic đích Tối thiểu gồm các thành phần: Góc methanol, dung dịch bảo quản.	Lọ	7.250	X
908	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu máy tách tế bào máu tự động, túi đôi	- Đặc tính, công dụng: là bộ kit thu nhận tiểu cầu túi đôi (thu 2 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương, phù hợp với máy tách tế bào máu tự động. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ kit có gắn sẵn các đường dây, các túi thu tiểu cầu, túi thu huyết tương, túi thu hồng cầu, kênh ly tâm. Kín, vô trùng, có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông. Có filter lọc ≤ 200 microns trên đường trả máu về. Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về. Có túi khí để chứa khí sau khi mỗi bẫy khí. Quá trình mỗi không cần dịch, mỗi khí hoàn toàn tự động. Bộ kit có hệ thống giảm thiểu bạch cầu LRS. Bộ kit chỉ dùng 1 kim. Thể tích ngoài tuần hoàn ≤ 200 ml. Có 01 túi chất chống đông ACDA dung tích ≥ 750 ml	Bộ	366	X
909	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu máy tách tế bào máu tự động, túi đơn	- Đặc tính, công dụng: là bộ kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương, phù hợp với máy tách tế bào máu tự động - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ kit có gắn sẵn các đường dây, các túi thu tiểu cầu, túi thu huyết tương, túi thu hồng cầu, kênh ly tâm. Kín, vô trùng, có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông. Có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông. Có filter lọc ≤ 200 microns trên đường trả máu về. Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về. Có túi khí để chứa khí sau khi mỗi bẫy khí. Quá trình mỗi không cần dịch, mỗi khí hoàn toàn tự động. Bộ kit có hệ	Bộ	114	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thống giảm thiểu bạch cầu LRS. Bộ kit chỉ dùng 1 kim. Thể tích ngoài tuần hoàn ≤ 200 ml. Có 01 túi chất chống đông ACDA dung tích ≥ 750 ml.			
910	Thanh thử nhanh phát hiện Phencyclidine nước tiểu	Thanh thử nhanh xét nghiệm chất độc Phencyclidine nước tiểu, phương pháp sắc ký miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu - Test dạng cassette, ngưỡng phát hiện: ≤ 25 ng/ml. - Độ chính xác: $\geq 99\%$	Test	100	
911	Thanh thử nhanh phát hiện Barbiturat nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Barbiturat nước tiểu, phương pháp sắc ký miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu - Test dạng cassette, ngưỡng phát hiện: ≤ 300 ng/ml, phân tích kết quả trên máy đọc mật độ quang - Độ chính xác: $\geq 97\%$	Test	100	
912	Thanh thử nhanh phát hiện TCA nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện TCA nước tiểu, phương pháp sắc ký miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu - Test dạng cassette, ngưỡng phát hiện: ≤ 1000 ng/ml, phân tích kết quả trên máy đọc mật độ quang	Test	100	
913	Thanh thử nhanh Dengue IgM/IgG đo trên máy, gồm chất chứng	Thanh thử nhanh xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM đặc hiệu với virus dengue ở người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương - Cung cấp kèm 01 lọ chứng dương - Test nhanh, có thể đo mật độ quang trên máy phân tích.	Test	5.000	
914	Thanh thử nhanh Dengue NS1 đo trên máy	Thanh thử nhanh xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1, đặc hiệu với virus dengue ở người - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương - Cung cấp kèm 01 lọ chứng dương	Test	11.750	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Test nhanh, có thể đo mật độ quang trên máy phân tích.			
915	Thanh thử nhanh iFOB đo trên máy	Thanh thử nhanh phát hiện máu ẩn trong phân - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, lọ xử lý mẫu. - Đóng gói: Thanh thử và hóa chất xử lý mẫu - Test nhanh, có thể đo mật độ quang trên máy phân tích.	Test	3.925	
916	Thanh thử nhanh H.pylori Ab	Thanh xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu với H.pylori - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương - Test nhanh, có thể đo mật độ quang trên máy phân tích.	Test	5.825	
917	Thanh thử nhanh ký sinh trùng sốt rét	Thanh thử nhanh xét nghiệm định tính kháng nguyên P. falciparum (P.f.) và P. vivax (P.v.) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt - Test dạng cassette, thực hiện trên máu toàn phần, phát hiện 2 chủng P.falciparum và P. vivax	Test	900	
918	Thanh thử nhanh Candida âm đạo	Thanh thử nhanh chẩn đoán Candida âm đạo - Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch xử lý mẫu, lọ xử lý mẫu, que lấy mẫu vô trùng, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện kháng nguyên Candida albicans từ mẫu que phết âm đạo	Test	100	
919	Thanh thử nhanh Morphine (MOP) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Morphine trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện morphin trong nước tiểu ở ngưỡng ≤ 300 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	325	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
920	Thanh thử nhanh phát hiện Morphine (MOP) trong máu	Thanh thử nhanh phát hiện Morphine trong máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện morphin trong máu ở ngưỡng ≤ 40 ng/ml. - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	100	
921	Thanh thử nhanh Amphetamine (AMP) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Amphetamine trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện amphetamin trong nước tiểu ở ngưỡng ≤ 1000 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	350	
922	Thanh thử nhanh Amphetamine (AMP) trong máu	Thanh thử nhanh phát hiện Amphetamine trong máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện amphetamin trong máu ở ngưỡng ≤ 80 ng/ml. - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	50	
923	Thanh thử nhanh Metamphetamine (MET) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Metamphetamine trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện metamphetamine trong nước tiểu ở ngưỡng ≤ 1000 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	275	
924	Thanh thử nhanh phát hiện Metamphetamine (MET) trong máu	Thanh thử nhanh phát hiện Metamphetamine trong máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện metamphetamine trong máu ở ngưỡng ≤ 70 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân	Test	50	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tích			
925	Thanh thử nhanh phát hiện Marijuana (THC) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Marijuana (THC) trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện THC trong nước tiểu ở ngưỡng ≤ 50 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	275	
926	Thanh thử nhanh phát hiện Marijuana (THC) trong máu	Thanh thử nhanh phát hiện Marijuana (THC) trong máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện THC trong máu ở ngưỡng ≤ 35 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	50	
927	Thanh thử nhanh phát hiện Ecstasy (MDMA) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Ecstasy (MDMA) trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện MDMA trong nước tiểu ở ngưỡng ≤ 500 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	50	
928	Thanh thử nhanh phát hiện Ecstasy (MDMA) trong máu	Thanh thử nhanh phát hiện Ecstasy (MDMA) trong máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện MDMA trong máu ở ngưỡng ≤ 50 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	50	
929	Thanh thử nhanh phát hiện Cocain (COC) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Cocain (COC) trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện cocain trong nước tiểu ở ngưỡng ≤ 300 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích	Test	100	
930	Thanh thử nhanh phát hiện Cocain	Thanh thử nhanh phát hiện Cocain (COC) trong máu	Test	50	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	(COC) trong máu	- Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện cocain trong máu ở ngưỡng ≤ 50 ng/ml - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích			
931	Khay giếng pha loãng hồng cầu	Khay giếng pha loãng hồng cầu. Đóng gói: Thùng /180 khay, mỗi khay có 16 giếng phản ứng	Khay	360	X
932	Thẻ xác định AHG IgG	Card xác định phản ứng hòa hợp, Coombs. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: bao gồm 6 cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, cũng như các chất bảo quản sodium azide 0,1% (w/v) và axit ethylenediaminetetraacetic (EDTA) 0,01M. Từ cột 1-6: Globulin kháng người (Anti-IgG (Thỏ) (Xanh lục)), Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Columm Agglutination Technology) (GEL CARD /BIOVUE);	Test	4.700	X
933	Thẻ sàng lọc và xác định kháng thể hệ nhóm máu ABO	- Thẻ sàng lọc và xác định kháng thể hệ nhóm máu ABO - Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: bao gồm 6 cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, acid ethylenediaminetetraacetic (EDTA) - Từ cột 1-6: Chất pha loãng ngược (Reverse diluent) - Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Columm Agglutination Technology) AQ1172	Test	4.400	X
934	Hóa chất tăng cường phản ứng Bliss	- Dung dịch tăng cường phản ứng hòa hợp, Coombs. - Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Mỗi lọ chứa natri clorua, glycine, glucose, phosphate, nucleoside và purine cũng như các chất bảo quản chloramphenicol, thrimethoprim và sulfamethoxazole	mL	540	X
935	Dung dịch bảo dưỡng máy định nhóm máu	- Dung dịch maintenance - Thành phần tối thiểu gồm có: albumin huyết thanh bò, muối vô cơ và chất bảo quản.	mL	120	X
936	Thẻ định nhóm	- Thẻ xác định nhóm máu 1 phương	Thẻ	4.500	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	máu ABD 1 phương pháp	pháp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, acid ethylenediaminetetraacetic (EDTA) - Từ cột 1-3: Anti A-Anti B-Anti D. Từ cột 4-6 lặp lại như từ cột 1-3. - Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Columm Agglutination Technology)			
937	Thẻ định nhóm máu ABO-Rh 2 phương pháp	- Thẻ xác định nhóm máu 2 phương pháp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: bao gồm 1 Test/Card, bao gồm 6 cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, acid ethylenediaminetetraacetic (EDTA) - Từ cột 1-3: Anti A-Anti B-Anti D. Cột 4: Control và Cột 5-6: Dung dịch đệm được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm nhóm máu ngược. - Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Columm Agglutination Technology)	Test	15.000	X
938	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu năng giáp trạng bẩm sinh	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu TSH dùng cho sàng lọc sơ sinh: - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống thiết bị tự động và bán tự động; - Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthanide; - Độ nhạy $\leq 2 \mu\text{U/mL}$ máu; - Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hormone hLH $\leq 250 \text{ U/L}$ không gây nhiễu tới phép đo hTSH; - Khoảng phân tích của phương pháp có giá trị từ $2 \pm 0,03 \mu\text{U/mL}$ tới $250 \pm 0,2 \mu\text{U/mL}$ máu; - Thành phần tối thiểu gồm có: chất chuẩn hTSH (giấy thấm); chất kiểm soát hTSH (giấy thấm); Dung dịch chất đánh dấu Eu kháng hTSH, Dải vi chuẩn độ kháng hTSH được phủ các kháng thể	Test	3.456	X
939	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu men G6PD	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu G6PD dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động;	Test	10.560	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Giới hạn phát hiện (LoD) $\leq 0,4$ U/g Hb; - Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin thử nghiệm ≤ 250 g/L không gây nhiễu đến xét nghiệm G6PD; - Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng $\geq 7,8$ U/g Hb; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang;			
940	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu 17α-OHP dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống thiết bị tự động và bán tự động; - Độ nhạy: Giới hạn mẫu trắng (LoB) $\leq 0,37$ ng/mL huyết thanh; Giới hạn phát hiện (LoD) $\leq 0,84$ ng/mL huyết thanh; Giới hạn định lượng (LoQ) $\leq 1,4$ ng/mL huyết thanh; - Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin thử nghiệm $\leq 0,5$ g/dL không gây nhiễu đến xét nghiệm 17α-OHP; - Độ tuyến tính có khoảng giá trị từ $1,4 \pm 0,02$ ng/mL tới $235 \pm 0,2$ ng/mL huyết thanh; - Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthanide;	Test	10.368	X
941	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh PKU (Phenylketone niệu)	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu phenylalanine dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; - Giới hạn phát hiện (LoD) $\leq 0,4$ mg/dL ($24 \mu\text{mol/L}$); - Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin $150 \pm 0,02$ g/L tới $200 \pm 0,2$ g/L không gây nhiễu tới xét nghiệm Neonatal Phenylalanine; - Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng $\geq 908 \mu\text{mol/L}$ (15 mg/dL);	Test	8.640	X
942	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh Galactosemia (chuyển hóa đường)	- Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh Galactosemia (chuyển hóa đường Galactose) - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng	Test	8.640	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Galactose)	- Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; - Giới hạn phát hiện (LoD) trung bình $\leq 1,6$ U/g Hb; - Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin trong khoảng $120 \pm 0,02$ đến $194 \pm 0,3$ g/L không ảnh hưởng đến phép đo hoạt độ của GALT; - Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng ≥ 11 U/g Hb;			
943	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu men Biotindase	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu men Biotindase - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; - Giới hạn mẫu trắng (LoB) ≤ 12 U; Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 16 U; - Độ đặc hiệu: Nồng độ hemoglobin ≤ 200 mg/dL không gây nhiễu tới xét nghiệm; - Độ tuyến tính có khoảng giá trị từ $16 \pm 0,02$ U tới $390 \pm 0,2$ U; - Thành phần tối thiểu gồm có: Chất hiệu chuẩn Biotindase; chất kiểm soát Biotindase; Thuốc thử cơ chất Biotindase; Dung dịch đệm hoàn nguyên; Đĩa vi tấm đen; Tấm phủ đĩa vi tấm; Nhãn mã vạch cho các đĩa;	Test	1.920	X
944	Bộ kit Realtime PCR phát hiện vi khuẩn Salmonella	Bộ kit bao gồm: - Chip xét nghiệm có tráng sẵn dung dịch đệm khô - Thành phần tối thiểu gồm có: 1 tube đông khô chứa các thành phần cần cho phản ứng: dung dịch đệm, dNTP, DNA polymerase, primer, probe đặc hiệu cho Salmonella - 1 đầu tip	Test	35	X
945	Hóa chất định lượng Interferon gamma release assay cho chẩn đoán Lao	Bộ kit bao gồm A. Hộp QFT-ELISA gồm: - Thành phần là IFN-γ tái tổ hợp, bovine casein - Dung dịch pha loãng (Green Diluent) - Thành phần là phức hợp HRP và kháng thể kháng (IFN-γ) - Dung dịch phức hợp Enzyme-cơ chất - Dung dịch hãm (Stop solution) B. Hộp QFT-Tube có 4 loại ống thu máu	Test	2.100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		bao gồm: - Ống 1: Thành phần là Heparin - Ống 2: Thành phần là Heparine và kháng nguyên ESAT 6 và CFP10 - Ống 3: Thành phần là Heparine và kháng nguyên ESAT 6 và CFP10 - Ống 4: Thành phần là Heparine và Phytohaemagglutinin-P (PHA- P)			
946	Thẻ định nhóm máu ABO và chéo	Thẻ định nhóm máu đầu giường cho người nhận và người hiến máu - Thành phần tối thiểu gồm có: + Ô anti A chứa kháng thể đơn dòng Anti A IgM + Ô anti B chứa kháng thể đơn dòng Anti B IgM + Ô control không chứa kháng thể, chứa dung dịch đệm photphat	Test	32.200	
947	Xét nghiệm đột biến gen liên quan bệnh huyết khối tĩnh mạch dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử	Xét nghiệm đột biến gen liên quan bệnh huyết khối tĩnh mạch dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch ly giải, Dung dịch khuếch đại, Đệm pha loãng Taq, DNAT, Dung dịch rửa, Dung dịch gắn kết, Chất phát màu	Test	80	X
948	Xét nghiệm đột biến gen liên quan bệnh xơ vữa động mạch dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử	Xét nghiệm đột biến gen liên quan bệnh xơ vữa động mạch dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch ly giải, Dung dịch khuếch đại, Đệm pha loãng Taq, DNAT, Dung dịch lai, Dung dịch rửa A, Dung dịch gắn kết, Chất phát màu	Test	40	X
949	Xét nghiệm xác định Alen HLA A3101 đáp ứng điều trị thuốc Carbamazepine dựa trên phản ứng Realtime PCR	Xác định alen HLA-A3101 dựa trên phản ứng Real time PCR nhằm xác định khả năng đáp ứng thuốc carbamazepine. Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu 100%. LoD $\leq 0,2$ ng/reaction	Test	100	X
950	Xét nghiệm xác định Alen HLA B1502 đáp ứng điều trị thuốc Carbamazepine dựa trên phản ứng Realtime PCR	Xác định alen HLA-B1502 dựa trên phản ứng Real time PCR nhằm xác định khả năng đáp ứng thuốc carbamazepine. Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu 100%. LoD $\leq 2,5$ ng/reaction	Test	100	X
951	Hóa chất ngoại kiểm Dịch não tủy có 7 thông số trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa. Mẫu dạng lỏng	Hóa chất ngoại kiểm Dịch não tủy có 7 thông số trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa. Mẫu dạng lỏng	mL	54	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
952	Hóa chất ngoại kiểm Đông Máu	Hóa chất ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản trên hệ thống máy Đông máu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết tương người. Mẫu dạng đông khô	mL	48	X
953	Hóa chất ngoại kiểm EBV	Hóa chất ngoại kiểm EBV Thành phần tối thiểu gồm có: huyết tương người. Mẫu dạng lỏng	mL	12	X
954	Hóa chất ngoại kiểm Giang Mai	Hóa chất ngoại kiểm Giang mai. Thành phần tối thiểu gồm có: huyết tương người. Mẫu dạng lỏng	mL	40	X
955	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c Thành phần tối thiểu gồm có: máu toàn phần. Mẫu dạng đông khô	mL	24	X
956	Hóa chất ngoại kiểm Huyết Học	Hóa chất ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu trên hệ thống máy huyết học. Thành phần tối thiểu gồm có: máu toàn phần. Mẫu dạng lỏng	mL	132	X
957	Hóa chất ngoại kiểm Khí Máu	Hóa chất ngoại kiểm Khí máu đáp ứng 11 thông số khí máu. Thành phần tối thiểu gồm có: Aqueous material. Mẫu dạng lỏng	mL	108	X
958	Hóa chất ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt 1	Hóa chất miễn dịch đặc biệt 1 đáp ứng 10 thông số trên hệ thống máy Miễn dịch Thành phần tối thiểu gồm có: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô	mL	18	X
959	Hóa chất ngoại kiểm Miễn Dịch	Hóa chất ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng 51 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư trên hệ thống máy Miễn dịch. Thành phần tối thiểu gồm có: Mẫu dạng đông khô	mL	210	X
960	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Mẫu dạng lỏng	mL	48	X
961	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu. Thành phần tối thiểu gồm có: nước tiểu của con người. Mẫu dạng lỏng	mL	432	X
962	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu (CTNK Protein Đặc Hiệu)	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu đáp ứng 26 thông số. Thành phần tối thiểu gồm có: huyết thanh từ người. Mẫu dạng lỏng	mL	30	X
963	Hóa chất ngoại kiểm Sinh Hóa	Hóa chất ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng 56 thông số sinh hóa thường quy. Thành phần tối thiểu gồm có: Huyết thanh tương tự người (Human based serum). Mẫu dạng đông khô	mL	390	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
964	Hóa chất ngoại kiểm Tiền Sản	Hóa chất ngoại kiểm Sàng lọc trước sinh, đáp ứng 6 thông số. Thành phần tối thiểu gồm có: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô	mL	30	X
965	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng 11 thông số dấu ấn tim mạch. Thành phần tối thiểu gồm có: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô,	mL	72	X
966	Hóa chất ngoại kiểm Tốc Độ Máu Lắng	Hóa chất ngoại kiểm tốc độ máu lắng. Mẫu dạng lỏng	mL	54	X
967	Hóa chất ngoại kiểm ToRCH	Hóa chất ngoại kiểm ToRCH. Đáp ứng 15 thông số. Thành phần tối thiểu gồm có: huyết thanh từ người. Mẫu dạng lỏng	mL	24	X
968	Hóa chất ngoại kiểm HIV/Viêm Gan	Hóa chất ngoại kiểm HIV/Viêm gan. Mẫu dạng lỏng	mL	194,40	X
969	Nội kiểm đông máu mức 1	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm đông máu gồm 16 thông số có các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Thành phần: huyết tương từ người. Dạng đông khô, Mức 1.	mL	132	X
970	Nội kiểm đông máu mức 2	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm đông máu gồm 16 thông số có các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Thành phần huyết tương từ người. Dạng đông khô, Mức 2	mL	132	X
971	Nội kiểm đông máu mức 3	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm đông máu gồm 16 thông số có các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Thành phần huyết tương từ người. Dạng đông khô, Mức 3.	mL	132	X
972	Nội kiểm sinh hóa mức 2	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3- Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 2	mL	500	X
973	Nội kiểm sinh hóa mức 3	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3- Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 3	mL	500	X
974	Nội kiểm dịch não tủy mức 2	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm dịch não tủy gồm 11 thông số. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 2.	mL	60	X
975	Nội kiểm dịch não tủy mức 3	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm dịch não tủy gồm 11 thông số. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng	mL	60	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Đông khô, Mức 3.			
976	Nội kiểm tiền sản mức 1	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm sàng lọc trước sinh gồm 06 thông số có Inhibin A. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 1.	mL	12	X
977	Nội kiểm tiền sản mức 2	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm sàng lọc trước sinh gồm 06 thông số có Inhibin A. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 2.	mL	12	X
978	Nội kiểm tiền sản mức 3	Thành phần tối thiểu gồm có: Nội kiểm sàng lọc trước sinh gồm 06 thông số có Inhibin A. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 3.	mL	12	X
979	Nội kiểm miễn dịch mức 1	Nội kiểm miễn dịch gồm 51 thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 1	mL	1.200	X
980	Nội kiểm miễn dịch mức 2	Nội kiểm miễn dịch gồm 51 thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 2	mL	1.080	X
981	Nội kiểm miễn dịch mức 3	Nội kiểm miễn dịch gồm 51 thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Dạng Đông khô, Mức 3	mL	1.080	X
982	Nội kiểm Ammonia/ Ethanol mức 1	Nội kiểm Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Thành phần tối thiểu gồm có: Aqueous material. Dạng lỏng. Mức 1.	mL	48	X
983	Nội kiểm Ammonia/ Ethanol mức 2	Nội kiểm Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Aqueous material. Dạng lỏng. Mức 2.	mL	24	X
984	Nội kiểm Ammonia/ Ethanol mức 3	Nội kiểm Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Thành phần tối thiểu gồm có: Aqueous material. Dạng lỏng. Mức 3.	mL	24	X
985	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 2	- Nội kiểm sinh hóa nước tiểu gồm 24 thông số. - Thành phần tối thiểu gồm có: 100% từ nước tiểu người. - Dạng Đông khô. Mức 2.	mL	480	X
986	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 3	- Nội kiểm sinh hóa nước tiểu gồm 24 thông số. - Thành phần tối thiểu gồm có: 100% từ nước tiểu người. - Dạng Đông khô. Mức 3.	mL	480	X
987	Nội kiểm nước tiểu mức 1	-Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu gồm 13 thông số.	mL	576	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: 100% từ nước tiểu người. - Dạng lỏng, Mức 1.			
988	Nội kiểm nước tiểu mức 2	- Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu gồm 13 thông số. - Thành phần: 100% từ nước tiểu người. - Dạng lỏng, Mức 2.	mL	864	X
989	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 1	- Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... - Thành phần: 100% huyết thanh người. - Dạng lỏng, Mức 1.	mL	6	X
990	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 2	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 2.	mL	6	X
991	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 3	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 3.	mL	6	X
992	Nội kiểm tim mạch 3 mức nồng độ	Nội kiểm tim mạch gồm 7 thông số cho tim mạch. Thành phần tối thiểu gồm có: 100% huyết thanh người. Dạng đông khô. Mức 1,2,3.	mL	12	X
993	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa niệu gồm 25 thông số	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa niệu gồm 25 thông số, chu kỳ từ tháng 1 hàng năm, tần suất chạy mẫu 2 tuần 01 lần, có bài báo cáo phù hợp chương trình ngoại kiểm Riqas. Thành phần tối thiểu gồm có: 100% nước tiểu của con người. Mẫu dạng đông khô.	mL	240	X
994	Nội kiểm Miễn Dịch Đặc biệt 1 (mức 1)	Nội kiểm miễn dịch đặc biệt 1 gồm 10 thông số miễn dịch đặc biệt: có Anti-Thyroglobulin (Anti-TG), Anti-Thyroperoxidase (Anti-TPO), Parathyroid Hormone (PTH), Procalcitonin. Thành phần tối thiểu gồm có: 100% huyết thanh người. Dạng đông khô. Mức 1.	mL	20	X
995	Nội kiểm Miễn Dịch Đặc biệt 1 (mức 2)	Nội kiểm miễn dịch đặc biệt 1 gồm 10 thông số miễn dịch đặc biệt: có Anti-Thyroglobulin (Anti-TG), Anti-Thyroperoxidase (Anti-TPO), Parathyroid Hormone (PTH), Procalcitonin. Thành phần tối thiểu gồm có: 100% huyết thanh người. Dạng đông khô. Mức 2.	mL	20	X
996	Nội kiểm Miễn Dịch Đặc biệt 1	Nội kiểm miễn dịch đặc biệt 1 gồm 10 thông số miễn dịch đặc biệt: có Anti-	mL	20	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	(mức 3)	Thyroglobulin (Anti-TG), Anti-Thyroperoxidase (Anti-TPO), Parathyroid Hormone (PTH), Procalcitonin. Thành phần tối thiểu gồm có: 100% huyết thanh người. Dạng đông khô. Mức 3.			
997	Thẻ định lại nhóm máu và làm phản ứng hòa hợp tại đầu giường trước truyền máu	Thẻ định lại nhóm máu và làm phản ứng hòa hợp tại đầu giường trước truyền máu + Thành phần: tối thiểu thành phần như sau: - Anti-A - Anti-B Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%	Test	27.300	
998	Anti-A	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu suất: >1:256. - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Dung dịch dạng lỏng, màu xanh	mL	1.200	
999	Anti-AB	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu suất: $\geq 1:256$. - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Dung dịch dạng lỏng, không màu	mL	1.100	
1000	Anti-B	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu suất: >1:256. - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Dung dịch dạng lỏng, màu vàng	mL	1.200	
1001	Anti-D IgG/IgM	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100%	mL	1.300	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Dung dịch dạng lỏng, không màu			
1002	Dung dịch pha loãng mẫu bệnh phẩm dùng cho máy xét nghiệm	Dung dịch pha loãng mẫu bệnh phẩm - Đặc tính, công dụng: sử dụng để pha loãng mẫu. - Thành phần tối thiểu gồm có: Chứa $\geq 0,15M$ NaCl trong dung dịch đệm Tris có protein (bò) và chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid.	mL	640	X
1003	Hóa chất xét nghiệm HBcrAg	Hóa chất xét nghiệm HBcrAg. - Đặc tính, công dụng: Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định lượng kháng nguyên liên quan đến lõi Hepatitis B virus trong huyết tương hoặc huyết thanh người; hỗ trợ cho chẩn đoán viêm gan vi rút B và giám sát hiệu quả điều trị. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-HB core antibody, 2-amino-2-hydroxymethyl-1,3-propanediol, Alkaline phosphatase-labeled HB core antibody, Alkaline phosphate-labeled HB core antibody	Test	8.400	X
1004	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBsAg	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBsAg - Đặc tính, công dụng: Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính và định lượng kháng nguyên bề mặt Hepatitis B virus (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người; dùng cho mục đích sàng lọc và chẩn đoán nhiễm vi rút viêm gan B. - Thành phần tối thiểu gồm có: Anti-HBs monoclonal antibody, Alkaline phosphatase-labeled anti-HBs monoclonal antibody	Test	168	X
1005	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBcrAg	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBcrAg - Đặc tính, công dụng: chất nội kiểm chuẩn của xét nghiệm HBcrAg. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 2-amino-2-hydroxymethyl-1,3-propanediol, Bovine serum albumin	mL	36	X
1006	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg - Đặc tính, công dụng: chất nội kiểm chuẩn của xét nghiệm HBsAg-Quant. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 2-amino-2-hydroxymethyl-1,3-propanediol, sodium chloride, Bovine serum albumin	mL	15	X
1007	Hóa chất hiệu	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm	mL	24	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	chuẩn cho xét nghiệm định lượng HBsAg	định lượng HBsAg - Chất liệu/thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 2-amino-2- hydroxylmethyl-1,3-prophanediol, sodium chloride			
1008	Dung dịch rửa miễn dịch dùng cho máy xét nghiệm	Dung dịch rửa miễn dịch - Đặc tính, công dụng: Sử dụng trong bước rửa trong phương pháp miễn dịch enzyme hóa phát quang - CLEIA - Thành phần tối thiểu gồm có: Chứa $\geq$ 342mM NaCl trong dung dịch đệm Tris có chứa chất tẩy rửa. Chất bảo quản: natri azid.	Lít	2	X
1009	Cartridge pha loãng dùng cho máy xét nghiệm	Cartridge pha loãng - Đặc tính, công dụng: Sử dụng để pha loãng mẫu khi vượt ngưỡng đo, và cho kiểm tra blank và chất lượng nước. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polypropylene.	Cái	1.260	X
1010	Ống lọc CO2 dùng cho máy xét nghiệm	ống Lọc CO2 - Đặc tính, công dụng: Sử dụng để ngăn chặn sự hư hỏng của dung dịch chạy máy - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Ca(OH) ₂ , NaOH, KOH	Ống	24	X
1011	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho máy xét nghiệm tự động	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm - Đặc tính, công dụng: Sử dụng để hút mẫu bệnh phẩm để phân tích. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nhựa tổng hợp.	Cái	1.920	X
1012	Dung dịch cơ chất dùng cho máy xét nghiệm	Dung dịch cơ chất - Đặc tính, công dụng: cơ chất tham gia phản ứng tạo tín hiệu sáng với phức hợp kháng nguyên - kháng thể có gắn men enzyme trong công nghệ miễn dịch enzyme hóa phát quang - Thành phần tối thiểu gồm có: Chứa chất nền trong dung dịch đệm diethanolamine với chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid.	mL	600	X
1013	Hóa chất Xét nghiệm Gene di truyền HLA B27 liên quan viêm dính cột sống	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện đa hình HLA-B27 ở người - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần thu trong ống EDTA - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy phân tích: 100% (94.1- 100%) , độ đặc hiệu phân tích: 100% (95.9-100%) + Độ nhạy chẩn đoán: 100% (92.9-	Test	1.104	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		100%), độ đặc hiệu chẩn đoán: 89% (81.2-94.4%) + Có chứa chứng nội sinh IC (gen beta-globin)			
1014	Bộ xét nghiệm IVD định tính kiểu gene Human Papilloma virus nguy cơ cao	- Bộ thuốc thử Real-time PCR định tính kiểu gen và định lượng từng typ cho 14 typ Human Papilloma virus nguy cơ cao. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: mẫu phết cổ tử cung, dịch tế bào, sinh thiết từ niêm mạc. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: 1000 copies/ml, độ đặc hiệu: 100% + Có khả năng định lượng. Dải tuyến tính: 3000 - 10 ⁸ copies/ml + Gen mục tiêu: E1 (typ 56), E6 và E7 (các typ còn lại). + Phát hiện riêng biệt (4 kênh màu trong 4 mix) cho từng typ HPV nguy cơ cao (16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66 và 68) và chứng nội gen β-globin.	Test	4.600	X
1015	Hóa chất tách chiết tự động DNA/ RNA virus từ mẫu dịch thể	- Bộ IVD chỉ định cho quy trình tách chiết DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương, huyết thanh, và các loại dịch cơ thể khác. - Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết. - Các sản phẩm sau tách chiết được ứng dụng trong qPCR, giải trình tự (NGS), Microarray, RFLP, Southern Blot. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay, cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. Thành phần cung cấp: Tối thiểu gồm: + Reagent cartridge, Reaction chamber, Tip holder, Filtered tip, Small tip, Piercing pin, Sample tube (2 ml), Elute tube (1,5 ml) + RNA carrier (1 mg)	Test	7.296	X
1016	Hóa chất xét nghiệm Toxoplasma gondii từ mẫu lâm sàng	- Bộ thuốc thử Real-time PCR dùng để phát hiện định tính Toxoplasma gondii. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu ngoại vi, mẫu sinh thiết, dịch não tủy, dịch ối. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 400 copies/mL + Gen mục tiêu: rep529	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần cung cấp: tối thiểu gồm: + PCR-mix-1-FRT T.gondii, PCR-mix-2-FRT, Polymerase (TaqF), Pos Control DNA T. gondii /STI (C+) + DNA- buffer, Negative Control (C-), Internal Control STI- 87 (IC)			
1017	Hóa chất xét nghiệm Parvovirus B19 từ mẫu lâm sàng	- Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD. Nguồn mẫu: huyết tương, dịch ối, mẫu đờm, mẫu phết. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 200 copies/mL. Độ đặc hiệu: 100% + Có khả năng định lượng. Khoảng định lượng: 800 ± 1 đến $10^7 \pm 10$ copies/mL + Gen mục tiêu: VP1. - Thành phần cung cấp: Tối thiểu gồm: + PCR-mix-1 Parvovirus B19/Glob, PCR-buffer-FRT, TaqF Polymerase, B19 & IC C+, Standards QS1 B19, QS2 B19, Negative Control C-, Internal Control IC, DNA-buffer	Test	100	X
1018	Hóa chất xét nghiệm Rubella từ mẫu lâm sàng	- Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: Huyết tương máu ngoại vi hoặc cuống rốn, nước bọt, mẫu phết vòm họng, dịch ối. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 400 copies/ml + Gen mục tiêu: p150 R.virus gene - Thành phần cung cấp: tối thiểu gồm: + RT-G-mix-2, RT-PCR-mix-1-FRT Rubella, RT-PCR-mix-2-FEP/FRT, Polymerase (TaqF), TM-Revertase (MMLv) + Positive Control cDNA Rubella /STI (C+), RNA- buffer, Negative Control (C-), Positive Control Rubella + Internal Control	Test	100	X
1019	Hóa chất đo tải lượng đồng thời CMV, EBV, HHV6 từ mẫu lâm sàng	- Bộ thuốc thử Real-time PCR định lượng và phân biệt Epstein-Barr virus (EBV), Human Herpes Virus type 6 (HHV6) và human cytomegalovirus (CMV). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu ngoại vi/máu cuống rốn, buffy coat, mẫu sinh thiết, dịch não tủy. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: Dịch não tủy: ≤ 400 copies/mL; Máu toàn phần, tế bào bạch	Test	1.400	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		cầu, mẫu sinh thiết: ≤ 5 DNA copies/ 10^5 tế bào; + Vùng gen mục tiêu: CMV – MIE, EBV – LMP gene, HHV6 – DNA polymerase catalytic subunit. - Thành phần cung cấp: tối thiểu gồm: + PCR- mix-1-FRT EBV / CMV / HHV-6, PCR- mix-2-FRT, Polymerase, RNA- buffer, DNA calibrator KSG1, DNA calibrator KSG2, Negative Control, Positive Control DNA EBV / CMV / HHV-6 and human DNA			
1020	Hóa chất xét nghiệm Streptococcus nhóm B từ mẫu lâm sàng	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện định lượng DNA Streptococcus agalactiae. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: mẫu phết, dịch não tủy, huyết tương. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 300 copies/ml. Độ đặc hiệu: 100% + Dùng 02 loại chứng nội: chứng nội ngoại sinh IC và chứng nội nội sinh IC Glob – DNA gen -globin. + Kết quả phát hiện trên 3 kênh màu - Thành phần cung cấp: PCR-mix-1, PCR-buffer FRT, Hot Start DNA Polymerase, TE-buffer, Negative Control C- + Pos C+ (S. agalactiae DNA&IC Glob), Internal Control IC, Standard S. agalactiae DNA/IC glob: QSG1, QSG2	Test	1.400	X
1021	Hóa chất phát hiện đồng thời vi khuẩn Haemophilus influenzae, Streptococcus pneumoniae và Neisseria meningitidis gây viêm phổi, viêm màng não và nhiễm trùng huyết	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện và phân biệt Neisseria meningitidis, Haemophilus influenzae và Streptococcus pneumoniae. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: Dịch não tủy. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: $\leq 10^3$ GE/mL - Thành phần cung cấp tối thiểu: PCR- mix-1 N. meningitidis/IC, PCR-mix-1 S. pneumoniae/ H. influenzae, PCR-mix-2 +TaqF Polymerase, Negative Control C- , Internal Control (IC), Pos DNA N. meningitidis C+, Pos DNA H.influenzae C+ + Pos DNA S.pneumoniae C+, Pos IC C+, DNA-buffer	Test	100	X
1022	Hóa chất xét	Hóa chất phát hiện và đo tải lượng	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nghiệm trực khuẩn xanh Pseudomonas aeruginosa trong mẫu đàm và huyết tương	Pseudomonas aeruginosa trong mẫu huyết tương bằng real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PCR-mix, Polymerase, TE-buffer, chứng dương C+, chứng nội IC và mẫu chuẩn (Standards) - Độ nhạy: ≤ 500 copies/ ml - Mẫu đầu vào: DNA tách chiết từ mẫu đàm, mẫu phết hầu họng, dịch rửa phế quản, mẫu phết và mẫu huyết tương - Có khả năng phát hiện Pseudomonas aeruginosa trong mẫu môi trường (nước, dịch rửa từ các vật thể môi trường, phế liệu sinh học, đất)			
1023	Hóa chất xét nghiệm Enterobacteriaceae (E.coli, Klebsiella spp., Proteus spp.), Staphylococcus spp. và Streptococcus spp. gây nhiễm trùng máu	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện định lượng Enterobacteriaceae, Staphylococcus spp. và Streptococcus spp. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: mẫu phết, huyết tương, dịch não tủy - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 2000 GE/ ml; Độ đặc hiệu: 100%; + Có khả năng phát hiện và định lượng từng tác nhân. Khoảng tuyến tính/ định lượng: từ $10^4 \pm 10$ đến $10^8 \pm 100$ GE/ml. - Thành phần cung cấp: + PCR-mix-1 Aerobes, PCR-buffer FRT, Hot Start DNA Polymerase, TE- buffer, Negative Control C-, Internal Control IC + Standards: QSG1, QSG2	Test	100	X
1024	Hóa chất định lượng Staphylococcus aureus mang gen kháng methicillin (MRSA) từ mẫu lâm sàng	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện định lượng Staphylococcus aureus kháng methicillin. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương, đờm, dịch rửa phế quản, mẫu mô, mẫu phết. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 400 copies/ml. + Có khả năng định lượng. Khoảng định lượng: 800 ± 1 đến $10^7 \pm 10$ copies/ml. + Phát hiện DNA Staphylococcus aureus và một đoạn DNA của gen mecA đặc hiệu cho chủng S.aureus kháng methicillin. - Thành phần cung cấp:	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ PCR-mix-1-FRT MRSA, PCR-mix-2-FRT, TaqF Polymerase, DNA-buffer, DNA standard QS1 MRSA, DNA standard QS2 MRSA, Negative Control (C-), Positive Control DNA MRSA, Internal Control (IC)			
1025	Hóa chất tách chiết DNA/ RNA bằng phương pháp tủa	- Bộ IVD chỉ định cho quy trình tách chiết và tinh sạch DNA/RNA tổng số từ các mẫu lâm sàng. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: đa nguồn mẫu (Máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch hút tủy xương, dịch ối, mẫu mô, tinh dịch,...) - Tính năng kỹ thuật: Ly giải bằng guanidine thiocyanate, kết tủa nucleic acid bằng 2-propanol. - Thành phần cung cấp: + Lysis buffer, Prec buffer, Washing Sol 1, Washing Sol 2, Dilution-buffer	Test	17.300	X
1026	Hóa chất HBV định lượng - PCR	- Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ thuốc thử RT-PCR dạng đông khô, chứng nội, chứng dương, chứng âm và bộ mẫu chuẩn (standard) dạng đông khô - Gene mục tiêu: vùng 5' mã hóa HBsAg. Khả năng phát hiện các kiểu gen HBV (A, B, C, D, H) - Độ nhạy: ≤ 7 IU/ml; Giới hạn phát hiện: từ $7 \pm 0,1$ đến $100.000.000 \pm 100$ IU/ml - Nguồn mẫu: huyết tương.	Test	16.608	X
1027	Hóa chất HCV định lượng - PCR	- Bộ thuốc thử Real-time PCR định lượng RNA Hepatitis C Virus (HCV). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 13 IU/ml, độ đặc hiệu: 100%; + Khoảng tuyến tính: $13 \pm 0,5$ đến $10^8 \pm 100$ IU/ml + Trong cùng một lô, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn. + Thuốc thử đóng gói dạng đông khô trừ chứng âm. + Chứng nội IC được tách cùng với mẫu giúp kiểm soát chất lượng mẫu đầu	Test	1.632	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		vào và nguy cơ ức chế pcr - Đường chuẩn được xây dựng từ CAL1 & CAL2 - Thành phần cung cấp: Thuốc thử RT-PCR, Chứng nội (CONTROL INT), Chứng 1 (CONTROL 1), Chứng 2 (CONTROL 2) + Chứng âm (CONTROL -), CAL 1, CAL 2			
1028	Hóa chất TB định tính - PCR	- Bộ thuốc thử Real-time PCR định tính phức hợp vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis complex). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: đàm, dịch rửa phế quản/khí quản, mẫu mô, máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu, dịch nuôi cấy vi khuẩn. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 5 CFU/ mẫu + Phát hiện phức hợp vi khuẩn lao (MTBC) bao gồm: M. tuberculosis, M. africanum, M. bovis, M. bovis BCG, M. microti. + Gene mục tiêu: IS 6110. - Thành phần cung cấp: PCR- mix- 1, PCR Buffer Flu, TaqF Poly merase, UDG- Enzyme, Chứng nội, Negative Control C - + MTB IC, DNA- buffer	Test	3.850	X
1029	Hóa chất HSV định tính rPCR	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện virus Herpes I và II. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần, dịch não tủy, mô, dịch tuyến tiền liệt, tinh dịch, mẫu phết sinh dục - Thông số kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 500 GE/ml - Thành phần cung cấp: PCR-mix-1-FRT, PCR-mix-2, TaqF Polymerase, Pos C+, Negative Control C- + Internal Control IC, DNA-buffer	Test	400	X
1030	Hóa chất xét nghiệm Mycoplasma pneumoniae và chlamydomphila pneumoniae trong mẫu máu, mô và rửa khí quản	- Bộ thuốc thử Real-time PCR định tính Mycoplasma pneumoniae và Chlamydomphila pneumoniae. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần, mô, dịch rửa khí quản, dịch đàm hoặc dịch hút khí quản, mẫu phết. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 500 GE/ml	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ Gen mục tiêu: Mycoplasma: putative lipoprotein; Chlamydophila- ompA. - Thành phần cung cấp: PCR- mix-1-FRT (Mycoplasma pneumoniae/Chlamydophila pneumoniae), PCR- mix-2-FRT + Polymerase (TaqF), Positive Control DNA (Mycoplasma pneumoniae/Chlamydia pneumoniae/IC human DNA) + DNA- buffer, Negative Control C-			
1031	Hóa chất tách chiết tự động DNA từ mẫu máu	- Bộ IVD chỉ định cho quy trình tách chiết DNA từ máu toàn phần trên hệ thống máy tách chiết tự động SaMag 12/24. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần, dịch huyền phù tế bào máu động vật có vú. - Thể tích mẫu: 100-400 µL máu toàn phần - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Thành phần cung cấp: Reagent cartridge, Reaction chamber, Tip holder, Filtered tip, Piercing pin + Sample tube (2 ml), Elute tube (1,5 ml)	Test	6.240	X
1032	Hóa chất tách chiết tự động DNA vi khuẩn từ đa nguồn mẫu	Bộ xét nghiệm IVD chỉ định cho quy trình tách chiết DNA bộ gen vi khuẩn Gram âm và Gram dương trên hệ thống máy tách chiết tự động - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: từ dịch nuôi cấy, dịch cơ thể không chứa tế bào, môi trường vận chuyển lỏng, nước tiểu, vật liệu từ môi trường (nước, đất...) - Tính năng kỹ thuật: Buffer BL2 chuyên dùng để ly giải thành tế bào vi khuẩn (được cung cấp cùng bộ kit), sử dụng để hòa tan cụm vi khuẩn trước khi tách chiết. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Thành phần cung cấp: Reagent cartridge, Reaction chamber, Tip holder, Filtered tip, Piercing pin, Sample tube (2	Test	96	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		ml) + Elute tube (1,5 ml), BL2			
1033	Hóa chất tách chiết tự động DNA/ RNA vi sinh vật từ mẫu đường sinh dục	- Bộ IVD chỉ định cho quy trình tách chiết DNA vi sinh vật gây bệnh lây truyền qua đường tình dục trên hệ thống máy tách chiết tự động. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: mẫu phết, nước tiểu, tinh dịch. - Tính năng kỹ thuật: có buffer BL4 giúp hóa lỏng mẫu. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Thành phần cung cấp: Reagent cartridge, Reaction chamber, Tip holder, Filtered tip, Piercing pin, Sample tube (2 ml) + Elute tube (1,5 ml), BL4 Buffer tube	Test	4.176	X
1034	T.vaginalis/N. gonorrhoeae/C. Trachomatis Real- TM	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện đồng thời DNA của Chlamydia trachomatis, Neisseria gonorrhoeae và Trichomonas vaginalis. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: Mẫu phết, cặn nước tiểu; dịch tuyến tiền liệt. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 500 copies/ml + Gen mục tiêu: T.vaginalis- DNA repeats for PCR identification; N.gonorrhoeae- 16s rRNA gene; C.trachomatis- cryptic plasmid. - Thành phần cung cấp: PCR-mix-1 -FL T. vag / N. gon / C. trachomatis, PCR-mix-2-FRT, Polymerase (TaqF) + Positive Control complex (C+), DNA- buffer, Negative Control (C-), Internal Control - FL (IC)	Test	600	X
1035	Hóa chất đo tải lượng đồng thời JCV và BKV trong máu, dịch não tủy và nước tiểu	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện định lượng JCV và BKV. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 500 copies/ml, độ đặc hiệu: 100% + Khoảng tuyến tính/ định lượng: $10^3 \pm 10$ đến $10^8 \pm 100$ copies/mL + Gen mục tiêu: gen T-antigen lớn	Test	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần cung cấp: PCR-mix-1 JCV-BKV, PCR- buffer-FRT, TaqF polymerase, QS 1 JCV-BKV, QS 2 JCV-BKV + DNA-buffer (C-), Internal control (IC), Negative control, Positive control JCV-BKV			
1036	Nội kiểm nước tiểu sử dụng cho máy đo bán định lượng các chất trong nước tiểu	Sản phẩm sử dụng máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn, công suất ≥ 270 mẫu/giờ Bao gồm: UC-CONTROL-L và UC-CONTROL-H và bao gồm các thông số sau đây Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatinine CRE), Albumin (ALB), Ti trọng (SG). Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nước tiểu người; 5-Chloro-2-methyl-2,3-dihydroisothiazol-3-one và 2-Methyl-2,3-dihydro isothiazol-3-one	mL	120	X
1037	Que thử sinh hóa nước tiểu 11 thông số	Que nhúng sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu tự động ≥ 270 mẫu/giờ gồm tối thiểu gồm các thông số: Urobilinogen, Máu, Protein, Glucose, Xeton, Nitrit, Bilirubin, Bạch cầu, pH, Creatinin, Albumin. Cung cấp số liệu cho máy tính toán kết quả A/C và P/C. Bảo quản trong hộp kín, tránh độ ẩm, ánh sáng mặt trời và nhiệt độ cao: độ bền hết hạn in trên nhãn. Độ bền sau khi mở nắp và đặt vào máy: ≥ 1 tuần.	Que	90.000	X
1038	Dung dịch hiệu chuẩn thiết bị đo khúc xạ trong lượng riêng của nước tiểu trên hệ thống sinh hóa nước tiểu	Sản phẩm sử dụng để hiệu chuẩn thiết bị đo khúc xạ trọng lượng riêng của nước tiểu trên hệ thống sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động ≥ 270 mẫu/ giờ Tối thiểu gồm 3 mức nồng độ SG Calibrator L SG Calibrator M SG Calibrator H Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: sucrose, 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-2H - isothiazol-3-one	mL	200	X
1039	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực	mL	4	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tiếp gắn enzym Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) HBcAb Negative Calibrator (2) HBcAb Positive Calibrator			
1040	Hóa chất định lượng kháng thể HBcAb	Hóa chất định lượng kháng thể kháng kháng nguyên lõi của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym Bao gồm: (1) Hóa chất R1: Chứa đệm phản ứng (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ kháng nguyên tái tổ hợp HBc (3) Hóa chất R3: chứa kháng nguyên tái tổ hợp (chuột) HBc được đánh dấu ALP	Test	2.450	X
1041	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-Hbe	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti- HBe Assay Kit trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) HBeAb Negative Calibrator (2) HBeAb Positive Calibrator	mL	12	X
1042	Hóa chất định tính kháng thể anti-Hbe	Hóa chất định tính kháng thể kháng kháng nguyên e của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng nguyên tái tổ hợp HBe (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ kháng thể đơn dòng (chuột) anti- HBe (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) anti-HBe	Test	700	X
1043	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti- HBs trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm 4 mức nồng độ (1) HBsAb C0 (2) HBsAb C1 (3) HBsAb C2 (4) HBsAb C3 Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	24	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1044	Hóa chất định lượng kháng thể anti-HBs	Hóa chất định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Dải đo: từ $5 \pm 0,01$ đến 1000 ± 1 mIU/mL Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng nguyên HBs tái tổ hợp được đánh dấu với ALP (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính phủ kháng nguyên HBs tái tổ hợp	Test	109.400	X
1045	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) HBeAg Negative Calibrator (2) HBeAg Positive Calibrator Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	12	X
1046	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: đệm phản ứng (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ kháng thể đơn dòng anti-HBe ; (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-HBe được đánh dấu ALP Ngưỡng đo: C.O.I ≥ 1.0	Test	10.100	X
1047	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-TP	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti- TP trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) TPAb Negative Calibrator (2) TPAb Positive Calibrator Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	8	X
1048	Hóa chất định tính kháng thể kháng virus Treponema pallidum (giang mai)	Hóa chất định tính kháng thể kháng virus Treponema pallidum trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm:	Test	3.280	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		(1) Hóa chất R1: chứa kháng nguyên TP tái tổ hợp được đánh dấu biotin (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa kháng nguyên TP tái tổ hợp được đánh dấu ALP Ngưỡng đo: C.O.I $\geq$ 1.0			
1049	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm AFP	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm AFP Assay Kit trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm 6 mức nồng độ (1) AFP C0 (2) AFP C1 (3) AFP C2 (4) AFP C3 (5) AFP C4 (6) AFP C5	mL	24	X
1050	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PSA	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PSA trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm 6 mức nồng độ (1) PSA C0 (2) PSA C1 (3) PSA C2 (4) PSA C3 (5) PSA C4 (6) PSA C5	mL	24	X
1051	Hóa chất định lượng PSA trong chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư tuyến tiền liệt	Hóa chất định lượng marker ung thư PSA trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền. Dải đo: từ $0,003 \pm 0,0001$ đến $200 \pm 0,01$ ng/mL Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng anti-PSA được đánh dấu biotin (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-PSA được đánh dấu ALP	Test	9.900	X
1052	Bộ hóa chất xét nghiệm hỗ trợ phát hiện rối loạn chức năng tiểu cầu	Bộ hóa chất xét nghiệm hỗ trợ phát hiện rối loạn chức năng tiểu cầu Collagen/EPI trong mẫu máu toàn phần của máy xét nghiệm đánh giá chức năng	Test	40	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Collagen/EPI	tiểu cầu. Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ xét nghiệm bao gồm một bộ phận tích hợp có chứa mao quản, bể chứa mẫu và màng sinh học với khẩu độ tròn trung tâm.			
1053	Bộ hóa chất xét nghiệm hỗ trợ phát hiện rối loạn chức năng tiểu cầu Collagen/ADP	Bộ hóa chất xét nghiệm hỗ trợ phát hiện rối loạn chức năng tiểu cầu Collagen/ADP trong mẫu máu toàn phần của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ xét nghiệm bao gồm một bộ phận tích hợp có chứa mao quản, bể chứa mẫu và màng sinh học với khẩu độ tròn trung tâm.	Test	40	X
1054	Hóa chất xét nghiệm chất kích tập P2Y	Hóa chất xét nghiệm theo dõi điều trị ở bệnh nhân đang sử dụng thuốc kháng thụ thể P2Y của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu. Kit là cartridge xét nghiệm bao gồm một bộ phận tích hợp bao gồm mao quản, bể chứa mẫu và màng sinh học với khẩu độ tròn trung tâm. Thành phần tối thiểu gồm có: adenosine-5'-diphosphate (ADP), Prostaglandin E1, ionic Calcium	Test	40	X
1055	Hóa chất rửa hệ thống của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	Hóa chất rửa hệ thống của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	Cái	35	X
1056	Dung dịch hỗ trợ cho phản ứng ngưng tập của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	Dung dịch hỗ trợ cho phản ứng ngưng tập để đánh giá chức năng tiểu cầu của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu. Dung dịch nước muối sinh lý, sẵn sàng sử dụng	mL	33	X
1057	Card kiểm tra hệ thống của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	Card kiểm tra quá trình nhỏ dung dịch của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu.	Cái	20	X
1058	Thẻ mời của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	Thẻ mời là cốc dùng để mời hệ thống của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu.	Thẻ	20	X
1059	Khay chứa card của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	Khay nhựa với hai vị trí để đặt cartridge xét nghiệm hoặc cartridge mời. Các băng cassette cùng với các cartridge được đặt vào các giếng ủ của khay	Khay	10	X
1060	Ống chiết tách mẫu	Ống dùng cho quy trình kiểm tra và bảo	Cái	70	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	của máy của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu	dưỡng máy của máy xét nghiệm đánh giá chức năng tiểu cầu. Sử dụng khi kiểm tra rò rỉ áp suất.			
1061	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học kèm theo bảng giá trị cho 7 thông số báo cáo của xét nghiệm dịch cơ thể. Thành phần tối thiểu gồm có: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể được sử dụng như chất chuẩn (Control) ở chế độ dịch cơ thể.	mL	108	X
1062	Hóa chất nội kiểm mức thấp của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ thấp của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức thấp được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), bạch phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học.	mL	312	X
1063	Hóa chất nội kiểm mức trung bình của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ trung bình của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	mL	312	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức trung bình được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học.			
1064	Hóa chất nội kiểm mức cao của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ cao của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức cao được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học.	mL	312	X
1065	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo RET của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo RET của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine dye; methanol; Ethylene Glycol Fluorocell RET được thêm vào mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để	mL	120	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		nhuộm các tế bào hồng cầu lưới trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ thẳng và ánh sáng huỳnh quang bên từ đó phát hiện được số lượng tế bào hồng cầu lưới (RET#) và phần trăm tế bào hồng cầu lưới (RET%).			
1066	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tricine buffer Hóa chất pha loãng mẫu được dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần dùng trong phân tích hồng cầu lưới và tiểu cầu theo phương pháp nhuộm tiểu cầu huỳnh quang	Lít	6	X
1067	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động.	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium chloride; Tris buffer; EDTA-2K Hóa chất pha loãng mẫu được dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần dùng trong phân tích số lượng & kích thước hồng cầu và tiểu cầu theo phương pháp tập trung dòng chảy thủy động học.	Lít	18.740	X
1068	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant Lysercell WDF ly giải tế bào hồng cầu và tạo điều kiện cho Fluorocell WDF nhuộm các tế bào bạch cầu để phân tích được: bạch cầu trung tính, tế bào lympho, bạch cầu mono, bạch cầu ưa axit.	Lít	915	X
1069	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant Lysercell WNR ly giải tế bào hồng cầu và tạo điều kiện cho Fluorocell WNR nhuộm để phân tích được: Bạch cầu ưa kiềm baso và hồng cầu nhân	Lít	1.270	X
1070	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh đo HGB của máy xét nghiệm huyết học	Lít	267	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	đo HGB của máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium lauryl sulfate SULFOLYSER dựa trên phương pháp Sodium Lauryl Sulfate Chất hoạt động bề mặt ion âm Sodium Lauryl Sulfate (SLS) sẽ được ly giải màng hồng cầu và giải phóng huyết sắc tố. Đồng thời, cùng hóa chất này sẽ kết hợp với huyết sắc tố đã được ly giải tạo thành một liên kết ổn định. Thiết bị phân tích sẽ chiếu ánh sáng bước sóng thích hợp và đo độ hấp thụ.			
1071	Lam màu trắng sử dụng trên máy huyết học tự động	Lam kính không màu phù hợp với máy kéo lam tự động, độ dày: $0,9 \pm 0,01$ đến $1,2 \pm 0,02$ mm, kích thước: $76 \times 26 \pm 2$ mm, khoảng mờ trên lam: ≤ 15 mm	Cái	6.000	X
1072	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium Hypochlorite Được sử dụng như chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và protein máu còn lại trong thủy lực của dòng máy phân tích huyết học tự động xét nghiệm để ngăn chặn sự kết tủa của protein trong máy.	mL	3.760	X
1073	Hóa chất nhuộm huỳnh quang tiểu cầu của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang tiểu cầu của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Oxazine Ethylene glycol	mL	96	X
1074	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh do WDF của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh do WDF của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine Methanol Ethylene glycol Fluorocell WDF sau đó được thêm vào và mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để nhuộm các tế bào nhân trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ bên và ánh sáng huỳnh quang bên từ đó có số lượng bạch cầu	mL	13.020	X
1075	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh do WNR của	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu	mL	10.824	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	máy xét nghiệm huyết học	nhân Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine Ethylene glycol			
1076	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm định lượng đối với mẫu bệnh phẩm có giá trị vượt dải đo của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm định lượng đối với mẫu bệnh phẩm có giá trị vượt dải đo trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền	mL	140	X
1077	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) trong quá trình phản ứng trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Surfactant (Tween 20)	Lít	1.970	X
1078	Dung dịch rửa kim hút của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày	mL	236.000	X
1079	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Dung dịch rửa đường ống trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tris buffer	Lít	18.810	X
1080	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: TSH, FT3, FT4, PSA, AFP, CEA, CA 125, CA 19-9, CA 15-3, Ferritin, Insulin	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm TSH, FT3, FT4, PSA, AFP, CEA, CA125, CA19-9, Ferritin, Insulin và CA15-3 trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền	mL	144	X
1081	Đầu côn dùng một lần của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Đầu côn dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền có công suất ≥ 200 xét nghiệm/giờ	Cái	505.000	X
1082	Giếng phản ứng của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Giếng phản ứng trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền có công suất ≥ 200 xét nghiệm/giờ	Cái	605.000	X
1083	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: HCVAb, HBsAg,	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody	mL	126	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	TPAb, HIVAb	trên hệ thống miễn dịch tự động hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Bao gồm 2 mức nồng độ			
1084	Hóa chất định lượng Insulin của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Hóa chất định lượng Insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng kháng insulin biotinylated (chuột) (2) Hóa chất R2 (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng kháng insulin có gắn ALP (chuột) Ngưỡng đo: $0,1 \pm 0,001$ đến $500 \pm 0,06$ $\mu\text{IU/mL}$	Test	300	X
1085	Chất chuẩn cho xét nghiệm Insulin trong đại tháo đường	Chất chuẩn cho xét nghiệm Insulin của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang gắn enzyme sử dụng chất nền Bao gồm 4 mức nồng độ Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	16	X
1086	Hóa chất đo mức độ glycosyl hóa của protein M2BPGi trong chẩn đoán và theo dõi các giai đoạn xơ gan	Hóa chất đo mức độ glycosyl hóa của protein M2BPGi trong huyết thanh trên hệ thống miễn dịch tự động hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1 (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ WFA (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-M2BP được đánh dấu ALP Ngưỡng đo: C.O.I: $0,1 \pm 0,001$ đến $20 \pm 0,01$	Test	700	X
1087	Chất chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Bao gồm 6 mức nồng độ Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	36	X
1088	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm viêm gan B: HBsAg, anti-HBs, HBeAg, anti-Hbe, HBcAb	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBsAg, HBeAg, anti-HBs, anti-Hbe, anti-HBc trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	mL	216	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần: Bao gồm 2 mức (1) HBV Antigen Positive level 1 (HBsAg, HBeAg) (2) HBV Antigen Positive level 2 (HBsAg, HBeAg) (3) HBV Antibody Positive level 1 (Anti-HBs, Anti-HBe) (4) HBV Antibody Positive level 2 (Anti-HBs, Anti-HBc)			
1089	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Dải đo: 0,03±0,001 đến 2500±1 IU/mL. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) anti-HBs được đánh dấu với biotin (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ Streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) anti-HBs được đánh dấu ALP	Test	159.800	X
1090	Chất chuẩn cho xét nghiệm HCVAb	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Bao gồm 2 mức nồng độ Hạn sử dụng sau khi mở nắp: 90 ngày	mL	14	X
1091	Hóa chất định tính kháng thể anti-HCV	Hóa chất định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng nguyên HCV được đánh dấu Biotin (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ bởi kháng nguyên HCV (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng IgG anti-human được đánh dấu ALP Ngưỡng đo: C.O.I. ≥ 1.0	Test	155.500	X
1092	Chất chuẩn cho xét nghiệm HIV	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HIV Ag+Ab trên hệ thống miễn dịch tự động	mL	16	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Ag+Ab	ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) HIV Ag+Ab: chứng âm (2) HIV Ag+Ab: chứng dương Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày			
1093	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIV Ab+Ab	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIV Ag+Ab trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) HIV Negative Control (2) HIV Antigen Positive Control (3) HIV Antibody Positive Control	mL	108	X
1094	Hóa chất định tính kháng thể và kháng nguyên-HIV	Hóa chất xét nghiệm HIV1p24 và anti- HIV trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng anti-HIV được đánh dấu với biotin (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ HIV antigen (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-HIV và HIV antigen được đánh dấu Ngưỡng đo: C.O.I ≥ 1.0	Test	17.550	X
1095	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm M2BPGi	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm M2BPGi trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) M2BPGi NC (2) M2BPGi PC Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	8	X
1096	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm M2BPGi	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm M2BPGi Assay Kit trên hệ thống miễn dịch tự động hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm: (1) M2BPGi Control Level 1 (2) M2BPGi Control Level 2	mL	48	X
1097	Chất hiệu chuẩn	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT3	mL	24	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	cho xét nghiệm FT3	trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm 6 mức nồng độ (1) FT3 C0 (2) FT3 C1 (3) FT3 C2 (4) FT3 C3 (5) FT3 C4 (6) FT3 C5 Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày			
1098	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4 trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm (1) FT4 C0 (2) FT4 C1 (3) FT4 C2 (4) FT4 C3 (5) FT4 C4 (6) FT4 C5 Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	54	X
1099	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T3 tự do	Hóa chất định lượng hormone T3 tự do (FT3) trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Dải đo: $1\pm 0,001$ đến $30\pm 0,01$ pg/mL Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng (cừu) anti-T3 được đánh dấu biotin. (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa T3 được đánh dấu ALP	Test	12.100	X
1100	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T4 tự do	Hóa chất định lượng hormone T4 tự do (FT4) trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Ngưỡng đo: $0,25\pm 0,001$ đến $8\pm 0,01$ ng/dL Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) anti-T4 (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được	Test	86.500	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa T3 được đánh dấu ALP			
1101	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm 6 mức nồng độ (1) TSH C0 (2) TSH C1 (3) TSH C2 (4) TSH C3 (5) TSH C4 (6) TSH C5 Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày	mL	54	X
1102	Hóa chất định lượng nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH)	Hóa chất định lượng hormone TSH trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Dải đo: $0,002 \pm 0,0001$ đến $200 \pm 0,05$ $\mu\text{IU/mL}$. Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng anti-TSH (chuột) được đánh dấu ALP (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) được đánh dấu biotin	Test	75.800	X
1103	Chất nền hóa phát quang của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Phương pháp hóa phát quang trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chất nền hóa phát quang CDP-Star	mL	102.740	X
1104	Hóa chất rửa máy nước tiểu tự động	- Công dụng: Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy. - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng $\geq$ 60 ngày. - Thành phần tối thiểu gồm có: Sodium hypochlorite	mL	176	X
1105	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu có bù dịch tự động, có gắn sẵn các đường dây, có filter lọc trên đường dây chống đông 0.2	- Kít được sử dụng với ứng dụng thu nhận tiểu cầu tự bù dịch; - Gồm: Kim kích cỡ 17G; Túi chứa tiểu cầu bằng nhựa có dung tích $\geq 1000\text{ml}$; Túi chứa bằng nhựa có dung tích $\geq 1000\text{ml}$; Túi chứa bằng nhựa có dung tích $\geq 600\text{ml}$; Bộ lọc kháng khuẩn với	Bộ	176	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	micron, túi đôi (thu 2 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu), 1 túi chống đông ACDA 750ml.	kích thước lỗ lọc $\geq 0,2$ micron; kèm túi chống đông ACDA ≥ 1000 ml - Khối tiểu cầu sau khi đưa vào túi chứa được bảo quản tối đa ≥ 5 ngày ở nhiệt độ 20 đến 24 độ C;			
1106	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu đơn có bù dịch tự động, có gắn sẵn các đường dây, có filter lọc trên đường dây chống đông 0.2 micron, túi đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu), 1 túi chống đông ACDA 750ml.	- Kít được sử dụng với ứng dụng thu nhận tiểu cầu tự bù dịch; - Kim kích cỡ 17G; Túi chứa tiểu cầu bằng nhựa có dung tích ≥ 1000 ml; Túi chứa bằng nhựa có dung tích ≥ 1000 ml; Túi chứa bằng nhựa có dung tích ≥ 600 ml; Bộ lọc kháng khuẩn với kích thước lỗ lọc $\geq 0,2$ micron; kèm túi chống đông ACDA ≥ 500 ml; - Khối tiểu cầu sau khi đưa vào túi chứa được bảo quản tối đa ≥ 5 ngày ở nhiệt độ 20 đến 24 độ C;	Bộ	88	X
1107	Thùng đựng cốc thuốc thử đã sử dụng cho các thiết bị điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Thùng đựng cốc thuốc thử đã sử dụng cho các thiết bị điện di mao quản (Khay thải) -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Thùng đựng cốc thuốc thử đã sử dụng cho các thiết bị điện di mao quản đa đầu di	Cái	10	X
1108	Cốc thuốc thử cho các thiết bị điện di mao quản	Tên mô tả hàng hóa: Cốc thuốc thử phản ứng Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Cốc thuốc thử cho các thiết bị điện di mao quản với đa đầu di	Cái	7.056	X
1109	Dung dịch rửa cho các thiết bị điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Dung dịch rửa cho các thiết bị điện di mao quản -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dung dịch rửa cho các thiết bị điện di mao quản với đa đầu di	mL	4.425	X
1110	Hóa chất điện di định lượng Haemoglobin	Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất điện di định lượng Haemoglobin - Đặc tính, công dụng của hàng hóa: được sử dụng để phân tách các haemoglobin bình thường (A, F, A2) và xác định biến thể haemoglobin (đặc biệt là S, C, E, D) bằng phương pháp điện di mao quản trong dung dịch đệm kiềm - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch ly giải (sẵn sàng sử dụng), Dung dịch rửa, dung dịch đệm	mL	19.500	X
1111	Chất kiểm chuẩn Hb A2 bình thường	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất kiểm chuẩn HbA2 bình thường -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Chất kiểm chuẩn Hb A2 bình thường được sử	mL	48	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dùng để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 và để đối chứng sự di chuyển của huyết sắc tố trong quy trình điện di trên thạch và điện di mao quản - Thành phần tối thiểu gồm có: Nguồn gốc từ mẫu máu người, được sản xuất dưới dạng đông khô			
1112	Chất kiểm chuẩn Hb A2 bệnh lý	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất kiểm chuẩn HbA2 bệnh lý -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Chất kiểm chuẩn cho Hb A2 bất thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 ở người bằng quy trình điện di trên thạch và điện di mao quản -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Nguồn gốc từ nhiều mẫu máu người có tỷ lệ huyết sắc tố A2 tăng, được sản xuất dưới dạng đông khô	mL	3,20	X
1113	Dung dịch kiểm soát chất lượng phân tách điện di huyết sắc tố A, F, S và C	Dung dịch kiểm soát chất lượng phân tách điện di huyết sắc tố A, F, S và C -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Sản phẩm được sử dụng để kiểm soát chất lượng phân tách điện di huyết sắc tố A, F, S và C ở người bằng quy trình điện di trên thạch và điện di mao quản. -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: mẫu máu người dạng đông khô chứa huyết sắc tố A và F thông thường, huyết sắc tố S và C bất thường	Lọ	1	X
1114	Hóa chất điện di định lượng Protein	Hóa chất điện di định lượng Protein -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: được sử dụng để phân tách huyết thanh người trong dung dịch đệm kiểm (pH 9,9) bằng phương pháp điện di 2 mao quản. -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: +Dung dịch đệm (sẵn sàng sử dụng), Dung dịch rửa (sẵn sàng sử dụng)	mL	5.775	X
1115	Huyết thanh kiểm chuẩn bình thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng protein, lipoprotein, cholesterol và	Huyết thanh kiểm chuẩn bình thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng protein, lipoprotein, cholesterol và apolipoprotein trong huyết thanh người bằng quy trình điện di trên thạch và điện di mao quản. - Thành phần tối thiểu gồm có: Huyết	mL	25	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	apolipoprotein trong huyết thanh	thanh đối chứng được lấy từ huyết thanh thông thường ở người. Huyết thanh nằm dưới dạng đông khô ổn định hóa			
1116	Huyết thanh kiểm chuẩn với mức cao gamma cho xét nghiệm điện di protein trên thạch và điện di mao quản	Huyết thanh kiểm chuẩn với mức cao gamma cho xét nghiệm điện di protein trên thạch và điện di mao quản. - Thành phần tối thiểu gồm có: Huyết thanh đối chứng được lấy từ huyết thanh người. Huyết thanh ở dưới dạng đông khô ổn định hóa	mL	10	X
1117	Hóa chất điện di định danh miễn dịch	Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất điện di định danh miễn dịch phát hiện các chuỗi nặng gamma, alpha, mu, kappa, lambda. -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: được sử dụng để phát hiện và định danh các protein đơn dòng (định danh miễn dịch) trong huyết thanh người bằng phương pháp điện di 2 mao quản. Thành phần tối thiểu gồm có: - Dung dịch pha loãng mẫu (sẵn sàng sử dụng) - Giá gồm dung dịch ELP và ống huyết thanh miễn dịch: * Các huyết thanh miễn dịch có nguồn gốc từ động vật có vú	mL	499,20	X
1118	Huyết thanh kiểm chuẩn cho các xét nghiệm định danh immunoglobulin trên gel agarose/mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định danh miễn dịch -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Huyết thanh kiểm chuẩn cho các xét nghiệm định danh immunoglobulin trên gel agarose/mao quản -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Nguồn gốc từ huyết thanh người được bổ sung các kháng thể đơn dòng: Ig G, Ig A, Ig M, Kappa, Lamda. Được sản xuất dưới dạng đông khô, pha thành 1 mL	mL	4	X
1119	Dung dịch chuẩn bị mẫu nước tiểu cho xét nghiệm protein nước tiểu bằng phương pháp điện di	-Tên mô tả hàng hóa: Dung dịch xử lý mẫu nước tiểu -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dung dịch dùng để chuẩn bị mẫu nước tiểu cho các xét nghiệm protein nước tiểu bằng phương pháp điện di trong môi trường đệm alkaline -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Gồm dung dịch đệm Dialysis buffer	mL	960	X
1120	Ống xử lý nước tiểu trước khi phân tích protein bằng	Tên mô tả hàng hóa: Ống xử lý mẫu nước tiểu Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dùng	Ống	168	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	điện di	để xử lý mẫu nước tiểu trước khi thực hiện tách protein nước tiểu người			
1121	Dung dịch rửa kim hút mẫu cho thiết bị điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Dung dịch rửa kim -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dung dịch rửa kim hút mẫu cho thiết bị điện di đa mao quản - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch SODIUM HYPOCHLORITE	mL	100	X
1122	Ống và nắp cho chiết tách mẫu kiểm chuẩn sử dụng cho máy điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Ống và nắp cho chiết tách mẫu kiểm chuẩn sử dụng cho máy điện di mao quản -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Ống và nắp cho chiết tách mẫu kiểm chuẩn hoặc mẫu ít	Ống	40	X
1123	Hóa chất phân tách và định lượng Hb A1c trong máu bằng phương pháp điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất điện di HbA1c -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Bộ hóa chất được sử dụng để phân tách và định lượng Hb A1c trong máu tĩnh mạch toàn phần ở người, bằng phương pháp điện di mao quản trong dung dịch đệm kiểm trên trên thiết bị đa đầu di. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Dung dịch đệm (sẵn sàng sử dụng), Dung dịch ly giải (sẵn sàng sử dụng) + Bộ lọc	Lít	312,90	X
1124	Chất hiệu chuẩn Hb A1c trên máy điện di mao quản	Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Chất hiệu chuẩn mao quản Hb A1c được thiết kế để hiệu chuẩn và đối chứng sự dịch chuyển của việc định lượng huyết sắc tố bị đường hóa ở người A1c bằng quy trình điện di mao quản Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất hiệu chuẩn Hb A1c 1 và 2 được lấy từ nhiều mẫu máu người. Chúng chứa chất ổn định và chất bảo quản để duy trì sự ổn định của các phân huyết sắc tố. Chất hiệu chuẩn nằm dưới dạng đông khô. Chất hiệu chuẩn Hb A1c 1 thể hiện mức HbA1c thông thường còn chất hiệu chuẩn Hb A1c 2 thể hiện mức HbA1c tăng cao	mL	4,80	X
1125	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HbA1 với quy trình điện di mao quản.	- Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c - Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Hóa chất kiểm chuẩn Multi-system HbA1c được sử dụng để kiểm soát quá trình điện di và định lượng HbA1 với quy	mL	75	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		trình diện di mao quản - Thành phần tối thiểu gồm có: Gồm 2 mức nồng độ: Control 1 là mức bình thường, Control 2 là mức tăng. Nguồn gốc từ mẫu máu người, sản xuất dưới dạng đông khô.			
1126	Hóa chất rửa kim hút mẫu trên các thiết bị điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất rửa kim hút mẫu trên các thiết bị điện di mao quản - Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Được sử dụng để rửa kim hút mẫu trên các thiết bị điện di mao quản đa đầu di - Thành phần tối thiểu gồm có: Dung dịch chứa enzyme phân giải protein, chất hoạt động bề mặt và chất phụ gia, không gây hại ở nồng độ sử dụng, cần thiết để đạt hiệu suất tối ưu.	mL	200	X
1127	Cồng và bi đo mẫu	Cồng đo mẫu đi kèm bi -Đặc tính, công dụng: Cồng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy tự động -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong	Cái	558.000	X
1128	Dung dịch Canxi 0,025M	Dung dịch Canxi Clorua -Đặc tính, công dụng: dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch lỏng Canxi Clorua, natri Azide - Ổn định trên máy đông máu tự động tối thiểu 3 ngày	mL	7.560	X
1129	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hóa chất xét nghiệm APTT hoạt hóa bằng Kaolin, máy đông máu tự động -Đặc tính, công dụng: xác định thời gian Kaolin-thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: • Thuốc thử 1: cephalin, được chuẩn bị từ mô não thỏ, dạng đông khô. • Thuốc thử 2: dung dịch đệm huyền phù của kaolin - Khả năng lặp lại trong một xét nghiệm và giữa các lần xét nghiệm: Độ lặp lại đo mẫu bình thường: CV% ≤ 0,6 Độ lặp lại đo mẫu bất thường: CV% ≤	mL	9.330	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		0,7 Độ tái lập đo mẫu bình thường: CV% $\leq$ 3,5 Độ tái lập đo mẫu bất thường: CV% $\leq$ 2,6			
1130	Hóa chất rửa máy đồng máu	Hóa chất rửa máy - Đặc tính, công dụng: Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống xét nghiệm đồng máu tự động - Thành phần tối thiểu gồm có: thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước.	Lít	1.670	X
1131	Hóa chất định lượng yếu tố VIII	Hóa chất Định lượng yếu tố VIII (Deficient) - Đặc tính, công dụng: Hóa chất xét nghiệm yếu tố VIII theo cơ chế xác định điểm đông, độ tuyến tính lên đến ≥ 150 % và giá trị dò tìm là $\leq 1,5$ % -Thành phần tối thiểu gồm có: gồm huyết tương người có citrat, dạng đông khô, đã loại trừ yếu tố VIII bằng cách hấp phụ miễn dịch chọn lọc.	mL	12	X
1132	Hóa chất rửa kim máy đồng máu	Hóa chất rửa kim -Đặc tính, công dụng: Hóa chất rửa kim hệ thống máy đồng máu tự động, bền trên máy ít nhất ≥ 5 ngày. -Thành phần tối thiểu gồm có: chứa potassium hydroxide	mL	103.320	X
1133	Hóa chất định lượng Fibrinogen	Hóa chất định lượng Fibrinogen -Đặc tính, công dụng: định lượng fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp Clauss Độ lặp lại đo mẫu bình thường: CV% $\leq$ 2,1 Độ lặp lại đo mẫu bất thường: CV% $\leq$ 4,9 Độ tái lập đo mẫu bình thường: CV% $\leq$ 2,1 Độ tái lập đo mẫu bất thường: CV% $\leq$ 3,2 -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. -Kết quả Fib không bị nhiễu bởi các thông số HIL như với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp (lên đến 0,29 g/L), bilirubin không liên hợp (lên	mL	3.072	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		đến 0,2 g/L) và triglycerid (lên đến 22,9 g/L).			
1134	Hóa chất kiểm chuẩn D-Dimer	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm D-Dimer cho máy đông máu tự động - Đặc tính, công dụng: Cung cấp hai mức nồng độ khác nhau các chỉ số D-Dimer, Yếu tố VWF và protein S Free bằng phương pháp miễn dịch độ đục. - Thành phần tối thiểu gồm có: Cung cấp huyết tương 2 mức nồng độ bình thường và bất thường, dạng đông khô	mL	336	X
1135	Hóa chất chuẩn nội kiểm xét nghiệm đông máu	- Nội kiểm đông máu cho các xét nghiệm đặc biệt như Yếu tố đông máu, PS, PC, ATIII - Đặc tính, công dụng: Cung cấp hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số xét nghiệm: PT, aPTT, Fibrinogen, TT, yếu tố II, yếu tố V, yếu tố VII, yếu tố VIII, yếu tố IX, yếu tố X, yếu tố XI, yếu tố XII, AT III, Protein S, Protein C, Plasminogen, Antiplasmin, Reptilase. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Thuốc thử 1 (Mức N): Huyết tương người bình thường, chống đông citrate, đông khô + Thuốc thử 2 (Mức P): Huyết tương người bất thường, chống đông citrate, đông khô.	mL	1.464	X
1136	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất xét nghiệm PT - Đặc tính, công dụng: Xác định thời gian prothrombin (PT), trong huyết thanh người được chống đông bằng citrate - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: • Thuốc thử 1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. • Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi. - Khả năng lặp lại trong một xét nghiệm và giữa các lần xét nghiệm: - Độ lặp lại đo mẫu bình thường: CV% $\leq$ 0,8 - Độ lặp lại đo mẫu bất thường: CV% $\leq$ 1,3 - Độ tái lặp đo mẫu bình thường: CV% $\leq$ 1,2 - Độ tái lặp đo mẫu bất thường:	mL	21.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		CV% $\leq 2,0$ - Xét nghiệm không nhạy cảm với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp (lên đến 342 $\mu\text{mol/L}$), bilirubin không liên hợp (lên đến 342 $\mu\text{mol/L}$) và triglycerid (lên đến 37 mmol/L)			
1137	Dung dịch pha loãng mẫu pH vào khoảng 7,35	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm đồng máu - Đặc tính, công dụng: pH vào khoảng 7,35 - Thành phần tối thiểu gồm có: dung dịch đệm	mL	11.880	X
1138	Hóa chất định lượng hoạt độ Protein C	Hóa chất định lượng hoạt độ Protein C -Đặc tính, công dụng: Hóa chất định lượng hoạt độ Protein C bằng cơ chế đo quang so màu với cơ chất tạo màu. Khoảng đo: $3\pm 0,01$ đến $150\pm 0,1\%$. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: • Thuốc thử 1: chiết xuất tinh khiết của nọc độc Angkistrodon c. contortrix (chất kích hoạt đặc hiệu của protein C), làm lạnh khô. • Thuốc thử 2: cơ chất tạo màu, làm lạnh khô.	mL	324	X
1139	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin -Đặc tính, công dụng: Độ lặp lại đo mẫu bình thường: CV% $\leq 2,8$ Độ lặp lại đo mẫu bất thường: CV% $\leq 1,7$ Độ tái lập đo mẫu bình thường: CV% $\leq 1,6$ Độ tái lập đo mẫu bất thường: CV% $\leq 3,3$ -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hóa chất Thrombin Time có chứa thrombin citrat canxi (người), dạng đông khô.	mL	2.160	X
1140	Hóa chất chuẩn đồng máu	Huyết tương mẫu người bình thường - Đặc tính, công dụng: Giá trị chuẩn cho các thông số: PT (%), Owren PT, Fibrinogen, Factor II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Protein C, Protein S, ATIII, Plasminogen, Antiplasmin - Thành phần tối thiểu gồm có: Huyết tương người bình thường có citrated dạng đông khô; có nồng độ biết trước (theo từng lô sản xuất)	mL	32	X
1141	Cúp chiết hóa chất	Cúp chiết hóa chất đồng máu	Cái	200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	xét nghiệm đông máu	-Đặc tính, công dụng: dùng để chứa hóa chất xét nghiệm đông máu, QC hoặc Calibrator -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Ống hình trụ làm bằng thủy tinh, tráng silicon bên trong;			
1142	Cúp chiết mẫu đông máu cho mẫu có thể tích nhỏ	Cúp chiết mẫu đông máu -Đặc tính, công dụng: Dùng để chiết huyết tương bệnh phẩm trong xét nghiệm đông máu -Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: Ống hình trụ đáy nhọn làm bằng nhựa	Cái	1.000	X
1143	Ống bảo quản lọ hóa chất loại 4-6 ml trên máy đông máu tự động	Ống bảo quản lọ hóa chất nhỏ -Đặc tính, công dụng: Bảo quản lọ loại 4 - 6 ml trên máy đông máu. -Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: bằng nhựa	Cái	200	X
1144	Ống bảo quản lọ hóa chất loại 8 - 15 ml trên máy đông máu tự động	Ống bảo quản lọ hóa chất lớn -Đặc tính, công dụng: Bảo quản lọ loại 8 - 15 ml trên máy đông máu -Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: bằng nhựa	Cái	200	X
1145	Hóa chất định lượng yếu tố kháng Xa	Hóa chất định lượng yếu tố kháng Xa - Đặc tính, công dụng: Hóa chất dùng trong xét nghiệm theo dõi tác động của: Heparin không phân đoạn, trọng lượng phân tử thấp, fondaparinux, rivaroxaban, apixaban và edoxaban... thông qua hoạt độ của yếu tố X hoạt hóa. Xét nghiệm được thực hiện bằng cơ chế đo quang so màu. - Hóa chất đóng gói dạng lỏng, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm có: •Thuốc thử 1: thuốc thử chứa cơ chất tạo màu. •Thuốc thử 2: thuốc thử chứa yếu tố Xa từ bò - Sau khi mở nắp lọ, thuốc ổn định 7 ngày trên máy	mL	288	X
1146	Dung dịch chứng nồng độ UFH	Dung dịch chứng nồng độ UFH (nội kiểm cho xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Heparin không phân đoạn) - Đặc tính, công dụng: Chất kiểm chuẩn/huyết tương chứng cho phân tích hoạt động heparin không phân đoạn (UFH) bằng cách đo hoạt động kháng Xa - Thành phần tối thiểu gồm có: • Thuốc thử 1: huyết tương người chứa	mL	24	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		lượng UFH đã xác định, dạng đông khô • Thuốc thử 2: huyết tương người chứa lượng UFH đã xác định nhiều hơn ở thuốc thử 1, dạng đông khô			
1147	Dung dịch chứng nồng độ LMWH	Dung dịch chứng nồng độ LMWH (nội kiểm xét nghiệm anti Xa theo dõi Heparin trọng lượng phân tử thấp) -Đặc tính, công dụng: Cung cấp huyết tương sử dụng làm chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm heparin trọng lượng phân tử thấp (LMWH) bằng phương pháp đo hoạt động kháng Xa -Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: •Thuốc thử 1: Huyết tương người đông khô có Heparin trọng lượng phân tử thấp với hàm lượng biết trước •Thuốc thử 2: Huyết tương người đông khô có chứa Heparin trọng lượng phân tử thấp với hàm lượng biết trước (cao hơn thuốc thử 1)	mL	48	X
1148	Điện di miễn dịch trên hệ thống điện di 8 mao quản	Hóa chất điện di miễn dịch. - Xác định được các thành phần sau: IgG KAPPA, IgA LAMBDA, IgM - Dạng chất lỏng - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	900	X
1149	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Natri peclorat, Natri azide, Phosphate. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/ FDA/ CE. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp	mL	28.800	X
1150	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C theo phương pháp HPLC	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C Chức năng : Định lượng các thành phần của HbA1c bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion. - Thành phần: cột sắc ký, tích hợp bộ tiền lọc - Dùng trong việc định lượng HbA1C trong mẫu máu toàn phần của người - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 / CE / FDA. - Đóng gói: ≤ 4500 test/ Hộp	Test	48.000	X
1151	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn	mL	100.800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Natri peclorat, Natri azide. pH từ 5.2 đến 5.5 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 /CE /FDA - Đóng gói: ≤ 3000 mL/ Hộp			
1152	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Natri peclorat, Natri azua - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp	mL	102.000	X
1153	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: phenoxxyethanol, natri azua - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 8 lít/ Hộp	Lít	336.000	X
1154	Hóa chất xét nghiệm thể cetonic	Hóa chất xét nghiệm thể cetonic dùng để định lượng β-Hydroxybutyrate trong huyết thanh và huyết tương bằng phương pháp định lượng đo quang với bước sóng 505 nm. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Enzyme: β-hydroxybutyrate dehydrogenase, Diaphorase enzymes + Mẫu Standard - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 / CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp	mL	1.107	X
1155	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học. - Sử dụng để định lượng các thông số: Nồng độ hồng cầu lưới (#RETIC), % hồng cầu lưới (% RETIC), lượng hemoglobin trong tế bào hồng cầu lưới (CHr). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Oxazine; N-Tetradecyl-N,N-dimethyl-3-ammonio-1-propane sulfonate; N,N-dimethylformamide. - Tiêu chuẩn : FDA/ISO 13485/ CE	mL	9.840	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 1000 mL/ Hộp			
1156	Hóa chất rửa hệ thống huyết học	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium hydroxide, ethanol, chất hoạt động bề mặt. - Tiêu chuẩn : FDA/ISO 13485/ CE - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ Hộp	mL	142.560	X
1157	Dung dịch rửa và tạo dòng trong xét nghiệm huyết học	- Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để tạo dòng chảy phản ứng, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động - Bao phủ dòng chảy của mẫu, đảm bảo chỉ 1 tế bào tại 1 thời điểm có thể đi qua điểm phát hiện, ngăn ngừa bị tắc dòng chảy. Cung cấp môi trường trong suốt về mặt quang học mà dòng chảy của mẫu có thể được tập trung rõ ràng. Thành phần gồm: Dung dịch bảo quản; Dung dịch đệm; Chất hoạt động bề mặt - Tiêu chuẩn : FDA/ISO 13485/ CE - Đóng gói: ≤ 25 lít/ Hộp	Lít	3.120	X
1158	Hóa chất định lượng Prolactin	Hóa chất định lượng prolactin Dải phân tích: $0,25 \pm 0,001$ đến $200 \pm 0,04$ ng/mL -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Kháng thể (dê) kháng IgG chuột – kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng Prolactin, albumin huyết thanh bò (BSA) + Kháng thể (dê) kháng Prolactin – phosphatase kiềm (bò) - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 200 test/hộp	Test	2.500	X
1159	Hóa chất định lượng Bilirubin liên hợp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp; dải đo: 0 đến $171 \pm 0,1$ $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 200 mL/hộp - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho $\geq$ 26 test	mL	4.000	X
1160	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: $0,6 \pm 0,001$ đến $45 \pm 0,01$ mmol/L; phương pháp: Hexokinase - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: ATP, NAD ⁺ , Mg ²⁺ , Hexokinase, G6P-DH - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE / FDA - Đóng gói: ≤ 600 mL/hộp	mL	35.840	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 19 test			
1161	Hóa chất định lượng Uric acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: $89 \pm 0,01$ đến 1785 ± 1 $\mu\text{mol/L}$; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: MADB; 4-Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 300 mL/hộp - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 19 test	mL	24.500	X
1162	Hóa chất định lượng α -Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase ; dải đo: $10 \pm 0,1$ đến 2000 ± 2 U/L; phương pháp: CNPG3 - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Calcium acetate; NaCl; - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 200 mL/hộp - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 8 test	mL	2.240	X
1163	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex; dải đo: $0,2 \pm 0,001$ đến $480 \pm 0,09$ mg/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Glycine buffer; Latex phủ kháng thể kháng CRP - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 300 mL/hộp - Hóa chất đậm đặc 1mL sử dụng cho ≥ 7 test	mL	1.680	X
1164	Cống phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động	Cống phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động, thể tích cống ≤ 1 mL - Chất liệu: nhựa polystyrene - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE / FDA	Cống	266.400	X
1165	Hóa chất xét nghiệm Coombs gián tiếp - trực tiếp và Crossmatch	Dùng cho test Coombs trực tiếp và gián tiếp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, định nhóm chéo môi trường Coombs 37°C , Thành phần: Gel card. Thành phần chứa tối thiểu: môi trường AHG: coombs, kháng thể kháng globulin người. Hỗn hợp giữa kháng thể đa dòng IgG từ thỏ và kháng thể đơn dòng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	54.800	X
1166	Cống phản ứng sử	Cống phản ứng sử dụng trên máy miễn	Cống	536.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	dụng trên máy miễn dịch tự động vi hạt phát quang	dịch tự động. Chất liệu là nhựa trong suốt. Đóng gói: ≤ 5000 công/hộp			
1167	Dung dịch rửa kim máy miễn dịch	Nước rửa kim, được sử dụng như một bước trong quy trình bảo dưỡng. Sau khi kim hút mẫu được vệ sinh, sử dụng dung dịch này để bảo vệ kim ngăn không cho các phần không đặc hiệu bám vào kim. - Thành phần: Tối thiểu gồm Huyết tương người đã vô i hóa; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 100 mL/hộp	mL	254,40	X
1168	Dung dịch xử lý dùng cho máy miễn dịch	- Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa; Tối thiểu chứa natri hydroxit; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 5 lít/hộp	Lít	253,50	X
1169	Dung dịch tiền xử lý trên máy miễn dịch	Chất tiền xử lý sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần tối thiểu gồm hydrogen peroxide 0,35±0,05 N - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 5 lít/hộp	Lít	156	X
1170	Nước rửa sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Nước rửa sử dụng trên máy miễn dịch tự động. - Tối thiểu gồm thành phần muối đệm phosphat và các chất kháng khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 5 lít/hộp	Lít	1.416	X
1171	Hóa chất định lượng PIVKA-II	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 7,6 mAU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 3,02 mAU/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt: Anti-PIVKA-II (chuột, kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt; Anti-prothrombin (chuột, kháng thể đơn dòng), chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 300 test/hộp	Test	1.200	X
1172	Dung dịch rửa hệ thống sinh hóa	Hoá chất hỗ trợ các xét nghiệm sinh hoá; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động.	Lít	40	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Citric acid monohydrate, Oxalic acid dihydrate, Polyethylene glycol, Methanol, Monochloroacetic acid. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 2 lít/hộp			
1173	Dung dịch hỗ trợ xét nghiệm sinh hóa	Hoá chất hỗ trợ các xét nghiệm sinh hoá; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: NaOCl, NaOH, KOH - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 2 lít/hộp	Lít	60	X
1174	Hóa chất xét nghiệm IgG anti dsDNA phương pháp ELISA	Xét nghiệm xác định định lượng kháng thể tự miễn IgG kháng DNA mạch đôi (dsDNA) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Calibrator (CAL), Enzyme liên hợp, Chromogen/Substrate, Acid sulphuric - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 150 test/hộp	Test	7.008	X
1175	Hóa chất xét nghiệm Anti C1q phương pháp ELISA	Định lượng tự kháng thể IgG kháng C1q ở huyết thanh hoặc huyết tương người - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + CALIBRATOR : tối thiểu 6 nồng độ khác nhau + Chất chứng dương + Chất chứng âm + Enzyme liên hợp; chứa kháng thể kháng IgG người, đánh dấu HRP; PBS, BSA, chất tẩy rửa + Cơ chất TMB; + Dung dịch dừng phản ứng + Dung dịch đệm rửa - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 150 test/hộp	Test	1.056	X
1176	Hóa chất tách chiết Virus trong mẫu bệnh phẩm (Kèm phụ kiện)	Hóa chất tách chiết Virus trong mẫu bệnh phẩm - Sử dụng cho máy tách chiết tự động hoàn toàn, công nghệ hạt từ để tách chiết và tinh sạch tự động nucleic acids từ mẫu sinh phẩm. Làm sạch axit nucleic từ huyết thanh, huyết tương, hoặc CSF, và axit nucleic của virus và DNA của vi khuẩn có thể được tinh sạch từ các mẫu hô hấp như tăm bông, hút dịch, đờm, rửa	Test	16.512	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phế quản (BAL), cũng như nước tiểu và dịch phết niệu đạo (cổ tử cung và niệu đạo). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Enzyme, Buffer AVE, Buffer AVE, Carrier RNA. - Kèm vật tư tiêu hao để tách acid nucleic - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 250 test/hộp			
1177	Hóa chất định tính Anti-HCV trên máy miễn dịch tự động	Hóa chất định tính Anti-HCV là một xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu biotin; Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu phức hợp ruthenium, đệm HEPES Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	68.400	X
1178	Hóa chất định lượng ACTH	Hóa chất định lượng ACTH dùng để định lượng nội tiết tố kích thích vỏ thượng thận (ACTH) trong huyết tương người chống đông bằng EDTA, - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng ACTH đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng ACTH (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 200 test/hộp	Test	2.500	X
1179	Hóa chất định lượng Anti-Hbs	Hóa chất định lượng Anti-Hbs là hóa chất xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt Virus viêm gan B trong huyết thanh/ huyết tương người - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu biotin; HBsAg người/tái tổ hợp, đánh dấu phức hợp ruthenium * A-HBSII Cal1 Mẫu chuẩn 1: Anti-HBs (người) trong huyết thanh người * A-HBSII Cal2 Mẫu chuẩn 2:	Test	46.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Anti-HBs (người) trong huyết thanh người - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
1180	Đầu côn mẫu sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa/miễn dịch tự động	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng chạy xét nghiệm miễn dịch công nghệ điện hóa phát quang - Chất liệu nhựa với ≥ 105 đầu côn hút mẫu và ≥ 105 cốc phản ứng trên cùng một khay. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 1348/ FDA	Cái	1.806.840	X
1181	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3 Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 25 phút. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	8.400	X
1182	Hóa chất xét nghiệm CEA trên máy miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm CEA. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 25 phút. - Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ Streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu biotin (chuột/người); Kháng thể đơn dòng kháng CEA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	31.200	X
1183	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Hai kháng thể đơn dòng kháng HBsAg đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng	Test	54.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		HBsAg (chuột), kháng thể đa dòng kháng HBsAg (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính: Huyết thanh người; + Mẫu chuẩn dương tính: HBsAg khoảng $\geq 0,5$ IU/mL trong huyết thanh. - Tiêu chuẩn CE/ISO 13485 / FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
1184	Hóa chất định lượng Troponin T hs	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: $3 \pm 0,01$ đến 10000 ± 5 ng/L - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	116.100	X
1185	Hóa chất xét nghiệm proBNP	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng N-terminal pro B-type natriuretic peptide trong huyết thanh và huyết tương người. Tổng thời gian xét nghiệm là ≤ 25 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ Streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	43.500	X
1186	Hóa chất xét nghiệm FT3	Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 25 phút. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium; T3 đánh dấu biotin	Test	18.300	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		-Khoảng đo: 0,6 $\pm$ 0,001 đến 50 $\pm$ 0,01 pmol/L -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA			
1187	Hóa chất xét nghiệm FT4	Hóa chất xét nghiệm FT4 - Tổng thời gian xét nghiệm $\leq$ 25 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đa dòng kháng T4 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium; T4 đánh dấu biotin - Khoảng đo: 0,5 $\pm$ 0,001 đến 100 $\pm$ 0,01 pmol/L -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA	Test	68.400	X
1188	Hóa chất xét nghiệm TSH	Hóa chất xét nghiệm TSH - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm 25 phút. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ Streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột/người) đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: 0,005 $\pm$ 0,0001 đến 100 $\pm$ 0,01 μ IU/mL - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA - Đóng gói: $\leq$ 500 test/hộp	Test	39.900	X
1189	Hoá chất chạy máy điện giải	Hoá chất chạy máy điện giải được sử dụng để rửa và chuẩn các điện cực: Na ⁺ , K ⁺ , Li ⁺ , Cl ⁻ , Ca ²⁺ . Gồm có: -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Natri (Na ⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Kali (K ⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Chloride (Cl ⁻): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Calci (Ca ²⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Lithium (Li ⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C. + Dung dịch tham chiếu: Thành phần có hoạt tính Kalichloride. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485/ FDA	Cái	51	X
1190	Hóa chất xét nghiệm AFP trên máy tự động	Hóa chất xét nghiệm AFP - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn	Test	49.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dòng kháng AFP đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng AFP (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
1191	Giấy thấm mẫu máu khô chuyên dụng dùng cho sàng lọc sơ sinh	Giấy thấm mẫu máu khô chuyên dụng dùng cho sàng lọc sơ sinh. - Có định dạng tiếng Việt. - Sử dụng thanh mã vạch. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE	Tờ	5.000	X
1192	Hóa chất tách chiết DNA/RNA genomic, từ nhiều nguồn mẫu đầu vào	Bộ xét nghiệm IVD chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA bộ gen, DNA/RNA virus, DNA vi khuẩn bằng công nghệ cột lọc. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD Nguồn mẫu: đa nguồn mẫu (huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không tế bào, các loại mẫu phết, mẫu đờm, dịch rửa phế quản, mẫu vi khuẩn nuôi cấy, dịch nổi mẫu phân, dịch não tủy, dịch nổi nuôi cấy tế bào, mẫu máu tươi/đông lạnh, mô sinh thiết, nước tiểu). Thông số kỹ thuật: + Khả năng tách chiết từ 100 ul máu tươi, 200 ul huyết thanh/ huyết tương/ nước tiểu/ dịch nổi phân,..... + Hiệu suất thu hồi DNA genome từ máu toàn phần: 1 ug DNA. + Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết. Thành phần cung cấp: Lysis Buffer HLT, Proteinase K, Carrier RNA, RNase Free Water, Binding Solution + Wash Buffer HLT, Wash Buffer, Elution Buffer M, RTA Spin Filter Set, RTA Receiver Tubes, Receiver Tubes, Safe-Lock-Tubes	Test	4.750	X
1193	Hóa chất định lượng AT III so màu	Hóa chất xét nghiệm AT III - Đặc tính, công dụng: Định lượng mức hoạt động của antithrombin (AT) trong huyết tương bằng phương pháp sử dụng cơ chất tạo màu. Độ tuyến tính lên đến 140 ± 1 % cho hoạt động AT và giới hạn dò tìm là $9 \pm 0,1$ %. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Thrombin bò, dạng đông khô. + Cơ chất màu, dạng đông khô. + Dung dịch hòa tan có heparin.	mL	312	X
1194	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer có mã vạch trên hộp thuốc thử	mL	5.148	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	kháng thể đơn dòng	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Dung dịch đệm Tris buffer + Dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng chuột khác nhau kháng D-dimer người. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA - Đóng gói: ≤ 200 mL/hộp			
1195	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S - Đặc tính, công dụng: Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S bằng phương pháp đo từ nhằm tránh sự ảnh hưởng của huyết tương đục, tán huyết.... Sản phẩm cho phép phát hiện các thiếu hụt protein S dựa vào yếu tố Va. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Huyết tương từ người, làm lạnh khô, không có protein S. + Protein C hoạt hoá từ người, làm lạnh khô. + Nguyên liệu có chứa yếu tố Va từ bò, làm lạnh khô. -Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE - Đóng gói: ≤ 20 mL/hộp	mL	318	X
1196	Dung dịch chuẩn các xét nghiệm Hóa sinh	Hoá chất chuẩn các xét nghiệm Albumin, Calcium, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactic Acid, Magnesium, Phosphorus, Total Protein, Tryglyceride, Urea Nitrogen và Uric Acid.	mL	121,80	X
1197	Dầu soi tiêu bản dùng cho máy phân tích hình thái tế bào tự động	Dầu soi kính trên DI-60	mL	1.200	X
1198	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Heparin	- Đặc tính công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-Xa định lượng hoạt độ UFH và LMWH - Thành phần: Gồm ≥ 5 mức nồng độ UFH và LMWH	mL	40	X
1199	Hóa chất xét nghiệm yếu tố VIII Immunodef	- Đặc tính công dụng: Hóa chất xét nghiệm yếu tố VIII bằng phương pháp xác định điểm đông theo cơ chế từ - Thành phần: huyết tương người đông khô được loại bỏ yếu tố VIII bằng phương pháp hấp phụ miễn dịch chọn lọc.	mL	18	X
1200	Hóa chất xét	- Đặc tính công dụng: Hóa chất định	mL	72	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nghiệm Fibrin Monomer	lượng Fibrin monomer (FM) trong huyết tương - Thành phần: Gồm 2 loại thuốc thử, dung dịch đệm (thuốc thử 1) và dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi các kháng thể đơn dòng chuột kháng đơn phân fibrin người (thuốc thử 2)			
1201	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Fibrin Monomer	- Đặc tính công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Fibrin monomer - Thành phần: Gồm 5 mức nồng độ Fibrin monomer, mỗi mức có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô.	mL	20	X
1202	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm Fibrin Monomer	- Đặc tính công dụng: Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Fibrin monomer - Thành phần: Gồm 2 mức nồng độ Fibrin monomer (bình thường và bệnh lý), mỗi mức có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô.	mL	24	X
1203	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Rivaroxaban	- Đặc tính công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-Xa định lượng hoạt độ Rivaroxaban - Thành phần: Gồm 4 mức nồng độ Rivaroxaban, mỗi mức có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô.	mL	24	X
1204	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm anti Xa theo dõi sử dụng Rivaroxaban	- Đặc tính công dụng: Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-Xa định lượng hoạt độ Rivaroxaban - Thành phần: Gồm 2 mức nồng độ Rivaroxaban, mỗi mức có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô.	mL	12	X
1205	Hộp hóa chất kiểm chuẩn khí máu 3 mức nồng độ	- Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức: + Mức 1: giá trị pH mức thấp, pCO2 mức cao phù hợp với nhiễm toan hô hấp; giá trị pO2 mức thấp phù hợp với hoạt động phổi bị suy giảm và giá trị điện giải mức cao (Na ⁺ , K ⁺ , , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺), giá trị Glucose và Lactate + Mức 2: giá trị pH, pCO2, pO2, Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate trong phạm vi tham chiếu đối với các đối tượng bình thường về mặt lâm sàng. + Mức 3: với pH cao, giá trị pCO2 thấp phù hợp với nhiễm kiềm hô hấp, pO2 tăng cao phù hợp với liệu pháp oxy và	mL	120	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		các giá trị điện giải thấp (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺), Glucose thấp và giá trị Lactate cao (Hoặc tương đương)			
1206	Nội kiểm khí máu mức 1	Nội kiểm khí máu gồm 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Thành phần: từ người. Dạng Lồng , Mức 1.	mL	720	X
1207	Nội kiểm khí máu mức 2	Nội kiểm khí máu gồm 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Thành phần: từ người. Dạng Lồng , Mức 2.	mL	1.260	X
1208	Nội kiểm khí máu mức 3	Nội kiểm khí máu gồm 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Thành phần: từ người. Dạng Lồng , Mức 3.	mL	1.260	X
1209	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động để làm sạch hồng cầu và nhuộm hồng cầu lưới. Thành phần: tối thiểu gồm New Methylene Blue, Sulfuric Acid với chất ổn định ≤ 0,15% Đóng gói: ≥ 2 L/Hộp	mL	102.600	X
1210	Hóa chất rửa hệ thống huyết học	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein Đóng gói: ≥ 10 L/Hộp	Lít	450	X
1211	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu. Thành phần gồm tối thiểu Formic Acid, Sodium Carbonate, Natri clorua Đóng gói: ≤ 5 Lít/Hộp	mL	310.750	X
1212	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. Thành phần tối thiểu gồm: Sodium Sulfate, Sodium Chloride, Imidazole Đóng gói: ≤ 10 Lít/Hộp	Lít	15.075	X
1213	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm và đo kích thước bạch cầu. Thành phần tối thiểu gồm: Sodium Sulfite, Chất ổn định Đóng gói: ≤ 10 Lít/Hộp	Lít	765	X
1214	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học. Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong	mL	1.428	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	tích huyết học	môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. Đóng gói: ≥ 42 ml/Hộp			
1215	Đĩa khuếch đại 24 vị trí	- Đĩa khuếch đại mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng trên hệ thống tự động và tích hợp để chạy xét nghiệm acid nucleic (NAT) dựa trên phản ứng chuỗi polymerase (PCR). - Công suất từ 20 lên đến 144 xét nghiệm trong ca làm việc 8 giờ, cho tùy chọn chạy chứng 1 lần tối đa mỗi 72h	Cái	1.320	X
1216	Đĩa xử lý 24 vị trí	- Đĩa xử lý mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng trên hệ thống tự động và tích hợp để chạy xét nghiệm acid nucleic (NAT) dựa trên phản ứng chuỗi polymerase (PCR). - Công suất từ 20 lên đến 144 xét nghiệm trong ca làm việc 8 giờ cho tùy chọn chạy chứng 1 lần tối đa mỗi 72h	Cái	1.200	X
1217	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	- Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí dùng trong máy sinh học phân tử tự động trên hệ thống tự động và tích hợp để chạy xét nghiệm acid nucleic (NAT) dựa trên phản ứng chuỗi polymerase (PCR). - Công suất từ 20 lên đến 144 xét nghiệm trong ca làm việc 8 giờ, cho tùy chọn chạy chứng 1 lần tối đa mỗi 72h	Cái	1.200	X
1218	Đầu côn có lọc, thể tích 300 μ L	- Đầu tip có lọc hút mẫu và thuốc thử thể tích 300 μ L dùng trong máy sinh học phân tử tự động, được sản xuất trong Phòng sạch (Tiêu chuẩn ISO 8), - Không có Pyrogen, RNase, DNase, chất ức chế PCR, DNA và ATP của người.	Cái	28.800	X
1219	Hóa chất ly giải sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Hóa chất ly giải dùng trong xử lý và tách chiết: 43% (w/w) guanidine thiocyanate**, 5% (w/v) polydocanol**, 2% (w/v) dithiothreitol, dihydro natri citrate	Lít	514,50	X
1220	Hạt thủy tinh từ tính	- Hạt thủy tinh từ tính dùng để chuẩn bị mẫu chạy cho máy xét nghiệm PCR tự động - Thành phần tối thiểu gồm: Hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide	Test	15.360	X
1221	Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	- Dùng pha loãng trong quá trình chuẩn bị mẫu cho các xét nghiệm PCR - Thành phần tối thiểu gồm: Đệm Tris, methyl-4 hydroxybenzoate, natri azide	Lít	133	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1222	Chứng âm sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV bằng phương pháp RT-PCR tự động	mL	288	X
1223	Chứng dương sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	- Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ thấp HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 L(+))C): 5,2 mL (8 x 0,65 mL) - Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ cao HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 H(+))C): 5,2 mL (8 x 0,65 mL)	mL	332,80	X
1224	Hóa chất định type HPV	- Xét nghiệm in vitro định tính tự động để phát hiện DNA của papillomavirus ở người (HPV) trong những mẫu bệnh phẩm. - Khuếch đại DNA mục tiêu bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR) và lai axit nucleic để phát hiện 14 tuýp HPV nguy cơ cao trong một phân tích duy nhất. - Xét nghiệm xác định đặc hiệu HPV16 và HPV18, đồng thời còn phát hiện các tuýp nguy cơ cao khác (31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, và 68) ở các mức độ lây nhiễm liên quan lâm sàng.	Test	8.160	X
1225	Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính DNA HPV	- Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính DNA HPV - Thành phần tối thiểu gồm: Tris buffer, EDTA, Natri azide, DNA plasmid không lây nhiễm (vi khuẩn) chứa các trình tự HPV16, HPV18 và HPV 39, DNA plasmid không lây nhiễm (vi khuẩn) chứa các trình tự β -globin, RNA Poly rA (tổng hợp)	mL	96	X
1226	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm định tính DNA/RNA HPV	Chứng âm xét nghiệm định tính, định lượng DNA/RNA để thẩm định tính hợp lệ của các mẻ chạy của các bộ kit mục tiêu đặc hiệu. Thành phần tối thiểu gồm có: Đệm Tris, natri azide, EDTA, Poly rA RNA (tổng hợp)	mL	1.504	X
1227	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PIVKA-II	Hóa chất được dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng PIVKA-II trên máy xét nghiệm miễn dịch, tối thiểu gồm 2 nồng độ	ml	216	X
1228	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm PIVKA-II	Chất nội kiểm cho xét nghiệm PIVKA- II, sử dụng trên máy miễn dịch tự động	ml	144	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1229	Thuốc thử xét nghiệm PIVKA-II	'-Giới hạn phát hiện: Giới hạn phát hiện ≤ 3.5 ng/mL Thành phần tối thiểu gồm: Vi hạt phủ Streptavidin, Anti-PIVKA-II-Ab~biotin, Anti-PIVKA-II-Ab~Ru(bpy)	test	300	X
1230	Thuốc thử xét nghiệm β-Amyloid (1-42)	Phương pháp miễn dịch bắt cặp Giới hạn phát hiện ≤ 100 pg/mL Thành phần tối thiểu gồm: Vi hạt phủ streptavidin, vi hạt phủ streptavidin; Anti-β-amyloid (1-42)-Ab~biotin, Kháng thể đơn dòng kháng β-amyloid (1-42) đánh dấu biotin; Anti-β-amyloid (1-42)-Ab~Ru(bpy)	test	500	X
1231	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm β- Amyloid (1-42)	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm β-Amyloid (1-42) được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch, tối thiểu gồm 2 nồng độ	ml	12	X
1232	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm β-Amyloid (1-42)	Chất kiểm chuẩn β-Amyloid (1-42) II được dùng để xét nghiệm định lượng Tối thiểu gồm 2 nồng độ	mL	8	X
1233	Thuốc thử xét nghiệm Total-Tau	Xét nghiệm Total-Tau CSF là một xét nghiệm miễn dịch chẩn đoán in vitro dùng để định lượng protein Tau toàn phần trong dịch não tủy người. Phương pháp miễn dịch bắt cặp - Giới hạn phát hiện ≤ 60 pg/mL - Thành phần tối thiểu gồm: Vi hạt phủ streptavidin, Vi hạt phủ streptavidin, Anti-Tau-Ab~biotin, Kháng thể đơn dòng kháng Tau (chuột) đánh dấu biotin, Anti-Tau-Ab~Ru(bpy)	test	500	X
1234	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng protein Tau toàn phần	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Total-Tau được dùng để chuẩn độ xét nghiệm định lượng Total-Tau CSF trên máy xét nghiệm miễn dịch. Tối thiểu gồm 2 nồng độ	mL	8	X
1235	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng protein Tau toàn phần	Dùng kiểm soát chất lượng Total-Tau được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Total-Tau CSF trên máy xét nghiệm miễn dịch	ml	12	X
1236	Thuốc thử xét nghiệm Phospho- Tau (181P)	phương pháp miễn dịch bắt cặp -Giới hạn phát hiện ≤ 8 pg/mL - Thành phần tối thiểu gồm: Vi hạt phủ streptavidin, Vi hạt phủ streptavidin, Anti-pTau Ab~biotin, Kháng thể đơn dòng kháng pTau (thỏ/chuột) đánh dấu biotin, Anti-Tau-Ab~Ru(bpy)	test	500	X
1237	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Phospho-	Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Phospho-Tau (181P) CSF trên	mL	8	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Tau (181P)	máy xét nghiệm miễn dịch. Tối thiểu gồm 2 nồng độ			
1238	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Phospho-Tau (181P)	Nội kiểm xét nghiệm Phospho-Tau (181P) được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch	ml	12	X
1239	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên lõi của HCV và kháng thể kháng HCV	Nội kiểm được dùng để kiểm tra chất lượng của xét nghiệm miễn dịch định tính kháng nguyên lõi của HCV và kháng thể kháng HCV	mL	80	X
1240	Vật tư tiêu hao xét nghiệm tinh dịch đồ	- Bộ vật tư cần bao gồm toàn bộ các vật tư tiêu hao sử dụng cho việc phân tích tinh dịch đồ sau + Que chứa mẫu tinh dịch, sử dụng cho việc phân tích kết quả tinh dịch đồ + Que thử PH và độ nhiễm khuẩn mẫu tinh dịch + Bộ vệ sinh thiết bị xét nghiệm tinh dịch đồ	test	6.000	X
1241	Sinh phẩm hóa lỏng tinh dịch	- Sinh phẩm hóa lỏng tinh dịch phải khả năng hóa lỏng các mẫu tinh dịch mà không thể ly giải trong điều kiện bình thường, đồng thời không gây ảnh hưởng lên kết quả xét nghiệm tinh dịch đồ.	mL	1.500	X
1242	Mẫu ngoại kiểm Bộ xét nghiệm tinh dịch đồ	- Bộ ngoại kiểm gồm 3 level: Level 1 High, Level 2 Low, Negative Control. - Giúp đánh giá độ ổn định của thiết bị sau một thời gian sử dụng hoặc sau số lần Test quy định bắt buộc cần ngoại kiểm theo yêu cầu của từng đơn vị vận hành. - Một bộ sử dụng được ≥ 4 lần trong vòng 90 ngày kể từ ngày mở nắp.	mL	135	X
1243	Hóa chất chứng Total β -hCG	Hóa chất hiệu chứng khi thực hiện định tính và định lượng beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: có hCG được chuẩn bị trong huyết thanh người	mL	48	X
1244	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	mL	75	X
1245	Chất kiểm chứng	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn	mL	75	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Mức 2			
1246	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Mức 3	mL	75	X
1247	Bộ kit xét nghiệm CE-IVD phân biệt kiểu gen của 23 chủng HPV bằng công nghệ Realtime PCR, bao gồm tách chiết	- Mục đích sử dụng: Bộ kit xét nghiệm phân biệt cùng lúc kiểu gen của 23 chủng HPV bao gồm 6, 11, 16, 18, 26, 31, 33, 35, 39, 42, 43, 45, 51, 52, 53, 56, 58, 59, 66, 68, 73, 81, 82 bằng phương pháp Realtime PCR - Có độ nhạy cao: ≤ 400 copies/ml - Sử dụng đối chứng nội nội sinh β-globin Gene hay tương đương - Có cơ chế chống nhiễm chéo bằng UNG enzyme và dUTP hay tương đương - Cung cấp bao gồm tách chiết bằng công nghệ giải phóng mẫu nhanh - Mẫu đầu vào: dịch tế bào từ mẫu gạc cổ tử cung của phụ nữ - Có thể thực hiện quy trình tách chiết thủ công hay bằng máy	Test	1.440	X
1248	Bộ kit xét nghiệm CE-IVD phân biệt Chlamydia Trachomatis, Ureaplasma Urealyticum và Neisseria Gonorrhoeae bằng công nghệ POCT (point-of-care testing)	- Mục đích sử dụng: Bộ kit xét nghiệm phân biệt cùng lúc Chlamydia Trachomatis, Ureaplasma Urealyticum và Neisseria Gonorrhoeae bằng công nghệ POCT (point-of-care testing) - Có độ nhạy cao: ≤ 400 copies/ml - Tương thích với thiết bị xét nghiệm sinh học phân tử nhanh hay tương đương - Sử dụng đối chứng nội nội sinh β-globin Gene hay tương đương - Có cơ chế chống nhiễm chéo bằng UNG enzyme và dUTP hay tương đương - Mẫu đầu vào: mẫu gạc hậu môn hay mẫu gạc đường sinh dục	Test	216	X
1249	Bộ kit xét nghiệm CE-IVD định tính Group B Streptococcus bằng công nghệ POCT	- Mục đích sử dụng: Bộ kit xét nghiệm định tính Group B Streptococcus bằng công nghệ POCT (point-of-care testing) - Có độ nhạy cao: ≤ 500 copies/ml - Tương thích với thiết bị xét nghiệm	Test	144	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	(point-of-care testing)	sinh học phân tử nhanh hay tương đương - Sử dụng đối chứng nội trong quá trình khuếch đại để kiểm soát chất lượng - Có cơ chế chống nhiễm chéo bằng UNG enzyme và dUTP hay tương đương - Mẫu đầu vào: mẫu gạc hậu môn hay mẫu gạc đường sinh dục			
1250	Bộ kit xét nghiệm CE-IVD phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp trên bằng công nghệ POCT (point- of-care testing)	- Mục đích sử dụng: Bộ kit xét nghiệm phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp trên bao gồm influenza A virus, influenza B virus, respiratory syncytial virus, adenovirus, human rhinovirus and mycoplasma pneumonia bằng công nghệ POCT (point-of-care testing) + Influenza A virus: ≤ 2 TCID50/ml + Influenza B virus: ≤ 2 TCID50/ml + Respiratory syncytial virus: ≤ 500 copies/ml + Adenovirus virus: ≤ 500 copies/ml + Human rhinovirus: ≤ 500 copies/ml + mycoplasma pneumonia: ≤ 500 copies/ml - Tương thích với thiết bị xét nghiệm sinh học phân tử nhanh hay tương đương - Sử dụng đối chứng nội sinh GAPDH Gene hay tương đương - Mẫu đầu vào: dịch nuôi cấy vi khuẩn, đờm, dịch rửa phế nang và các loại mẫu khác	Test	432	X
1251	Bộ kit xét nghiệm CE-IVD định lượng HBV bằng công nghệ realtime PCR, bao gồm tách chiết	Có độ nhạy: ≤ 5 IU/ml Phạm vi tuyến tính: $20 \pm 0,02$ đến $2,000,000,000 \pm 2000$ IU/mL Có cơ chế chống nhiễm chéo bằng UNG enzyme và dUTP hay tương đương Mẫu đầu vào: huyết thanh hay huyết trương Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD	Test	720	X
1252	Bộ kit xét nghiệm CE-IVD định lượng HCV bằng công nghệ realtime PCR, bao gồm tách chiết	- Có độ nhạy: ≤ 12 IU/ml - Phạm vi tuyến tính: $25 \pm 0,02$ đến $100,000,000 \pm 2000$ IU/mL - Sử dụng đối chứng nội trong quá trình tách chiết và khuếch đại để kiểm soát chất lượng của từng quá trình - Cung cấp bao gồm tách chiết và tinh sạch DNA và RNA - Mẫu đầu vào: huyết thanh hay huyết trương	Test	120	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đạt tiêu chuẩn: CE-IVD			
1253	TDM CONTROL SET	Dung dịch nội kiểm dùng kiểm soát chất lượng xét nghiệm các thuốc	mL	10	X
1254	Alinity c Microalbumin Controls	Dung dịch nội kiểm dùng kiểm soát chất lượng xét nghiệm, xét nghiệm microalbumin	Hộp	2	X
1255	Hóa chất xét nghiệm PSA	Hóa chất xét nghiệm PSA - Xét nghiệm này, dùng trong chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	1.600	X
1256	Hóa chất định lượng Anti-HBs	Hóa chất định lượng Anti-HBs - Đặc tính: là xét nghiệm định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt vi rút Viêm gan B trong huyết thanh/ huyết tương người. - Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần tối thiểu gồm có: HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu biotin, HBsAg người/tái tổ hợp, đánh dấu phức hợp ruthenium - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	4.500	X
1257	Dung dịch nhuộm WRIGHTGIEMSA cho SP	Dung dịch Wright-Giemsa cho Hệ thống kéo lam tự động được dùng để cố định và nhuộm phân biệt các cấu trúc tế bào máu và tủy xương Thành phần: tối thiểu gồm May-Grünwald	mL	22.500	
1258	Dung dịch đệm PH 6.8 cho máy kéo, nhuộm lam SP	Dung dịch đệm cho Hệ thống kéo lam tự động Thành phần: tối thiểu gồm Potassic mono phosphate, Anhydrous disodic phosphate	ml	9.000	
1259	Ống nghiệm chân không chống đông Sodium citrate 3,2% 1,8ml vô trùng, Có vạch chỉ thị lượng máu tối thiểu cần lấy để đảm bảo tỷ lệ giữa máu và chất chống đông là 9:1	Ống nghiệm chân không chống đông Sodium citrate 3,2% 1,8ml vô trùng, Có vạch chỉ thị lượng máu tối thiểu cần lấy để đảm bảo tỷ lệ giữa máu và chất chống đông là 9:1. Chất liệu nhựa PP/PET. Có ký hiệu giúp hỗ trợ định hướng vị trí dán nhãn phụ	Ống	87.000	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1260	Ống nghiệm chân không EDTA K2 2ml vô trùng, phụ gia EDTA phun khô trên thành ống	Ống nghiệm chân không EDTA K2 2ml vô trùng, phụ gia EDTA phun khô trên thành ống. Có ký hiệu giúp hỗ trợ định hướng vị trí dán nhãn phụ	Ống	345.000	
1261	Ống nghiệm chân không Lithium Heparin 4ml vô trùng, phụ gia Lithium Heparin phun khô trên thành ống	Ống nghiệm chân không Lithium Heparin 4ml vô trùng, phụ gia Lithium Heparin ($\leq 17\text{IU/ml}$) phun khô trên thành ống. Có ký hiệu giúp hỗ trợ định hướng vị trí dán nhãn phụ	Ống	345.000	
1262	Ống PCR, 0.2 mL	Ống PCR bằng polypropylen có nắp phẳng, Thể tích $\geq 0.2\text{ml}$, chịu nhiệt	Cái	9.000	X
1263	Phiến kính 24x60mm	Phiến kính dùng làm tiêu bản tế bào kích thước 24x60 (+/- 2) mm	Cái	2.600	
1264	Ống đựng mẫu nước tiểu 100x16mm có nắp, kèm ly lấy nước tiểu	Ống đựng mẫu nước tiểu có nắp - Chất liệu bằng nhựa PS trong suốt - Kích cỡ: 100x16 (+/- 2) mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA	Cái	756.000	
1265	Đầu tip hai lớp lọc 0.5-20 μL	- Chiều dài: $\geq 53\text{mm}$ - Có 2 lớp lọc với các kích thước lỗ lọc khác nhau giúp chống nhiễm cho cả pipet và mẫu. Gồm 2 lớp kỵ nước giữ lại 100% các aerosols và các phân tử sinh học. - Có giấy chứng nhận hiệu quả của lớp lọc theo tiêu chuẩn EN 29463. - Không chứa các chất ức chế phản ứng PCR. - Đạt tiêu chuẩn PCR clean, tiết khuẩn và không chứa nội độc tố (pyrogen-free) - Dung tích 0.5-20 μL	Cái	1.920	
1266	Đầu tip 2 lớp lọc 50 – 1000 μL	- Chiều dài: $\geq 76\text{mm}$ - Có 2 lớp lọc với các kích thước lỗ lọc khác nhau giúp chống nhiễm cho cả pipet và mẫu. Gồm 2 lớp kỵ nước giữ lại 100% các aerosols và các phân tử sinh học. - Có giấy chứng nhận hiệu quả của lớp lọc theo tiêu chuẩn EN 29463. - Không chứa các chất ức chế phản ứng PCR. - Đạt tiêu chuẩn PCR clean, tiết khuẩn và không chứa nội độc tố (pyrogen-free) - Dung tích 50-1000 μL	Cái	26.880	
1267	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50ml có thìa	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm không tiết khuẩn - Dung tích: 40-50ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không	Cái	3.700	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Đặc điểm: có nhãn ghi thông tin mẫu bệnh phẩm, có nắp đậy, có thìa lấy mẫu phân bên trong gắn với nắp đậy. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE			
1268	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 100-120ml	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm - Dung tích 100-120ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong, có nhãn, nắp màu trắng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE	Cái	4.152	
1269	Ống nghiệm Serum, nắp đỏ	Ống nghiệm chứa máu có hạt nhựa Polystyren bên trong dùng tách huyết thanh. - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm - Dung tích tối đa 6 ml - Chất liệu: nhựa PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu đỏ - Tiêu chuẩn ISO 13485/ FDA/ CE	Cái	187.500	
1270	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50ml	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm không tiết khuẩn - Dung tích: 40-50ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE	Cái	13.800	
1271	Ống nghiệm 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa. - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6ml - Chất liệu nhựa PS trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu trắng - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE	Cái	149.500	
1272	Ống nghiệm chimigly 2ml, nắp xám	Ống nghiệm GLucose chứa máu có chất chống đông Li Heparin và NaF dùng cho xét nghiệm đường huyết. - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5)mm. - Dung tích tối đa 6ml - Chất liệu nhựa PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu xám - Tiêu chuẩn: FDA/ CE/ ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	31.200	
1273	Ống nghiệm Trisodium Citrate 3,8%, 2ml	Ống nghiệm chứa máu có chất chống đông citrate 3.8%, dùng cho xét nghiệm đông máu. - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2)mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6ml.	Cái	21.600	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Chất liệu nhựa PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu xanh lá. - Tiêu chuẩn: FDA/ CE/ ISO 13485 hoặc tương đương.			
1274	Ống nghiệm EDTA nắp cao su 1ml → 2ml	- Ống nghiệm chứa máu có chất kháng đông EDTA K2, dùng cho xét nghiệm công thức máu, HbA1C - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6ml. - Chất liệu nhựa PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp nhựa bọc cao su mềm màu tím - Tiêu chuẩn: FDA/ CE/ ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	127.200	
1275	Ống nghiệm chứa chất kháng đông Heparin lithium, 2ml (nắp đen, nắp trắng)	- Ống nghiệm chứa máu có chất chống đông Lithium Heparin dùng cho xét nghiệm Ion đồ và miễn dịch - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6ml. - Chất liệu nhựa PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu đen hoặc trắng - Tiêu chuẩn: FDA/ CE/ ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	208.800	
1276	Lọ đựng bệnh phẩm 55-60 ml	- Lọ đựng bệnh phẩm. - Dung tích tối đa 60ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không lẫn tạp chất, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ. - Tiêu chuẩn: FDA/ CE/ ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	34.200	
1277	Ống nghiệm chân không chứa hoạt chất KF + Na2 EDTA 2ml, ức chế đường phân	- Ống lấy máu chất liệu nhựa PET, không chứa DEHP. - Nút chặn ống nghiệm bằng cao su butyl và nắp nhựa PE được cấp bằng sáng chế hoa kỳ. - Chứa hoạt chất KF + Na2 EDTA dạng phun sương, chống đông máu, đồng thời ức chế tốc độ phân hủy đường. - Ống nghiệm vô trùng bằng tia chiếu xạ Gamma, được kiểm tra bằng phương pháp vi sinh theo tiêu chuẩn ISO 11737 - Nguyên liệu thô được sử dụng đều không độc hại, được chứng nhận trong y tế và thực phẩm, theo chỉ thị của Châu Âu và FDA (Hoa kỳ) - Có chứng chỉ CE, ISO 13485 - Thẻ tích lấy mẫu: 2ml, kích thước 13x75mm	Ống	51.750	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1278	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Sodium Citrate 1,8ml	- Ống lấy máu chất liệu nhựa PET, không chứa DEHP. - Nút chặn ống nghiệm bằng cao su butyl và nắp nhựa PE được cấp bằng sáng chế hoa kỳ. - Thành ống dày cho phép nâng cao mức máu trong lòng ống. - Dán nhãn bằng nhựa Plastic được cấp bằng sáng chế, đảm bảo tỉ lệ chính xác giữa thể tích lấy mẫu và chất chống đông cho đến khi hết hạn sử dụng của ống nghiệm. - Chứa chất chống đông Sodium Citrate 3,2% 0,2ml - Ống nghiệm vô trùng bằng tia chiếu xạ Gamma, được kiểm tra bằng phương pháp vi sinh theo tiêu chuẩn ISO 11737 - Nguyên liệu thô được sử dụng đều không độc hại, được chứng nhận trong y tế và thực phẩm, theo chỉ thị của Châu Âu và FDA (Hoa kỳ) - Có chứng chỉ CE, ISO 13485 - Thể tích lấy mẫu: 1,8ml, kích thước 13x75mm	Cái	90.000	
1279	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2ml	- Ống lấy máu chất liệu nhựa PET, không chứa DEHP. - Nút chặn ống nghiệm bằng cao su butyl và nắp nhựa PE được cấp bằng sáng chế hoa kỳ. - Chứa 3,6mg chất chống đông K2 EDTA dạng phun sương - Ống nghiệm vô trùng bằng tia chiếu xạ Gamma, được kiểm tra bằng phương pháp vi sinh theo tiêu chuẩn ISO 11737 - Nguyên liệu thô được sử dụng đều không độc hại, được chứng nhận trong y tế và thực phẩm, theo chỉ thị của Châu Âu và FDA (Hoa kỳ) - Có chứng chỉ CE/ FDA/ ISO 13485 - Thể tích lấy mẫu: 2ml, kích thước 13x75mm	Cái	1.294.000	
1280	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4ml, nắp màu hồng	- Ống lấy máu chất liệu nhựa PET, không chứa DEHP. - Nút chặn ống nghiệm bằng cao su butyl và nắp nhựa PE được cấp bằng sáng chế hoa kỳ. - Chứa chất chống đông Lithium Heparin máu dạng phun sương với nồng độ khoảng 687 I.U - Ống nghiệm vô trùng bằng tia chiếu xạ	Cái	1.122.000	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Gamma, được kiểm tra bằng phương pháp vi sinh theo tiêu chuẩn ISO 11737 - Nguyên liệu thô được sử dụng đều không độc hại, được chứng nhận trong y tế và thực phẩm, theo chỉ thị của Châu Âu và FDA (Hoa kỳ) - Có chứng chỉ CE/ ISO 13485/ FDA - Thể tích lấy mẫu: 4ml, kích thước 13x75mm			
1281	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2ml	- Ống lấy máu chất liệu nhựa PET, không chứa DEHP. - Nút chặn ống nghiệm bằng cao su butyl và nắp nhựa PE được cấp bằng sáng chế hoa kỳ. - Chứa chất chống đông Lithium Heparin máu dạng phun sương với nồng độ khoảng 34 I.U - Ống nghiệm vô trùng bằng tia chiếu xạ Gamma, được kiểm tra bằng phương pháp vi sinh theo tiêu chuẩn ISO 11737 - Nguyên liệu thô được sử dụng đều không độc hại, được chứng nhận trong y tế và thực phẩm, theo chỉ thị của Châu Âu và FDA (Hoa kỳ) - Có chứng chỉ CE/ ISO 13485/ FDA - Thể tích lấy mẫu: 2ml, kích thước 13x75mm	Cái	1.091.000	
1282	Ống nghiệm chân không EDTA K2 6ml vô trùng, phụ gia EDTA K2 10,8mg phun khô trên thành ống, cỡ 13x100mm	Dung dịch chất chống đông: EDTA dạng phun khô trên thành ống. - Thể tích lấy mẫu chân không: 6ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 100 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng theo phương pháp tiệt trùng bằng tia Gamma - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/ FDA	Cái	14.000	
1283	Đầu tip vàng có khóa, 1-200 µL	Đầu tip vàng có khóa - Dung tích: 1-200 µL - Đóng gói trong các túi polyetylen có thể khóa lại được.	Cái	138.000	
1284	Đầu tip xanh 1-1000 ul	Đầu tip xanh bằng polyetylen, dung tích 1-1000 µl	Cái	16.000	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thiết kế tương thích với tất cả các micropipet			
1285	Ống nghiệm Serum 0,5ml, dung tích lấy máu 250 -500 μ L	Ống nghiệm Serum 0,5 mL vô trùng, dung tích lấy máu 250 - 500 μ L. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ FDA/ CE	Cái	800	
1286	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin 0.5ml vô trùng	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin 0,5 mL vô trùng, dung tích lấy máu 250 - 500 μ L, - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA	Cái	800	
1287	Ống nghiệm lấy máu EDTA K2 0,5ml vô trùng	Ống nghiệm lấy máu EDTA K2 0,5 mL vô trùng, dung tích lấy máu 250 - 500 μ L, - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA	Cái	800	
1288	Holder kết nối nửa ống nghiệm chân không và kim lấy máu chân không, sử dụng nhiều lần	Holder kết nối giữa ống nghiệm chân không và kim lấy máu chân không, sử dụng nhiều lần, đầu có gen xoáy và có nút bấm hủy kim an toàn - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA	Cái	29.500	
1289	Kim lấy máu chân không 22G x 1 1/2", đốc đục, phủ silicone	Kim lấy máu chân không đốc đục cỡ 22G x 1,5 inch, phủ silicone - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE/ FDA	Cái	603.500	
1290	Ống nghiệm chân không glucose 2ml	Ống lấy máu chân không glucose vô trùng, chất liệu PET, phụ gia NaF 5 mg và potassium oxalate 4 mg phun khô trên thành ống. - Kích thước: 13x75 (+/- 2) mm - Chất liệu: Nhựa PET - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO 13485/ FDA/ CE	Cái	48.300	
1291	Ống siêu ly tâm 1.5-2 mL, nhiều màu	Ống siêu ly tâm này được làm bằng polypropylen tự nhiên (trong suốt) và không có RNase- / DNase - Thể tích 1.5-2 ml - Bề mặt nắp phẳng để dán nhãn thuận tiện - Chịu được RCF tối đa 17.000xg	Cái	2.000	
1292	Dầu soi kính hiển vi	Chỉ số khúc xạ (n 20 / D): 1.515 - 1.517 Mật độ (d 20 ° C / 4 ° C): 1.0245 - 1.0265 Truyền (380nm; 1 cm): $\geq 65\%$ Truyền (400nm; 1 cm): $\geq 78\%$ Truyền (450nm; 1 cm): $\geq 90\%$ Huỳnh quang (như quinine ở 365nm): ≤ 1500 ppb Độ nhớt (20 ° C): 100 - 120 mPa.s	mL	2.500	
1293	Thuốc nhuộm Wright	Tỷ trọng: $\geq 0,80$ g/cm ³ (20 °C) Giới hạn nổ 5,5 - 44% (V) Metanol Điểm chớp cháy $\geq 9,7$ ° C Metanol Nhiệt độ bốc cháy ≥ 420 ° C Metanol	mL	1.000	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Giá trị pH: 7-8 (H ₂ O, 20 ° C)			
1294	Methanol	Methanol dùng để cố định lam	mL	120.500	
1295	Ống PCR, 0.2 mL dạng strip	Tube PCR xếp thành 8 cái/strip, bằng polypropylen trong suốt có nắp trong, phẳng hoặc cong Thể tích ≥ 0.2ml, chịu nhiệt, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, vô trùng.	cái	25.000	
1296	NaOH tinh khiết	- Độ tinh khiết NaOH ≥ 96% - Dạng rắn - Là hóa chất thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm cho mẫu đàm	chai	2	
1297	N-acetyl L – cysteine	- Độ tinh khiết ≥ 99% - Dạng rắn - Là hóa chất thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm cho mẫu đàm	chai	2	
1298	Dung dịch PBS 1X	thành phần: dung dịch đệm muối phosphate, dùng để vận chuyển, bảo quản mẫu tế bào cho xét nghiệm sinh học phân tử	chai	13	
1299	Kim bướm lấy máu chân không có khóa an toàn	- Kim bướm lấy máu chân không, vô trùng. - Kim phủ silicone. - Cỡ 23G - Có khóa an toàn safety	cái	7.400	
1300	Cồng đo áp suất thâm thấu	Cồng đo 1,5ml, có nắp, có ngàm gắn khớp với máy đo	Cái	6.000	
1301	Ống nghiệm chân không serum 4ml vô trùng	Ống nghiệm chân không serum 4ml vô trùng, chứa phụ gia phun khô trên thành ống. Có ký hiệu giúp hỗ trợ định hướng vị trí dán nhãn phụ. Chất liệu nhựa PP hoặc PET	Ống	15.000	
1302	Đầu tip hai lớp lọc 0.1 – 10μL	- Chiều dài: ≥ 40mm - Có 2 lớp lọc với các kích thước lỗ lọc khác nhau giúp chống nhiễm cho cả pipet và mẫu. Gồm 2 lớp kỵ nước giữ lại 100% các aerosols và các phân tử sinh học. - Có giấy chứng nhận hiệu quả của lớp lọc theo tiêu chuẩn EN 1822-5 - Không chứa các chất ức chế phản ứng PCR. - Đạt tiêu chuẩn PCR clean, tiết khuẩn và không chứa nội độc tố (pyrogen-free) - Dung tích 0.1 – 10μL	Cái	25.920	
1303	Ống siêu ly tâm 1.5-2 mL, màu trắng	Ống siêu ly tâm này được làm bằng polypropylen tự nhiên (không màu) và không có RNase- / DNase, nắp trắng - Thể tích 1.5-2 ml - Autoclavable cho phép mở và đóng lặp	Cái	40.500	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		lại - Bề mặt nắp phẳng để dán nhãn thuận tiện - Chịu được RCF tối đa 17.000xg			
1304	Típ lọc (Filter Pipet Tip) 1-200 ul	Típ lọc có hàng rào polyetylen - Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, vô trùng - Dung tích 1 - 200 uL	Cái	48.960	
1305	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- C	- Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, định tuýp HLA lớp 1 loại HLA- C dựa trên kỹ thuật SSO bằng cách sử dụng các đầu dò oligonucleotide theo trình tự cụ thể trên các hạt bead. - Độ phân giải cao hơn với số lượng 500 thử nghiệm trong một mẫu. - Thành phần tối thiểu gồm có: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix, Các lọ dung dịch đệm - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	200	X
1306	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH V2	- PTH (1-84) Calset được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH (1- 84) trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch - Giá trị chuẩn định được mã hóa thành mã vạch hoặc mã vạch điện tử - Thành phần tối thiểu gồm: + PTH (1-84) Cal1: 2 chai, mỗi chai ≤ 1.0 ml mẫu chuẩn 1 + PTH (1-84) Cal2: 2 chai, mỗi chai ≤ 1.0 ml mẫu chuẩn 2 + PTH (peptide tổng hợp, người) với 2 khoảng nồng độ (<0.36 pmol/l hoặc <3.4 pg/ml và khoảng 58 pmol/L hoặc 550pg/ml) trong huyết thanh người; chất bảo quản	ml	4	X
1307	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	- Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. - Dạng dung dịch - Thành phần tối thiểu gồm: dung dịch đệm chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	ml	10	X
1308	Kit xét nghiệm miễn dịch dòng tế bào Lympho T	- Chứng nhận CE-IVD - Thuốc thử có chứa 4 loại kháng thể: + Kháng thể kháng CD 45 đánh dấu huỳnh quang FITC + Kháng thể kháng CD 3 đánh dấu huỳnh quang PC5 + Kháng thể kháng CD 4 đánh dấu	Test	150	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		huỳnh quang RD1 + Kháng thể kháng CD 8 đánh dấu huỳnh quang ECD			
1309	Kit xét nghiệm miễn dịch dòng tế bào Lympho B- NK	- Chứng nhận CE&IVD - Thuốc thử có chứa 4 loại kháng thể: + Kháng thể kháng CD 45 đánh dấu huỳnh quang FITC. + Kháng thể kháng CD 3 đánh dấu huỳnh quang PC5, dòng tế bào UCHT1. + Kháng thể kháng CD 56 đánh dấu huỳnh quang RD1, dòng tế bào N901/NKH-1. + Kháng thể kháng CD 19 đánh dấu huỳnh quang ECD, dòng tế bào J3-119	Test	150	X
1310	Dịch bao	Chứng nhận CE&IVD Dung dịch không ion, chất phát huỳnh quang và azide sử dụng cho hệ thống máy đếm tế bào dòng chảy	Lít	360	X
1311	Dung dịch rửa hệ thống máy đếm tế bào dòng chảy	Chất tẩy rửa không chứa azide và formaldehyde, chứa chất ly giải protein	mL	11.500	X
1312	Dung dịch rửa máy đếm tế bào dòng chảy định kỳ	Chứng nhận CE&IVD Thành phần tối thiểu có chứa các tác nhân rửa nonionic, dạng lỏng, màu trắng, trong suốt	Lít	9	X
1313	Hóa chất đếm số lượng tuyệt đối	- Chứng nhận CE&IVD - Thành phần bao gồm các cầu huỳnh quang polystyrene 10 µm (đường kính ước định) trong môi trường huyền phù dạng nước. - Mỗi cầu huỳnh quang chứa một chất nhuộm màu có phạm vi phát xạ huỳnh quang từ 525 nm đến 700 nm khi được kích thích ở 488 nm.	mL	40	X
1314	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy đếm tế bào dòng chảy	Chứng nhận CE&IVD Dung dịch bao gồm các hạt polystyrene kích thước 3 µm (đường kính danh nghĩa) được phân tán trong dung dịch có chứa chất diện hoạt và chất bảo quản với mật độ khoảng 1×10^6 fluorospheres/mL, bước sóng trong khoảng 515-800 nm, 640-800 nm và 400-500 nm khi bị kích thích ở bước sóng 488 nm, 633-638 nm và 405 nm	mL	60	X
1315	Dung dịch ly giải hồng cầu	Chứng nhận CE&IVD Dung dịch ly giải, thành phần chính là các amin vòng tương tác với enzyme carbonic anhydrase có sẵn trong hồng cầu tạo thành 1 hợp chất có khả năng ly giải mạnh	Test	300	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1316	Mẫu kiểm chuẩn bất thường cho xét nghiệm đếm tế bào lympho T-B-NK	Chứng nhận CE&IVD Là dung dịch chứa các tế bào hồng cầu và bạch cầu nguồn gốc từ người ở mức bất thường được ổn định trong dung dịch có chứa BSA	Test	360	X
1317	Mẫu kiểm chuẩn bình thường cho xét nghiệm đếm tế bào lympho T-B- NK	Chứng nhận CE&IVD Là dung dịch chứa các tế bào hồng cầu và bạch cầu nguồn gốc từ người ở mức bình thường được ổn định trong dung dịch có chứa BSA.	Test	360	X
1318	Chất ly giải hồng cầu	Chứng nhận CE&IVD Phù hợp với mẫu máu/ tủy. Thành phần tối thiểu có chứa NH4Cl	Test	300	X
1319	Chất ổn định tế bào	Chứng nhận CE&IVD Thành phần tối thiểu gồm có dung dịch có chứa Formaldehyde	Test	300	X
1320	Kháng thể CD19 gắn chất phát huỳnh quang ECD	- Chứng nhận CE&IVD - Kháng thể kháng CD19 đánh dấu huỳnh quang ECD, dòng tế bào J3-119, tế bào lai NS1 x balb/c. - Tác nhân miễn dịch: SKLY18 (Lymphoma cells)	Test	3.150	X
1321	Kháng thể CD45 gắn chất phát huỳnh quang PC7	- Chứng nhận CE&IVD - Kháng thể kháng CD45 đánh dấu huỳnh quang PC7, dòng tế bào J33, tế bào lai NS1 x balb/c. - Tác nhân miễn dịch: dòng tế bào Laz 221.	Test	3.150	X
1322	Ống nghiệm chuẩn bị mẫu dùng cho máy xét nghiệm đếm tế bào dòng chảy	Ống nhựa Polypropylene 12 x 75 mm ± 0.5 mm. Phù hợp với hệ thống xét nghiệm tế bào dòng chảy hoặc tương đương	Ống	3.750	X
1323	Hóa chất rửa tế bào Lymphocyte B trong xét nghiệm độ chéo	PBS/Citrate là thuốc thử sử dụng trong phương pháp phân lập FluoroBeads®-B- tách tế bào lympho B khỏi máu bằng cách sử dụng thanh từ. - Thuốc thử PBS/Citrate chứa tối thiểu gồm: axit citric, Na3 citrate, PBS	mL	1.000	X
1324	Chứng dương kháng thể IgG kháng Lymphocyte trong xét nghiệm độ chéo	- Bộ chứng Anti Lymphocyte loại IgG sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Dùng để phát hiện khả năng phản ứng bỏ thể - Chất chứng kháng tế bào lympho là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho ở người và không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tiểu cầu và hồng cầu	mL	5	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1325	Chứng dương kháng thể IgM kháng Lymphocyte trong xét nghiệm độ chéo	- Bộ chứng Anti Lymphocyte loại IgM sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Dùng để phát hiện khả năng phản ứng bỏ thể - Chất chứng kháng tế bào lympho là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho ở người và không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tiểu cầu và hồng cầu	mL	5	X
1326	Chứng dương kháng thể IgG kháng Lymphocyte T cho xét nghiệm độ chéo	- Bộ chứng Anti T Lymphocyte loại IgG sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Bộ chứng tế bào lympho kháng T được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho T. - Chất kiểm soát tế bào lympho chống T là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho T mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tế bào lympho B, tiểu cầu và hồng cầu.	mL	5	X
1327	Chứng dương kháng thể IgM kháng Lymphocyte T cho xét nghiệm độ chéo	- Bộ chứng Anti T Lymphocyte loại IgM sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Bộ chứng tế bào lympho kháng T được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho T. - Chất kiểm soát tế bào lympho chống T là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho T mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tế bào lympho B, tiểu cầu và hồng cầu.	mL	5	X
1328	Chứng dương kháng thể IgM kháng Lymphocyte B cho xét nghiệm độ chéo	- Bộ chứng Anti B Lymphocyte loại IgM sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Bộ chứng được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho B. - Anti-B lymphocyte control là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho B mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, tế bào lympho T, tiểu cầu, bạch cầu đơn nhân và hồng cầu	mL	5	X
1329	Chứng dương kháng thể IgG kháng Lymphocyte B cho xét nghiệm	- Bộ chứng Anti B Lymphocyte loại IgG sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Bộ chứng tế bào kháng B được sử	mL	5	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	độ chéo	dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho B. - Anti- B lymphocyte control là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho B mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, tế bào lympho T, tiểu cầu, bạch cầu đơn nhân và hồng cầu			
1330	Thuốc nhuộm huỳnh quang Acridine Orange và Ethidium Bromide	- Thuốc nhuộm huỳnh quang và cố định tế bào lympho. - Thành phần tối thiểu bao gồm hỗn hợp thuốc thử để tạo điều kiện thuận lợi cho các tế bào đánh giá dưới kính hiển vi và kéo dài thời gian lưu trữ. - Được sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng.	mL	500	X
1331	Thuốc thử phân lập tế bào T	- Hóa chất phân lập tế bào lympho T khỏi máu bằng cách sử dụng thanh từ, sử dụng trong các xét nghiệm độc tế bào bằng thuốc nhuộm huỳnh quang - Sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng - Hạt từ tính miễn dịch có đường kính nhỏ hơn 1 micron - Các kháng thể đơn dòng kháng CD2 kết hợp với bề mặt hạt liên kết đặc hiệu với thụ thể E-rosette trên tế bào lympho T - Kháng thể đơn dòng có nguồn gốc từ chuột, lơ lửng trong PBS với chất ổn định và Natri azide làm chất bảo quản - Hiệu suất phân lập hơn 90% tế bào T CD2+ trong 1 ml máu toàn phần	Lọ	10	X
1332	Thuốc thử phân lập tế bào B	- Hóa chất phân lập tế bào lympho B bằng cách sử dụng thanh từ. - Sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. - Có các hạt siêu thuận từ được kết hợp với kháng thể đơn dòng kháng CD19 và lơ lửng trong BSA/PBS với NaN3 làm chất bảo quản. - Kháng thể đơn dòng có nguồn gốc từ chuột. - Hiệu suất phân lập hơn 90% tế bào CD19+ B trong lớp đệm từ 10 ml máu toàn phần.	Lọ	10	X
1333	Bồ thể thô lớp 1 dùng trong xét nghiệm độ chéo	- Sử dụng trong các xét nghiệm độc tế bào phụ thuộc bồ thể để xác định kháng nguyên bề mặt tế bào HLA Lớp I. - Thành phần tối thiểu gồm có: bồ thể	mL	30	X



TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		thỏ lớp I, HLA-A,B,C đông khô cho xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng.			
1334	Bỏ thể thỏ lớp 2 dùng trong xét nghiệm độ chéo	- Sử dụng trong các xét nghiệm độc tế bào phụ thuộc bỏ thể để xác định kháng nguyên bề mặt tế bào HLA Lớp I. - Thành phần tối thiểu gồm có: bỏ thể thỏ lớp I, HLA-A,B,C đông khô cho xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng	mL	30	X
1335	Chứng âm cho xét nghiệm độ chéo	- Được sử dụng để xác định sự chết của tế bào nền. - Là huyết thanh người từ những người hiến tặng nam giới chưa từng truyền máu có nhóm máu AB âm tính	mL	5	X
1336	Hóa chất ổn định tế bào Phosphate Buffered Saline cho xét nghiệm độ chéo	- Hóa chất ổn định tế bào, pH 7.2. - Thành phần tối thiểu: Sodium chloride, 150 mM, và sodium phosphate, 150 mM. - Đóng gói: dạng viên nén.	viên	100	X
1337	Hóa chất phục hồi tế bào lympho sống cho xét nghiệm độ chéo	- Dung dịch bao gồm polysucrose và sodium diatrizoate, được điều chỉnh đến nồng độ 1,077g/mL. - Được sử dụng cho phân lập các tế bào đơn nhân máu ngoại vi và tế bào đơn nhân tủy xương; phân lập tế bào lympho người. - Đã được lọc vô trùng, thử nghiệm nội độc tố endotoxin. Dùng trong nghiên cứu, thử nghiệm huyết, mô học.	mL	2.500	X
1338	Khay Terasaki cho xét nghiệm độ chéo	Khay Terasaki cho xét nghiệm độ chéo, khay 72 giếng.	khay	400	X

Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất: đối với các danh mục có đánh dấu "X": Nhà thầu (hoặc bên thứ ba có thỏa thuận với nhà thầu) cung cấp đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, bao gồm cả hóa chất, vật tư dùng để thẩm định trước khi đưa vào sử dụng và tập huấn sử dụng, chuyển giao kỹ thuật liên quan đến hàng hóa trúng thầu khi sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và có đầy đủ tài liệu pháp lý của dụng cụ, thiết bị hỗ trợ (nếu có) để đưa vào sử dụng tại Bệnh viện.